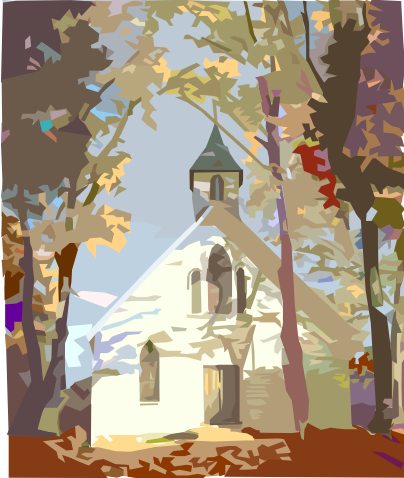


Mark Link S.J

Vnthuquan.net, 2009.

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

LM. Trần Đình Nhi, Chuyên Ngữ



Lời Giới Thiệu Của Dịch Giả

Từ mùa hè năm 1989, chúng tôi bắt đầu sinh hoạt với nhóm Linh Thao Hy Vọng tại Virginia, Hoa-kỳ. Qua những buổi chia sẻ Lời Chúa và cảm nghiệm sống đức tin, mọi người đều nhận thấy một nhu cầu cấp bách là cần phải cập nhật hóa kiến thức giáo lý. Anh chị em trong nhóm nhờ chúng tôi tìm kiếm một tài liệu giáo lý thích hợp cho họ và muốn chúng tôi chuyển sang Việt ngữ cho dễ hiểu hơn. Đáp lời và với chút kinh nghiệm sinh hoạt trong Ban Giáo lý Việt Nam tại Hoa-kỳ, chúng tôi chọn bộ The Catholic Vision của cha Mark Link, S.J., một linh mục dòng Tên và chuyên môn về tu đức và giáo lý.

Khi chuyển ngữ, về các trích dẫn Kinh Thánh, đầu tiên chúng tôi đã sử dụng bản dịch của cha Nguyễn Thế Thuấn, DCCT. Nhưng sau đó, chúng tôi đã cố gắng thay thế những trích dẫn trước đây bằng bản dịch mới của Nhóm

Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Có thể còn những sơ sót, chúng tôi sẽ cố gắng điều chỉnh lại sau này.

Về nội dung của tập Giáo lý, tất cả có 31 bài, chia làm 4 phần chính.

PHẦN THỨ I : Khái quát

- Bài 1: Cuộc hành trình đức tin
- Bài 2: Thánh Truyền và Kinh Thánh
- Bài 3: Đấng Tạo Dựng - Chúa Cha
- Bài 4: Đấng Cứu Chuộc - Chúa Con
- Bài 5: Đấng Thánh Hóa - Chúa Thánh Thần
- Bài 6: Những mô thức về Hội Thánh
- Bài 7: Phụng vụ và Năm Phụng vụ
- Bài 8: Sự chết và Ngày tận thế

PHẦN THỨ II : Mặc khải

- Bài 9: Câu chuyện Tạo dựng
- Bài 10: Câu chuyện Hủy tạo
- Bài 11: Câu chuyện Tái tạo dựng
- Bài 12: Đức Giê-su giáng sinh
- Bài 13: Đức Giê-su chuẩn bị sứ vụ
- Bài 14: Đức Giê-su thi hành sứ vụ
- Bài 15: Đức Giê-su chết và phục sinh
- Bài 16: Công Vụ Tông Đồ
- Bài 17: Các Thư và sách Khải Huyền

PHẦN THỨ III : Phụng tự

- Bài 18: Bí tích
- Bài 19: Bí tích Rửa tội
- Bài 20: Bí tích Thêm sức
- Bài 21: Phụng vụ Lời Chúa

- Bài 22: Phụng vụ Thánh Thể
Bài 23: Bí tích Hòa giải
Bài 24: Bí tích Xức dầu Bệnh nhân
Bài 25: Bí tích Hôn phối
Bài 26: Bí tích Truyền chức thánh

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

- Bài 27: Cầu nguyện cá nhân
Bài 28: Luân lý Ki-tô giáo
Bài 29: Quyết định luân lý
Bài 30: Gương mẫu: Đức Ma-ri-a và Các Thánh
Bài 31: Tiếp tục cuộc hành trình.

Sau đây, chúng tôi xin ghi lại những lời giới thiệu của cha Mark Link về tập sách của ngài.

Cuốn phim *The Heart Is a Lonely Hunter* có một cảnh rất cảm động. Một cô bé đang nghe đĩa nhạc, với một người bạn bị điếc bên cạnh. Được một lúc, cô bé cố gắng diễn tả cho người bạn hiểu âm nhạc như thế nào.

Cô đứng trước mặt anh bạn để anh có thể đọc được những cử động của đôi môi cô. Cô làm cả những cử động thân thể và đôi tay nữa.

Nhưng sau một hồi, hai người bạn cùng bật cười và chịu thua không hiểu nhau được. Họ biết rằng cố gắng diễn tả âm nhạc cho một người điếc chẳng khác gì diễn tả màu sắc cho một người mù. Gần như không thể được.

Cái nhìn đức tin Ki-tô giáo cũng giống như vậy. Cố gắng biểu lộ cái nhìn ấy bằng ngôn ngữ cũng tựa như diễn tả âm thanh hoặc màu sắc. Lấy một ví dụ khác cho dễ hiểu, làm như vậy cũng tựa như cố nắm bắt ánh trăng vào

lòng bàn tay hay như cổ thu lấy tiếng chim hót đem tặng một người thân vậy.

Cái nhìn đức tin Ki-tô giáo không phải là một mớ những quy luật phải theo, nhưng là tinh thần người ta phải nắm giữ. Không phải là một bộ tín điều phải thuộc lòng, nhưng là một cuộc sống phải thể hiện. Không phải là một cuốn sách để đọc và nắm vững nội dung, nhưng là một con người để gặp gỡ và để yêu mến.

Sau ba mươi năm trong môi trường giáo lý, chúng tôi xác tín rằng một trong những hồng ân lớn lao nhất do Chúa Thánh Thần ban cho cộng đồng Ki-tô, đó là tái lập Nghi thức Dẫn nhập Ki-tô giáo dành cho người lớn (The Rite of Christian Initiation of Adults, hoặc gọi tắt là RCIA). Chúng tôi nhận thấy Chúa Thánh Thần hoạt động trong Nghi thức này đến nỗi không có một phương thức nào khác hơn có thể sánh được để truyền đạt đức tin.

Tập giáo lý ngắn gọn này, gồm những chương tách rời nhau, chính là do kinh nghiệm từ Nghi thức ấy mà thành hình. Các bài được chủ ý trình bày ngắn gọn, bởi chương trình giáo lý dự tòng là dành cho những người xuất thân từ những cộng đồng đức tin khác nhau và có những cảm nhận đức tin khác nhau. Cho nên ngắn gọn sẽ giúp người ta dễ chú tâm vào hình ảnh quan trọng nhất, chứ không làm cho hình ảnh ấy nhòe nhạt vì đi quá sâu vào những chi tiết và sắc thái tỉ mỉ.

Các chương (bài) được để rời giúp cho việc hướng dẫn và học hỏi được uyển chuyển tối đa, và đó là một yếu tố quan trọng của chương trình giáo lý dự tòng. Mỗi chương (bài) đứng riêng biệt. Do đó, nếu muốn người ta có thể phát cho học viên mỗi lần một bài. Quan trọng hơn nữa, các bài có thể đảo lộn thứ tự, làm sao cho hợp với tinh thần phụng vụ của các bài đọc Chúa Nhật. Đồng thời thứ tự các bài vẫn có thể giúp các học viên tìm lại dễ dàng bài nào mình cần đến trong một tập bìa lưu trữ.

Vậy mục đích của tập giáo lý tân tông The Catholic Vision (Nhìn theo đức tin Công Giáo) là để thông đạt "những điều cơ bản thuộc đức tin" qua một cái nhìn nhất quán về đức tin được nảy sinh từng bước một trong suốt chương trình của Nghi thức Dẫn nhập Ki-tô giáo dành cho người lớn.

Chúng tôi chủ trương để rời từng bài là để học viên có thể đọc theo tinh thần cầu nguyện, đánh dấu những chỗ quan trọng, trước khi họ đến mỗi lớp học của chương trình giáo lý dự tông.

Tại lớp học, chúng tôi nhắm hai điều: (1) giúp học viên nắm vững những điểm chính, và (2) chia sẻ kinh nghiệm sống đức tin.

Để giúp giáo lý viên hướng dẫn học viên nắm được những điểm chính, một tập Hướng dẫn trình bày cái nhìn theo đức tin Công Giáo đã được soạn sẵn. Vai trò của giáo lý viên là làm "chứng nhân" hơn là "người dạy". Vai trò ấy đã được nói đến trong tập Hướng dẫn.

Để giúp cho việc "chia sẻ đức tin" hữu hiệu, có những câu hỏi gợi ý ở đầu bài và cuối bài.

Riêng tôi, xin hết lòng cảm ơn và nhìn nhận những đóng góp của nhiều anh chị em cho tập giáo lý Nhìn theo đức tin Công Giáo, từ những thần học gia nổi tiếng cho đến những giáo lý viên khiêm tốn, tất cả đều có những đóng góp to lớn. Những vị này đều biết họ là ai. Chúa biết tất cả chúng ta đang phục vụ, và đó mới là điều đáng kể.

Phục Sinh 1989

Mark Link, S.J.

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 1

Cuộc hành trình đức tin

Trước khi đọc bài này, bạn hãy suy nghĩ và trả lời hai câu hỏi sau:

1. Trong đời tôi, lúc nào đó tôi đã cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa một cách đặc biệt, đó là khi...
2. Một số lý do tại sao tôi muốn học hỏi thêm về đức tin Công giáo, đó là...

CUỘC HÀNH TRÌNH ĐẾN VỚI THIÊN CHÚA

Vào thập niên 1960, Paul Stookey nổi tiếng với nhóm tam ca "Peter, Paul, and Mary." Ít có thánh giả hâm mộ biết được Stookey đã trải qua một cuộc đời trong những năm này. Dù thành công, nhưng anh đã cảm nghiệm một cơn đói thiêng liêng.

Rồi một ngày cơn đói đã trở nên trầm trọng đến nỗi anh phải đến cầu cứu ca sĩ Bob Dylan. Sau này Stookey phát biểu người thực sự biết được thiêng liêng nghĩa là gì thì đó phải là Dylan. Stookey và Dylan đã nói chuyện với nhau thật lâu. Dylan đưa ra hai đề nghị.

Đề nghị thứ nhất, anh bảo Stookey hãy trở về thăm ngôi trường trung học cũ của mình, hãy đi hết các dãy hành lang của trường và hãy tìm lại nguồn gốc của mình. Thứ hai, anh xin Stookey hãy bắt đầu đọc Kinh Thánh, nhất là Tân Ước.

Stookey làm theo lời khuyên của Dylan. Anh bắt đầu mang theo bên mình cuốn Kinh Thánh. Sau này anh bảo cuốn Kinh Thánh tựa như người anh em của anh. Rồi dần dần một điều gì đó bắt đầu xảy đến. Trong một cuộc phỏng vấn, Stookey đã giải thích rằng anh bắt đầu khám phá thấy mọi chân lý anh đi tìm đều tiềm tàng trong cuộc đời Đức Giê-su. Stookey hứng khởi với khám phá của mình. Anh đã biết Đức Giê-su là gương mẫu, nhưng anh vẫn chưa nhận ra Ngài là Con Thiên Chúa.

Thế rồi một buổi tối kia anh trình diễn tại Austin, Texas. Có một thanh niên đã vào hậu trường và bắt đầu nói với anh về Đức Giê-su. Hết sức giản dị, chàng thanh niên đã chia sẻ với Stookey những gì anh hiểu về Đức Giê-su. Rồi điều gì xảy ra sau đó thật khó diễn tả được. Stookey kể rằng anh bắt đầu cùng với chàng thanh niên cầu nguyện, xin phó thác đời anh cho Đức Giê-su. Rồi cả hai cùng nức nở khóc.

Tối hôm đó ơn sủng Chúa đã đánh động Paul Stookey. Anh còn cả một con đường dài để đi, và anh cũng có thể vấp ngã trên cuộc hành trình ấy. Nhưng ơn sủng đã biến đổi anh một cách kỳ diệu. Sau này anh nói dù chúng ta có xin Chúa nắm lấy mạng sống chúng ta thì chúng ta vẫn có thể vượt trở lại với trần gian và với lối sống của nó.

Câu truyện đức tin của Paul Stookey vừa hứng thú lại vừa dạy chúng ta

một bài học. Hứng thú vì nó thúc giục chúng ta hãy theo gương anh. Dạy một bài học vì nó cho chúng ta một cái nhìn về những gì diễn tiến trong một cuộc hành trình đức tin như vậy. Chúng ta biết cuộc hành trình đức tin có nghĩa là:

- * mở lòng đón nhận ơn sủng Chúa,
- * đến với người khác để xin họ giúp đỡ mình,
- * lắng nghe lời Chúa,
- * cầu nguyện với Chúa,
- * cảm nghiệm những thắng trận.

Giờ đây chúng ta hãy xét từng điểm một.

MỞ LÒNG ĐÓN NHẬN ƠN SỦNG CHÚA

Mỗi hành trình đức tin là một công cuộc của ơn sủng. Hành trình bắt đầu với lời gọi của Chúa. Lời gọi này có thể mang nhiều hình thức. Nó có thể là một cơn đói thiêng liêng sâu đậm, giống như trường hợp của Stookey. Hoặc có thể do một người bạn hay người vợ hoặc chồng. Dù mang hình thức nào thì lời gọi của Thiên Chúa cũng không phải là những gì chúng ta hoàn toàn xứng đáng lãnh nhận. Chúng ta không thể làm gì để bắt buộc Chúa phải gọi chúng ta, mà chúng ta chỉ cần biết mở lòng đón nhận lời gọi ấy. Lời gọi ấy là một quà tặng. Đó là hoàn toàn do ơn sủng.

Một khi đã bắt đầu, cuộc hành trình đức tin sẽ tiếp diễn như một tiến trình lần hồi, một tiến trình trở về. Thiên Chúa dẫn chúng ta đi từng bước một, từ nơi Ngài gặp chúng ta tiến tới nơi Ngài muốn chúng ta đến. Thiên Chúa đồng hành với chúng ta trong từng chặng đường. Ngài soi sáng nẻo đường chúng ta đi khi đường tối. Ngài làm tinh thần chúng ta phấn khởi khi tâm hồn chúng ta mệt mỏi. Ngài đỡ chúng ta dậy khi chúng ta vấp ngã. Ơn sủng của Chúa bao bọc chúng ta từng gang tấc trên cuộc hành trình đó.

Thiên Chúa để chúng ta được tự do

Nhưng Chúa không ép buộc chúng ta. Ngài tôn trọng sự tự do của chúng ta. Có nghĩa là nếu muốn để cho ơn sủng đến và biến đổi chúng ta, chúng ta phải mở lòng cho ơn sủng. Chúng ta phải chuẩn bị tâm hồn để đón nhận ơn sủng. Nói cách khác, chúng ta phải làm phần dành cho chúng ta. Chúng ta phải hành động như là mọi sự tùy thuộc chúng ta, nhưng phải tin tưởng như là mọi sự tùy thuộc Thiên Chúa.

Điều này đưa chúng ta sang điểm thứ hai nói về cuộc hành trình.

ĐẾN VỚI NGƯỜI KHÁC ĐỂ XIN HỌ GIÚP ĐỠ

Cách Thiên Chúa ban ơn sủng cho chúng ta, đó là qua người khác, nhất là qua cộng đồng Ki-tô. Chúng ta hãy nhớ lại vai trò của Bob Dylan và chàng thanh niên Texas trong cuộc hành trình đức tin của Stookey. Chúng ta cũng có thể nhớ lại một số thí dụ khác trong Kinh Thánh. Gio-an Tẩy giả đã giới thiệu An-rê với Đức Giê-su (Ga 1:35-40). An-rê đem Si-mon Phê-rô đến với Đức Giê-su (Ga 1:40-42). Phi-líp-phê dẫn Na-ta-na-en tới Đức Giê-su (Ga 1:45-51).

Mỗi cuộc hành trình đức tin đều có bàn tay giúp đỡ của cộng đồng tín hữu.

Đức Giê-su là gương mẫu về sự giúp đỡ của cộng đồng

Một thí dụ về người khác giúp đỡ chúng ta trong cuộc hành trình đức tin, đó là phương thức Đức Giê-su đã giúp hai môn đệ vào sáng Chúa Nhật Phục Sinh. Hai ông trở về nhà tại Em-mau, chán nản vì những biến cố xảy ra ngày Thứ Sáu Tuần Thánh. Kinh Thánh nói rằng:

"Đang lúc họ trò chuyện và bàn tán, thì chính Đức Giê-su tiến đến gần và cùng đi với họ. Nhưng mắt họ còn bị ngăn cản, không nhận ra Người. Người hỏi họ: "Các anh vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện gì vậy?... Họ thưa lại Người: "Chuyện ông Giê-su Na-da-rét... Các thượng tế và thủ lãnh của chúng ta đã nộp Người để Người bị án tử hình, và đã đóng đinh Người vào thập giá." Bấy giờ Đức Giê-su nói với hai ông rằng: "Ồi những kẻ tối dạ, những lòng chậm tin vào lời các ngôn sứ! Nào Đấng Ki-tô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?" (Lc 24:15-17,19-20,25-26)

Đức Giê-su đã tiến tới và nâng đỡ các môn đệ, hướng dẫn và khích lệ họ khi cần. Đó chính là phương thức cộng đồng Ki-tô có thể giúp đỡ chúng ta trong cuộc hành trình đức tin của chúng ta.

Bước sang điểm thứ ba.

LẮNG NGHE LỜI CHÚA

Một vở kịch lâu đời của Broadway có tựa đề The Royal Hunt of the Sun kể lại việc Tây-ban-nha chinh phục thổ dân tại Pê-ru vào thế kỷ 16. Có một cảnh người Tây-ban-nha đưa cho người tù trưởng Da Đỏ một cuốn Kinh Thánh và nói với ông ta đây là lời Chúa. Vị tù trưởng giơ cao cuốn Kinh Thánh, cung kính áp vào tai ông và lắng nghe một phút. Ông ta chẳng nghe thấy gì hết nên liệng cuốn Kinh Thánh xuống sàn nhà.

Cảnh này nêu lên một câu hỏi quan trọng: Làm sao chúng ta nghe được lời Chúa, nhất là khi chúng ta nghe đọc và cắt nghĩa trong những cuộc hội họp Ki-tô hữu?

Chúng ta lắng nghe lời Chúa giống như hai môn đệ lắng nghe Đức Giê-su. Chúng ta lắng nghe lời Chúa tựa như Paul Stookey lắng nghe chàng thanh niên Texas. Chúng ta lắng nghe với tất cả con người của mình: thể xác, trí khôn, con tim và linh hồn.

Trước hết, chúng ta nghe bằng thể xác

Lắng nghe bằng thể xác có nghĩa là chúng ta lắng nghe với thái độ cung kính và chú ý. Lối lắng nghe này không phải là dễ. Nó đòi chúng ta phải rất cố gắng. O-ri-gien, một nhà giảng thuyết thời xưa, thường nói với cộng đoàn của ngài:

"Anh chị em lãnh nhận Mình Thánh Chúa với sự thận trọng và cung kính, đến độ ngay cả mụn bánh thánh nhỏ cũng không để rơi xuống sàn nhà. Anh chị em cũng phải lãnh nhận Lời Chúa với lòng thận trọng và cung kính như vậy, đừng để một lời nào lọt mất đi."

Thứ hai, chúng ta lắng nghe bằng trí khôn

Các nhà tâm lý học thường nói câu này: "Bạn hãy đặt tên cho nó, hãy nhận lấy nó và hãy biến nó thành cái gì của riêng bạn." Ý nghĩa câu nói này thật sâu sắc nếu áp dụng vào Kinh Thánh. Trong Kinh Thánh, việc đặt tên có nghĩa là làm chủ được. Thí dụ khi A-đam đặt tên cho các sinh vật có nghĩa là ông làm chủ được các sinh vật.

Áp dụng ý nghĩa ấy vào việc lắng nghe lời Chúa: nếu chỉ lắng nghe với sự chú ý thôi thì chưa đủ, mà còn phải đặt tên cho các biến cố Kinh Thánh, nhận lấy chúng và biến chúng thành những biến cố của chính chúng ta.

Thí dụ, khi nghe câu truyện Đức Giê-su giải thích Kinh Thánh cho hai môn đệ, chúng ta phải làm công việc khác hơn cả lắng nghe nữa. Đó là chính chúng ta phải trở thành những môn đệ ấy. Chúng ta phải cố gắng cảm nghiệm qua óc tưởng tượng những gì họ đã cảm nghiệm. Chúng ta phải cố gắng cảm thấy được lòng hứng khởi mà chính các môn đệ đã cảm thấy khi họ lắng nghe Đức Giê-su giải thích Kinh Thánh cho họ.

Thứ ba, chúng ta lắng nghe bằng con tim

Lắng nghe bằng con tim nghĩa là chúng ta đem lời Chúa "ấp ủ trong tâm hồn" chúng ta. Nghĩa là chúng ta lắng nghe với con tim đầy yêu mến.

Hai môn đệ Em-mau là một thí dụ điển hình về việc lắng nghe lời Chúa bằng con tim. Sau khi gặp Chúa, họ nói với nhau: "Dọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao?" (Lc 24:32). Một thí dụ khác trong Thánh Vịnh về việc lắng nghe bằng con tim. Tác giả Thánh Vịnh nói:

"Luật pháp Ngài, lạy Chúa, con yêu chuộng dường bao,
Suốt ngày cứ suy đi gẫm lại!...
Thánh ý Chúa, trọn bề tuân giữ,
Hồn mến yêu hâm mộ chẳng rời." (Tv 119:97,167)

Nói cách khác, lắng nghe lời Chúa cách yêu mến cũng giống như một người tình lắng nghe người mình yêu. Quả đúng như vậy, lắng nghe lời Chúa bằng con tim vì Kinh Thánh thực là bức thư tình của Chúa gửi cho chúng ta.

Sau hết, chúng ta lắng nghe bằng linh hồn

Lắng nghe bằng linh hồn nghĩa là chúng ta lắng nghe với lòng tin, tin rằng lời Chúa có uy lực đánh động và biến đổi chúng ta. Phận vụ chúng ta là mở lòng đón nhận lời Chúa. Ngoài ra chúng ta không làm được gì hơn. Chính Chúa, Ngài sẽ cho lời Ngài có sức mạnh để thẩm nhập vào tâm can chúng ta và tái tạo chúng ta.

Như vậy, chúng ta lắng nghe lời Chúa bằng tất cả con người chúng ta: thể xác, trí khôn, con tim và linh hồn. Giờ đây chúng ta hãy xét vai trò của việc cầu nguyện trong hành trình đức tin của chúng ta.

CẦU NGUYỆN VỚI CHÚA

Trong Bài giảng trên núi, Đức Giê-su nói: "Khi cầu nguyện, hãy vào phòng, đóng cửa lại, và cầu nguyện cùng Cha của anh, Đấng hiện diện nơi kín đáo" (Mt 6:6).

Một số người đặt câu hỏi: "Nếu chúng tôi quá bận rộn công việc nên không thể cầu nguyện riêng được thì sao?" Cách tốt nhất để trả lời câu hỏi này là dùng một thí dụ.

Bà Dorothy Day đã nhiều năm làm việc giữa những người nghèo. Năm 1980 bà qua đời, nhật báo New York Times gọi bà là "người có nhiều ảnh hưởng nhất trong lịch sử Giáo Hội Công giáo Hoa Kỳ." Dorothy Day thường cầu nguyện riêng hằng ngày. Khi công việc quá bận rộn nên không cầu nguyện riêng được, bà đã cầu nguyện bất cứ lúc nào bà thấy có thì giờ và tại bất cứ đâu - trên xe buýt, đi trong phố, đợi một cái hẹn...

Cũng như Dorothy Day, tất cả chúng ta đều có những lúc đợi chờ.

Những lúc này chính là cơ hội để chúng ta lắng nghe tiếng Chúa nói trong chúng ta. Đang khi lắng nghe ấy, chúng ta khám phá ra được sự hiện diện và quyền năng của Chúa ngay trong chính con người mình như là chưa bao giờ từng thấy.

Đức Giê-su là gương mẫu cầu nguyện

Khi Paul Stookey và chàng thanh niên Texas cầu nguyện sau sân khấu, họ chỉ noi gương Đức Giê-su đã từng cầu nguyện trong đời Ngài. Học hỏi về cách Đức Giê-su cầu nguyện, người ta thấy Ngài sử dụng những lời cầu nguyện cố định và những lời cầu nguyện tự do.

Những lời cầu nguyện cố định là những gì Ngài lấy từ những kinh nguyện cổ truyền để bày tỏ cảm nghiệm của Ngài với Thiên Chúa. Thí dụ, trên thập giá, Đức Giê-su cầu nguyện: "Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?" (Mc 15:34). Đây là câu thứ nhất của Thánh Vịnh 22. Nói cách khác, Đức Giê-su đã cầu nguyện bằng lời nguyện cố định trong giây phút đen tối của đời Ngài.

Những lời cầu nguyện tự do là những lời Đức Giê-su đã cầu nguyện bộc phát từ tâm hồn Ngài, bằng những lời lẽ của riêng Ngài, thí dụ khi Ngài cầu nguyện trong bữa Tiệc ly (Ga 17:1-26).

Cầu nguyện, dù cố định hay tự do, đều đưa chúng ta đến tiếp xúc với Thiên Chúa. Nó mở lòng chúng ta, để Chúa đi vào và ban ơn sủng Ngài cho tâm hồn chúng ta tùy theo sự khôn ngoan của Ngài.

Bây giờ chúng ta sang điểm cuối cùng về hành trình đức tin.

CẢM NGHIỆM NHỮNG THĂNG TRẦM

Khi nói về cảm nghiệm trở lại của mình, Paul Stookey nói rằng một khi chúng ta đã nhận ra ánh sáng Chúa Ki-tô thì chúng ta sẽ tiếp tục trở lại với ánh sáng ấy.

Đây là một khám phá quan trọng. Cuộc hành trình đức tin đầy những lúc thăng trầm. Con đường đến với Chúa không phải là xa lộ sáu hàng xe đi. Rất nhiều khi đó là con đường nhỏ cô liêu đầy sỏi đá lởm chởm.

Cuộc hành trình đức tin chẳng khác gì cuộc đời lữ hành này. Có ngày thật là đẹp. Nhưng sau đó cuộc sống lại gian truân trăm đường! Vào những ngày tẻ lạnh và đau khổ, chúng ta mới thấy cuộc sống này có dễ dàng gì đâu.

Nói cách khác, cuộc hành trình đức tin của chúng ta tùy thuộc vào nhịp độ ánh sáng và bóng tối. Nó thường đối chiếu giữa những lúc vui vẻ hạnh phúc và những khi chán nản thất vọng.

Nếu cuộc hành trình đức tin chúng ta gặp lúc đen tối khiến chúng ta do

dự không biết có nên tiếp tục nữa không, thì chúng ta hãy nhớ lại một bài thơ ngày xưa. Bài thơ ấy ví mối liên hệ giữa chúng ta với Đức Giê-su giống như là hai người trên chiếc xe đạp đôi. Tựa như thế này:

"Thoạt tiên, tôi ngồi trước, Chúa đằng sau.
Biết Ngài ở đó, dù chẳng thấy Ngài đâu.
Rồi những khi gặp đoạn đường lên dốc,
Tôi mới thấy đôi chân Chúa nhiệm mầu.

Một ngày kia, Chúa đổi chỗ cho tôi
Là mọi sự bỗng đảo ngược hết rồi.
Xưa tôi lái, chiếc xe đi chính xác
Cứ từ từ lăn, ôi chán quá đi thôi.
Nhưng Chúa lái xe, sao loạn vô cùng!
Tôi không biết mình có chịu nổi hay không,
Vội kêu lên: "Kìa, Chúa điên rồi hả?"
Chúa chỉ cười bảo: "Đạp nữa đi cưng!"

Thế là tôi chột hiệu, lặng yên và đạp,
Vững lòng tôi tin thác người Bạn cùng đi.
Đời con người còn nhiều lúc lắm khi
Vì hoảng sợ nên sẵn sàng bỏ cuộc.
Nhưng lúc đó Chúa quay lại nhìn tôi,
Nắm lấy tay tôi, Chúa mỉm cười,
Và Ngài nói: "Đạp tiếp đi, con ơi!"

Bài thơ này đưa chúng ta trở lại lúc bắt đầu thảo luận về cuộc hành trình đức tin. Sau hết, mỗi cuộc hành trình đức tin là một công cuộc độc đáo của ơn sủng. Mà ơn sủng có nghĩa là Thiên Chúa sẽ làm cho chúng ta những gì chúng ta không thể làm được một mình (Lc 1:37). Do đó những gì phần chúng ta phải làm đó là cộng tác và "đạp."

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------|-----------------------------------|
| 1. Gio-an 1:38-51 | Mở lòng cho ơn sủng Chúa |
| 2. Lu-ca 8:40-48 | Đến với kẻ khác để xin họ giúp đỡ |
| 3. Lu-ca 8:4-15 | Lắng nghe lời Chúa |
| 4. Mát-thêu 6:5-13 | Cầu nguyện với Chúa |
| 5. Lu-ca 24:13-35 | Cảm nghiệm những thăng trầm |

THẢO LUẬN

1. Theo nghĩa nào bạn đã nghĩ cuộc hành trình đến với Chúa là "công cuộc của ơn sủng"?
2. Bạn hãy giải thích vai trò của cộng đồng Ki-tô đối với hành trình đức tin, dựa trên kinh nghiệm riêng của bạn hoặc kinh nghiệm trong Kinh Thánh.
3. Khi gặp những thăng trầm, bạn nhận định cuộc hành trình đức tin giống như cuộc đời như thế nào?

CHIA SẺ

Chia sẻ việc Chúa gọi bạn học hỏi thêm về đức tin Công giáo và Ngài đã gọi bạn dưới hình thức nào.

The Catholic Vision I - 1

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 2

Thánh Truyền và Kinh Thánh

Trước hết bạn hãy suy nghĩ và trả lời hai câu hỏi này:

1. Điều làm tôi nghĩ Kinh Thánh là do Thiên Chúa linh hứng, đó là...
2. Một vấn đề về Kinh Thánh đôi khi khiến tôi thắc mắc, là...

MẠC KHẢI

Hồi đệ nhị thế chiến, một thủy thủ được phái đến đơn vị hải pháo. Người ta phát cho anh một đôi gang tay chống nhiệt. Nhiệm vụ của anh là phải nhặt vỏ đạn rớt ra từ nòng đại bác sau mỗi lần tác xạ. Lý do để tránh việc vỏ đạn nằm ngổn ngang trên sàn tàu gây nguy hiểm cho các thủy thủ khác thuộc pháo đội. Anh phải sử dụng đôi gang đặc biệt ấy là vì vỏ đạn rất nóng khi vừa rơi ra khỏi nòng súng.

Giả như thấy một thủy thủ mang găng tay chống nhiệt cầm một vỏ đạn đại bác thì có cách nào để chúng ta có thể khẳng định được là vỏ đạn ấy thật nóng? Có ba cách:

Trước hết, chúng ta có thể tự mình sờ vào vỏ đạn ấy để cảm thấy được độ nóng của nó. Thứ nhì, chúng ta có thể nhỏ chút nước miếng lên nó, nếu nghe tiếng xèo xèo thì chúng ta lý luận là nó đang nóng. Cách cuối cùng là chúng ta cứ hỏi thẳng người cầm vỏ đạn ấy, một khi chúng ta đã cho là họ biết và sẽ nói thật.

Như vậy là có ba cách để biết vỏ đạn có nóng hay không: do kinh nghiệm của chính mình, do suy luận, và do tin tưởng vào một người đã biết.

Tuy nhiên chúng ta tự hỏi có thể áp dụng ba cách ấy để cảm nghiệm Thiên Chúa không? Thí dụ, chúng ta có thể dùng những cách ấy để khẳng định Thiên Chúa hiện hữu và một vài nét về bản chất của Ngài không? Nhiều người bảo rằng được lắm chứ. Vậy chúng ta hãy xét cách biết đầu tiên.

Kinh nghiệm dẫn chúng ta đến với Thiên Chúa

Trong cuốn tự thuật về đời sống tu đức của mình, Bede Griffiths người Anh đã kể lại một câu truyện thời niên thiếu. Vào một buổi hoàng hôn mùa hè, đang khi đi dạo chơi một mình, ông đã chợt nhận ra được vẻ đẹp của muôn vật chung quanh. Ông tự hỏi mình tại sao cũng vẫn vẻ đẹp này, thế mà từ bao lâu nay ông đã không nhận ra được. Rồi ông tiến thêm một bước nữa:

"Mọi sự trở nên yên tĩnh khi ánh nắng vàng buổi hoàng hôn nhạt dần... Tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ cảm giác sợ hãi ập lên tôi. Chân tôi bủn rủn muốn quy xuống... Lúc ấy tôi đã bất ngờ nhận thức được một thế giới tuyệt vời với vẻ huyền bí tôi chưa bao giờ thấy có." - The Golden String

Sau này Griffiths thuật lại là dường như Thiên Chúa đã đến và chạm tới ông ngay chính lúc ấy. Đó là một kinh nghiệm ông không bao giờ quên được. Ông nói: "Bây giờ nhìn lại, tôi thấy đó quả là một trong những biến cố đổi đời của cuộc sống tôi."

Nhiều người khác cũng thuật lại những kinh nghiệm tương tự. Hơn thế nữa, họ còn xác tín chắc chắn mình đã cảm nghiệm được Thiên Chúa.

Lý trí dẫn đến Thiên Chúa

Từ lâu, Whittaker Chambers là một đảng viên tiếng tăm của đảng Cộng Sản Hoa Kỳ. Trong cuốn tự thuật, ông kể lại một câu truyện đã hoàn toàn làm thay đổi chiều hướng tư tưởng của ông.

"Tôi đang ngồi nhìn con gái tôi ăn. Nó ngồi ngất ngưỡng trên chiếc ghế con nít. Nó là một cái gì huyền diệu nhất đã đến trong đời tôi. Tôi thích ngồi ngắm nó trát cháo lên mặt hoặc bình thân đổ cháo xuống sàn nhà. Mắt tôi dừng lại trên đôi tai của nó và tôi quan sát kỹ những vòng cong của vành tai - đôi tai phức tạp và tuyệt hảo." - The Witness

Bất chợt, một ý nghĩ đến với Chambers: Đôi tai này không thể nào được hình thành tình cờ do sự hội tụ của các nguyên tử được. Nó phải là tác phẩm của một công trình sáng tạo. Ý tưởng này đến với Chambers một cách "tự nhiên chứ không gượng ép." Ông đã ráng xua đuổi ý tưởng đó khỏi đầu óc mình. Vì nếu cứ tiếp tục suy luận thì ông sẽ phải đi đến kết luận rằng tác phẩm này cho thấy là phải có một Đấng phác họa ra nó. Chambers nói: "Lúc ấy tôi không nhận thấy, nhưng quả thực ngón tay Thiên Chúa đã chạm trên trán tôi."

Một lần nữa, có thể kể ra nhiều trường hợp tương tự về suy luận. Những trường hợp ấy làm cho nhiều người xác tín rằng lý trí không những dẫn đến Thiên Chúa mà còn cho thấy một điều nào đó về bản chất của Ngài. Trong thư gửi tín hữu Rô-ma, thánh Phao-lô viết: "Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Người" (Rm 1:20).

Đức tin biểu lộ Thiên Chúa

Có nhiều người chưa bao giờ cảm nghiệm Thiên Chúa một cách hoàn toàn không chút nghi ngờ. Nhiều người khác lại ngần ngại không muốn nói là lý trí có thể dẫn đến Thiên Chúa. Họ lý luận: Có thể ngày nào đó khoa học sẽ tiến triển thêm và sẽ tìm ra một giải thích khác chứ không phải giải thích là do Thiên Chúa, để cắt nghĩa sự phức tạp và trật tự trong vũ trụ. Đối với những người này, chỉ có cách duy nhất để tìm biết Thiên Chúa, đó là đức tin vào sự mạc khải của Thiên Chúa dành cho con người.

Mạc khải nghĩa là "mở tấm màn che khuất ra." Sự mạc khải của Thiên Chúa là việc Ngài tỏ mình ra cho chúng ta. Qua sự tỏ lộ này, Thiên Chúa không những cho chúng ta thấy bản chất của Ngài, mà còn cho thấy tình yêu và kế hoạch của Ngài dành cho chúng ta nữa.

Mạc khải của Thiên Chúa có thể được nhận biết qua hai giai đoạn:

- * Sự mạc khải nguyên thủy của Thiên Chúa cho các ngôn sứ và các tông đồ trong thời Cựu và Tân Ước.

- * Sự chuyển tiếp của mạc khải đó sang các thế hệ sau.

Sự mạc khải nguyên thủy của Thiên Chúa cho các ngôn sứ và các tông đồ thường được gọi là mạc khải trực thụ. Có nghĩa là các ngôn sứ đã tiếp

nhận lời Thiên Chúa trực tiếp qua những giấc mơ, thị kiến, hoặc qua những soi sáng của Chúa về một vài biến cố lịch sử Do-thái. Cũng thế, các tông đồ đã tiếp nhận lời Chúa tức khắc và trực tiếp từ Đức Giê-su.

Nhưng Thiên Chúa tỏ mình ra với các ngôn sứ và các tông đồ không phải cho chính họ mà thôi, mà là cho tất cả chúng ta, kể cả những người chưa sinh ra đời. Do đó cần phải có sự mạc khải gián thụ, tức là truyền lại lời Thiên Chúa cho các người khác. Việc mạc khải gián thụ này dần dần trở thành Thánh Truyền, tức là truyền lại lời Chúa cho người khác.

THÁNH TRUYỀN

Vở kịch danh tiếng *Fiddler on the Roof* của Broadway được soạn vào lúc người Do-thái vẫn còn tuân giữ nhiều truyền thống cổ xưa. Trong vở kịch này, một thanh niên đến gặp người láng giềng Do-thái tên là Tevye để xin cầu hôn với con gái của ông.

Ban đầu Tevye từ chối, vì theo truyền thống Do-thái chỉ có ông bà mai mới có thể thu xếp chuyện hôn nhân. Nhưng rồi Tevye cũng bằng lòng và để cho đôi trẻ lấy nhau. MÀN kịch này nêu lên một vài câu hỏi về truyền thống. Vậy truyền thống là gì và truyền thống ảnh hưởng như thế nào?

Từ ngữ Thánh Truyền theo nguyên ngữ La-tinh nghĩa là "truyền tay cho người khác." Nó có thể được sử dụng theo hai ý nghĩa.

Thứ nhất, Thánh Truyền chỉ về một tiến trình theo đó một niềm tin và lối thực hành niềm tin ấy được truyền lại từ thế hệ này qua thế hệ kia. Như vậy chúng ta đang nói về Thánh Truyền truyền khẩu và Thánh Truyền thành văn.

Thứ nhì, từ ngữ Thánh Truyền có thể dùng để chỉ về nội dung của những gì được truyền lại. Như thế chúng ta lại phân biệt Thánh Truyền thiết yếu và Thánh Truyền không thiết yếu. Thí dụ, truyền thống về việc linh mục Công giáo không lập gia đình là một truyền thống không thiết yếu. Do đó truyền thống ấy có thể được thay đổi. Ngược lại, truyền thống tin Đức Ki-tô thực sự hiện diện trong Bí Tích Thánh Thể là truyền thống thiết yếu. Thánh Truyền này không thể thay đổi được. Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần sẽ xác định truyền thống nào là thiết yếu hay không thiết yếu.

Thánh Truyền là một tiến trình toàn diện

Thánh Truyền được truyền đạt không chỉ bằng lời nói, nhưng còn bằng nhân chứng và việc thờ phượng. Chúng ta có đức tin không phải vì chúng ta được dạy dỗ, mà là vì chúng ta được trao ban. Do đó, Thánh Truyền là một

tiến trình toàn diện bao gồm cả lời nói lẫn nhân chứng và việc thờ phượng.

Cách mô tả tuyệt hảo nhất về tiến trình "toàn diện" này gặp thấy trong sách Công Vụ Tông Đồ. Trong đó, thánh Lu-ca đã tường thuật những hoạt động của các Ki-tô hữu tân tòng như sau:

"Họ chuyên cần nghe các Tông Đồ giảng dạy (lời nói), hiệp thông với nhau (nhân chứng), tham dự lễ bẻ bánh và cầu nguyện" (thờ phượng). (Cv 2:42).

Tất cả những hoạt động này - lời nói, nhân chứng và việc thờ phượng - giữ vai trò rất quan trọng trong việc "truyền lại" đức tin.

KINH THÁNH

Nhiều người ngạc nhiên khi biết rằng một số lớn các đoạn Kinh Thánh đều khởi đầu từ khẩu truyền. Nó cách khác, những đoạn Kinh Thánh này đã được truyền miệng cho nhau qua nhiều năm trước khi được ghi chép lại.

Lấy sách Tin Mừng làm ví dụ. Nhiều đoạn trong chính văn bản cho thấy là văn bản đã được truyền miệng qua một thời gian khá lâu trước khi được ghi chép lại. Thí dụ, Tin Mừng Mát-thêu nói rằng sau khi Đức Giê-su sống lại, lính canh mò đã được mua chuộc để phao tin là các môn đệ Chúa đã trộm xác Người khi họ đang ngủ. Rồi thánh Mát-thêu ghi thêm: "Câu chuyện này được phổ biến giữa người Do-thái cho đến ngày nay" (Mt 28:15). Những từ ngữ "cho đến ngày nay" nói lên một quá trình thời gian đáng kể từ khi biến cố ấy xảy ra cho đến lúc được ghi lại trong sách Tin Mừng. Trở lại sách Tin Mừng một lần nữa, thánh Gio-an kết thúc sách của ngài như sau: "Chúa Giê-su còn làm nhiều phép lạ khác trước mặt các môn đệ, nhưng không ghi chép hết trong sách này" (Ga 20:30).

Điểm này quan trọng, vì nó chứng tỏ khẩu truyền về Đức Giê-su vẫn còn được tiếp tục trong Hội Thánh sau khi sách Tin Mừng được viết.

Tất cả Kinh Thánh đều do linh hứng

Trong tiến trình của Thánh Truyền, vai trò của Chúa Thánh Thần là quan trọng trên hết. Đề cập đến vấn đề này, chính Đức Giê-su đã nói: "Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn" (Ga 16:13). Nói cách khác, Đức Giê-su khẳng định với chúng ta rằng Chúa Thánh Thần sẽ dẫn dắt và bảo vệ Hội Thánh của Người khỏi những lỗi lầm trong tiến trình truyền lại đức tin.

Đôi khi chúng ta gọi sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần là linh hứng. Từ ngữ này được thánh Phao-lô sử dụng, như trong Thư thứ hai gửi Ti-mô-thê: "Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng"

(2 Tm 3:16). Nghĩa là Chúa Thánh Thần đã dẫn dắt và bảo vệ các tác giả viết Kinh Thánh khỏi những sai lầm trong những vấn đề liên hệ đến việc cứu rỗi. Điều này không có nghĩa là Thánh Thần bảo vệ các tác giả viết Kinh Thánh khỏi những sai lầm về lịch sử và khoa học. Thiên Chúa không bao giờ có ý định linh hứng cho họ để viết sách khoa học và lịch sử. Vì thế, Kinh Thánh không thể không có những sai lầm khoa học và lịch sử.

Thí dụ sách Đệ Nhị Luật 14:7 liệt kê loài thỏ rừng là một trong những thú vật nhai lại, đó là điều không đúng khoa học chút nào. Về lịch sử, chúng ta có thể lấy thí dụ sách 1 Sa-mu-en 31:4 ghi lại rằng vua Sau-lê tự vận, trong khi sách 2 Sa-mu-en 1:9-10 lại viết là một người khác đã giết nhà vua.

Những sách nào thuộc Kinh bộ?

Công giáo và Tin lành không đồng nhất với nhau về Kinh bộ Kinh Thánh Do-thái (Cựu Ước). Từ ngữ "Kinh bộ" có nghĩa là bản danh sách chính thức về những sách được Thiên Chúa linh hứng và do đó được dùng như là khuôn vàng thước ngọc cho đức tin. Giáo Hội giữ lại nguyên trong Kinh bộ bảy cuốn sách mà Tin lành không thừa nhận. Những sách này là Ma-ca-bê 1 và 2, Giu-đi-tha, Tô-bi-a, Ba-rúc, Huấn ca và Khôn Ngoan.

Sự bất đồng này bắt nguồn từ xưa khi chính người Do-thái cũng đã không nhất trí về Kinh bộ của họ. Nhiều người Do-thái trở lại Ki-tô giáo lúc đó đã sử dụng Kinh bộ gọi là bản Bảy Mươi. Kinh bộ này được phiên dịch từ tiếng Do-thái sang tiếng Hy-lạp vào khoảng 250 năm trước Chúa Giê-su. Tin Mừng Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca, Gio-an và các tác giả Tân Ước khác đã dùng Kinh bộ này để trích dẫn hơn 300 lần khi họ viết Kinh Thánh Tân Ước. Cuối cùng, vào khoảng 100 năm sau Chúa Giê-su, khi xác định lại Kinh bộ của họ, người Do-thái đã đồng ý loại bỏ bảy sách kể trên. Hội Thánh Tin Lành thế kỷ 16 đã theo Kinh bộ này. Ngày nay, nhiều người Tin Lành cũng sử dụng Kinh bộ gồm cả bảy sách này, nhưng được sắp ở một phần riêng biệt.

Dù không thống nhất về Kinh bộ Cựu Ước, nhưng cả Công giáo lẫn Tin Lành đều nhận cùng một Kinh bộ Tân Ước.

Những sách Kinh Thánh khó xếp loại

Bài hát "Maria" trong phim "The Sound of Music" có một câu như sau: "Giữ sao được ánh trắng thanh, trong bàn tay nhỏ của anh suốt đời." Câu hát này diễn tả bản chất độc đáo của Maria, không thể xếp nàng vào loại người nào. Nhiều sách trong Kinh Thánh Do-thái cũng giống như trường hợp Maria vậy, không thể xếp vào loại nào được. Tìm cách để xếp loại những

sách này chẳng khác gì tìm cách giữ ánh trăng trong lòng bàn tay. Nhưng để tạm có một cái nhìn tổng quát về Kinh Thánh, chúng ta cũng cố gắng xếp loại Kinh bộ Công giáo như sau:

KINH THÁNH DO THÁI (46 cuốn)

Ngũ thư:

Sáng Thế
Xuất Hành
Lê-vi
Dân Số
Đệ Nhị Luật

Những sách Khôn Ngoan:

Gióp
Thánh Vịnh
Châm Ngôn
Giảng Viên
Diễm Ca
Khôn Ngoan
Huân Ca

Những sách Lịch sử:

Gio-suê
Thủ Lãnh
1 & 2 Sa-mu-en
1 & 2 Các Vua
1 & 2 Biên Niên Sử
Ét-ra
Nơ-khe-mi-a
1 & 2 Ma-ca-bê

Những sách Ngôn sứ:

Các Đại Ngôn sứ:
I-sai-a
Giê-rê-mi-a
Ai Ca
Ba-rúc
Ê-dê-ki-en
Đa-ni-en

Đặc biệt:

Rút
Tô-bi-a
Giu-đi-tha
Ét-te

Các Tiểu Ngôn sứ:

Hô-sê	Khác-gai
A-mốt	Da-ca-ri-a
Mi-kha	Ô-va-đi-a
Na-khum	Giô-en
Kha-ba-cúc	Giô-na
Xô-phô-ni-a	Ma-la-khi

KINH THÁNH KI-TÔ (27 cuốn)

Tin Mừng (4)

Mát-thêu Mác-cô Lu-ca Gio-an

Công Vụ Tông Đồ (1)

Thư (21)

Thánh Phao-lô:

Những thư đầu tiên: 1 & 2 Thê-xa-lô-ni-ca

Những thư viết trong tù: Phi-líp-phê, Cô-lô-xê, Ê-phê-xô, Phi-lê-môn

Những thư lớn: Ga-lát, 1&2 Cô-rin-tô, Rô-ma

Những thư về mục vụ: 1 & 2 Ti-mô-thê, Ti-tô

Những thư khác:

1, 2 & 3 Gio-an, 1 & 2 Phê-rô, Gia-cô-bê, Giu-đa

Đặc biệt:

Do-thái

Khải Huyền (1)

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------------|----------------------------|
| 1. Rô-ma 1:20-25 | Lý trí dẫn tới Thiên Chúa |
| 2. 2 Thê-xa-lô-ni-ca 2:13-17 | Thánh Truyền |
| 3. Ga-lát 1:6-9 | Tin Mừng được rao giảng |
| 4. Lu-ca 1:1-4 | Tin Mừng được ghi chép lại |
| 5. 2 Ti-mô-thê 3:14-4:5 | Kinh Thánh được linh hứng |

THẢO LUẬN

1. Có ba cách để chúng ta có thể đến với Chúa. Bạn hãy suy nghĩ và chia sẻ cách bạn đến với Chúa.

2. Bạn nghĩ gì về giá trị của Thánh Truyền nói chung? Và cách riêng đối với đời sống đức tin của bạn?

CHIA SẺ

1. "Bạn chỉ có thể hiểu Kinh Thánh khi bạn quì gối xuống." (Maurice Zundel). Dựa trên kinh nghiệm của bạn, câu nói này có đúng không?

2. Giả thiết bạn có thể vượt thời gian trở về thời Chúa Giê-su để chứng kiến những biến cố đời Ngài, bạn sẽ chọn biến cố nào? Tại sao chọn biến cố ấy?

The Catholic Vision I - 2

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 3

Đấng Tạo Dựng - Chúa Cha

Trước khi đọc bài này, bạn hãy suy nghĩ và trả lời hai câu hỏi sau:

1. Một câu hỏi tôi muốn hỏi Chúa là...
2. Lý do tôi muốn đặt câu hỏi này là vì...

THIÊN CHÚA

Có một cuốn phim rất nổi tiếng là Laura. Phim nói về một thiếu nữ bị giết một cách mờ ám ngay tại nhà cô ta.

Một thám tử tên là Mark MacPherson được chỉ định điều tra vụ án này. Vài ngày sau, anh bỏ hăng giờ ở lại trong căn phòng của Laura, tìm kiếm chứng tích. Anh lục soát mọi vật trong nhà, ghi chép tỉ mỉ và rắc bụi đen đủ chỗ để lấy dấu tay. Anh nghiên cứu những vật dụng cá nhân của Laura, đọc cả thư từ lẫn nhật ký của cô ta. Không một viên gạch nào mà anh không lật lên.

Ít lâu sau, một điều bất thường xảy ra. Mark hoàn toàn bị ám ảnh do hình ảnh Laura. Anh bị cô ta thu hút. Anh thấy mình đang yêu một người đã chết.

Một đêm khuya đang lúc ngồi trong căn nhà Laura để suy tính mọi sự, ánh đèn mờ mờ và anh đã mệt, chẳng mấy chốc anh gục đầu ngủ thiếp đi.

Bỗng nhiên có cái gì đánh thức anh dậy. Anh mở mắt ra, và kìa, đứng trước cửa là một thiếu nữ trẻ đẹp. Anh không tin được chính mắt mình. Chính Laura!

Một câu truyện hứng thú đã được sáng tỏ. Laura đã về miền quê trong một dịp cuối tuần để tìm yên tĩnh suy tính công chuyện. Cô đã ở lại đó trọn cuối tuần, không nghe radio hoặc đọc báo chí. Cô không hay gì về tin tức cái chết của chính mình.

Thì ra người đàn bà bị giết là một người quen của Laura đã sử dụng căn nhà trong khi nàng đi vắng.

Cuốn phim kết thúc như thế nào chắc bạn đã đoán được. Laura và Mark bắt đầu hẹn hò, yêu nhau và kết hôn, chung sống hạnh phúc suốt đời.

Lý trí dẫn đến Thiên Chúa

Phim Laura là một thí dụ nói về Thiên Chúa và chúng ta. Tựa như người thám tử trẻ tuổi, chúng ta thấy chính mình đang ở trong "nhà" của Thiên Chúa là thế giới này.

Khi nghiên cứu về vũ trụ, chúng ta bắt đầu có ý niệm là Tạo Hóa phải như thế nào. Bầu trời xanh, núi non cao ngất, những bãi biển dài cát trắng, những hình ảnh rạng ngời của cây cỏ và muông thú... tất cả những sự vật

này giúp chúng ta nhìn thấy sự vĩ đại và vẻ đẹp của Thiên Chúa.

Cuối cùng, chúng ta cũng trở nên bận tâm với Đấng mà chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy hay gặp gỡ. Chúng ta trở nên bận tâm với Thiên Chúa. Còn Ngài, Ngài muốn câu truyện của chúng ta sẽ kết thúc như cuốn phim Laura. Thiên Chúa muốn chúng ta yêu mến Ngài, gặp Ngài mặt đối mặt, kết hiệp với Ngài và sống hạnh phúc đến muôn đời.

Nhưng lý trí chỉ có thể hiểu lơ mờ Thiên Chúa như thế nào thôi, chứ không thể họa rõ dung mạo về Ngài. Mortimer Adler, một trong những triết gia nổi tiếng thời chúng ta, nêu lên một điểm trong cuộc phỏng vấn thực hiện do Bill Moyers của đài truyền hình. Adler nói:

"Nếu lý trí giúp tôi biết mọi sự về Thiên Chúa, thì Ngài đâu cần phải mặc khải cho tôi biết... Lý trí tự nó không thể liên kết một hiện thể tối cao vô hạn với một hiện thể công chính, nhân từ, quan phòng, lo lắng, chăm sóc."

Khoảng cách biệt đó chỉ có thể được nối lại do sự mặc khải của Thiên Chúa về chính Ngài trong Kinh Thánh. Và như vậy, chúng ta hãy đến với Kinh Thánh để "vẽ một khuôn mặt của Thiên Chúa."

Kinh Thánh vẽ dung mạo Thiên Chúa

Một trong những điều trước tiên đánh động chúng ta khi đọc Kinh Thánh là những hình ảnh muôn vẻ được sử dụng để mô tả Thiên Chúa. Hãy thử xem một vài hình ảnh đó.

Thiên Chúa là Đấng Tạo Dựng. Ngài "sắp đặt trái đất từ khi được dựng nên" và trang hoàng cho nó bằng sông ngòi, núi non và thung lũng (Tv 104:5-8).

Thiên Chúa là Vua uy quyền. Trước nhan thánh Ngài, muôn nước khắp trái đất khiếp run (Tv 24:10).

Thiên Chúa là Thăm Phán nhìn thấu suốt mọi sự. Ngài không nhìn những gì biểu lộ bên ngoài, nhưng thấy những gì ẩn giấu trong tim (1 Sm 16:7).

Thiên Chúa là Người Thợ Gốm. Ngài nắn đúc chúng ta bằng chính tay Ngài (Is 64:7).

Thiên Chúa là Người Chăn Chiên. Ngài tìm kiếm chúng ta khi chúng ta lạc lối, băng bó khi chúng ta bị thương và bồi dưỡng khi chúng ta yếu đau (Ed 34:16).

Thiên Chúa là Gia Chủ lịch thiệp. Ngài dọn bàn cho chúng ta, xúc dầu thơm cho chúng ta và dọn mâm cỗ trước mặt chúng ta (Tv 23:5).

Thiên Chúa là gà mẹ. Ngài ấp ủ chúng ta dưới bóng cánh Ngài và trấn an chúng ta khi cô đơn hay lo sợ (Tv 36:8).

Thiên Chúa là người Cha. Ngài dạy chúng ta biết đi, bỗng chúng ta dậy khi chúng ta té ngã và áp chúng ta vào má Ngài (Hs 11:1-4).

Thiên Chúa là Đấng Thánh Thiện. Trước nhan Ngài, các quân thần che mặt và kêu lên "Thánh, Thánh, Thánh!" (Is 6:3).

Như thế, Kinh Thánh dùng rất nhiều hình ảnh để mô tả Thiên Chúa.

Hãy xét kỹ hơn về hai hình ảnh: Đấng Tạo Dựng và Cha.

THIÊN CHÚA LÀ Đấng TẠO DỰNG

Bốn ngày trước Giáng Sinh 1968, phi thuyền Apollo 8 được phóng lên từ Cape Kennedy. Phi hành đoàn gồm có Frank Borman, Bill Anders và Jim Lovell. Ba ngày sau, vào đêm Giáng Sinh, Apollo 8 hoàn toàn mất liên lạc với mặt đất khi khuất sau mặt trăng. Hàng triệu người dân mắt vào máy truyền hình, chờ đợi và cầu nguyện cho phi thuyền trở về bình yên.

Khi ấy xảy ra một quang cảnh ngoạn mục. Phi thuyền Apollo 8 xoay quanh mặt trăng và hiện thấy rõ. Phi hành đoàn đang thay nhau đọc lại câu truyện tạo dựng trái đất như được mô tả trong sách Sáng Thế.

Thiên Chúa tạo dựng muôn loài

Câu truyện mô tả Thiên Chúa tạo dựng muôn loài: mặt trời, mặt trăng, tinh tú, trái đất, chim, cá và muông thú.

Câu truyện còn mô tả việc Thiên Chúa tạo dựng muôn loài một cách trật tự trong thời gian sáu ngày, như một người thủ công làm việc. Chủ đích của hình ảnh tuyệt diệu này là để dạy chúng ta rằng việc tạo dựng không xảy ra do ngẫu nhiên, nhưng được thực hiện do hành động yêu thương của một Thiên Chúa đầy yêu thương.

Cuối cùng, sách Sáng Thế kể lại Thiên Chúa tạo dựng con người theo "hình ảnh" Ngài (St 1:27) và Ngài thở hơi vào con người "hơi thở của sự sống" (St 2:7). Thiên Chúa chia sẻ với loài người một phần mật thiết của chính Ngài.

Câu truyện Kinh Thánh về việc tạo dựng cho thấy một điều không thể tin được. Những tôn giáo cổ xưa khác nhấn mạnh đến sự xa cách giữa các thần linh và loài người. Còn câu truyện Kinh Thánh lại nhấn mạnh đến sự gần gũi. Thiên Chúa gần gũi với loài người hơn một người mẹ với con mình. Điều này giải thích tại sao Thiên Chúa nói qua ngôn sứ I-sai-a:

"Mẹ nào lại quên con đẻ của mình,
Cạn lòng thương đối với con dạ nó mang?
Cho dù chúng quên được nữa,

Thì phần Ta, Ta sẽ không hề quên ngươi!
Này Ta đã khắc tên ngươi trên bàn tay Ta."

(Is 49:15-16)

Đây là một tình yêu dành cho nhân loại đã khiến tác giả Thánh Vịnh nhìn lên bầu trời đêm khuya mà thưa với Chúa rằng:

"Ngắm tầng trời tay Chúa sáng tạo,
Muôn trăng sao Chúa đã an bài;
Thì con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến,
Phàm nhân là gì mà Chúa phải bận tâm?
Chúa cho con người chẳng thua kém thần linh là mấy,
Ban vinh quang danh dự làm mũ triều thiên." (Tv 8:4-6)

Và như vậy Kinh Thánh mô tả lúc Thiên Chúa tạo dựng muôn loài, thì cao điểm tạo dựng là loài người. Thiên Chúa tạo dựng chúng ta theo chính hình ảnh Ngài. Nhưng ngoài việc tạo dựng muôn loài ra, Ngài còn làm hơn thế nữa: Ngài tiếp tục ở lại trong tạo vật, giữ cho chúng được tồn tại. Chúng ta hãy thử xét kỹ hơn về sự kiện huyền diệu này.

Thiên Chúa ở trong muôn loài

Một người con có thể hiện diện bên cạnh người mẹ đau ốm trong bệnh viện bằng nhiều cách: một tấm hình trên bàn, một lá thư trong tay bà, hay chính người con ngồi bên giường bà. Nói cách khác, người con ấy có thể hiện diện bằng nhiều phương thức và mức độ khác nhau.

Thiên Chúa cũng hiện diện trong thế giới chúng ta qua những đường lối tương tự. Thí dụ, Thiên Chúa ở trong những vì sao mà Ngài đã tạo nên, trong con người mang hình ảnh Ngài, trong Kinh Thánh là Lời của Ngài, và trong cộng đồng Hội Thánh là Nhiệm Thể của Con Một Ngài (Ep 1:22-23).

Giữa tất cả những đường lối Thiên Chúa hiện diện trong thế giới chúng ta, một khía cạnh chúng ta thường hay quên lãng, đó là Ngài hiện diện ngay trong tạo vật. Những ai nhận ra được sự hiện diện này đều cảm nghiệm được sức mạnh vô biên từ đó. Thí dụ thuyền trưởng Eddie Rickenbacker và đoàn thủy thủ của ông bị đắm tàu trên Thái Bình dương. Suốt 21 ngày lênh đênh trên những chiếc phao cao-su, ngày nào họ cũng cầu nguyện bằng Kinh Thánh. Sau này họ kể rằng một trong những đoạn có ý nghĩa nhất chính là Thánh Vịnh 139, đã trấn an họ rằng Thiên Chúa ở cùng họ.

"Đi mãi đâu cho thoát thần trí Ngài,
Lặn nơi nào cho khuất được Thánh Nhan?
Con có lên trời, Chúa đang ngự đó,
Nằm dưới âm ty, vẫn gặp thấy Ngài.

Dù chấp cánh bay từ phía hừng đông xuất hiện,
Đến ở nơi chân trời góc biển phương tây,
Tại đó cũng tay Ngài đưa dẫn,
Cánh tay hùng mạnh giữ lấy con."
(Tv 139:7-10)

Trong màn đêm trăng sao, những người đàn ông trên những chiếc phao cấp cứu đã cảm nhận sâu xa sự hiện diện của Thiên Chúa trong mọi sự Ngài tạo dựng.

Sự hiện diện của Thiên Chúa nơi tạo vật có thể so sánh với một cái máy chiếu phim rọi lại hình ảnh trên một tấm màn. Sự hiện hữu của hình ảnh là do ánh đèn từ cái máy chiếu tạo nên và giữ cho nó hiện hữu. Hình ảnh chỉ có thể tồn tại bao lâu cái máy chiếu cứ tiếp tục giữ nó ở đó.

Sự tạo dựng cũng vậy. Thiên Chúa ban cho tạo vật sự hiện hữu và giữ nó hiện hữu. Nếu Thiên Chúa chấm dứt sự hiện hữu của nó bằng cách tách nó ra khỏi sự hiện hữu của Ngài, thì hỗn độn và bóng tối sẽ bao phủ chúng ta ngay.

Và như thế, hình ảnh Thiên Chúa là Đấng Tạo Dựng cho thấy Thiên Chúa:

- * đã tạo dựng chúng ta vì yêu thương
- * chia sẻ với chúng ta một phần mật thiết của chính Ngài
- * gần gũi với chúng ta hơn một người mẹ với con mình, và
- * giữ gìn sự tồn tại của chúng ta trong mọi ngày.

THIÊN CHÚA LÀ CHA CHÚNG TA

Nhiều năm trước, Lois Olson mắc bệnh tê liệt lúc lên 10 tuổi. Phần thân phía dưới của em phải bó trong một khung sắt. Một đêm giông bão kéo đến. Cảm giác hoàn toàn bất lực tràn ngập em. Ngay khi ấy cha em xuất hiện trước cửa và bỗng em bước xuống những bậc thang xuống hầm. Trong lúc ông ráng đỡ sức nặng của em, Lois nhìn thấy mồ hôi lấm tấm trên trán ông và những gân máu nổi lên hai bên thái dương.

Thiên Chúa giống như thế. Ngài là một người Cha nhân từ.

Đức Giê-su dùng hình ảnh người Cha tới 177 lần để mô tả Thiên Chúa. Đúng ra, lời đầu tiên cho đến cuối cùng trong sách Tin Mừng Lu-ca nói đến Thiên Chúa là Cha. Lúc Đức Giê-su 12 tuổi, Ngài nói với cha mẹ: "Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?" (Lc 2:49).

Tiếng Cha mà Đức Giê-su dùng là Abba. Trẻ em Pha-lét-tin vẫn còn dùng tiếng này để gọi cha của chúng. Nguyên văn có nghĩa là "bố" hoặc "ba". Như vậy Đức Giê-su dạy chúng ta phải tin tưởng vào Thiên Chúa như một đứa trẻ đối với cha mình.

Nhưng Thiên Chúa khác những người cha thông thường rất nhiều. Thiên Chúa không có giới hạn như những người cha thông thường.

Thiên Chúa hết lòng yêu thương

Thánh Au-gút-tin nói: "Một người bạn là một người biết mọi sự về chúng ta mà vẫn chấp nhận chúng ta như chúng ta là chúng ta." Tìm một người như thế chẳng khác đi tìm người trong mộng. Nhưng Thiên Chúa là một người như vậy. Ngài có thể thỏa mãn giấc mơ này hơn cả mức độ chúng ta mong đợi.

Thiên Chúa là Cha, nhưng một cách hoàn toàn khác với những người cha phàm trần. Thiên Chúa hết lòng yêu thương. Peter van Breemen giải thích sự khác biệt này trong cuốn *As Bread That Is Broken* của ông:

"Chúng ta bị phân chia trong tình yêu. Chúng ta thích một người thật nhiều (90%), hoặc vừa vừa (50%), hoặc rất ít (20%). Nhưng nơi Thiên Chúa tình yêu không đo lường được. Thiên Chúa chỉ có thể yêu hoàn toàn - 100%. Nếu chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa phân chia tình yêu của Ngài, thì không phải là chúng ta đang nghĩ về Thiên Chúa mà là về chính chúng ta... Chúng ta có tình yêu, còn Thiên Chúa là tình yêu."

Ý là thế này: Thiên Chúa là Cha yêu thương với tình yêu vô điều kiện. Ngài yêu chúng ta vô hạn hơn chính chúng ta yêu mình. Thiên Chúa yêu chúng ta đến độ chúng ta không thể nắm được "chiều cao" và "chiều sâu" tuyệt diệu của tình yêu Ngài (Rm 8:39).

Nhưng hơn thế nữa, Thiên Chúa khác một người cha phàm trần trong nhiều cách.

Thiên Chúa hết lòng tha thứ

Có người nói rằng: Khi chúng ta ăn năn hối lỗi mình, thì Thiên Chúa ném tội lỗi chúng ta xuống chỗ sâu nhất ngoài biển cả. Rồi Ngài cầm tấm bảng "Cấm câu cá!" Đó là cách nói rất ý nhị rằng Thiên Chúa hết lòng tha thứ.

Đức Giê-su lập đi lập lại nhiều lần rằng Thiên Chúa sẵn sàng tha thứ. Thử suy gẫm một vài thí dụ:

Đức Giê-su bảo Phê-rô phải tha thứ cho tha nhân như Thiên Chúa tha thứ cho chúng ta. Không phải bảy lần, nhưng "bảy mươi lần bảy" (Mt 18:22).

Trong kinh Lạy Cha, Đức Giê-su dạy chúng ta phải tin tưởng tìm kiếm ơn tha thứ của Thiên Chúa tựa như trẻ nhỏ tìm kiếm một người cha thương yêu (Mt 6:12).

Sau cùng, trong dụ ngôn Đứa con hoang đàng, Đức Giê-su mô tả Thiên Chúa không chỉ tha thứ, mà Người còn hành động với những vòng tay và nụ hôn âu yếm (Lc 15:20).

Đức Giê-su không chỉ nói về tha thứ, nhưng Ngài còn thực thi điều ấy. Chúng ta thử suy nghĩ về một vài thí dụ.

Đức Giê-su tha tội cho người đàn ông tê liệt (Lc 5:20). Ngài tha thứ cho người phụ nữ phạm tội ngoại tình (Ga 8:11). Ngài tha thứ cho người trộm lành (Lc 23:43). Ngài tha thứ cho những kẻ xử hình Ngài (Lc 23:34).

Sách Tin Mừng đầy những thí dụ về sự tha thứ của Thiên Chúa. Theo lời của Dag Hammarskjöld, ơn tha thứ của Thiên Chúa là "một phép lạ làm cho những gì đổ vỡ được lành lặn" và "những gì nhor bần lại được trong sạch."

Hình ảnh Thiên Chúa như người Cha trong Kinh Thánh cho thấy những sự thật rất cảm động:

* Thiên Chúa hết lòng yêu thương, yêu thương chúng ta hơn chính chúng ta yêu mình.

* Thiên Chúa hết lòng tha thứ, luôn sẵn sàng tha thứ cho chúng ta hơn chúng ta tha thứ cho chính mình.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1. Thánh Vịnh 23 | Chúa Chiên Lành |
| 2. I-sai-a 40:12-31 | Thiên Chúa lịch sử |
| 3. I-sai-a 43:1-7 | Chúa biết tên tôi |
| 4. Thánh Vịnh 139:1-16 | Không nơi ẩn giấu |
| 5. Gio-an 8:1-11 | Viết trên mặt đất. |

THẢO LUẬN

1. Gợi lại mấy hình ảnh bạn đã gặp trong Kinh Thánh nói về Thiên Chúa.
2. Tác giả Kinh Thánh có ý gì khi mô tả Thiên Chúa:
 - tạo dựng vũ trụ trong sáu ngày, và
 - thở "hơi thở của sự sống" vào con người?
3. Thiên Chúa trong Kinh Thánh khác những thần linh của các tôn giáo cổ xưa như thế nào?
4. Bạn cảm nghiệm Thiên Chúa hiện diện bên cạnh bạn bằng những cách nào?

CHIA SẺ

1. Thảo luận một vài tư tưởng sau đây:
 - "Tôi đã lên trời và đã gặp Thiên Chúa. Ồi chao, bạn biết không? Bà ấy dân da đen!" (đọc được trên một bức tường tại Nữ Ước)
 - "Thiên Chúa là Vũ công, tạo vật của Ngài là Vũ điệu... Khi Vũ công dừng lại thì Vũ điệu cũng chấm dứt." (Anthony de Mello)
 - "Thiên Chúa là Vũ công, tạo vật của Ngài là Vũ điệu... Hãy yên lặng mà coi Vũ điệu. Cứ nhìn đi: một vì sao, một bông hoa, một chiếc lá vàng rơi... Và hy vọng chẳng mấy chốc nữa bạn sẽ thấy Ngài là Vũ công." (Anthony de Mello)
2. Ngoài hình ảnh Thiên Chúa là Cha và Đấng Tạo Dựng, bạn còn thấy hình ảnh nào trong Kinh Thánh về Thiên Chúa làm bạn thích thú không?

The Catholic Vision I - 3

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 4

Đấng Cứu Chuộc - Chúa Con

Trước khi đọc bài này, bạn hãy suy nghĩ và trả lời tiếp hai câu hỏi sau:

1. Có một điều tôi nhận thấy Đức Giê-su đặc biệt lôi cuốn, đó là...
2. Điều làm tôi dễ nhận biết Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, đó là...

GIÊ-SU

Ít năm trước đây, báo Reader s Digest có nhờ sử gia H. G. Wells lựa ra sáu nhân vật tiêu biểu trong lịch sử nhân loại. Mặc dù Wells không phải là Ki-tô hữu, ông vẫn chọn Đức Giê-su đứng hàng đầu. Sự lựa chọn này của ông không căn cứ vào số đông người tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, nhưng đúng hơn, như Wells giải thích thế này:

"Một sử gia phải coi Đức Giê-su là một con người, tựa như một họa sĩ phải vẽ Ngài như một người bình thường... Sử gia đó phải sẵn sàng nói lên một sự thật hiển nhiên không thể thay đổi, cho dù sách của ông ta được người ta đọc ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Đó mới là chỗ đứng của người

viết sử qua những tư tưởng thâm sâu họ trình bày."

Vậy Wells đã có những tư tưởng nào? Ông ta đã đề ra hai tư tưởng tiêu biểu:

Tư tưởng thứ nhất về đặc tính là Cha của Thiên Chúa. Điểm này dạy chúng ta rằng Thiên Chúa là Đấng tạo dựng vũ trụ này đang chăm lo cho mỗi người chúng ta. Thiên Chúa là Cha của chúng ta. Ngài ban sự sống cho chúng ta và chúng ta là con cái Ngài. Điều này có nghĩa tất cả chúng ta đều là anh chị em. Wells nói nếu chúng ta thực thi lời dạy của Đức Giê-su, thì chúng ta và cả thế giới sẽ thay đổi không thể tưởng tượng nổi.

Tư tưởng thứ hai là lời dạy của Đức Giê-su về nước Thiên Chúa. Nếu như nhân loại có cùng một nguồn gốc, thì họ cũng có cùng một thân phận. Lịch sử có hướng đi, đang tiến về một nơi nào đó. Thiên Chúa có kế hoạch riêng biệt cho nhân loại. Không ai sẽ bị loại ra ngoài kế hoạch đó. Mỗi người là một phần của kế hoạch đó và mỗi người đều tiếp tay với kế hoạch đó. Một lần nữa, nếu chúng ta thực thi lời dạy của Đức Giê-su, bộ mặt của trái đất sẽ thay đổi.

Như vậy, Đức Giê-su hiện diện trong lịch sử nhân loại như một người vô song. Sự điệp của Ngài không những hợp thời trong những ngày đầu cuộc đời rao giảng của Ngài mà vẫn còn hợp thời cho ngày hôm nay.

Những điều nói trên đưa chúng ta đến một câu hỏi quan trọng nhất cần nêu lên và tìm câu trả lời:

Đức Giê-su là ai?

Tại một khu đậu xe ở Dallas, có một chủng sinh lái xe vào đậu trong đó. Đằng sau xe có hàng chữ ICHTHYS xếp thành hình con cá. Một bà hỏi anh chữ đó nghĩa là gì. Anh chủng sinh trả lời đó là chữ Hy-lạp, viết tắt do những chữ Iesous Christos, Theou Yios, Soter ("Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Thế"). Từ ngữ này gồm tóm hai chân lý quan trọng nhất mà các Ki-tô hữu thời Hội Thánh sơ khai hằng tin tưởng:

- * Đức Giê-su là Con Thiên Chúa.

- * Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế.

Vì những chữ tắt làm thành từ Hy-lạp có nghĩa là cá, nên những tín hữu đầu tiên đã chọn hình con cá như một biểu tượng về Đức Giê-su.

CON THIÊN CHÚA

Vào tối Chúa Nhật Phục Sinh, Đức Giê-su đã hiện ra với các Tông đồ. Ông Tô-ma vắng mặt trong buổi gặp gỡ đó. Kết quả là Tô-ma đã phủ nhận việc Đức Giê-su đã sống lại và hiện ra.

Một tuần sau, Đức Giê-su lại hiện ra cùng các Tông đồ. Thấy Tô-ma có mặt, Đức Giê-su quay về phía ông và nói: "Đưa tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa, nhưng hãy tin." Lập tức Tô-ma quỳ sụp xuống và nói: "Lạy Chúa của con, lạy Thiên Chúa của con!" (Ga 20:27-28).

Đức Giê-su là Chúa

Kể từ giây phút đó cho đến nay, từ ngữ Chúa trở thành một danh hiệu dành riêng để gọi Đức Giê-su. Trong bài giảng sau khi Chúa Thánh Thần hiện xuống, thánh Phê-rô nói về Đức Giê-su như sau: "Thiên Chúa đã đặt Người (Đức Giê-su) làm Đức Chúa và làm Đấng Ki-tô" (Cv 2:36). Thánh Phao-lô viết cho tín hữu Rô-ma: "Nếu miệng bạn tuyên xưng Đức Giê-su là Chúa, và lòng bạn tin rằng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, thì bạn sẽ được cứu độ" (Rm 10:9).

Cho nên một trong những danh hiệu mà các tín hữu đầu tiên xưng tụng Đức Giê-su, đó là danh hiệu Chúa. Điều ấy chứng tỏ họ tin tưởng Đức Giê-su là Thiên Chúa.

Danh hiệu thứ hai họ gọi Đức Giê-su để biểu lộ đức tin vào thiên tính của Ngài, đó là danh hiệu Con Thiên Chúa.

Đức Giê-su là Chúa Con

Các tác giả Kinh Thánh Cựu Ước đã dùng từ ngữ con Thiên Chúa để chỉ về những vị ở trên trời (G 2:1), về các vua Do-thái (2 Sm 7:14) hoặc về chính dân Ít-ra-en (Hs 11:1).

Các tác giả Kinh Thánh Tân Ước dùng danh hiệu này cho Đức Giê-su. Thí dụ, Mác-cô mở đầu sách Tin Mừng bằng câu: "Khởi đầu Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa." Để kết thúc sách Tin Mừng, Mác-cô ghi lại việc viên đội trưởng Rô-ma sau khi chứng kiến cuộc tử hình của Đức Giê-su đã phải thốt lên: "Quả thật, người này là Con Thiên Chúa" (Mc 15:39).

Học hỏi kỹ những sách Tin Mừng, chúng ta thấy các tác giả dùng danh hiệu Con Thiên Chúa với ý nghĩa khác hẳn các tác giả Cựu Ước. Danh hiệu Con Thiên Chúa được dùng để gọi Đức Giê-su hiểu theo nghĩa rõ ràng chứ không phải theo nghĩa ám chỉ như thời Cựu Ước.

Đức Giê-su là Ngôi Lời

Sách Tin Mừng Gio-an mở đầu với lời tựa giới thiệu Ngôi Lời:

"Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời.

Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa,

và Ngôi Lời là Thiên Chúa.
Ngôi Lời đã trở nên người phàm
và cư ngụ giữa chúng ta.
Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người."
(Ga 1:1,14)

Đức Giê-su là Lời của Thiên Chúa đã mặc lấy thân xác con người và sống giữa chúng ta. Ngôi Lời chào đón, mời gọi, thông đạt và mạc khải. Điều này cho chúng ta thấy một điểm rất quan trọng: Ngài mạc khải không những qua những gì Ngài nói, mà còn qua những gì Ngài thể hiện.

Charles Schulz, tác giả hoạt họa Peanuts đã nói: "Điều tôi nhận thấy Đức Giê-su có ý nghĩa với tôi, đó là qua Ngài chúng ta có thể nhìn thấy Thiên Chúa và hiểu được những cảm nghĩ của Thiên Chúa về chúng ta."

Thư gửi tín hữu Do-thái nói về Đức Giê-su như sau: "Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa" (Dt 1:3). Chính Đức Giê-su cũng nói: "Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha" (Ga 14:9).

Đối với một người có đức tin, Đức Giê-su quả là vô song trong lịch sử nhân loại, vì Ngài đã làm cho Thiên Chúa hiện diện trong thân xác con người. Qua Đức Giê-su, chúng ta nhìn thấy Thiên Chúa trở nên con người như chúng ta, sống giữa chúng ta, sống động đến độ như chúng ta có thể sờ được Ngài và nhìn thấy Ngài, đúng như Gio-an đã viết:

"Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu,
điều chúng tôi đã nghe,
điều chúng tôi đã thấy tận mắt,
điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng,
và tay chúng tôi đã chạm đến,
đó là Lời sự sống.
Quả vậy, sự sống đã được tỏ bày,
chúng tôi đã thấy và làm chứng...
để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi,
mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha
và với Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người.
Những điều này, chúng tôi viết ra
để niềm vui của chúng ta được nên trọn vẹn."

(Ga 1:1-4)

Đức Giê-su là Lời của Thiên Chúa vì Ngài mạc khải Thiên Chúa cho chúng ta.

Tuy nhiên, Ngài còn làm cho chúng ta nhận thức được chính chúng ta một cách rõ ràng hơn. Ngài là hình ảnh toàn hảo của một con người mà mỗi người chúng ta phải cố gắng đạt tới. Qua Ngài, chúng ta thấy rằng với bản năng của một con người, chúng ta có thể vượt thắng nội khó khăn để trở nên

hoàn hảo. Nhân tính của Đức Giê-su đã chứng minh điều đó. Tất cả những gì Ngài đã làm, chúng ta đều có thể làm được, chẳng hạn như yêu thương kẻ thù, tha thứ cho kẻ bách hại ta, làm bạn với kẻ bị ruồng bỏ, và có khả năng thay đổi người khác bằng ánh mắt hay lời nói.

Đức Giê-su là Lời của Thiên Chúa theo hai ý nghĩa. Qua bản tính Thiên Chúa, Ngài hé mở cho chúng ta hiểu được Thiên Chúa. Qua bản tính loài người, Ngài thể hiện mức độ hoàn hảo của con người mà chúng ta đều có thể trở thành - nếu chúng ta mở lòng đón nhận lời giảng và Thánh Thần của Ngài trong cuộc sống mỗi ngày.

Đức Giê-su là vô song

Đức Giê-su được gọi là "vô song" trong lịch sử nhân loại vì một sự kiện thật đơn giản: Ngài không những là "con người" vì sinh ra do một người nữ, nhưng còn là Con Thiên Chúa vì được sinh ra bởi Thiên Chúa. Trong một ngôi vị duy nhất, Đức Giê-su mang hai bản tính: bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại. Ngài liên kết tất cả những gì là con người với tất cả những gì là Thiên Chúa.

Để cố gắng diễn tả sự huyền nhiệm này, thi sĩ Richard Crashaw đã nói về Đức Giê-su:

"Muôn lạ lùng tụ về trong một vẻ uy nghi
Là vĩnh cửu giam mình trong hạn hữu!
Chúa là mùa hạ giữa mùa đông lạnh lẽo
Là ngày bừng sáng trong đêm tối âm u
Là thiên đàng nơi trần gian tội lỗi sa mù
Là Thiên Chúa trong con người dương thế."

Như vậy, để tuyên xưng đức tin vào thiên tính của Chúa Ki-tô, các tín hữu đầu tiên đã gọi Đức Giê-su bằng những danh hiệu:

- * Chúa
- * Con Thiên Chúa
- * Lời Thiên Chúa.

ĐÁNG CỨU CHUỘC NHÂN LOẠI

Ngoài việc tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, các tín hữu sơ khai còn tin Ngài là Đáng Cứu Chuộc nhân loại. Họ đã tuyên xưng niềm tin này khi gọi Ngài bằng:

- * tên Giê-su
- * danh hiệu Ki-tô
- * danh hiệu Đáng Cứu Thế.

Chúng ta cùng tìm hiểu kỹ hơn về những tên và danh hiệu này.

Giê-su nghĩa là "Thiên Chúa cứu rỗi"

Trong Kinh Thánh, tên gọi thường liên hệ với lai lịch của một người.

Sự kiện đầu tiên nói về lai lịch của Đức Giê-su đó là tên gọi mà thiên sứ bảo ông Giu-se phải đặt cho Ngài: "Ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ" (Mt 1:21). Như vậy thiên sứ đã cho thấy Đức Giê-su là Đấng Cứu Chuộc nhân loại.

Điều này đưa chúng ta tới danh hiệu Ki-tô.

Ki-tô nghĩa là "Đấng được xức dầu"

Một thời điểm quan trọng nhất trong toàn bộ Tin Mừng đó là biến cố tại Xê-da-rê Phi-líp-phê khi Đức Giê-su hỏi Phê-rô "Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?" và Phê-rô trả lời "Thầy là Đấng Ki-tô" (Mc 8:29). Từ ngữ Mê-si-a là tiếng Do-thái, dịch sang tiếng Hy-lạp là Christos, nghĩa là Đấng được xức dầu.

Từ ngữ này dùng để chỉ về một người được Thiên Chúa tuyển chọn và giao phó cho một sứ mệnh. Lần đầu tiên Đức Giê-su nói về chính Ngài là Đấng được xức dầu là khi Ngài ở trong hội đường Na-da-rét. Ngài đọc đoạn Kinh Thánh trích sách ngôn sứ I-sai-a:

"Thần Khí Chúa ngự trên tôi,
vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi,
để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn.
Người đã sai tôi đi công bố
cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha,
cho người mù biết họ được sáng mắt,
trả lại tự do cho người bị áp bức,
công bố một năm hồng ân của Chúa."
(Lc 4:18-19)

Rồi Đức Giê-su đã thốt lên những lời đáng nhớ sau đây: "Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe" (Lc 4:21). Đức Giê-su đã coi mình như người được Thiên Chúa trao cho sứ vụ "cứu chuộc" đặc biệt.

Việc Đức Giê-su được "xức dầu" đã xảy ra trong dịp Ngài chịu phép rửa, khi ấy tầng trời mở ra, rồi Thánh Thần ngự xuống trên Ngài và có tiếng từ trời phán: "Con là Con của Cha; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra Con" (Lc 3:22). Sau này, khi nói với dân chúng về biến cố ấy, ông Phê-rô giảng rằng: "Quý vị biết rõ... Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người. Đi tới đâu là Người thi ân giáng phúc tới đó, và chữa

lành mọi kẻ bị ma quỷ kiềm chế, bởi vì Thiên Chúa ở với Người" (Cv 10:36-38).

Danh hiệu Mê-si-a chỉ về Đức Giê-su là Đấng được Thiên Chúa hứa ban cho nhân loại để thi hành sứ vụ cứu chuộc họ.

Đức Giê-su được gọi là Đấng Cứu Thế

Ngày nọ Đức Giê-su gặp một phụ nữ cạnh bờ giếng bên ngoài một ngôi làng. Ngài đã làm cho bà hết sức ngạc nhiên đến nỗi bà chạy về làng và nói với dân làng: "Ông ấy không phải là Đấng Ki-tô sao?" (Ga 4:29). Họ kéo đến và xin Ngài dạy dỗ họ. Sau khi nghe giảng xong, dân làng nói với nhau: "Quả thật, chính chúng tôi đã nghe và biết rằng Người thật là Đấng cứu độ trần gian" (Ga 4:42).

Đức Giê-su đã chinh phục nhiều người khác cũng một phương thức như vậy. Thí dụ sau khi Đức Giê-su trở về với Chúa Cha, thánh Gio-an viết cho các Ki-tô hữu sơ khai như sau: "Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa... Đó là Chúa Cha đã sai Con của Người đến làm Đấng cứu độ thế gian" (1 Ga 1:3, 4:14).

Từ ngữ Đấng Cứu Thế mang ý nghĩa dưới hai khía cạnh: Đức Giê-su cứu thoát chúng ta khỏi điều gì và để làm gì.

Để hiểu rõ hơn về khía cạnh thứ nhất, bạn hãy nhớ lại sau khi được Thiên Chúa dựng nên, ông A-đam đã phạm tội. Lập tức tội lỗi bắt đầu lan tràn khắp thế gian. Thảm cảnh này đã được mô tả trong sách Sáng-thế. Sự kiện trên đưa chúng ta đến một kết luận khủng khiếp: tội lỗi đã bao trùm nhân loại đến độ đem lại sự chết. Nhân loại sẽ đi đến hủy diệt nếu Thiên Chúa không can thiệp để cứu vớt họ. Chính trong bối cảnh tội lỗi hủy diệt công cuộc tạo dựng mà chúng ta thấy rõ Đức Giê-su cứu thoát chúng ta khỏi điều gì. Ngài cứu chúng ta khỏi họa bị hủy diệt. Ngài cứu chúng ta khỏi sự chết. Thánh Phao-lô diễn tả sứ mệnh của Đức Giê-su như sau:

"Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết... Cho nên, cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống." (Rm 5:12,18)

Đức Giê-su được gọi là Đấng Cứu Thế vì Ngài cứu chúng ta khỏi tội lỗi và sự chết. Được rửa tội trong Đức Ki-tô, chúng ta trở nên chi thể của Nhiệm Thể Ngài và được ban sự sống mới trong Ngài. Điều này đưa chúng ta sang khía cạnh thứ hai của sứ mệnh cứu chuộc của Đức Giê-su: Ngài đã cứu chuộc chúng ta để làm gì?

Qua Bí tích Rửa tội, chúng ta được củng cố để tiếp tục công cuộc cứu

chuộc mà Đức Giê-su đã khởi sự. Chúng ta đã được cứu khỏi tội lỗi để làm công việc tái tạo trần gian mà tội lỗi đã phá hủy. Chúng ta được cứu chuộc để làm công việc hoàn tất triều đại của Thiên Chúa. Những ai nhận Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế thì đều trở nên một phần tử trong công cuộc làm thay đổi trần gian. Trách nhiệm của chúng ta lúc này là hãy đem Nước Chúa đến cho mọi người.

Như vậy, những Ki-tô hữu đầu tiên đã tuyên xưng rằng Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế khi gọi Ngài bằng tên Giê-su và bằng các danh hiệu Ki-tô và Đấng Cứu Thế.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. Gio-an 20:24-31 | Đừng nghi ngờ nữa! |
| 2. Gio-an 4:1-41 | Phải chăng Ngài là Đấng Ki-tô? |
| 3. Phi-líp-phê 2:1-11 | Hãy nên giống như Ngài! |
| 4. 1 Gio-an 4:7-14 | Chúa Con - Đấng Cứu Thế |
| 5. Rô-ma 8:31-39 | Tình yêu của Thiên Chúa qua Đức Giê-su. |

THẢO LUẬN

1. Theo hai ý nghĩa nào để hiểu Đức Giê-su là Lời của Thiên Chúa?
2. Suy nghĩ về tương quan giữa những từ ngữ Mê-si-a, Ki-tô và Đấng được xức dầu.
3. Đức Giê-su đã cứu chúng ta khỏi tội lỗi để chúng ta cùng với Ngài tái tạo thế giới. Vậy vai trò của chúng ta trong công cuộc này như thế nào?

CHIA SẺ

1. Thảo luận tư tưởng sau: "Ngay lúc này nếu Chúa Giê-su đến, người ta đâu cần đóng đinh Ngài. Người ta sẽ mời Ngài đi ăn tối, lắng nghe xem Ngài giảng điều gì, rồi sẽ diễu cợt những lời giảng dạy ấy" (Thomas Carlyle). Bạn có đồng ý không?
2. Nếu hôm nay Chúa Giê-su đến, Ngài sẽ chọn 12 tông đồ từ những nhóm nào: doanh thương, công nhân, thể thao gia nhà nghề, sinh viên, ca sĩ...?
3. Văn hào Mark Twain viết: "Nếu hôm nay Chúa Giê-su đến, có một điều chắc Ngài sẽ không làm: đó là làm một Ki-tô hữu." Bạn nghĩ sao?
4. Khi nghi ngờ như thánh Tô-ma, bạn sẽ làm gì?

The Catholic Vision I - 4
Mark Link, S.J.
Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 5

Đấng Thánh Hóa - Chúa Thánh Thần

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Bây giờ trong đời tôi, Chúa Thánh Thần là...
2. Một điều về Chúa Thánh Thần làm cho tôi thắc mắc, là...

THIÊN CHÚA LÀ BA NGÔI

Công viên Hyde ở Luân-đôn là nơi cho những diễn giả đến để nói lên ý kiến của mình. Trưa mỗi Chúa Nhật bạn có thể tới đó để nghe diễn thuyết, từ chính trị cho tới tôn giáo.

Ông Frank Sheed, một cây bút nổi tiếng của Anh-quốc, thường đến đó để nói về tôn giáo. Ông nói ông có thể giữ thính giả lại hai tiếng đồng hồ trong mưa gió để nói về Chúa Ba Ngôi. Sheed nhận thấy dân chúng rất thích nghe về Thiên Chúa Ba Ngôi. Họ muốn học hỏi về Thiên Chúa Ba Ngôi. Họ muốn làm mẫu nhiệm này trở nên sống động trong cuộc sống hằng ngày.

Một cách đơn giản, mẫu nhiệm Ba Ngôi được hiểu là trong Chúa có ba ngôi vị riêng biệt: Cha, Con và Thánh Thần. Cha là Thiên Chúa, Con là Thiên Chúa và Thánh Thần cũng là Thiên Chúa. Tuy nhiên chỉ có một Thiên Chúa duy nhất.

Thiên nhiên phản ánh Chúa Ba Ngôi

Thánh Patrick lấy thí dụ lá chụm ba để giúp Ki-tô hữu xưa kia có một ý niệm về Chúa Ba Ngôi. Trong lá chụm ba có ba lá nhỏ ghép lại thành một lá. Thánh I-Nhã Loyola dùng ví dụ Chúa Ba Ngôi như ba nốt nhạc rung cùng một lúc. Ba nốt, nhưng chỉ có một âm. Một nhà thần học thời nay dùng nước làm ví dụ: nước có thể ở thể hơi, thể đặc (đông đá) hoặc thể lỏng. Nhưng về cấu chất, cả ba cùng như nhau.

Đó là những so sánh lờ mờ, nhưng cũng có thể giúp chúng ta hiểu hơn về mẫu nhiệm Chúa Ba Ngôi.

Kinh Thánh mạc khải về Chúa Ba Ngôi

Trích dẫn Kinh Thánh quen thuộc nhất về Chúa Ba Ngôi gặp thấy ở cuối sách Tin Mừng Mát-thêu. Trước khi về trời, Đức Giê-su nói với các môn đệ rằng: "Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần" (Mt 28:19).

Trích dẫn mô tả mẫu nhiệm Ba Ngôi một cách sống động nhất, đó là khi Đức Giê-su chịu phép rửa. Ở cuối biển cố đáng nhớ này, "Thánh Thần ngự xuống trên Người dưới hình dáng như chim bồ câu. Lại có tiếng từ trời phán rằng: Con là Con của Cha" (Lc 3:22). Tiếng nói, chim bồ câu và Đức Giê-su, cả ba hình ảnh này tạo nên một hình ảnh về Chúa Ba Ngôi.

Thánh Lu-ca cũng trình bày lịch sử trong viễn tượng Chúa Ba Ngôi. Qua cách trình bày sách Tin Mừng và Công Vụ Tông Đồ, thánh Lu-ca muốn nói lên tư tưởng sau: thời Cựu Ước là thời đại của Chúa Cha, Tân Ước là của Chúa Con và sau Tân Ước (từ khi Chúa Thánh Thần hiện xuống) là của Chúa Thánh Thần.

Trích dẫn về Chúa Ba Ngôi thường gặp nhất, đó là trong Tin Mừng Gio-an là sách ghi lại Chúa Giê-su nói rất nhiều về Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Thí dụ Đức Giê-su nói: "Khi Đấng Bảo Trợ đến, Đấng mà Thầy sẽ sai đến với anh em từ nơi Chúa Cha, Người là Thần Khí sự thật phát xuất từ Chúa Cha, Người sẽ làm chứng về Thầy" (Ga 15:26).

Và như thế, ý niệm Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thần được phản ánh qua thiên nhiên và được mạc khải qua Kinh Thánh. Những trích dẫn về Chúa Ba Ngôi gặp trong những sách Tin Mừng Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca và Gio-an.

THIÊN CHÚA LÀ THẦN LINH

Trong sách Meditations, cha Anthony Bloom kể lại rằng: Có một lần một người Nhật-bản nói với tôi: "Trong Ki-tô giáo, tôi nghĩ là tôi hiểu được Chúa Cha và Chúa con, nhưng chẳng bao giờ tôi khám phá được ý nghĩa của hình chim câu đáng kính kia."

Không phải chỉ một mình người Nhật-bản ấy, mà nhiều Ki-tô hữu cũng thấy khó mà hiểu được ý nghĩa về Thánh Thần.

Khi nghĩ về Thánh Thần, chúng ta thường nghĩ tới lúc Chúa Thánh Thần hiện xuống với các môn đệ. Tuy nhiên, theo một ý nghĩa nào đó, cũng không nên nói "Thánh Thần hiện đến," vì như thế có thể hiểu lầm là trước khi hiện xuống với các môn đệ, Thánh Thần đã không hiện hữu. Không

phải vậy. Nhưng Chúa Thánh Thần đã có từ muôn thuở như Chúa Cha và Chúa Con.

Chúa Thánh Thần hoạt động trong thời Cựu Ước

Sách Công Vụ Tông Đồ không những cho chúng ta thấy rằng thánh Thần đã có từ đời đời, mà còn cho chúng ta thấy Ngài hoạt động trên trần gian trước khi hiện xuống với các môn đệ.

Thí dụ, sách Công Vụ Tông Đồ viết rằng Chúa Thánh Thần "đã dùng miệng vua Đa-vít để nói" một ngàn năm trước Đức Giê-su (Cv 1:16). Và thêm nữa, Chúa Thánh Thần cũng "dùng ngôn sứ I-sai-a mà phán" bảy trăm năm trước Đức Giê-su (Cv 28:25). Sau hết, sách kể lại thánh Tê-pha-nô tố cáo dân chúng đã chống lại Thánh Thần, giống như cha ông họ đã làm trong thời Cựu Ước (Cv 7:51).

Chúa Thánh Thần hoạt động trong cuộc đời Đức Giê-su

Sách Tin Mừng mô tả hoạt động của Thánh Thần trong đời sống Đức Giê-su.

Thánh Thần ngự xuống trên Đức Giê-su khi Ngài chịu phép rửa (Lc 3:22). Thánh Thần đã dẫn Đức Giê-su "vào hoang địa bốn mươi ngày" (Lc 4:1-2). Rồi chính Đức Giê-su đã nói về sự hiện diện của Thánh Thần trong đời Ngài. Thí dụ sau khi đọc xong lời ngôn sứ I-sai-a "Thần Khí Chúa ngự trên tôi," Đức Giê-su quay về phía dân chúng và nói với họ rằng: "Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe" (Lc 4:18,21).

Những đoạn này cũng như nhiều đoạn khác trong sách Tin Mừng cho chúng ta thấy rõ Thánh Thần hoạt động trong đời Đức Giê-su như thế nào. Đó là Thánh Thần đã:

- * hướng dẫn Đức Giê-su,
- * khuyến khích Ngài,
- * hoạt động qua Ngài.

Dù Thánh Thần đã hoạt động nhiều trong thời Cựu Ước và thời rao giảng Tin Mừng thì một biến cố duy nhất và vĩ đại đã xảy ra, đó là ngày lễ Hiện Xuống. Chúng ta hãy xem biến cố đó là gì.

Thánh Thần hiện xuống trên các Tông Đồ

Trong ngày mừng sinh nhật, một em nhỏ nhận được món quà là chiếc thuyền buồm. Mừng quá, nó không thể ngồi yên, chạy vòng vòng để khoe với mọi người quà của nó. Sau cùng, nó chạy lại bên cửa sổ, nhìn lên trời và

nói: "Chúa ơi! Chúa có thấy chiếc thuyền của con không?"

Im lặng hồi lâu, dường như nó đợi Chúa trả lời. Sau đó, quay lại phía mẹ, nó hỏi: "Chúa là như thế nào?" Nhưng trước khi mẹ nó trả lời, nó đã la lên: "Con biết rồi! Chúa như là gió đưa chiếc thuyền của con đi!"

Cổ nhân Do-thái chắc cũng phải khen ngợi sự thông minh của đứa bé này. Họ cũng đã nhận ra sự tương tự giữa Thiên Chúa và gió. Gió nhẹ như hơi thở và mạnh như bão tố, tuy không trông thấy được, nhưng nói cho người ta biết sự hiện diện vô hình và uy lực của Thiên Chúa. Quả thật, từ "gió" trong tiếng Do-thái là ruah cũng có thể dịch ra là "thần khí" của Thiên Chúa.

Một hình ảnh khác người Do-thái có về Thiên Chúa, đó là lửa. Hình ảnh này có lẽ lấy từ kinh nghiệm Mô-sê thấy Chúa trong bụi gai bùng cháy và dân chúng thấy Chúa hiện dung "trong lửa" trên núi Si-nai.

Chúng ta nên đọc về việc hiện xuống của Chúa Thánh Thần, dựa trên những tư tưởng như trên.

Hãy nhớ lại câu truyện. Các môn đệ đang tụ họp trong một căn nhà tại Giê-ru-sa-lem.

"Bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đây cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tản ra đậu xuống từng người một. Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho" (Cv 2:2-4).

Tiếng động của cơn gió lớn đến nỗi làm cho dân chúng tuồn đến căn nhà ấy. Nghe tiếng dân chúng, ông Phê-rô và các Tông Đồ đi ra để giảng cho họ nghe.

Thánh Thần khởi sự một kỷ nguyên mới

Việc đầu tiên làm cho dân chúng kinh ngạc (nhiều người là ngoại kiều), đó là họ nghe các Tông Đồ nói tiếng của họ (Cv 2:6). Việc này làm họ bối rối và hỏi nhau: "Thế sao mỗi người chúng ta lại nghe họ nói tiếng mẹ đẻ của chúng ta? (Cv 2:8).

Để hiểu rõ hơn về biến cố phi thường này, hãy nhớ lại câu truyện tháp Ba-ben được kể trong Cựu Ước. Trước khi tháp được dựng, Kinh Thánh viết là dân chúng trên địa cầu đều nói chung một ngôn ngữ (St 11:6).

Sự kiêu căng của loài người đã thúc đẩy họ xây ngọn tháp này. Khi Thiên Chúa thấy họ tự cao tự đại, Ngài liền làm xáo trộn ngôn ngữ của họ, nên họ không hoàn tất được việc xây tháp nữa. Câu truyện chấm dứt bằng việc Thiên Chúa khiến dân chúng đi rải rác "khắp địa cầu" (St 11:9).

Trong bối cảnh này, chúng ta mới giải thích được câu "Lúc đó, tại Giê-

ru-sa-lem, có những người Do-thái sùng đạo, từ các dân thiên hạ trở về. Nghe tiếng ấy, có nhiều người kéo đến. Họ kinh ngạc vì ai nấy đều nghe các ông nói tiếng bản xứ của mình" (Cv 2:5-6).

Có nghĩa là những gì đã xảy ra ở tháp Ba-ben thì bây giờ đổi ngược lại. Những gì tội lỗi làm chia rẽ, bây giờ Thánh Thần hiệp nhất lại.

Sự hiện xuống của Thánh Thần đánh dấu khởi điểm của một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại. Đó cũng là khởi đầu cho việc Chúa tái tạo thế giới đã bị tội lỗi phá hủy.

Thánh Thần biến chúng ta thành Nhiệm Thể Chúa Ki-tô

Khi dân chúng im lặng, Phê-rô nói với họ rằng những gì đã xảy ra cho các Tông Đồ trong căn nhà ấy đều được Thiên Chúa báo trước qua ngôn sứ Giô-en:

"Ta sẽ đổ Thần Khí Ta trên hết thảy người phàm...
Ta sẽ cho xuất hiện những điềm thiêng trên trời cao,
và những dấu lạ dưới đất thấp...
trước khi ngày của Đức Chúa đến.
Bấy giờ hết những ai kêu cầu danh Đức Chúa,
sẽ được ơn cứu độ."
(Cv 2:17-21)

Rồi Phê-rô nói tiếp với họ rằng những gì xảy ra trong căn nhà này cũng đã được Đức Giê-su tiên báo:

"Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em
một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi.
Đó là Thần Khí sự thật...
Ngày đó, anh em sẽ biết rằng Thầy ở trong Cha Thầy,
anh em ở trong Thầy, và Thầy ở trong anh em."
(Ga 14:16-17,20)

Lời giảng của Phê-rô làm dân chúng xúc động. Gần ba ngàn người xin được rửa tội hôm đó. Việc họ được rửa tội đem họ vào một thân thể mà sau này thánh Phao-lô gọi là "Nhiệm Thể Chúa Ki-tô." Không phải chỉ là nhóm người cùng một lòng tin mà thôi, nhưng còn là một thân thể mà mọi người cùng chia sẻ đời sống chung trong Thánh Thần (1 Cr 12:12-14).

Điều vĩ đại và đặc biệt trong ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống được tóm lại như sau:

Như Đức Giê-su đến trong ngày Giáng Sinh đã làm cho Thiên Chúa hiện diện một cách độc đáo trên trần gian (trong Ngôi Hai của Đức Giê-su) thế nào, thì cũng vậy, việc Chúa Thánh Thần đến trong ngày Hiện Xuống sẽ tiếp tục làm cho Thiên Chúa hiện diện một cách độc đáo trên trần gian (qua

các môn đệ Đức Giê-su). Và cũng như Thiên Chúa đã hành động qua Đức Giê-su, thì Ngài vẫn tiếp tục hành động qua các môn đệ Đức Giê-su, tức là Giáo Hội.

THÁNH THẦN LÀ ĐÁNG THÁNH HÓA

Hôm đó, Đức Giê-su ở Giê-ru-sa-lem để mừng Lễ Lều với các môn đệ. Một nghi thức trong buổi lễ là người ta thỉnh nước lấy từ hồ Si-lo-am đem về Đền Thờ. Khi đang cử hành nghi thức này, Đức Giê-su quay lại nói với các môn đệ:

"Ai tin vào tôi, hãy đến mà uống!"

Như Kinh Thánh đã nói:

Từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống.

Đức Giê-su muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận."

(Ga 7:38-39)

Có người hỏi: Tại sao Đức Giê-su chọn hình ảnh nước để biểu tượng cho Thánh Thần? Một văn sĩ thời khai sinh Ki-tô giáo, thánh Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem, đã trả lời như sau: "Vì muôn vật đều tùy thuộc vào nước." Rồi ngài tiếp:

"Nước là mưa từ trời xuống. Mặc dù mỗi giọt mưa giống nhau, nhưng hiệu năng của chúng trên mỗi sinh vật lại khác nhau: trong cây dừa, trong ngành nho, và cứ như thế trong mọi tạo vật... Nước mưa hòa hợp với các sinh vật."

Với Thánh Thần cũng vậy. Chúng ta tùy thuộc vào Thánh Thần và Ngài đối xử với mỗi người chúng ta một cách đặc biệt. Trong thư gửi tín hữu Cô-rin-tô, thánh Phao-lô viết:

"Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí...

Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy...

Kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh.

Người thì được ơn làm phép lạ...

Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người."

(1 Cr 12:4,8-11)

Thánh Thần thánh hóa chúng ta

Mục đích của những hồng ân Thánh Thần là thánh hóa chúng ta để chúng ta trở nên thánh thiện như Cha trên trời, nhờ đó sẽ biến cả Hội Thánh

nên "ngôi nhà Thiên Chúa ngự, nhờ Thần Khí" (Ep 2:22).

Với tư tưởng này, thánh Au-gút-tin đã soạn một kinh nguyện về Chúa Thánh Thần như sau:

" Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, hãy thở trong con
để con biết suy nghĩ những điều thánh thiện.
Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, xin thúc giục con
để con biết làm những việc thánh thiện.
Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, xin lôi kéo con
để con biết yêu mến những gì thánh thiện.
Lạy Thánh Thần Thiên Chúa, xin thêm sức cho con
để con biết gìn giữ những gì thánh thiện.
Lạy Thần Khí của Chúa, xin hướng dẫn con
để con đừng bao giờ đánh mất những gì thánh thiện."

Như vậy, khi chúng ta thấy ai sống theo tinh thần của Đức Ki-tô, chúng ta biết là bàn tay của Thánh Thần đang hành động trên người ấy - dù họ nhận thấy hay không. Mỗi khi chúng ta thấy ai đem vui mừng và bình an đến giữa tuyệt vọng và xáo trộn, chúng ta biết là Ngài đang ở đó. Khi ai giữ được bình tĩnh và bác ái để đối phó với sự giận dữ và bạo lực, thì chúng ta biết Thánh Thần đang hoạt động trong họ.

Và như thế, những hồng ân của Chúa Thánh Thần có hai mục đích:

- * thánh hóa chúng ta để được trở nên thánh thiện như Cha trên trời, và
- * xây dựng Hội Thánh nên "nhà Thiên Chúa ngự, nhờ Thần Khí" (Ep 2:22).

Do đó, chúng ta phần khởi kết luận về hoạt động của Thánh Thần nơi chúng ta như sau: khi mỗi tín hữu trong Hội Thánh mở lòng cho Chúa Thánh Thần đến, và khi Hội Thánh như một cộng đồng trở nên cho thế giới hôm nay của chúng ta chính những gì Đức Giê-su đã trở nên cho thế giới của Ngài, thì cá nhân chúng ta và Hội Thánh sẽ là:

- * một dấu chỉ độc đáo nói lên sự hiện diện đặc biệt của Thiên Chúa thế giới, và
- * một dụng cụ độc đáo Thiên Chúa dùng để biến đổi và xây dựng lại giới.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------------|-----------------------------|
| 1. Giô-en 3:1-5 | Những niềm mong và thị kiến |
| 2. Lu-ca 4:14-22 | Đức Giê-su và Thánh Thần |
| 3. Công Vụ Tông Đồ 1:1-8 | Mong đợi Thánh Thần |

4. Ga-lát 5:16-26
5. Rô-ma 8:1-17

Hồng ân của Thánh Thần
Đời sống trong Thánh Thần.

THẢO LUẬN

1. Chọn và thảo luận về hai biến cố trong sách Tin Mừng cho thấy Thánh Thần hoạt động trong đời Đức Giê-su.
2. Tại sao lửa và gió là những hình ảnh thích hợp biểu tượng về Thiên Chúa, nhất là về Chúa Thánh Thần?

CHIA SẺ

1. Ngôi nào trong Ba Ngôi bạn thấy dễ liên hệ nhất? Bạn thường cầu nguyện với Ngôi nào? Tại sao?
2. Kathryn Koob, một trong số 52 người của tòa đại sứ Hoa-kỳ bị bắt làm con tin tại Iran, bị đánh thức dậy với cảm giác thấy có người bước vào phòng giam của mình. Bà kể lại: "Nhưng thực ra chẳng có ai cả. Lập tức tôi nhớ đến Chúa Thánh Thần... Rồi với cảm giác về sự hiện diện của Ngài, tôi nhận thấy một nguồn sức mạnh." Trước đó, bà luôn luôn sợ hãi. Nhưng sau kinh nghiệm này, bà trở nên trầm tĩnh và bình an. Vậy điều gì nói lên rằng cảm nghiệm của bà đến từ Thiên Chúa, chứ không phải do trí tưởng tượng của bà? Đã bao giờ bạn có cảm nghiệm giống như vậy chưa?
3. Đức Giê-su dạy các môn đệ đừng lo lắng khi bị chính quyền thù nghịch tra hỏi: "Vì ngay trong giờ đó, Thánh Thần sẽ dạy cho anh em biết những điều phải nói" (Lc 12:12). Có khi nào bạn nhận được sự soi sáng hoặc hướng dẫn khác thường để giải quyết một việc hết sức khó khăn hoặc phức tạp không?
4. Bạn sẽ làm gì để mở lòng đón nhận Thánh Thần Chúa?

The Catholic Vision I - 5

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 6

Những mô thức về Hội Thánh

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy viết nốt hai câu sau đây:

1. Điều Hội Thánh Công Giáo hấp dẫn tôi là...
2. Một vài kinh nghiệm trong quá khứ đã cho tôi một ấn tượng không tốt về Hội Thánh Công Giáo là...

MÔ THỨC VÀ HÌNH ẢNH

Qua một bài thơ, John Godfrey thuật lại câu chuyện năm chàng mù thành Indostan quây quần chung quanh một chú voi và thay phiên nhau mô tả hình dáng nó.

Một người đâm vào hông nó và tưởng con voi chắc như tường thành. Người khác mân mê đôi ngà của nó và bảo nó giống như thanh gươm. Người thứ ba sờ cái vòi voi và bảo hình dáng voi tựa như một con trăn. Người thứ tư sờ đôi tai và tả voi giống cái quạt. Anh mù cuối cùng lần tay vuốt đuôi nó và tưởng voi giống như sợi giây chảo. Godfrey kết thúc bài thơ với những lời lẽ như sau:

"Thế là năm chàng Indostan
Lớn tiếng cãi nhau thật là hăng
Mỗi chàng khư khư một ý kiến
Chỉ tôi phải, còn anh nói xằng.
Dù cho đúng một phần thôi
Tự chung thì vẫn mọi người đều sai."

Hội Thánh Công Giáo cũng tựa như con voi trong bài thơ trên. Nhiều người trong chúng ta chẳng khác gì những anh mù Indostan. Họ mù tịt về Hội Thánh. Tệ hơn nữa, những gì họ biết về Hội Thánh lại đều do những người cũng lơ mơ như họ.

Nhận thấy như vậy, thần học gia Avery Dulles đã viết một cuốn sách tựa đề là Những mô thức về Hội Thánh. Bài học này dựa theo cuốn sách của ngài.

Mô thức giúp chúng ta am hiểu hơn

Mô thức là một hình ảnh giúp chúng ta am hiểu hơn về một thực tại phức tạp. Thí dụ trong bài thơ, một người mù dùng hình ảnh bức tường để mô tả con voi. Người khác dùng hình ảnh thanh gươm.

Đức Giê-su cũng đã dùng nhiều hình ảnh và mô thức để giúp người ta hiểu hơn về Triều Đại Thiên Chúa. Thí dụ Ngài bảo Triều Đại Thiên Chúa tựa như hạt cải bé nhỏ sẽ mọc lên thành cây lớn. Hoặc nước trời giống như men trong bột làm cho bột dậy lên. Hoặc như một hạt ngọc toàn hảo mà một

thương gia nọ, sau khi tìm gặp đã sẵn sàng bán hết mọi sự để mua cho bằng được.

Mô thức phải được sử dụng như một phần trong một khối tổng hợp

Một hình ảnh hoặc một mô thức đơn độc tự nó có thể bóp méo sự thật, giống như những hình ảnh về con voi theo cách hình dung của những người mù. Do đó, mô thức phải được dùng theo cách tổng hợp, như Đức Giê-su đã sử dụng để diễn tả Triều Đại Thiên Chúa.

Các khoa học gia cũng sử dụng mô thức rất nhiều. Thí dụ điện tử (electron). Chưa có ai trông thấy được điện tử. Các khoa học gia chỉ lấy danh từ này đặt tên cho một khối cố định gồm những biến cố xảy ra trong những hoàn cảnh cố định. Đôi khi họ coi điện tử như một làn sóng, đôi khi như một hạt nhân. Khi không thể giải thích bằng mô thức này, họ sẽ dùng một mô thức khác.

Đối với người Công Giáo cũng vậy. Họ rất hay dùng mô thức để giúp người ta hiểu hơn về Hội Thánh. Một số mô thức này có thể diễn tả thực tại rõ hơn những mô thức kia. Điều quan trọng để hiểu về Hội Thánh là phải nhìn những mô thức này theo một bối cảnh.

Người Công Giáo dùng sáu mô thức để diễn tả Hội Thánh. Mỗi mô thức cho chúng ta một hình ảnh độc đáo giúp chúng ta nhận ra thực tại phức tạp và huyền nhiệm này. Đây là sáu mô thức:

- * Cộng đồng môn đệ
- * Sứ giả Tin Mừng
- * Cộng đồng ân sủng
- * Tổ chức có cơ cấu
- * Bí tích nền tảng
- * Tôi tớ

CỘNG ĐỒNG MÔN ĐỆ

Cuộc bách hại tôn giáo vào năm 1980 đã đưa tới tình trạng thiếu linh mục tại một vùng lớn ở nước Guatemala. Dù thiếu linh mục hướng dẫn, các tín hữu Công Giáo trong vùng này vẫn tụ họp tại nhà thờ mỗi Chúa Nhật. Fernando Bermudez mô tả những buổi họp mặt này như sau:

"Có những cộng đoàn tụ họp nhau lại để xưng tội ra với người khác, lớn tiếng và quì gối, rồi tất cả cùng nhau hát cầu xin ơn tha thứ của Thiên Chúa."

Death and Resurrection in Guatemala

Sau nghi thức hòa giải, một giáo dân điều khiển sẽ đọc một đoạn Kinh

Thánh và cố gắng giải thích theo khả năng hiểu biết của mình. Sau đó họ mời mọi người chia sẻ ý nghĩa của đoạn Kinh Thánh ấy.

Mỗi tháng một lần, mỗi cộng đoàn cử một đại diện đi tới vùng chính phủ cho phép linh mục thi hành mục vụ. Hành trình có thể hơn 18 tiếng đi bộ, để họ thay mặt cộng đoàn dâng Thánh lễ. Bàn thờ đầy những giỏ bánh lễ sẽ được truyền phép thành Mình Máu Thánh Chúa. Rồi họ sẽ mang những giỏ Mình Thánh Chúa đem về cho anh chị em tín hữu trong cộng đoàn mình."

Dần dần chính phủ gia tăng bách hại và đóng cửa hết các nhà thờ trong nước. Nhưng các tín hữu vẫn tìm cách họp nhau cầu nguyện. Bermudez thuật lại:

"Các Ki-tô hữu có tinh thần cộng đoàn rất cao. Họ dư biết nơi nào có hai hoặc nhiều người họp nhau nhân danh Đức Ki-tô thì Ngài hiện diện nơi đó... Bởi vậy họ bảo nhau "Nếu người ta cấm chúng mình họp nhau ở nhà thờ, thì chúng mình đến với nhau dưới bóng cây rừng hoặc trong hang núi."

Hội Thánh là một cộng đồng đức tin

Những cộng đoàn Hội Thánh mà Bermudez mô tả ở trên cho chúng ta một cái nhìn sâu sắc về mô thức Hội Thánh là một cộng đoàn môn đệ. Mô thức này là hình ảnh một cộng đồng môn đệ Đức Giê-su họp nhau lại nhân danh Ngài để tuyên xưng "Đức Ki-tô đã chết, Đức Ki-tô đã sống lại, Đức Ki-tô sẽ lại đến."

Mô thức này gợi lại hình ảnh về các cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi được thuật lại trong sách Công Vụ Tông Đồ. Họ cũng bị bách hại và cũng được đầy tràn thần khí của Đức Giê-su, ít khi thấy trong những cộng đoàn Ki-tô hiện nay. Họ đã linh động thích nghi với một cách thức thờ phượng và lãnh đạo mới để thay thế cho những gì đã quen thuộc theo phong tục Do-thái.

Ưu điểm của mô thức này là cởi mở đón nhận Chúa Thánh Thần, sẵn sàng để lớn lên và đầy lòng tin cậy phó thác nơi Chúa. Nhược điểm là các cộng đoàn này dễ hướng theo một cơ cấu tổ chức lỏng lẻo và quá nhát sợ. Họ dễ mất ý thức về sự hướng dẫn và lãnh đạo mà Đức Giê-su muốn Hội Thánh có.

SỨ GIẢ TIN MỪNG

Thần học gia William Barclay người Côt-len kể lại câu chuyện cảm động về một tù trưởng Phi-châu đến dự Phụng vụ sáng Chúa Nhật của Ki-tô hữu. Ông đã ứa nước mắt khi nhìn những người thuộc các bộ lạc Ngoni,

Senga và Tumbuka cùng cầu nguyện bên nhau.

Ông nhớ lại thời thơ ấu khi chứng kiến cảnh các dũng sĩ Ngoni, sau một ngày chiến đấu, đã rửa gươm đao và mình vấy đầy máu người Senga và Tumbuka. Sáng hôm ấy trong Thánh Lễ, vị tù trưởng già đã hiểu Ki-tô giáo là gì, điều mà trước đây ông không bao giờ hiểu được. Đó là qua Đức Giê-su và trong Ngài, Thiên Chúa đã mời gọi mọi người hãy chấm dứt tất cả hận thù và hãy sống như một gia đình.

Hội Thánh mang đến một sứ điệp

Câu truyện trên giúp chúng ta hiểu mô thức Hội Thánh là sứ giả Tin Mừng. Tâm điểm của mô thức này là Lời Chúa. Sứ mệnh tiên quyết là loan báo Tin Mừng rằng Thiên Chúa đã mời gọi mọi người sống hòa thuận như gia đình của Thiên Chúa. Qua sự chết và sống lại của Đức Giê-su, tất cả chúng ta đã trở nên anh chị em.

Ưu điểm của mô thức này là nhấn mạnh Lời Chúa là nguồn mạch đức tin và đời sống Ki-tô hữu. Nhược điểm là khuynh hướng cuồng tín khiến người ta quá chú trọng hiểu Kinh Thánh theo từng chữ, gạt bỏ truyền thống và quên đi khía cạnh bí tích của Hội Thánh.

CỘNG ĐỒNG ÂN SÙNG

Mô thức này phát sinh từ một số hình ảnh trong Kinh Thánh. Trước hết là hình ảnh "Dân Thiên Chúa" được kêu gọi nên thánh thiện như Thiên Chúa là Đấng Thánh (Lv 20:26). Qua hình ảnh này, Hội Thánh được coi như dân Ít-ra-en mới trong thời Tân Ước (1Pr 2:9-10). Một hình ảnh Kinh Thánh nữa đó là cây và ngành nho. Đức Giê-su phán: "Thầy là cây nho, chúng con là ngành nho" (Ga 15:5). Hình ảnh thứ ba là do thánh Phao-lô. Ngài gọi Hội Thánh là thân thể của Chúa Ki-tô. Chúa Ki-tô là Đầu Nhiệm Thể, các tín hữu là chi thể (Ep 4:15-16).

Hội Thánh là mối thông hiệp sự sống

Những hình ảnh Kinh Thánh trên nhấn mạnh về sự liên kết, quan tâm đến nhau và sự lệ thuộc của các phần tử Hội Thánh vào Chúa Ki-tô cũng như các tín hữu khác. Những hình ảnh này cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ của Đầu là Chúa Ki-tô trên toàn Nhiệm Thể. Ngài là nguồn ban phát sự sống và hoạt động của Hội Thánh.

Ưu điểm của mô thức này là chú trọng đến sự thông hiệp sự sống của Thiên Chúa (ân sùng), nguyên lý liên kết mọi phần tử với Đức Ki-tô và với

nhau. Nhược điểm là quá chú ý đến sự thông hiệp sự sống nên quên bằng đi trách nhiệm của Hội Thánh là phải đến với những người chưa là phần tử của cộng đồng ân sủng này.

TỔ CHỨC CƠ CẤU

Mô thức này phát xuất từ một biến cố đáng nhớ xảy ra tại Xê-da-rê Phi-líp-phê khi Đức Giê-su quay lại nói với Phê-rô:

"Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy... Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy."

(Mt 16:18-19)

Đây là một trong những đoạn Tân Ước tuyệt diệu nhất, vì nó cho thấy Đức Giê-su chia sẻ quyền năng và quyền bính của Thiên Chúa với Phê-rô. Phê-rô được trao ban uy quyền đặc biệt trong Hội Thánh của Đức Giê-su. Với địa vị đặc biệt này, Phê-rô luôn đứng đầu danh sách các tông đồ (Lc 6:14-16) và ông có đặc quyền lãnh đạo trong mọi lãnh vực của Hội Thánh (Cv 1:15).

Hội Thánh có phẩm trật

Mô thức này của Hội Thánh nhấn mạnh sự kiện Hội Thánh không phải là một đoàn thể dân chủ, nhưng Hội Thánh được thiết lập như một cộng đồng có phẩm trật. Trách nhiệm lãnh đạo tối cao được trao cho những người do Đức Giê-su đã tuyển chọn để chấn dất đoàn chiên của Ngài.

Ưu điểm của mô thức này là tính cách có tổ chức, danh chính ngôn thuận. Nhưng khuyết điểm là có khuynh hướng độc tài, nặng hình thức hành chánh và quan liêu.

BÍ TÍCH NỀN TẢNG

Đức Giê-su nói với Phi-líp-phê: "Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha" (Ga 14:9). Những lời này của Đức Giê-su giải thích lý do tại sao một số nhà thần học gọi Ngài là "bí tích về sự hiện diện của Thiên Chúa." Đức Giê-su đã làm cho Thiên Chúa hiện diện trong thời đại Tin Mừng để mọi người có thể thấy, nghe và sờ được Thiên Chúa.

Hội Thánh làm cho Đức Giê-su hiện diện

Cũng thế, Hội Thánh là "bí tích về sự hiện diện của Đức Giê-su," để người ta có thể thấy, nghe và sờ được Ngài. Chính Ngài đã phán: "Vì ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ" (Mt 18:20). Qua Hội Thánh, Đức Giê-su tiếp tục giảng dạy, chữa lành và tha thứ trong một phương thức loài người có thể cảm nhận được.

Ưu điểm của mô thức này là việc tôn trọng bản chất con người chúng ta, nhìn nhận chúng ta có cả xác lẫn hồn. Mô thức này cũng cho thấy là chúng ta cần đến những cách biểu lộ giúp cảm nhận được sự hiện diện của Thiên Chúa - và những cách có thể cảm nhận khi chúng ta đáp lại sự hiện diện này. Khuyết điểm của mô thức này là việc sử dụng những nghi thức có thể trở thành nặng hình thức hoặc mê tín.

TÔI TÔI

Mô thức này được diễn tả rất hay trong phần mở đầu thư mục vụ của Đức Hồng y Richard Cushing khi ngài làm Giám mục giáo phận Boston:

"Đức Giê-su đã đến không chỉ để loan báo Nước Trời đang tới, mà còn để hiến thân mình cho công việc ấy. Ngài đã đến để phục vụ, chữa lành, giải hòa, băng bó những vết thương. Chúng ta có thể nói Đức Giê-su là người Sa-ma-ri nhân hậu theo cách đặc biệt. Ngài là Đấng đồng hành với chúng ta trong những nhu cầu và những sầu khổ của chúng ta. Ngài tự hủy vì chúng ta. Ngài chết thực sự để chúng ta được sống và Ngài phục vụ chúng ta để chúng ta được chữa lành."

Hội Thánh là một cộng đồng vị tha

Mô thức này nhấn mạnh rằng Hội Thánh loan báo Nước Thiên Chúa đang đến, không chỉ bằng rao giảng nhưng còn bằng việc làm. Hội Thánh đi tìm những kẻ lạc mất. Hội Thánh ôm ấp người nghèo khổ. Hội Thánh bênh đỡ kẻ bị đàn áp. Nói khác đi, như Đức Giê-su là "người sống cho tha nhân" thế nào, thì Hội Thánh Ngài phải là một "cộng đồng sống cho tha nhân" như thế. Nhất là Hội Thánh phải sẵn sàng phục vụ những người bị ruồng bỏ và thiếu thốn trong xã hội.

Ưu điểm của mô thức này là ưu tiên lo phục vụ tha nhân, nhất là những người thấp hèn trong xã hội. Điểm yếu là có thể đi tới chỗ biến việc phục vụ theo tinh thần Chúa Ki-tô thành tinh thần của trần thế và đi theo những giá trị và mục đích của trần gian.

NHỮNG GÓC CẠNH CỦA HẠT KIM CƯƠNG

Tóm lại, chúng ta có sáu mô thức giúp hiểu biết về Hội Thánh. Mỗi mô thức giống như một góc cạnh của một hạt kim cương. Góc cạnh ấy không phải là chính hạt kim cương, nhưng chỉ là góc cạnh.

* Mô thức cộng đồng môn đệ nhấn mạnh Hội Thánh là một cộng đồng đức tin, mở rộng cho Chúa Thánh Thần.

* Mô thức sứ giả Tin Mừng nhấn mạnh Hội Thánh có một sứ điệp đức tin phải đem cho thế giới.

* Mô thức cộng đồng ân sủng nhấn mạnh đến sự kết hiệp của các phần tử Hội Thánh với Chúa Ki-tô và với nhau.

* Mô thức tổ chức có cơ cấu nhấn mạnh việc Chúa Thánh Thần ban cho các phần tử Hội Thánh những đặc sủng khác nhau.

* Mô thức bí tích nền tảng nhấn mạnh việc Hội Thánh giúp cho Đức Giê-su hiện diện một cách có thể cảm nhận được.

* Mô thức tôi tớ nhấn mạnh rằng Hội Thánh được kêu gọi trở nên một "cộng đồng vị tha" như chính Đức Giê-su đã là "người sống cho tha nhân."

Ánh sáng và bóng tối của Hội Thánh

Hội Thánh không giống như bất cứ cộng đồng nào trên thế giới này. Hội Thánh có hai chiều kích: một thuộc về Thiên Chúa và một thuộc về loài người. Chiều kích thuộc Thiên Chúa chúng ta không thấy được. Đó chính là sự sống vô hình của Đức Ki-tô đang liên kết mọi phần tử của Hội Thánh thành một Nhiệm Thể. Chiều kích thuộc loài người là những gì chúng ta có thể thấy. Đó là cộng đồng tín hữu. Vì có chiều kích loài người nên Hội Thánh cũng là một cái gì giống với con người, nghĩa là có những bất toàn.

Vì Hội Thánh bất toàn, do đó Hội Thánh không phải lúc nào cũng có thể bày tỏ cho trần gian thấy được "dung mạo Chúa Ki-tô." Các phần tử của Hội Thánh có thể sa vào những gương xấu tai tiếng hoặc đáng tiếc. Điều này có nghĩa là chúng ta thường thấy Hội Thánh giống như là chúng ta: yếu đuối, tội lỗi và phần đầu đề trở nên toàn hảo như Thiên Chúa muốn. Như thế, Hội Thánh sẽ luôn luôn có ánh sáng lẫn bóng tối. Cộng đồng tín hữu này tin tưởng rằng ánh sáng sẽ không bao giờ bị bóng tối che khuất được.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. Công Vụ Tông Đồ 2:43-47 | Cộng đồng môn đệ |
| 2. Công Vụ Tông Đồ 4:1-20 | Sứ giả Tin Mừng |
| 3. 1 Cô-rin-tô 12:12-31 | Cộng đồng ân sủng |
| 4. Mát-thêu 16:13-19; 18:15-20 | Tổ chức có cơ cấu |
| 5. Gio-an 14:8-14 | Bí tích nền tảng |

THẢO LUẬN

1. Qua sáu mô thức về Hội Thánh, theo nhận xét của bạn, Hội Thánh toàn cầu và cộng đoàn địa phương nơi bạn ở hiện thời cần sống mô thức nào mới đúng?
2. Khi chúng ta nói bóng tối sẽ không bao giờ che khuất được ánh sáng của Hội Thánh, điều ấy có ý nghĩa gì đối với bạn?

CHIA SẺ

1. "Đi vào nơi đậu xe không thể biến bạn trở thành một chiếc xe. Cũng thế, vào nhà thờ không làm cho bạn thành một Ki-tô hữu." (Billy Sunday)
 "Điều cần thiết không phải là chúng ta làm điều gì cho Hội Thánh, nhưng là làm điều gì cùng với Hội Thánh." (Martin Luther King)
 "Đức Giê-su không bị đóng đinh trong nhà thờ giữa hai ngọn nến, nhưng trên thập giá giữa hai tên cướp, trên một núi rác thành phố... tại một nơi những tên vô lại dối trá, kẻ cắp vắng tục chửi thề và lính tráng bài bạc... Đó là nơi chúng ta phải tìm đến và đó là nơi cần có Hội Thánh." (George MacLeod)

Bạn hãy chia sẻ những tư tưởng trên.

2. Trong các mô thức Hội Thánh, mô thức nào bạn thích nhất? Tại sao?
3. Một thống kê cho thấy: có 40% người Công Giáo khoảng 15 đến 29 tuổi đã không sống đạo nữa. 70% trong số này đã trở về với Hội Thánh. 60% trở về là do ảnh hưởng bạn bè, gia đình hoặc láng giềng. Bạn đã khi nào bỏ sống đạo một thời gian chưa? Tại sao? Điều gì giúp bạn trở lại?
4. Bạn có khả năng nào để đóng góp vào công cuộc xây dựng Nước Chúa trên trần gian này?

The Catholic Vision I - 6

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát**Bài 7****Phụng vụ và Năm Phụng vụ**

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Lý do tại sao tôi nhớ lại cuộc sống của Đức Giê-su qua một nghi lễ thờ phượng (thí dụ lễ Giáng Sinh hoặc Phục Sinh) là vì...
2. Tưởng niệm cuộc sống của Đức Giê-su qua một nghi lễ thờ phượng và việc xem một cuốn phim về đời Ngài khác nhau ở những điểm này: ...

PHỤNG VỤ

Muốn hiểu phụng vụ là gì, chúng ta cần hiểu Hội Thánh là gì.

Hội Thánh là thân thể Chúa Ki-tô. Hội Thánh là Đức Giê-su được tiếp nối trong không gian và thời gian qua các tín hữu của Ngài, tức là Nhiệm Thể của Ngài. Hội Thánh là Đức Giê-su đang hiện diện trong thời nay qua Nhiệm Thể của Ngài y như Ngài đã hiện diện trong thời Tin Mừng qua thân xác của Ngài.

Phụng vụ là việc Đức Giê-su hành động qua Hội Thánh của Ngài

Phụng vụ là việc Đức Giê-su hành động trong thời nay qua Nhiệm Thể Ngài, giống như Ngài đã hành động trong thời Tin Mừng qua thân xác Ngài.

Chúng ta có thể nói lên sự so sánh này. Cũng như Đức Giê-su đã hành động hai ngàn năm trước đây qua những hoạt động cơ thể của thân xác bằng xương bằng thịt, thì ngày nay Ngài vẫn tiếp tục hành động qua những hoạt động phụng vụ của Nhiệm Thể Ngài. Vậy phụng vụ là việc cử hành Thánh Lễ, Bí tích Rửa Tội, Bí tích Hòa Giải, Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân... Tất cả những việc cử hành này đều là những dấu chỉ cho thấy Đức Ki-tô đang sống và hành động giữa dân Ngài.

Theo lời Công Đồng chung Vatican II, phụng vụ là sự tiếp nối của "công cuộc cứu chuộc" mà Đức Giê-su đã khởi sự khi còn ở trần gian. Chính "phụng vụ góp phần rất nhiều để giúp các tín hữu qua cuộc sống biết diễn tả và biểu lộ cho những người khác mẫu nhiệm Chúa Ki-tô và bản tính đích thực của Hội Thánh chân chính" (Hiến chế về Phụng vụ thánh, số 2).

"Để chu toàn công việc lớn lao ấy, Chúa Ki-tô hằng hiện diện trong Hội Thánh, nhất là trong các hoạt động phụng vụ.

Ngài hiện diện trong lễ Hy tế... nhất là hiện diện thực sự dưới hai hình Thánh Thể... Ngài hiện diện trong các Bí tích nhờ quyền năng của Ngài. Vì thế ai rửa tội thì chính Chúa Ki-tô rửa. Ngài hiện diện trong lời của Ngài, vì chính Ngài nói khi người ta đọc Kinh Thánh trong Hội Thánh. Sau hết Ngài hiện diện khi Hội Thánh cầu khẩn và hát Thánh Vịnh." (PV, số 7)

Như thế, phụng vụ cũng là hoạt động của Hội Thánh, Nhiệm Thể Chúa

Ki-tô. Phụng vụ là việc Đức Giê-su tiếp tục "công cuộc cứu chuộc" qua Nhiệm Thể Ngài là Hội Thánh.

NĂM PHỤNG VỤ

"Công cuộc cứu chuộc" Đức Giê-su đã thực hiện trong cuộc đời dương thế của Ngài mang chiều kích vĩ đại đến nỗi trí óc hữu hạn của chúng ta không thể hiểu ngay một lúc được. Vì thế cần phải chia thành từng phần nhỏ.

Đó chính là công việc của năm phụng vụ. Năm phụng vụ chia "công cuộc cứu chuộc" (lịch sử cứu rỗi) của Đức Giê-su thành từng phần nhỏ, để chúng ta có thể sống lại những phần ấy và nhờ sức mạnh từ đó chúng ta dần dần được đổi mới.

Năm phụng vụ diễn lại lịch sử cứu rỗi

Phim ảnh hoặc vở kịch thường diễn lại cuộc đời của một vĩ nhân, thí dụ The Miracle Worker diễn lại cuộc đời bà Helen Keller. Năm phụng vụ cũng giống như vậy, diễn lại cuộc đời Đức Giê-su và lịch sử cứu rỗi.

Nhưng khác biệt vô cùng giữa việc diễn lại trên sân khấu cuộc đời của Helen Keller và việc diễn lại của phụng vụ về cuộc đời Đức Giê-su.

Vở kịch The Miracle Worker không làm cho Helen Keller hiện hữu lần nữa. Còn việc cử hành phụng vụ làm cho Đức Giê-su hiện diện trở lại. Trong Thánh Lễ, Đức Giê-su hiện diện cách mầu nhiệm. Hơn thế nữa, Đức Giê-su hiện diện trong mỗi Chúa Nhật hoặc lễ kính để thông đạt với chúng ta một điều gì đó độc đáo mà chỉ có Chúa Nhật hoặc lễ kính ấy có mà thôi. Cho nên trong Thông điệp Đấng Trung Gian của Thiên Chúa (Mediator Dei), Đức Giáo Hoàng Piô XII viết:

"Năm phụng vụ không phải là việc diễn tả một cách lạnh nhạt và vô hồn những biến cố quá khứ, cũng không phải là một bản ghi chép lại một cách giản dị và trống rỗng về một thời đại đã qua. Nhưng năm phụng vụ là chính Chúa Ki-tô hằng sống động giữa Hội Thánh. Nơi đây Ngài tiếp tục cuộc hành trình của lòng từ bi bao la mà Ngài đã khởi sự cách yêu thương trong cuộc sống trần gian của Ngài, luôn làm điều lành thánh mong chúng ta biết đến những mầu nhiệm của Ngài và sống những mầu nhiệm ấy."

Thử lấy một thí dụ để giúp chúng ta hiểu rõ mầu nhiệm đức tin tuyệt vời này.

Câu truyện Thành phố bên kia bức tường (Town Beyond the Wall) của Elie Wiesel nói về sức mạnh của tình bạn. Trong câu truyện, Michael sống lại con hành hạ đau đớn bởi vì Pedro, người bạn đã khuất của anh, đang

sống lại trong ký ức anh. Sức mạnh không đến từ chính Pedro, nhưng từ những kỷ niệm về Pedro. Ký ức của Michael về Pedro không chỉ gọi lại người bạn trong dĩ vãng, nhưng đã làm cho bạn anh hiện diện đến độ anh nhận thấy có một sức mạnh đến từ người bạn ấy.

Câu truyện này giúp chúng ta hiểu một chân lý quan trọng trong Kinh Thánh.

Chúng ta sống lại lịch sử cứu rỗi

Đối với người Do-thái, cử hành ("nhớ đến") một biến cố từ lịch sử cứu rỗi không phải chỉ là gọi lại một biến cố, nhưng là sống lại biến cố ấy.

Khi những người Do-thái cử hành ("nhớ đến") lễ Vượt Qua, họ không chỉ nhớ lại biến cố họ đã được giải thoát khỏi Ai-cập, nhưng còn đem biến cố ấy vào hiện tại và sống lại nó. Một cách huyền diệu, họ thực sự biến thành một phần của biến cố và lãnh nhận từ Thiên Chúa cùng một hồng ân Ngài đã ban cho tổ tiên họ.

Cũng tương tự như vậy khi chúng ta cử hành phụng vụ diễn lại cuộc đời Đức Ki-tô, nghĩa là ơn cứu rỗi bởi đó mà ra. Chúng ta còn làm một điều hơn cả việc nhớ lại quá khứ, bởi vì một cách huyền diệu, biến cố nguyên thủy được sống lại qua việc cử hành phụng vụ.

Một đoạn trong cuốn Mùa đông bất mãn (The Winter of Our Discontent) của John Steinbeck làm sáng tỏ những điều chúng ta vừa nói ở trên. Steinbeck viết:

"Bà dì Deborah đã đọc Kinh Thánh cho tôi nghe mỗi ngày giống như đọc nhật báo làm tôi tin đó là lời suy nghĩ của bà về Kinh Thánh. Kinh Thánh là một cái gì đang diễn tiến, cứ xảy ra mãi mãi nhưng luôn luôn hấp dẫn và mới lạ. Mỗi lần lễ Phục Sinh, Đức Giê-su lại thực sự sống lại từ kẻ chết, một biến cố vĩ đại người ta mong đợi, nhưng vẫn luôn luôn mới mẻ. Đối với bà, đó không phải là một cái gì đã xảy ra hai ngàn năm trước, nhưng đang xảy ra bây giờ."

Phụng vụ là như thế đó, "một biến cố vĩ đại người ta mong đợi, nhưng vẫn luôn luôn mới mẻ." Không phải chỉ là điều gì xảy ra hai ngàn năm trước, nhưng đang xảy ra bây giờ.

Năm phụng vụ không chỉ gọi lại những biến cố cuộc đời Đức Giê-su, nhưng một cách mầu nhiệm nó làm cho những biến cố ấy hiện hữu để chúng ta có thể sống lại trong sức mạnh và vinh hiển nguyên thủy của những biến cố ấy.

CẤU TRÚC CỦA NĂM PHỤNG VỤ

Năm phụng vụ được sắp xếp dựa trên hai ngày lễ chính: Giáng Sinh và Phục Sinh. Mỗi ngày lễ lại tạo thành một mùa riêng: mùa Giáng Sinh và mùa Phục Sinh.

Chúng ta có thể hiểu mùa Giáng Sinh và mùa Phục Sinh với ba giai đoạn:

- * giai đoạn chuẩn bị
- * chính ngày lễ
- * thời gian kéo dài sau lễ.

Chúng ta hãy xét riêng từng mùa, bắt đầu mùa Giáng Sinh.

Chúng ta chuẩn bị lễ Giáng Sinh

Chủ đề của lễ Giáng Sinh là Thiên Chúa đi vào lịch sử loài người qua con người Đức Giê-su. Chính Thiên Chúa đã mặc lấy thân xác (Nhập Thể) và sống giữa chúng ta như một người trong chúng ta.

Giai đoạn chuẩn bị lễ Giáng Sinh gọi là Mùa Vọng, (Advent có nghĩa là đang tới). Từ ngữ này nói lên chủ đích của mùa này là chuẩn bị cho biến cố Đức Giê-su sắp đến.

Nhưng việc Đức Giê-su đến mà chúng ta đang chuẩn bị không phải chỉ là diễn lại việc Ngài đến cách đây hai ngàn năm. Đó là tiêu điểm thứ nhất. Nhưng tiêu điểm thứ nhì là hướng về việc Đức Giê-su đến lại lần thứ hai trong ngày tận thế.

Mùa Vọng khiến chúng ta nhớ đến một vị thần cổ xưa của Rô-ma, tên là Janus (từ January là do tên của vị thần này). Trong nghệ thuật, người ta mô tả thần Janus có hai khuôn mặt, một mặt nhìn về đằng sau và một mặt nhìn về phía trước.

Cũng thế, Mùa Vọng có hai hướng nhìn, nhìn lại việc Đức Giê-su đến lần thứ nhất trong lịch sử và nhìn tới hướng về việc Đức Giê-su sẽ đến lần thứ hai trong ngày tận thế. Còn chúng ta thì đang đứng ở đâu đó giữa hai thời điểm ấy.

Chúng ta cử hành lễ Giáng Sinh

Ngày lễ Giáng Sinh, chúng ta sống lại mầu nhiệm lạ lùng Thiên Chúa trở thành con người. Chúng ta vui mừng qua việc Ngài giáng sinh và việc chúng ta được tái sinh cùng với Ngài trong cuộc sống mới.

Lễ Giáng Sinh được tiếp nối với những ngày lễ liên hệ:

- * Lễ Thánh Gia Thất (Chúa Nhật sau Giáng Sinh)
- * Lễ Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa (ngày 1 tháng 1)
- * Lễ Hiển Linh (Chúa Nhật sau ngày 1 tháng 1).

Mỗi ngày lễ liên hệ này đều liên quan tới việc Đức Giê-su đến trong lịch sử và việc Ngài chuẩn bị rao giảng Tin Mừng.

Chúng ta tiếp nối mùa Giáng Sinh

Cử hành lễ Giáng Sinh được nối tiếp với một giai đoạn gọi là Mùa Thường Niên (hoặc Quanh Năm). Mùa này chia làm hai giai đoạn:

- * Mùa Thường Niên sau Giáng Sinh
- * Mùa Thường Niên sau Phục Sinh.

Giai đoạn thứ nhất (sau Giáng Sinh) ngắn hơn. Giai đoạn này tiếp tục tinh thần về việc Đức Giê-su đã đến và đưa chúng ta sang giai đoạn chính thứ hai của năm phụng vụ, tức là Mùa Phục Sinh.

Chúng ta chuẩn bị lễ Phục Sinh

Lễ Phục Sinh là trái tim và cao điểm của năm phụng vụ. Lễ Phục Sinh cử hành việc Đức Giê-su sống lại từ kẻ chết, một biến cố vĩ đại làm đảo lộn dòng lịch sử nhân loại.

Cũng như lễ Giáng Sinh, lễ Phục Sinh được chia làm ba phần:

- * giai đoạn chuẩn bị
- * chính ngày lễ
- * thời gian kéo dài sau lễ.

Giai đoạn chuẩn bị cho lễ Phục Sinh gọi là Mùa Chay (Lent có nghĩa là “mùa xuân”). Thực vậy, đối với những người miền bắc xích đạo, thời gian này là mùa xuân trong năm. Như thế việc phục sinh của Đức Giê-su trùng hợp với việc “phục sinh” của cây cỏ trong mùa xuân.

Mùa Chay kéo dài bốn mươi ngày và bắt đầu với Thứ Tư Lễ Tro. Lễ Tro có cái tên như vậy vì theo truyền thống nhiều người Công Giáo lấy tro bôi lên trán họ vào ngày này. Tro biểu tượng hai dấu chỉ của Mùa Chay.

Trước hết, tro nhắc nhở chúng ta rằng: giống như Đức Giê-su đã chết ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, chúng ta cũng sẽ chết. Thứ hai, tro nhắc nhở chúng ta là nếu chúng ta muốn chỗi dậy trong cuộc sống mới như Đức Giê-su đã sống lại trong ngày Phục Sinh thì chúng ta phải ăn năn sám hối tội lỗi và thực thi cuộc trở về của tâm hồn.

Chúa Nhật cuối cùng của Mùa Chay gọi là Chúa Nhật Lễ Lá và đánh dấu việc chúng ta bước vào Tuần Thánh là thời gian linh thiêng nhất trong năm. Trong Tuần Thánh, qua phụng vụ chúng ta diễn lại cuộc Khổ Nạn và sự Chết của Đức Giê-su. Tam Nhật thánh gồm có ngày Thứ Năm Tuần Thánh, Thứ Sáu Tuần Thánh và Thứ Bảy Tuần Thánh đưa chúng ta đến biến cố tâm điểm của năm phụng vụ.

Chúng ta cử hành lễ Phục Sinh

Lễ Phục Sinh bắt đầu với phụng vụ Lễ Vọng Phục Sinh vào đêm Thứ Bảy Tuần Thánh. Lễ Phục Sinh cử hành việc Đức Giê-su toàn thắng tội lỗi và quyền lực của ma quỷ trói buộc mọi người trong vòng nô lệ cho chúng kẻ từ khi ông A-đam phạm tội.

Cũng như lễ Giáng Sinh, lễ Phục Sinh được nối tiếp với những ngày lễ liên hệ:

- * Lễ Thăng Thiên [Chúa Giê-su Lên Trời], (bốn mươi ngày sau lễ Phục Sinh).

- * Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống (năm mươi ngày sau Phục Sinh).

Thứ Năm Lễ Thăng Thiên cử hành việc Đức Giê-su lên trời về với Thiên Chúa Cha (Cv 1:9) và nhắc nhở chúng ta phải tiếp tục sứ mạng Đức Giê-su đã khởi sự ở trần gian. Đây cũng là cách chúng ta chuẩn bị cho chính mình và cho thế giới đang khi chờ đợi Ngài trở lại trong ngày tận thế.

Chúa Nhật Lễ Hiện Xuống cử hành việc Chúa Thánh Thần đến trên các tông đồ, biến họ thành Hội Thánh là Nhiệm Thể Chúa Ki-tô và ban sức mạnh cho họ để tiếp tục sứ mạng của Ngài trên trần gian. Chúng ta là tiếng nói, là con tim, là đôi chân, là bàn tay của Đức Ki-tô trong thế giới này. Chúng ta là phương tiện để Đức Giê-su chữa lành và tha thứ trong thời đại này như Ngài đã chữa lành và tha thứ trong thời Tin Mừng.

Những Chúa Nhật giữa Chúa Nhật Phục Sinh và Chúa Nhật Hiện Xuống, chúng ta vui mừng trong sự sống mới của Đức Giê-su và sự sống mới được đem đến cho mỗi người chúng ta.

Chúng ta nối tiếp Mùa Phục Sinh

Cũng như chính lễ Giáng Sinh và những ngày lễ liên hệ được nối tiếp bằng giai đoạn thứ nhất Mùa Thường Niên, lễ Phục Sinh và những ngày lễ liên hệ được nối tiếp bằng giai đoạn thứ hai Mùa Thường Niên.

Trong giai đoạn thứ hai Mùa Thường Niên, chúng ta cố gắng sống đời sống mới Đức Giê-su đã đem lại cho chúng ta nhờ sự sống lại của Ngài từ cõi chết.

Những Chúa Nhật của mùa này (thường vào khoảng hai mươi tuần lễ) chú trọng đến cuộc đời và sứ vụ của Đức Giê-su. Nhờ đó, chúng ta được học hỏi và giúp chúng ta uốn nắn cuộc sống cũng như sứ vụ của mình theo mẫu mực cuộc sống và sứ vụ của Đức Giê-su.

Mùa Thường Niên kết thúc với lễ Chúa Ki-tô Vua, Chúa Tể của vũ trụ.

Lễ này nhắc nhở chúng ta phải tiếp tục hoàn thành Nước Thiên Chúa mà Chúa Ki-tô Vua đã khởi sự. Nếu chúng ta trung thành với sứ mạng này, ngày nào đó chúng ta sẽ được ở trên trời với Chúa Ki-tô khi Ngài ngự bên hữu Chúa Cha.

Như thế, chúng ta có thể định nghĩa phụng vụ như hoạt động của Hội Thánh, Nhiệm Thể Chúa Ki-tô. Qua phụng vụ, Đức Giê-su tiếp tục hoạt động trong thời đại này như Ngài đã hoạt động trong thời Tin Mừng. Và chúng ta cũng có thể định nghĩa năm phụng vụ như việc diễn lại cuộc đời và việc làm của Đức Giê-su giữa chúng ta. Với năm phụng vụ, chúng ta sống lại và tiếp tục cuộc sống cũng như công việc của Đức Giê-su trong quyền năng và vinh hiển của Ngài.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| 1. I-sai-a 63:15-64:11 | Mùa Vọng thứ nhất |
| 2. Lu-ca 2:1-20 | Lễ Giáng Sinh đầu tiên |
| 3. Lu-ca 24:1-49 | Lễ Phục Sinh đầu tiên |
| 4. Công Vụ Tông Đồ 1:1-11 | Lễ Thăng Thiên đầu tiên |
| 5. Công Vụ Tông Đồ 2:1-42 | Lễ Hiện Xuống đầu tiên |

THẢO LUẬN

1. Công Đồng chung Vatican II mô tả phụng vụ thế nào?
2. Khác biệt giữa việc diễn vở kịch và việc cử hành phụng vụ thế nào?
3. Phụng vụ và năm phụng vụ được định nghĩa thế nào?

CHIA SẺ

1. Chia sẻ về những tư tưởng sau đây:

"Sự hiện diện hữu hình của Chúa Cứu Thế thể hiện trong Bí tích."

(ĐGH Lêô I)

"Hội Thánh là nơi để Đức Ki-tô nhập thể mãi mãi." (Louis Everly)

"Không phải Ít-ra-en tuân giữ ngày Hưu lễ, nhưng chính ngày Hưu lễ gìn giữ Ít-ra-en." (Sách Talmud). Áp dụng thế nào cho ngày Chúa Nhật và cho các Ki-tô hữu?

"Phụng thờ đích thực có nghĩa là sẽ đưa chúng ta đi tới đâu: vượt qua những biên giới ngăn cách chúng ta với nhau để đến với Đức Ki-tô nơi những người nghèo đói." (John Robinson)

2. Ki-tô hữu Trung-hoa kể lại câu truyện một người đi chợ có 7 đồng xu. Thấy một người ăn xin, người ấy cho luôn 6 đồng. Nhưng thay vì cảm

on, người ăn xin kia lại mon men theo và tìm cách ăn cắp nốt đồng xu cuối cùng. Vậy sáu đồng xu tượng trưng cho điều gì? Đồng xu thứ bảy ý nói gì? Ai là người đi chợ? Ai là kẻ ăn xin? Đây có phải là hình ảnh rất đúng về Ki-tô giáo tại Hoa-kỳ không?

3. Lễ Giáng Sinh nào đáng ghi nhớ nhất đối với bạn?

4. Bạn và gia đình cử hành Mùa Vọng và Mùa Chay như thế nào?

The Catholic Vision I - 7

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ I : Khái quát

Bài 8

Sự chết và Ngày tận thế

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Điều làm tôi quả quyết là có sự sống đời sau, đó là...
2. Một số câu hỏi về cuộc sống sau cái chết là...

NGÀY TẬN THẾ

Trong cuốn *Sense and Incense*, Thomas Blackburn hình dung hiện tượng ngày tận thế xảy ra bất thần và không chuẩn bị. Ông viết:

“Tại San Francisco, một bà nội trợ nói: ‘Tôi vừa chuẩn bị pha cà-phê thì cảm thấy cả tòa nhà rung chuyển. Rồi một làn chớp lóe lên làm sáng rực cả bầu trời. Tôi chột nghĩ: Trời ơi, mấy đứa con tôi sẽ ướn như chuột!’”

“Một em nữ sinh ở St. Louis kể lại điều này: ‘Tôi đang học lớp sử và ông Fenkle là giáo sư. Tôi nghiêng người qua Sally, đứa bạn gái của tôi, và nói nhỏ “ông Fenkle bô trai quá mày ạ”. Nhưng vừa nói với Sally xong thì mọi sự đều ngưng đọng như chết. Rồi tôi thấy như có cái gì kỳ lạ ở trên trời.’”

“Một thủy thủ tại Nữ Uớc lại thấy khác: ‘Tôi đang ở một quán rượu trên đường 25, uống bia với cô bé này... Câu chuyện đang đến lúc hấp dẫn thì đột nhiên các kẻ tường và góc nhà đều nứt ra. Một làn ánh sáng kỳ dị hiện ra trên trời.’”

“Sau hết, một người địa ốc ở Florida nói: ‘Khi bạn có mặt ngay trong

lúc ấy, thì mọi sự sẽ xảy ra đúng như người ta tiên đoán về ngày tận thế.”

“Ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm. Ngày đó, các tầng trời sẽ âm âm sụp đổ, ngũ hành bốc cháy tiêu tan, mặt đất và các công trình trên đó sẽ bị thiêu hủy” (2 Pr 3:10).

Đức Giê-su sẽ trở lại

Khi “ngày của Chúa” tới, Đức Giê-su sẽ thực hiện lời Ngài đã hứa với những ai theo Ngài: “Thầy sẽ trở lại và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó” (Ga 14:3).

Đức Giê-su so sánh việc Ngài trở lại tựa như chàng rể đến nhà cô dâu. Ngày xưa chú rể thường được các phù dâu cầm đèn rước vào nhà cô dâu. Đức Giê-su nói: “Bấy giờ, Nước Trời sẽ giống như chuyện mười trinh nữ cầm đèn của mình ra đón chú rể. Trong mười cô đó, thì có năm cô dại và năm cô khôn. Quả vậy, các cô dại mang đèn mà không mang dầu theo. Còn những cô khôn thì vừa mang đèn vừa mang chai dầu theo. Vì chú rể đến chậm, nên các cô thiếp đi, rồi ngủ cả” (Mt 25:1-5).

Vào nửa đêm người ta đánh thức các cô dậy và nói rằng chàng rể đang trên đường tới. Các cô dại thấy đèn dầu của mình sắp tắt vội đi mua dầu. Đang khi họ đi ra ngoài thì chàng rể đến. Các cô khôn cùng chàng rể nhập tiệc cưới. Còn các cô dại khi trở về đã quá muộn. Cửa khóa rồi.

Kết thúc dụ ngôn, Đức Giê-su nói rằng ngày Ngài trở lại lần thứ hai khi tận thế cũng vậy. Ngày ấy sẽ đến mà không một lời báo trước và nhiều người không kịp chuẩn bị.

SỰ PHÁN XÉT

Có một vở kịch xưa tên là “Hết mọi người” (Everyman). Theo vở kịch đó, Thiên Chúa sai Thần Chết đến báo cho một vị anh hùng biết cuộc đời ông ta chấm dứt. Khi đã lấy lại bình tĩnh, vị anh hùng xin Thần Chết cho mình một vài phút để hỏi bạn bè thân thiết là Tiền Tài, Danh Vọng, Quyền Thế và Việc Thiện xem có ai theo mình sang cuộc sống đời sau không. Thần Chết chấp nhận lời yêu cầu. Nhưng vị anh hùng vô cùng ngỡ ngàng vì chỉ có mình Việc Thiện là chịu theo ông ta, còn những người bạn khác đều từ chối.

Vở kịch nói lên một sứ điệp quan trọng: Khi sự chết đến, chỉ còn một điều đáng kể, đó là những việc tốt chúng ta đã làm khi còn sống.

Nghiên cứu của tiến sĩ Elizabeth Kubler-Ross tại đại học Chicago bênh vực cho điều nói trên. Bà đã phỏng vấn hàng trăm người đã bị bác sĩ tuyên bố là chết nhưng rồi hồi sinh. Những người này đều có một kinh nghiệm

giống nhau về một thứ hồi tưởng lại cuộc đời của họ, tựa như một thứ phán xét. Tiến sĩ Kubler-Ross thuật lại lời những người này nói: “Khi bạn đến thời điểm này tức là cái chết, bạn sẽ chỉ có hai điều đáng kể: những việc bạn làm để phục vụ người khác và tình yêu. Còn những điều ta cho là quan trọng như danh vọng, tiền bạc, uy tín và quyền thế, tất cả đều không đáng kể.”

Đức Giê-su đã kể một dụ ngôn nói về việc Ngài trở lại lần thứ hai.

Một thương gia sắp phải đi xa. Ông cho gọi ba người đầy tớ thân tín đến, trao cho mỗi người một món tiền lớn và bảo họ kiếm cách sinh lợi trong thời gian ông đi vắng. Dặn dò xong, ông ra đi.

Sau khi trở về, thương gia ấy gọi ba người đầy tớ đến để tính toán số sách. Hai người đã làm lợi rất khá. Người thứ ba không sinh lợi gì hết. Thương gia thưởng cho hai người đầy tớ sinh lợi và trách phạt người đầy tớ thứ ba nặng nề (Mt 25:23-30).

Ý nghĩa dụ ngôn của Đức Giê-su rõ ràng. Thương gia chính là Đức Giê-su. Cuộc hành trình đi xa chỉ việc Ngài trở về với Chúa Cha. Những đầy tớ là các người tin theo Đức Giê-su. Món tiền lớn được trao cho họ là những tài năng Chúa ban. Tiền lời là những việc tốt ta đã làm khi tận dụng mọi khả năng của mình. Sự trở về của thương gia là việc Đức Giê-su trở lại trong ngày tận thế.

Dụ ngôn này để lại một sứ điệp đơn giản. Sau khi Đức Giê-su về trời, các môn đệ Ngài phải tận dụng mọi tài năng để hoàn thành Triều Đại Thiên Chúa trên trần gian này. Khi Đức Giê-su trở lại, họ sẽ bị phán xét tùy theo công nghiệp của họ.

Phán xét là một chủ đề lớn trong Kinh Thánh. Thí dụ thánh Phao-lô viết: “Tất cả chúng ta đều phải được đưa ra ánh sáng, trước tòa Đức Ki-tô, để mỗi người lãnh nhận những gì tương xứng với các việc tốt hay xấu đã làm, khi còn ở trong thân xác” (2 Cr 5:10).

Kinh Thánh nói về phán xét theo hai cách: phán xét riêng vào lúc cuối đời mình và phán xét chung trong ngày tận thế.

Cuộc phán xét riêng đang chờ chúng ta

Một hôm Đức Giê-su kể cho các môn đệ Ngài một câu truyện về hai người đàn ông: một người giàu có và một người nghèo. Người giàu có ở nhà cao cửa rộng, ăn ngon mặc đẹp. Ngược lại, người nghèo sống trong túp lều đổ nát, vài mảnh vải rách che thân và thật đói khát. Nhưng người giàu có chẳng bao giờ lưu tâm đến người nghèo kia cả.

Cuối cùng cả hai đều chết. Người giàu có quàn quại trong nơi cực

hình. Còn kẻ nghèo khó tên là La-da-rô thì sung sướng thoải mái trong lòng tổ phụ Áp-ra-ham.

Khi người giàu có thấy tình cảnh trái ngược như vậy liền xin với Áp-ra-ham rằng: “Xin sai anh La-da-rô nhúng đầu ngón tay vào nước, nhỏ trên lưỡi con cho mát; vì ở đây con bị lửa thiêu đốt khổ lắm!” (Lc 16:24).

Áp-ra-ham giải thích với người giàu có rằng một “vực thăm lớn” cách biệt khiến bất cứ ai có muốn “từ bên này qua bên các con cũng không được.”

Rồi người giàu có nài xin Áp-ra-ham cho La-da-rô trở lại trần gian mà khuyến cáo một số anh em của ông ta, để ít ra sau này họ không phải chung số phận như ông ta. Nhưng Áp-ra-ham từ chối, nói rằng: “Ông Mô-sê và các Ngôn Sứ mà họ còn chẳng chịu nghe, thì người chết có sống lại, họ cũng chẳng chịu tin đâu” (Lc 16:31).

Dụ ngôn của Đức Giê-su cho thấy ngay sau khi chết chúng ta sẽ chịu phán xét. Chúng ta sẽ được thưởng hay bị phạt tùy theo những gì chúng ta đã làm tại thế. Lúc đó chúng ta sẽ thấy rõ con người thật của mình và nhận ra chúng ta đã trở nên con người nào trong cuộc sống. Thiên Chúa không xét xử chúng ta, nhưng chính chúng ta sẽ xét xử chúng ta. Có lẽ Đức Giê-su đã nghĩ như vậy khi Ngài nói: “Ai nghe những lời tôi nói mà không tuân giữ, thì không phải chính tôi xét xử người ấy, vì tôi đến không phải để xét xử thế gian, nhưng để cứu thế gian. Ai từ chối tôi và không đón nhận lời tôi, thì có quan tòa xét xử người ấy: chính lời tôi đã nói sẽ xét xử người ấy trong ngày sau hết” (Ga 12:47-48).

Ngay lúc chết, chúng ta sẽ xét xử chúng ta. Chúng ta chẳng cần ai phải xét xử chúng ta. Việc xấu chúng ta làm hoặc việc tốt chúng ta đã không làm sẽ rõ ràng trước mọi người, kể cả chúng ta nữa.

Cuộc phán xét chung cũng đang đợi ta

Ngoài sự phán xét riêng vào cuối cuộc đời, Kinh Thánh cũng nói đến một cuộc phán xét chung trong ngày tận thế. Một lần nữa, Đức Giê-su lại dùng một dụ ngôn sống động để mô tả. Ngài nói: “Khi Con Người đến trong vinh quang của Người, có tất cả các thiên sứ theo hầu, bấy giờ Người sẽ ngự lên ngai vinh hiển của Người. Các dân thiên hạ sẽ được tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ với nhau, như mục tử tách biệt chiên với dê” (Mt 25:31-32).

Ngài sẽ nói với chiên: “Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi ngay từ thuở tạo thiên lập địa. Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn; Ta khát, các ngươi đã cho uống; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm nom; Ta ngồi tù, các ngươi đã đến thăm” (Mt

25:34-36).

Với dê, Ngài sẽ nói ngược lại: “Quân bị nguyên rửa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời, nơi dành sẵn cho tên Ác Quỷ và các sứ thần của nó, (vì các ngươi đã không làm những điều này)... Mỗi lần các ngươi đã không làm như thế cho một trong những người bé nhỏ nhất đây, là các ngươi đã không làm cho chính Ta vậy” (Mt 25:41,45).

Ngày phán xét chung đánh dấu việc hoàn tất kế hoạch của Thiên Chúa về thế giới này.

SỰ SỐNG ĐỜI SAU

Kinh Thánh và Thánh Truyền dạy rằng ngay sau khi chết và chịu phán xét riêng, linh hồn sẽ tới thiên đàng, hoặc hỏa ngục hay luyện ngục. Hãy xét những vấn đề này qua ánh sáng Kinh Thánh và Thánh Truyền.

Hỏa ngục là đời đời xa cách Thiên Chúa

Một nhóm du khách Hoa Kỳ đi xem cảnh núi lửa tại nước Ý. Khi thấy nham thạch đỏ rực phun lên từ lòng núi, một du khách từ Nữ Ước kêu lên: “Ồi chao, giống như hỏa ngục vậy!” Một người Ý ở miền ấy đang đứng gần, quay lại phía người bạn ngoại quốc và nói: “Trời ơi, thì ra bất cứ nơi nào cũng có mặt những du khách Hoa Kỳ này!”

Câu truyện trên cho thấy một điểm đáng lưu ý: hỏa ngục là “nơi đầy lửa.” Chính Đức Giê-su cũng dùng hình ảnh này. Thí dụ Ngài đã ví Triều Đại Thiên Chúa giống như ruộng lúa của nông gia bị kẻ thù lén gieo cỏ lùng vào đó. Đến mùa gặt, chủ ruộng nói với các người làm công: “Các anh hãy nhặt cỏ lùng trước đã, bó thành bó mà đốt đi, còn lúa, thì hãy thu vào kho lẫm cho tôi” (Mt 13:30).

Sau đó, khi các môn đệ xin Đức Giê-su giải thích thêm về dụ ngôn, Ngài nói: “Ruộng là thế gian. Hạt giống tốt, đó là con cái Nước Trời. Cỏ lùng là con cái Ác Thần. Kẻ thù đã gieo cỏ lùng là ma quỷ. Mùa gặt là ngày tận thế. Thợ gặt là các thiên thần” (Mt 13:38-39).

Đức Giê-su kết thúc dụ ngôn khi Ngài nói lên hình ảnh những bó cỏ lùng bị ném vào lửa cũng giống như những kẻ ác bị ném vào “lò lửa” (Mt 13:50). Giải thích về hình ảnh lửa, Richard McBrien nói: “Khi dùng hình ảnh này, Đức Giê-su không những mô tả một nơi chốn, mà Ngài còn muốn nhấn mạnh đến việc khẩn thiết phải rao giảng Nước Trời và thái độ của chúng ta có chín chắn lựa chọn Nước Trời hay không. Chúng ta phải trả bằng bất cứ giá nào... Quay lưng không tiếp nhận Chúa tức là hoàn toàn và dứt khoát muốn mình xa lìa với Ngài... Đó là lựa chọn sống cô đơn và chia

cách. Hỏa ngục là sống cô đơn tuyệt đối. Kẻ tội lỗi thực sự chọn lựa điều ấy. Thiên Chúa không đặt ra hỏa ngục để làm một hình phạt.” (Catholicism).

Có lẽ nếu phân tích đơn giản hơn, chúng ta sẽ thấy là chính kẻ tội lỗi, chứ không phải Thiên Chúa, đã tạo ra hình phạt. Nếu bạn tự ý không muốn thở nữa, thì khí trời không thể trừng phạt bạn bằng cách làm cho bạn ngộp thở. Bạn tự làm điều đó cho chính mình. Hoặc nếu bạn đâm vào tường thì bức tường đâu có trừng phạt bạn bằng cách làm cho bạn đau tay. Nhưng chính bạn tự làm cho mình đau.

Như thế, trước hết hỏa ngục là muôn đời xa cách Thiên Chúa, điều mà kẻ tội lỗi đã tự ý chọn lựa.

Thiên đàng là mãi mãi hiệp nhất với Thiên Chúa

Đức Giê-su thường nói về thiên đàng và những phương thế để vào được thiên đàng. Thí dụ Ngài nói: “Trong nhà Cha của Thầy, có nhiều chỗ ở; nếu không, Thầy đã nói với anh em rồi, vì Thầy đi dọn chỗ cho anh em. Nếu Thầy đi dọn chỗ cho anh em, thì Thầy sẽ trở lại và đem anh em về với Thầy, để Thầy ở đâu, anh em cũng ở đó” (Ga 14:2-3).

Hoàn toàn trái ngược với hỏa ngục, thiên đàng là muôn đời được kết hiệp với Thiên Chúa. Trong Bài giảng trên núi, Đức Giê-su nói: “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa” (Mt 5:8). Và đoạn thư 1 Ga 3:2 cam kết rằng chúng ta sẽ thấy Thiên Chúa và việc nhìn thấy này sẽ giúp chúng ta trở nên giống như Thiên Chúa. Việc nhìn thấy Thiên Chúa khởi sự cho một cuộc sống mới của chúng ta, tức là cuộc sống vĩnh cửu. Về điểm này, McBrien viết: “Chiêm ngưỡng hạnh phúc có nghĩa là con người được hoàn toàn kết hiệp với Thiên Chúa. Đó là điều mỗi người chúng ta phải cố gắng đạt tới... Đây cũng là kết thúc việc chúng ta làm con người.” (Catholicism).

Với một lời nguyện nổi tiếng, thánh Augustinô đã diễn tả sự cố gắng hoặc mong mỏi được kết hiệp với Chúa như sau: “Lạy Chúa, tâm hồn chúng con được tạo dựng cho Chúa và lòng chúng con những khắc khoải không nguôi cho tới khi nào được an nghỉ trong Chúa.”

Luyện ngục là chuẩn bị để được kết hiệp với Thiên Chúa

Samuel Johnson là một văn hào danh tiếng của nước Anh. Khi người ta hỏi ông nghĩ gì về giáo lý Công Giáo dạy về luyện ngục, ông trả lời rằng giáo lý ấy rất có lý. Ông nói rằng phần đông khi chết đâu có xấu xa đủ để phải sa hỏa ngục, cũng đâu có tốt lành đủ để lên thiên đàng. Như vậy thật

hợp lý nếu kết luận rằng phải có một tình trạng ở giữa để họ cần được tẩy rửa hoặc thanh luyện.

Đoạn Kinh Thánh vẫn được coi là nói về luyện ngục là đoạn 2 Ma-ca-bê 12:38-46. Trong đoạn Kinh Thánh này, tác giả minh nhiên nói đến việc “cầu nguyện” và thi hành “việc đền tội” để cầu cho người chết được giải thoát khỏi tội lỗi.

Đức Giê-su đã dạy chúng ta phải dùng mọi tài năng để mở mang Nước Trời bằng cuộc sống yêu thương và phục vụ. Nhưng hầu hết chúng ta không chu toàn lý tưởng này vì chỉ để ý tới mình. Sự đau khổ mà Thánh Truyền Công Giáo nói về luyện ngục được hiểu là sự đau khổ chúng ta cảm thấy khi phải dẹp đi lòng ích kỷ khó thương, để trở thành con người biết chú tâm đến Chúa và dễ thương với mọi người. Đó chính là sự đau khổ phải chịu do việc hoàn tất tiến trình chết đi con người của chúng ta để sống lại với Đức Ki-tô.

Quan điểm Công Giáo về đời sau có thể tóm lại như sau: sự phán xét riêng đang chờ đợi chúng ta. Sự phán xét này là xét xử xem chúng ta đã sử dụng tài năng thế nào để mở mang Nước Chúa tại trần gian này. Tiếp theo sự phán xét riêng sẽ là (1) những kẻ trung thành được hiệp nhất đời đời với Chúa, và (2) kẻ bất trung sẽ phải xa cách Chúa muôn đời. Luyện ngục là một tiến trình giúp tín hữu chuẩn bị được kết hiệp hoàn toàn với Chúa. Việc phán xét chung vào ngày tận thế sẽ là lúc để kế hoạch của Thiên Chúa về trần gian này được hoàn tất.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| 1. 2 Cô-rin-tô 5:1-10 | Nhớ nhà |
| 2. Rô-ma 8:18-30 | Vinh hiển trong tương lai |
| 3. Công Vụ Tông Đồ 1:1-11 | Ngài sẽ trở lại |
| 4. Khải Huyền 20:11-21:4 | Đừng khóc nữa |
| 5. 1 Gio-an 2:26-3:3 | Chúng ta sẽ thấy Ngài |

THẢO LUẬN

1. Những dụ ngôn sau đây dạy chúng ta điều gì:
Những trinh nữ khôn và dại
Ba người đầy tớ
2. Trong các cuộc phán xét, ai là người phán xét và ai là người chịu phán xét?
3. Bạn nghĩ thế nào về liên hệ giữa chúng ta, những người còn sống, với những linh hồn trong luyện ngục?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - “Này bạn, tôi phải nói bạn nghe một điều bí mật: đừng chờ đợi ngày phán xét chung, vì ngày đó xảy ra mỗi ngày.” (Albert Camus)
 - “Khi vị Trọng tài Tối Cao đến để ghi điểm bạn, Ngài sẽ ghi là bạn đã chơi banh như thế nào, chứ không phải là bạn đã thắng hay thua trong trận banh ấy.” (Grantland Rice)
 - Một chiếc tàu ngầm (tiềm thủy đình) chưa thực sự là tàu ngầm nếu nó chưa lặn xuống dưới mặt nước. Một máy bay chưa thực sự là máy bay nếu nó chưa cất cánh khỏi phi đạo. Một con người chưa thực sự là con người nếu họ chưa chết.
2. Wilder Penfield, một bác sĩ giải phẫu não nổi tiếng đã nói trong một báo cáo gửi cho Viện Smithsonian: “Bộ óc con người vĩnh viễn chứa những dữ kiện về quá khứ, giống như cuộn phim chứa hình ảnh và âm thanh... Bạn có thể sống lại những hình ảnh quá khứ, từng hình ảnh một, khi bác sĩ dùng dòng điện thật nhẹ kích thích một vài điểm tại trung khu thần kinh khối óc bên thái dương bạn.” Tường trình của Penfield tiếp tục nói rằng khi bạn sống lại những hình ảnh quá khứ này, bạn cũng sẽ có những cảm giác y hệt như lần đầu tiên vậy. Vậy sự kiện về não bộ này có thể bênh vực cho mạc khải của Kinh Thánh về sự phán xét riêng sau khi chết không?
3. Có người bảo: “Ai cũng muốn lên thiên đàng mà lại không muốn chết!” Bạn trả lời họ làm sao?
4. Ngoài những gì Thiên Chúa mạc khải, điều nào khiến bạn dễ xác tín nhất: Thiên đàng? Hoả ngục? Luyện ngục?
5. Lớn lên trong đức tin là một tiến trình. Thói quen nào mỗi ngày giúp bạn lớn lên trong đức tin?

The Catholic Vision I – 8

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mạc khải

Bài 9

Câu truyện Tạo dựng

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Phản ứng của tôi về câu truyện Kinh Thánh kể lại Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ trong bảy ngày là...
2. Theo tôi, thuyết tiến hóa hợp (hay không hợp) với những gì Kinh Thánh nói, vì...

GIẢI THÍCH KINH THÁNH

Năm 1925, tiểu bang Tennessee đã thông qua đạo luật cấm chỉ việc dạy thuyết tiến hóa trong các trường trung học công lập. John Scopes, một giáo sư trung học, phạm luật và bị bắt giữ. Luật sư danh tiếng Clarence Darrow biện hộ cho Scopes. William Jennings Bryan, một ứng cử viên tổng thống, lãnh việc truy tố.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, một trong những việc đầu tiên Darrow làm là gọi Bryan ra chất vấn. Mở sách Kinh Thánh, Darrow đọc đoạn Thiên Chúa dựng nên ánh sáng trong ngày thứ nhất và dựng nên mặt trời trong ngày thứ tư. Rồi ông ta hỏi Bryan làm sao có thể có ánh sáng khi chưa có mặt trời. Sau đó ông hỏi Bryan có tin là Thiên Chúa đã lên án và phạt con rắn phải bò bằng bụng không. Bryan trả lời ông tin. Darrow tấn công: “Vậy ông có thể nói cho tôi biết trước đó thì con rắn di chuyển bằng gì?” Bryan nổi giận và tố cáo Darrow đã nhạo báng Thiên Chúa và Kinh Thánh. Darrow la lớn: “Tôi phản đối lời buộc tội ấy. Tôi đang chất vấn ông về những ý nghĩ điên khùng của ông, những ý nghĩ mà quan điểm của Ki-tô giáo không còn tin như thế nữa.”

Câu truyện nổi tiếng trên đã nêu lên một số vấn đề quan trọng về Kinh Thánh phải được giải thích như thế nào.

Hai nhóm người đọc Kinh Thánh

Để vấn đề được đơn giản, chúng ta tạm chia những người đọc Kinh Thánh làm hai nhóm chính: những người hiểu Kinh Thánh theo nghĩa đen và những người hiểu theo văn mạch. Những người hiểu theo nghĩa đen, cũng được gọi là những người phái chính thống, giải thích Kinh Thánh theo từng chữ và nói rằng phải hiểu đúng như là những gì Kinh Thánh nói. Còn những người hiểu theo văn mạch giải thích Kinh Thánh theo mạch văn và nói rằng chúng ta phải xét hoàn cảnh lịch sử, văn hóa và văn ngữ theo đó Kinh Thánh đã được viết. Điều này là xác thực, nhất là đối với mười một chương đầu của sách Sáng Thế gồm những câu truyện có liên hệ tới thời tiền sử là thời gian mù mờ giữa lúc con người xuất hiện và lúc thuật lại câu truyện của họ.

Thí dụ, chương thứ ba sách Sáng Thế đã mô tả con rắn nói chuyện với

bà E-và. Vậy có phải tác giả Kinh Thánh muốn bảo rằng đã có một thời răn biết nói chuyện với người? Hoặc chương thứ nhất thì nói loài người được dựng nên sau cùng, còn chương thứ hai lại nói họ được dựng nên trước hết. Vậy tác giả Kinh Thánh đã không biết như thế là mâu thuẫn hay sao?

GIẢI THÍCH VỀ VIỆC TẠO DỰNG

Bây giờ chúng ta hãy nghe nhóm hiểu theo văn mạch giải thích câu truyện tạo dựng. Trước hết chúng ta đọc lại đoạn Kinh Thánh.

“Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất. Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước.

“Thiên Chúa phán: “Phải có ánh sáng!” Liền có ánh sáng. Thiên Chúa thấy rằng ánh sáng tốt đẹp. Thiên Chúa phân rẽ ánh sáng và bóng tối. Thiên Chúa gọi ánh sáng là “ngày”, bóng tối là “đêm”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ nhất.

“Thiên Chúa phán: “Phải có một cái vòm ở giữa khối nước, để phân rẽ nước với nước.” Thiên Chúa đã làm ra cái vòm đó và phân rẽ nước phía dưới vòm với nước phía trên. Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi vòm đó là “trời”. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ hai.

Thiên Chúa phán: “Nước phía dưới trời phải tụ lại một nơi, để chỗ cạn lộ ra.” Liền có như vậy. Thiên Chúa gọi chỗ cạn là “đất”, khối nước tụ lại là “biển”. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.

Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh thảo mộc xanh tươi, cỏ mang hạt giống, và cây trên mặt đất có trái, ra trái tùy theo loại, trong có hạt giống.” Liền có như vậy. Đất trở sinh thảo mộc, cỏ mang hạt giống tùy theo loại, và cây ra trái, trong trái có hạt giống tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ ba.

Thiên Chúa phán: “Phải có những vầng sáng trên vòm trời, để phân rẽ ngày với đêm, để làm dấu chỉ xác định các đại lễ, ngày và năm. Đó sẽ là những vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất.” Liền có như vậy. Thiên Chúa làm ra hai vầng sáng lớn: vầng sáng lớn hơn để điều khiển ngày, vầng sáng nhỏ hơn để điều khiển đêm; Người cũng làm ra các ngôi sao. Thiên Chúa đặt các vầng sáng trên vòm trời để chiếu soi mặt đất, để điều khiển ngày và đêm, và để phân rẽ ánh sáng với bóng tối. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp. Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ tư.

Thiên Chúa phán: “Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc, và loài chim phải bay lượn trên mặt đất, dưới vòm trời.” Thiên Chúa sáng tạo các thủy quái khổng lồ, cùng mọi sinh vật vẫy vùng lúc nhúc dưới nước tùy theo loại, và mọi giống chim bay tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là

tốt đẹp. Thiên Chúa chúc phúc cho chúng rằng: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy biển; và chim phải sinh sản cho nhiều trên mặt đất.” Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ năm.

Thiên Chúa phán: “Đất phải sinh ra các sinh vật tùy theo loại: gia súc, loài bò sát và dã thú tùy theo loại và loài bò sát dưới đất tùy theo loại. Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp.

Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.”

Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình,

Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa,

Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.

Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.” Thiên Chúa phán: “Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liền có như vậy.” Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp! Qua một buổi chiều và một buổi sáng: đó là ngày thứ sáu.

Thế là trời đất cùng với mọi thành phần đã hoàn tất. Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã hoàn thành công việc Người làm. Khi làm xong mọi công việc của Người, ngày thứ bảy, Thiên Chúa nghỉ ngơi.

Thiên Chúa ban phúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày đó, vì ngày đó Người đã nghỉ, ngưng làm mọi công việc sáng tạo của Người.
(Sáng Thế 1:1-2:3)

Câu truyện được viết theo một khuôn mẫu

Câu truyện tạo dựng được đọc lên như một bài thơ. Nói chung, mỗi ngày đều theo một khuôn mẫu gồm năm phần: giới thiệu, mệnh lệnh của Thiên Chúa, thi hành mệnh lệnh đó, xác nhận “sự tốt lành,” và xác định ngày. Khuôn mẫu được sắp đặt cụ thể như sau:

Mở đầu: “Và Thiên Chúa phán”

Mệnh lệnh: “Nước hãy...”

Thi hành: “Và đã xảy ra như vậy”

Xác nhận: “Thiên Chúa đã thấy thế là tốt lành”

Ngày: “Ngày thứ năm.”

Những gì đúng cho một ngày thì cũng đúng cho cả tuần lễ tạo dựng. Tuần lễ

cũng theo khuôn mẫu như sau:

- Ngày 1: Thiên Chúa tạo dựng ánh sáng và phân rẽ khỏi bóng tối.
Ngày 2: Thiên Chúa phân rẽ nước bên trên (mưa) với nước bên dưới (biển).
Ngày 3: Thiên Chúa phân rẽ nước bên dưới (biển) ra khỏi đất khô.
Ngày 4: Thiên Chúa cho cư ngụ trong bầu trời với mặt trời, mặt trăng và tinh tú.
Ngày 5: Thiên Chúa cho cư ngụ trong vòm trời đầy chim chóc và trong đại dương nhưng nhúc cá biển.
Ngày 6: Thiên Chúa cho cư ngụ trên mặt đất các thú vật và loài người.
Ngày 7: Thiên Chúa ăn mừng; Ngài chúc lành cho ngày này và nghỉ ngơi.

Như thế, tuần lễ tạo dựng đi theo khuôn mẫu:

- Ba ngày phân rẽ,
- Ba ngày cho cư ngụ, và
- Một ngày để ăn mừng.

Những khuôn khổ văn chương này cho chúng ta thấy chúng ta đang đọc một lối viết văn rất khác biệt. Không phải lối văn viết do những gì mắt thấy tai nghe hoặc như các sách khoa học. Trái lại, đây là loại văn gặp trong các sách cho trẻ em. Tác giả các sách này dùng những câu truyện đơn sơ, thơ mộng để dạy trẻ em về cuộc sống. Những câu truyện ấy dễ đọc và dễ nhớ.

Tác giả sách Sáng Thế đã chọn lối viết như thế để dạy về Thiên Chúa, vì hầu hết những người cổ xưa đâu có biết đọc biết viết. Họ học mọi sự qua lời nói bằng miệng. Do đó một câu truyện thơ mộng thì dễ nhớ, lại vui và dạy người ta biết nhiều.

Câu truyện dạy điều gì?

Để hiểu những gì tác giả Kinh Thánh có ý dạy qua câu truyện tạo dựng, chúng ta cần xét tới hoàn cảnh lịch sử và văn hóa theo đó câu truyện được viết. Vào thời ấy, người ta thờ bất cứ loại thần linh nào họ tưởng tượng ra được. Kinh Thánh nói đến điều này khi cảnh cáo rằng:

“Anh em hãy cẩn thận giữ mình: ... đừng có ra hư hỏng mà làm cho mình một tượng mang hình ảnh bất cứ cái gì: hình người nam hay người nữ, hình bất cứ loài vật nào trên mặt đất, hình bất cứ loài chim chóc nào bay trên trời, hình bất cứ loài nào bò dưới đất, hình bất cứ loài cá nào ở trong nước phía dưới mặt đất. Khi anh em ngược mắt lên trời và thấy mặt trời, mặt

trăng và các ngôi sao, toàn thể thiên binh, thì đừng bị lôi cuốn mà sụp xuống lay và phụng thờ chúng” (Đệ Nhị Luật 4:15-19).

- Chân lý đầu tiên tác giả Kinh Thánh muốn dạy qua câu truyện tạo dựng là chỉ có một Thiên Chúa mà thôi.

Tác giả nói lên điểm này khi viết Thiên Chúa tạo dựng nên các thần khác là những thần mà con người đang lầm lẫn thờ phượng, tức là loài người, súc vật, chim muông, tinh tú. Nếu các thần khác này đã được tạo dựng thì chúng đâu có thể là Thiên Chúa được. Nhưng chỉ có một Thiên Chúa, Đấng đã tạo dựng muôn loài. Chúng ta có thể tóm tắt quan điểm của tác giả Kinh Thánh như sau:

Niềm tin cổ xưa: có nhiều thần

Giáo lý mới: có một Thiên Chúa

Được dạy thế nào: một Thiên Chúa đã dựng nên các thần khác.

- Chân lý thứ hai tác giả Kinh Thánh muốn dạy, đó là Thiên Chúa đã hoạch định công việc tạo dựng.

Nhiều dân tộc thời xưa (và một số người thời nay) đã tin rằng vũ trụ tự nhiên mà có. Emanu Elish, một câu truyện của Babylon cổ xưa dạy như vậy. Ngược lại câu truyện của Babylon, tác giả Kinh Thánh mô tả Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ theo một đường lối có trật tự, giống như người thợ mộc dựng một ngôi nhà. Thiên Chúa đã hoạch định việc tạo dựng, chứ không phải ngẫu nhiên mà nó có. Chúng ta có thể tóm tắt điểm thứ hai của tác giả Kinh Thánh về nguồn gốc việc tạo dựng như sau:

Niềm tin cổ xưa: xảy ra ngẫu nhiên

Giáo lý mới: xảy ra do hoạch định

Được dạy thế nào: Thiên Chúa đã tạo dựng theo phương thức có trật tự.

- Chân lý thứ ba tác giả Kinh Thánh muốn dạy: mọi sự Thiên Chúa đã tạo nên đều tốt lành.

Những dân tộc cổ xưa tin rằng một số trong các tạo vật là xấu xa. Thí dụ nhiều người tin rằng thân xác con người là xấu xa. Họ kết luận như thế vì xem ra thân xác chống lại tinh thần. Do đó, họ tin là Thiên Chúa đã dựng nên tinh thần của con người, còn ma quỷ tạo nên thân xác. Phản lại niềm tin này, tác giả Kinh Thánh mô tả Thiên Chúa hài lòng với tất cả những gì Ngài dựng nên, kể cả thân xác con người. Chúng ta có thể tóm tắt giáo lý của tác giả Kinh Thánh về sự tốt lành của tạo vật như sau:

Niềm tin cổ xưa: một phần là tốt lành

Giáo lý mới: tất cả đều tốt lành

Được dạy thế nào: Thiên Chúa xác nhận sự tốt lành của tạo vật.

- Tác giả Kinh Thánh kết thúc câu truyện bằng việc tuyên bố ngày hưu lễ là thánh.

Thời xưa ngày thứ bảy trong tuần cũng giống như những ngày khác. Tuy nhiên tác giả Kinh Thánh mô tả Thiên Chúa chúc lành cho ngày thứ bảy và đặt riêng ngày đó ra như một ngày đặc biệt. Ngày ấy phải là ngày để nghỉ ngơi và cầu nguyện. Chúng ta có thể tóm tắt quan điểm của tác giả Kinh Thánh về ngày hưu lễ như sau:

Niềm tin cổ xưa: ngày thứ bảy giống như những ngày khác

Giáo lý mới: ngày đặc biệt

Được dạy thế nào: Thiên Chúa chúc lành cho ngày đó.

CÂU TRUYỆN TẠO DỰNG THỨ HAI

Một số người đọc Kinh Thánh ngỡ khi thấy sách Sáng Thế có tới hai câu chuyện nói về việc tạo dựng. Câu chuyện thứ hai bắt đầu ở chương hai:

Ngày Đức Chúa là Thiên Chúa làm ra đất và trời, chưa có bụi cây ngoài đồng nào trên mặt đất, chưa có đám cỏ ngoài đồng nào mọc lên, vì Đức Chúa là Thiên Chúa chưa cho mưa xuống đất và không có người để canh tác đất đai. Nhưng có một dòng nước từ đất trào lên và tưới khắp mặt đất. Đức Chúa là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật. Rồi Đức Chúa là Thiên Chúa trồng một vườn cây ở Ê-đen, về phía đông, và đặt vào đó con người do chính mình nặn ra. Đức Chúa là Thiên Chúa khiến từ đất mọc lên đủ mọi thứ cây trông thì đẹp, ăn thì ngon, với cây trường sinh ở giữa vườn, và cây cho biết điều thiện điều ác. (Sáng Thế 2:4-9).

Tại sao lại thêm vào câu chuyện thứ hai về tạo dựng? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần nhớ rằng năm cuốn sách đầu của Kinh Thánh, được gọi là Sách Luật (Torah) hoặc Ngũ Thư (năm cuốn sách), đã được truyền khẩu từ bao thế kỷ, mãi sau này mới được viết ra. Rõ ràng là có hai khẩu truyền về việc tạo dựng. Khi tác giả Kinh Thánh được linh hứng để chép Sách Luật, ngài gom luôn cả hai khẩu truyền ấy vào trong cùng một sách. Hai khẩu truyền ấy bổ túc cho nhau.

Thiên Chúa và con người liên hệ mật thiết với nhau

Câu chuyện thứ hai về việc tạo dựng mô tả Thiên Chúa nhặn nặn làm công việc tạo dựng thân xác con người đầu tiên, tựa như người thợ gốm làm công việc nắn một cái bình. Khi thân xác con người đã được tạo thành cách hoàn hảo rồi, Thiên Chúa dịu dàng cúi xuống trên nó và thở vào nó “sinh khí” của Ngài.

Cảnh tượng cảm động này thật quan trọng. Nó nói lên liên hệ gần gũi

giữa Thiên Chúa và con người tiên khởi. Họ liên hệ gần gũi như người mẹ với đứa con nhỏ của mình.

Đàn ông và đàn bà liên hệ mật thiết với nhau

Câu truyện tạo dựng thứ hai kết thúc với việc Thiên Chúa làm nên một “người bạn thích hợp” cho người đàn ông đầu tiên.

Đức Chúa là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó.” Đức Chúa là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế.

Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng. Đức Chúa là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thể vào. Đức Chúa là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người.

Con người nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi!

Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.”

Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt. (Sáng Thế 2:18-24).

Tác giả Kinh Thánh đã sống trong một xã hội do đàn ông làm chủ. Xã hội này coi phụ nữ thuộc giai cấp thứ hai. Phụ nữ còn được coi trọng là vì họ sinh con cái, nhất là con trai để đi lính chiến đấu và làm công nhân.

Nhiều người đọc Kinh Thánh giải thích câu truyện thứ hai về tạo dựng được viết nhằm phản kháng tình trạng xã hội như thế. Khi mô tả người đàn bà xuất xứ từ cùng một thể chất như đàn ông, tác giả Kinh Thánh muốn dạy rằng nàng cũng có một phẩm cách ngang hàng với đàn ông.

Câu truyện tạo dựng thứ hai còn dạy về sự thân mật trong hôn nhân. Thiên Chúa đã phán dạy hai người phải nên “một thân thể.” Họ phải có sự thân thiết với nhau tựa như Thiên Chúa thân mật với loài người. Như thế Thiên Chúa cho thấy rằng mục đích của hôn nhân không phải chỉ để có con cái mà thôi, nhưng còn là một liên hệ mật thiết để vợ chồng yêu thương và nâng đỡ nhau.

Tóm lại, câu truyện thứ hai về tạo dựng bổ túc cho câu truyện thứ nhất với hai điểm đặc biệt:

- Sự thân mật giữa Thiên Chúa và loài người
- Sự thân mật và bình đẳng giữa nam nữ.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

1. Thánh Vịnh 19:1-6 Quảng cáo về Thiên Chúa
2. Thánh Vịnh 104 Công việc diệu kỳ
3. Gióp 38:1-24 Từ giữa cơn giông tố
4. Thánh Vịnh 8 Vinh quang của tạo vật
5. Khải Huyền 21:1-8 Tạo dựng mới

SUY NGHĨ

1. Tác giả Kinh Thánh dạy bốn chân lý nào về việc tạo dựng?
2. Tại sao sách Sáng Thế có hai câu truyện về việc tạo dựng?
3. Giải thích câu truyện thứ hai về tạo dựng bổ túc cho câu truyện thứ nhất thế nào?

CHIA SẺ

1. Làm sao câu truyện về tạo dựng trong sách Sáng Thế không khác mấy với những dụ ngôn của Đức Giê-su?
 2. Inherit the Wind là vở kịch dựa trên việc tòa án Tennessee xử vụ John Scopes, sau này làm thành phim. Màn thứ nhất, Cates (đóng vai Scopes) đã yêu Rachael là con gái của một mục sư phái truyền thống. Màn thứ hai, Rachael bó buộc phải làm chứng phản lại Cates và công nhận rằng đã có lần anh ta bảo “Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh Ngài, nhưng con người lại ra vẻ kiêu căng không muốn ca ngợi Ngài.” Cates muốn nói gì? Và bạn đồng ý với anh ta tới mức nào?
 3. Inherit the Wind kết thúc với cảnh Brady (Darrow) xếp cuốn Kinh Thánh và cuốn Origin of the Species của Darwin bên cạnh nhau trong cặp xách tay của ông ta để chuẩn bị trở về Chicago. Bạn nghĩ hành vi biểu tượng ấy có ý nghĩa gì? Bạn đồng ý với ý nghĩa ấy chứ?
 4. Bạn có khuynh hướng thuộc nhóm đọc Kinh Thánh theo phái chính thống hay văn mạch? Tại sao?
 5. Một số người nghĩ rằng Thiên Chúa đọc cho những tác giả Kinh Thánh viết, giống như một người đọc cho thư ký của mình viết. Người khác lại nghĩ là các tác giả Kinh Thánh được linh hứng, giống như nhà soạn nhạc được gợi hứng âm nhạc. Một số khác lại nghĩ Thiên Chúa đặc biệt soi sáng cho những người viết, đến nỗi họ chỉ viết tất cả những gì Thiên Chúa muốn họ viết. Trong ba ý kiến này, bạn nghĩ ý kiến nào đáng tin cậy nhất? Tại sao?

6. Phần nào trong câu truyện tạo dựng nói cho bạn nhiều nhất về Thiên Chúa?

7. Mọi người đều có khuynh hướng hưởng nhận việc tạo dựng diệu kỳ như là “cho không biếu không.” Làm sao bạn có thể giữ được sống động việc ý thức sự diệu kỳ để giúp bạn luôn biết cảm tạ Chúa?

The Catholic Vision II – 9

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 10

Câu truyện Hủy tạo

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và viết nốt hai câu sau đây:

1. Tôi nghĩ nguyên nhân chính của tội lỗi quá nhiều trên thế giới này là do...
2. Tôi nghĩ lý do chính tại sao tôi khó giảm bớt tội lỗi trong cuộc sống của tôi, đó là...

SỰ HỦY DIỆT

Trong cuốn Hành tinh điêu tàn của chúng ta (Our Plundered Planet), tác giả Fairfield Osborne cảnh cáo như sau: “Nếu thêm một thế kỷ nữa như thế kỷ vừa qua, thì nền văn minh của chúng ta sẽ phải đương đầu với nạn hủy diệt.” Điều Osborne cảnh cáo chúng ta là một đề tài cho một bài thơ châm biếm vô danh tựa đề là “Hủy diệt”:

Buổi ban đầu vừa dựng nên trái đất
Trái đất mang bộ mặt vốn xinh tươi
Trên mặt đất người liền nói với người
“Ta hãy cất nhà chọc trời và xa lộ”
Xi măng mặt đất trắng lên
Rằng “Ồi thật tốt!” một nền vững chân.”

Ngày thứ hai bước lên bên sông biển
Nhìn dòng sông người lên tiếng oang oang

“Bao rác rến cống rãnh nổi theo hàng
Ta cứ đổ thả giàn vào sông nước.”
Nước kia như bắn dăng đầy
Mà người bảo “Tốt! Thế này đâu sao!”

Ngày thứ ba len vào vùng rừng rú
Nhìn cây già người mừng rỡ bảo nhau
“Cắt cây đi, ta lấy gỗ dổi dào
Xây cất, làm đồ, sao cho thỏa thích.”
Rừng xanh một chốc san bằng
Mà người rằng “Tốt! Cắt phẳng thả giàn.”

Ngày thứ tư nhìn từng đàn thú vật
Người bảo nhau “Hãy giết chúng cho rồi
Để kiếm tiền hay để giải trí thôi
Đừng thương tiếc, đừng nói lời bảo vệ.”
Thú kia gần tuyệt chủng rồi
Mà người bảo “Tốt! Con người là hơn.”

Ngày thứ năm kìa từng cơn gió mát
Nhẹ mơn man trên gương mặt của người
Nhưng người bảo “Cứ đốt rác tung trời
Để gió mát không còn nơi lui tới.”
Một trời xú khí bao quanh
Mà người bảo “Tốt! Trong lành! Đừng lo.”

Ngày thứ sáu nhỏ to bao nhiêu nước
Người nhìn và bảo “Được, ta sẽ làm
Cho thật nhiều hỏa tiễn bắn không gian
Để phòng khi chiến tranh bùng nổ mạnh.”
Đất kia hỏa tiễn dàn hàng
Mà người nói “Tốt! Đâu quan trọng gì.”

Đến ngày thứ bảy rồi đây
Đất thời phẳng lặng phủ đầy thương đau
Không còn một bóng người nào
Thực là tốt nhé, không sao tốt bằng!”

Chúng ta đang “hủy diệt” thế giới chúng ta sống

Bài thơ trên nói lên sự kiện các đồ phế thải kỹ nghệ tràn đầy bầu khí quyển tới độ mây tạo thành mưa a-xít. Mưa a-xít dần dần làm ô nhiễm sông hồ và phá hủy những cánh rừng của chúng ta. Cũng vậy, phế thải kỹ nghệ còn tràn vào thượng tầng khí quyển làm cho lớp ô-dôn bao quanh trái đất mỏng đi. Sự mỏng dần này đe dọa số phận tương lai trái đất chúng ta.

Sự tàn phá khủng khiếp môi sinh gây ra do ô nhiễm đôi khi có thể gọi là sự “hủy diệt”: tàn phá thể chất của những tạo vật Thiên Chúa dựng nên. Thật đáng thương cho sự hủy diệt này, tuy nhiên còn có những sự hủy diệt đáng thương hơn đang xảy ra. Đó là sự hủy diệt tinh thần của tạo vật do tội lỗi gây nên.

Tiền sĩ Norman MacDonald đã ám chỉ sự hủy diệt tinh thần này trong một buổi họp quốc tế của những nhà nhân chủng học. Ông nói: “Con người chính là kẻ tiêu diệt, là kẻ rình mò ghê gớm nhất thế giới chưa từng thấy... Từ khi biết dùng cây gậy làm vũ khí đầu tiên, con người đã miệt mài làm cho vũ khí của họ mạnh mẽ thêm, đến độ giờ đây thay vì giết hại cá nhân hay tập đoàn, họ còn có thể làm cho một hành tinh trở thành hoang vu.”

Sự hủy diệt thể chất và tinh thần khởi đầu nơi loài người, từ trong trái tim con người. Nó nằm trong việc con người sử dụng sai và lạm dụng ý chí tự do mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta. Như chúng ta sẽ thấy trong bài này, truyền thống Công Giáo nói đến sự hủy diệt này qua những gì các nhà thần học gọi là sự kiện A-đam sa ngã, tức là tội đầu tiên và hậu quả tai hại của nó trên nhân loại.

BẢN CHẤT CỦA TỘI LỖI

Trong thời đại hôm nay, tội lỗi đã trở thành một vấn đề xa lạ. Có nhiều người ngại không muốn nói tới vấn đề tội lỗi. Họ còn miễn cưỡng hơn khi phải thú nhận mình có tội. Sự miễn cưỡng này còn làm cho nhiều người khác lo lắng.

Có lẽ bạn không mong gì một giáo sư về môn phân tâm học tại Hoa-kỳ nói về tội lỗi. Nhưng đó chính là những gì tiền sĩ Karl Menninger viết trong cuốn *Tội lỗi đi về đâu?* (Whatever Became of Sin?). Ông bực mình vì thấy quá nhiều người ngày nay không muốn chấp nhận mình phạm tội.

Tội lỗi là gì?

Để hình dung được tội lỗi, chúng ta có thể nghĩ tội lỗi là một trong hai phạm vi:

- tội cá nhân
- tội xã hội.

Tội cá nhân liên quan tới từng người

Phạm vi thứ nhất được gọi là tội cá nhân, vì nó liên quan tới hành vi tự do của một cá nhân. Tội cá nhân có hai hình thức:

- phạm điều gì, và
- bỏ không làm điều gì.

Tội phạm nghĩa là làm điều chúng ta không nên làm, thí dụ nói dối hoặc ăn cắp.

Tội bỏ nghĩa là không làm điều chúng ta nên làm, thí dụ thấy người ta thiếu thốn nhưng quay lưng để tránh khỏi phải bận tâm giúp đỡ họ.

Tội xã hội liên quan tới tập đoàn

Phạm vi thứ hai được gọi là tội xã hội vì nó liên quan tới lối sống của một nhóm người, cộng đồng hay quốc gia. Thí dụ tội xã hội là kỳ thị nhóm thiểu số, phá hoại môi sinh, hợp luật hóa việc phá thai...

Tội xã hội rất nguy hiểm, vì không một cá nhân nào cảm thấy có trách nhiệm về tội ấy cả. Tội xã hội là điều “xã hội” phạm, chứ không phải chúng ta. Có thể chúng ta không tán thành tội ấy, nhưng chúng ta dung túng và chấp nhận nó cách thụ động chứ không chống lại hoặc phản đối.

Martin Luther King đã cảnh cáo chúng ta như sau: “Kẻ nào chấp nhận sự xấu xa cách thụ động là tham dự vào sự xấu xa ấy, cũng giống như kẻ giúp thực hiện sự xấu xa ấy. Ai chấp nhận sự xấu xa mà không phản đối lại là thực sự cộng tác với sự xấu xa ấy.”

Chúng ta làm ngơ trước tội xã hội vì nhiều lý do. Thí dụ, chúng ta nại rằng mình đơn độc chống lại thì cũng chẳng làm thay đổi được gì hơn.

Dù chúng ta có lý do hay biện hộ thì kết cục về tội xã hội vẫn là thế này: trách nhiệm chống lại tội xã hội vẫn quy về từng cá nhân. Trách nhiệm ấy là của chúng ta. Trốn tránh trách nhiệm này chính là phạm tội cá nhân vì bỏ không làm điều phải làm.

Tội lỗi đặt ra một vấn nạn

Sự kiện tội lỗi tràn lan trong thế giới đặt ra một câu hỏi khó khăn: Nếu Thiên Chúa đã dựng nên con người “thật tốt lành” thì đã có điều gì không ổn? Làm sao tội lỗi đã đi vào con tim loài người và làm con người băng hoại?

VẤN ĐỀ SỰ DŨ

Vấn đề sự dữ đòi hỏi một câu trả lời trong thời đại hình thành Kinh Thánh cũng như trong thời nay.

Tác giả viết Kinh Thánh đã đề cập đến vấn đề này ngay sau khi mô tả việc tạo dựng vũ trụ. Ngài bắt đầu kể rằng:

“Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà Đức Chúa là Thiên Chúa đã làm ra. Nó nói với người đàn bà: “Có thật Thiên Chúa bảo: “Các ngươi không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?” Người đàn bà nói với con rắn: “Trái các cây trong vườn, thì chúng tôi được ăn. Còn trái trên cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: Các ngươi không được ăn, không được động tới, kéo phải chết.” Rắn nói với người đàn bà: “Chẳng chết chóc gì đâu! Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác.”

Người đàn bà thấy trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình; ông cũng ăn. Bấy giờ mắt hai người mở ra, và họ thấy mình trần truồng: họ mới kết lá vả làm khó che thân. (Sáng Thế 3:1-7)

Chúng ta giải thích câu truyện về tội lỗi như thế nào?

Người Công Giáo giải thích câu truyện này cùng một cách như họ đã giải thích câu truyện về tạo dựng. Đây là câu truyện không giống như những dụ ngôn Đức Giê-su đã kể, nhưng là câu truyện biểu tượng được tác giả Kinh Thánh dựng lên để dạy về một giáo lý quan trọng. Đặc biệt câu truyện cho chúng ta biết một vấn đề: nếu Thiên Chúa tạo dựng mọi sự tốt đẹp thì làm sao sự dữ lại len lỏi vào thế gian được?

Bí quyết để hiểu câu truyện nằm trong hai biểu tượng chính:

- con rắn, và
- việc ăn trái cây.

Rõ ràng con rắn biểu tượng cho ma quỷ hoặc là chính sự dữ.

Biểu tượng của việc ăn trái cây thì không rõ ràng lắm. Để hiểu điều này, bạn hãy nhớ lại con rắn đã nói với người đàn bà rằng nếu bà ấy ăn trái cấm thì bà ấy sẽ nên giống như Thiên Chúa, biết được điều gì là tốt và điều gì là xấu. Vậy con rắn móc nối việc ăn với việc biết.

Hầu hết người thượng cổ không biết đọc. Họ đã không học bằng sách vở, nhưng từ kinh nghiệm. Điều này cho chúng ta thấy mối liên hệ giữa việc ăn và kinh nghiệm. Ăn tức là kinh nghiệm. Như vậy đây là cách nói biểu tượng để diễn tả rằng cặp vợ chồng nguyên tổ đã nhận biết sự dữ bằng cách

cảm nghiệm nó. Họ đã “nắm mùi” sự dữ. Nói khác đi, họ đã phạm tội.

Nguyên tổ đã phạm tội gì? Có người nghĩ đó là tội không vâng phục (làm điều Thiên Chúa cấm không được làm). Người khác cho là tội kiêu căng (muốn trở nên “giống như Thiên Chúa”).

Người Công Giáo thường cảm thấy như là tác giả Kinh Thánh không có ý diễn tả nguyên tổ đã phạm tội gì, nhưng chỉ có ý trả lời câu hỏi: Tội lỗi đã len lỏi vào thế gian như thế nào? Câu trả lời của tác giả là tội lỗi đã du nhập vào thế gian này qua tội đầu tiên của nguyên tổ loài người.

Tội lỗi đã biến đổi nguyên tổ một cách sâu xa

Kinh Thánh viết rằng sau khi nguyên tổ phạm tội, “họ thấy mình trần truồng” (St 3:7). Để hiểu câu Kinh Thánh khác lạ này, chúng ta phải trở lại câu chuyện thứ hai về tạo dựng, trong đó chúng ta đọc thấy: “Con người và vợ mình, cả hai đều trần truồng mà không xấu hổ trước mặt nhau” (St 2:25).

Hai người ý thức mình trần truồng sau khi họ phạm tội, điều này cho thấy là thay đổi trong ý thức của họ đã xảy ra và đó là một hậu quả của tội lỗi. Họ không còn cảm thấy thoải mái với chính mình nữa. Tội lỗi đã tạo nên một biến đổi sâu xa trong họ.

Tội nguyên tổ đã đưa tới tình trạng trần ngập tội lỗi

Việc tội du nhập vào thế gian mở đường cho làn sóng tội lỗi trần ngập. Sự dữ tràn ngập thế giới, kéo theo chết chóc và hủy hoại ngay trong buổi đầu khi nó nổi lên (St 4:6; 11:1-9). Nhân loại đã bó tay trước nó. Nhân loại đã rơi vào nạn hủy diệt chính mình nếu Thiên Chúa không can thiệp.

TỘI NGUYÊN TỔ

Sau thế chiến thứ hai, Dorothy Thompson đã đi thăm trại giam Dachau của Đức Quốc xã. Khi nhìn vào những phòng hơi ngạt và hỏa lò, bà thấy run rẩy cả tâm hồn. Điều làm cho bà run sợ không phải chỉ vì biết rằng người ta đã gây bao tội ác ở đây, nhưng là biết rằng cả “những tù nhân tốt” cũng đã dự phần vào những tội ác này. Bà viết:

“Thế giới liệu có nhận thấy rằng những kẻ gây ra một số tội ác lớn nhất trong những trại giam này lại là chính những tù nhân không? Cứ đẩy được một mạng người xuống tầng dưới cùng, thế là bạn có thể làm cho người ấy biến thành một đao phủ để xử tử đồng bạn của mình.”

Những ông bác sĩ đã chích vi trùng sốt rét vào những tù nhân trong trại giam cũng là chính những người tù. Thompson nói: “Khi tiếp tay để kết

liều mạng sống của bạn tù, họ đã kéo dài thêm được hợp đồng cứu vãn sinh mạng chính mình.”

Bài học Dachau là nếu một kẻ xấu xa cứ chèn ép những người tốt thì sẽ làm cho nhiều người bị xô đẩy vào tình trạng tội lỗi do hoàn cảnh.

Thân phận đọa đày của chúng ta

Cùng một cách, tội đầu tiên đã tạo nên hoàn cảnh tội lỗi. Nó tạo nên một áp lực đè nặng trên nhân loại. Thánh Phao-lô đã nhắc đến điều này khi ngài nói: “Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết; như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội” (Rm 5:12).

Hậu quả tàn phá của tội đầu tiên trên trần gian được gọi là tội nguyên tổ. Điều đó chỉ có nghĩa là tội đầu tiên của ông bà nguyên tổ đã đặt nhân loại trong một tình trạng không hoàn thiện và một hoàn cảnh đọa đày. Hy vọng duy nhất của nhân loại là được Thiên Chúa cứu thoát.

Đó cũng chính là điều Thiên Chúa muốn làm.

LỜI HỨA TÁI TẠO

Ngay sau khi nói về tội nguyên tổ, tác giả Kinh Thánh đã mô tả Thiên Chúa như đang đối diện với ba kẻ tội phạm:

- người đàn bà,
- người đàn ông, và
- con rắn.

Với người đàn bà, Thiên Chúa phán: “Ta sẽ làm cho ngươi phải cực nhọc thật nhiều khi thai nghén; ngươi sẽ phải cực nhọc lúc sinh con. Ngươi sẽ thềm muốn chồng ngươi, và nó sẽ thống trị ngươi” (St 3:16).

Với người đàn ông, Thiên Chúa phán: “Đất đai bị nguyên rủa vì ngươi; ngươi sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời ngươi, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra” (St 3:17).

Với con rắn, Thiên Chúa phán: “Mi phải bò bằng bụng, phải ăn bụi đất mọi ngày trong đời mi. Ta sẽ gây mối thù giữa mi và người đàn bà, giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy; dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, và mi sẽ cắn vào gót nó” (St 3:14-15).

Một tia hy vọng chiếu sáng

Tác giả Kinh Thánh Tân Ước đã thấy một tia hy vọng qua câu nói cuối cùng Thiên Chúa phán với con rắn. Người ta nhận thấy đây là dấu chỉ Thiên

Chúa sẽ cứu vớt nhân loại khỏi hoàn cảnh họ đã sa vào.

Câu “mỗi thù giữa dòng giống mi và dòng giống người ấy” là để nói lên “cuộc chiến tranh thiêng liêng” giữa ma quỷ và nhân loại từ sau tội nguyên tổ. Rồi câu “dòng giống đó sẽ đánh vào đầu mi, còn mi sẽ cắn vào gót nó” để ám chỉ rằng nhân loại (qua Đức Giê-su là người con cao quý nhất của nhân loại) sẽ chiến thắng vinh quang.

Chính trong ý nghĩa này mà lời Thiên Chúa nói với con rắn là một tia hy vọng: gót chân của Đức Giê-su sẽ đạp dập đầu con rắn (1 Ga 3:8).

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 1. Lu-ca 18:2-8 | Người góa phụ phân đấu |
| 2. Gia-cô-bê 2:1-9 | Tội kỳ thị |
| 3. Gia-cô-bê 2:14-26 | Đức tin và hành động |
| 4. Thánh Vịnh 51:1-15 | Lạy Chúa, xin rửa con |
| 5. Lu-ca 16:19-31 | Ngày phán xét |

THẢO LUẬN

1. Bạn nghĩ gì về tội xã hội? Nhận diện một số tội xã hội nơi bạn đang sống và thử tìm phương thức diệt trừ.
2. Bạn hiểu thánh Phao-lô muốn nói gì trong chương 5 và 6 Thư gửi tín hữu Rô-ma?

CHIA SẺ

1. Hãy chia sẻ những tư tưởng sau đây:
 - “Chúng ta không thể phá bỏ được luật của Thiên Chúa, nhưng chúng ta lại có thể phá hủy chính mình.” (A. Maude Royden)
 - “Tội không làm đau đớn vì nó bị cấm, nhưng tội bị cấm vì nó làm đau đớn.” (Benjamin Franklin)
 - “Sự giả trá sẽ giả trá nhất khi nó gần với sự thật nhất.” (Gilbert Chesterton)
2. Trong cuốn *Oh, God!* của Avery Corman, có người trách Chúa không chịu can thiệp giúp loại trừ hoặc giảm bớt đau khổ của trần gian. Khi Chúa không bào chữa thì người ấy nói: “Vậy Chúa đã quyết định là cứ để chúng tôi sa ngã hoài mà Ngài không chịu làm gì để giúp chúng tôi sao?” Chúa nhìn người ấy và nói: “Này, con thông minh lắm, nhưng mà con quên mất một điều... Ta đã sắp đặt tất cả việc này cho con và làm sao cho việc này có kết quả. Chúng ta đã thỏa thuận là chính con phải làm và đừng mong

đội Ta làm việc ấy cho con.” Vậy Avery Corman diễn tả Thiên Chúa muốn gì trong trường hợp này? Tại sao bạn đồng ý hoặc không đồng ý với ông ta?

3. Bạn hãy nhớ lại câu nói của Martin Luther King về tội xã hội và sự thông đồng của chúng ta với nó. Bạn đồng ý hoặc bất đồng với ông ta về điểm nào?

4. Hãy nhớ lại một kinh nghiệm khi bạn đứng lên chống lại tội xã hội.

The Catholic Vision II – 10

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 11

Câu truyện Tái tạo dựng

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Lý do tại sao tôi đã không đọc Kinh Thánh Do Thái (Cựu Ước) nhiều hơn, đó là...
2. Một điều về Kinh Thánh Do Thái làm tôi thấy khó hiểu, đó là...

GIAO ƯỚC VỚI ÁP-RA-HAM

Cuốn Một người tên là Peter (A Man Called Peter) nói về câu truyện Peter Marshall. Khoảng năm 1920, ông cảm thấy mình “được gọi” hãy rời Tô-cách-lan sang Mỹ châu để truyền giáo. Ông vượt Đại tây dương mà không biết mình sẽ đi đâu. Trong lòng ông chỉ có niềm tin tràn đầy. Sau này, ông làm tuyên úy cho Quốc Hội Hoa Kỳ. Câu truyện của Peter cũng tựa như câu truyện của “một người tên là Áp-ram.” Khoảng năm 1800 trước công nguyên, Áp-ram cảm thấy “được gọi” để đi tới miền đất xa lạ. Cũng như Peter, ông không biết mình sẽ dừng chân ở đâu.

Câu truyện của Áp-ram bắt đầu với những điều mà một số người gọi là “cuộc tái tạo dựng,” một câu truyện trong Kinh Thánh nói về việc Thiên Chúa giải hòa thế giới với chính Ngài trong Đức Ki-tô (2 Cr 5:18). Theo khía cạnh mô phạm, từ ngữ tái tạo dựng rất hữu dụng vì nó giúp chúng ta hiểu ngay là Thiên Chúa can thiệp để đảo ngược lại tình trạng phá hủy hoặc “hủy tạo” thế giới do tội lỗi gây nên. Tuy nhiên theo khía cạnh thần học, từ

ngữ ấy nói lên điều người ta mong đợi. Nói đúng hơn thì phải dùng từ ngữ “cuộc tạo dựng mới,” như thánh Phao-lô đã nói: “Ai ở trong Đức Ki-tô đều là thụ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi” (2 Cr 5:17).

Thể văn trong câu truyện về Áp-ram khác hẳn thể văn trong những câu truyện về tạo dựng và hủy diệt. Hai câu truyện này xảy ra vào thời tiền sử và được truyền lại cho chúng ta qua hình thức những câu truyện biểu tượng. Còn câu truyện Áp-ram thì xảy ra vào thuở đầu khi có lịch sử và được truyền lại cho chúng ta như những câu truyện dân gian hoặc lịch sử truyền khẩu. Vì câu truyện đã được lưu truyền bằng miệng qua bao thế kỷ nên nó rất đơn giản và đôi khi được đề cao để nói lên một điểm nào đó.

Câu truyện “tạo dựng mới”

Sau một thời gian Áp-ram rời bỏ quê cha đất tổ, Thiên Chúa lại phán với ông: “Ta là Thiên Chúa Toàn năng... Ta sẽ đặt giao ước của Ta giữa Ta với ngươi... Ngươi ta sẽ không còn gọi tên ngươi là Áp-ram nữa, nhưng là Áp-ra-ham, vì Ta đặt ngươi làm cha của vô số dân tộc... Ta còn cho nó sinh ra cho ngươi một con trai... Ngươi sẽ đặt tên cho nó là I-xa-ác” (St 17:1-2,5,16,19).

Năm tháng qua đi, I-xa-ác lớn lên và kết hôn với Rê-bê-ca. Họ sinh được hai con trai: Ê-xau và Gia-cóp. Một ngày kia Gia-cóp đang ngủ dưới bầu trời đầy sao, Thiên Chúa phán với ông: “Nhưng người ta sẽ không gọi ngươi là Gia-cóp nữa, mà tên ngươi sẽ là Ít-ra-en” (St 35:10). Ít-ra-en là cha của mười hai người con trai (tức là mười hai chi tộc Ít-ra-en).

Đứa con được Ít-ra-en thương nhất, đó là cậu Giu-se. Một ngày kia vì ghen tương, các anh của Giu-se đã bán cậu cho những lái buôn Ai-cập. Khi sống tại Ai-cập, Giu-se đã nổi danh vì tiên đoán được nạn đói sắp xảy ra và giúp việc chuẩn bị cho Ai-cập đương đầu với tai họa đó.

Hoàn cảnh đưa đẩy, Giu-se đã mời gia đình Do-thái của ông đến sống với ông. Họ làm ăn trù phú và sinh sản trở thành một dân tộc lớn. Sau khi Giu-se qua đời, người Do-thái đã bị thất sủng và bị người Ai-cập bắt phải làm nô lệ. Sau nhiều thế hệ sống kiếp nô lệ, một người lãnh đạo tên là Mô-sê đứng dậy. Nhờ Thiên Chúa trợ giúp, Mô-sê đã dẫn những người nô lệ Do-thái ra khỏi Ai-cập tiến về miền đất tự do.

GIAO ƯỚC TẠI XI-NAI

Các sử gia lắc đầu phủ nhận. Họ nêu câu hỏi: “Làm sao một đám người hỗn độn, trước đây là nô lệ, không có tổ chức và không được giáo dục, thế mà nay bỗng nhiên có thể thay đổi được dòng lịch sử nhân loại?” Nhưng đó

chính là điều những người Ít-ra-en đã làm. Giải thích duy nhất hữu lý chính họ đã đưa ra.

Những người Ít-ra-en nói rằng sau khi rời khỏi Ai-cập, họ cắm lều tại chân núi Xi-nai. Ở đó Thiên Chúa đã kết ước với họ và ban cho họ một căn tính mới và một thân phận mới. Căn tính mới của họ là Dân được tuyển chọn của Thiên Chúa, một dân đặc biệt được Thiên Chúa triệu gọi để thi hành một sứ mạng đặc biệt. Thân phận mới của họ là trở nên dụng cụ được tuyển chọn để Thiên Chúa sử dụng trong kế hoạch tái tạo vũ trụ.

Những người Ít-ra-en tiến vào Đất Hứa

Khoảng năm 1200 trước công nguyên, những người Ít-ra-en đã tìm ra đường dẫn về đất đã hứa cho Áp-ra-ham và con cháu ông. Sách Giô-suê mô tả việc Ít-ra-en chinh phục chiếm đất đai. Mặc dù một số bản dịch Kinh Thánh xếp sách Giô-suê vào loại sách “lịch sử,” nhưng thực ra nó không phải là sách lịch sử theo nghĩa hiện thời.

Trước hết, hầu hết những điều trong sách đều do truyền khẩu qua nhiều thế hệ trước khi được ghi lại. Thứ hai, những chiến thắng của Ít-ra-en trên các dân bản xứ đều được giản dị hóa và được trình bày cốt để làm sáng tỏ rằng chính Thiên Chúa chứ không phải quân đội của Giô-suê đã tạo nên chiến thắng ấy.

Như thế, qua một loạt những biến cố trải dài nhiều thế kỷ, Thiên Chúa đã tuyển chọn một dân tộc, đã tỏ mình cho họ và đã quy tụ họ lại nơi miền đất Ngài ban cho họ làm sản nghiệp. Trên phương diện thiêng liêng về điểm này, những người Ít-ra-en đã không khác gì những đứa con nhỏ bé. Số phận của họ là phải lớn lên làm thành một dân tộc, để cứu vớt nhân loại khỏi tình trạng thờ nhiều thần tượng và khỏi những lối sống man di cũng như để dẫn đưa nhân loại đến nhận biết Thiên Chúa và kế hoạch của Ngài.

Những người Ít-ra-en phát triển thành một dân tộc

Sau khi người kế vị Mô-sê là Giô-suê chết đi, việc lãnh đạo dân Ít-ra-en được trao cho một số người được gọi là các Thủ lãnh. Họ không phải là những vị mặc áo dài đen, ngồi ở tòa án và xét xử các vụ kiện. Nhưng họ là những vị lãnh đạo được ban đặc sủng, được Thiên Chúa đưa lên để dẫn dắt Ít-ra-en trong lúc quốc gia nguy biến. Trong số các Thủ lãnh có bà Ê-bô-ra (Tl 4-5), ông Ghi-ê-on (Tl 6-7) và ông Sam-son (Tl 13-16).

Sau khi “thời Thủ lãnh” chấm dứt vào khoảng năm 1000 trước công nguyên, dân chúng đã được chuẩn bị để chuyển từ tình trạng thơ ấu sang trưởng thành về mặt thiêng liêng. Người được Thiên Chúa tuyển chọn để

giúp họ thực hiện cuộc chuyển tiếp này là ngôn sứ Sa-mu-en. Có lẽ cách tốt nhất mô tả vai trò của Sa-mu-en, đó là Sa-mu-en chính là nhịp cầu nối tiếp giữa “thời Thủ lãnh” với “thời quân chủ.” Vì Sa-mu-en là người đã đề ra một đường lối lãnh đạo vững chắc cho Ít-ra-en sau khi ngôn sứ xức dầu cho Sau-lê lên làm vua đầu tiên của họ.

Cũng như nhiều nhà lãnh đạo sau này, Sau-lê bắt đầu làm vua thì hứa hẹn, nhưng rồi kết cuộc lại là những xáo trộn hoàn toàn. Tuy nhiên ông đã đưa Ít-ra-en vào mức độ trưởng thành thiêng liêng. Vai trò của ông quan trọng cũng nhờ ở điểm này mà thôi.

Khi ngôi sao Sau-lê lu mờ và vụt tắt thì một ngôi sao khác rực sáng, đó là một chàng thanh niên tên là Đa-vít.

GIAO ƯỚC VỚI ĐA-VÍT

Thanh niên Đa-vít là một anh chăn cừu. Cậu học được cách sử dụng ná bắn đá, một khí giới hữu hiệu để chống lại thú rừng. Nhưng cậu chẳng khi nào ngờ tài bắn ná ấy lại giúp cậu lừng danh trong lịch sử Ít-ra-en. Đó là ngày mà quân Phi-li-tin xâm lăng Ít-ra-en và đóng trại quân khiêu chiến.

Một tên khổng lồ Phi-li-tin tên là Gô-li-át thách thức bất cứ người Ít-ra-en nào có thể đánh nhau với hắn. Khi không có ai dám ra đánh, thì Đa-vít, một thanh niên còn chưa đủ tuổi nhập ngũ, đã nghe lời thách thức kia và chấp nhận đấu với hắn. Tên khổng lồ Gô-li-át di chuyển nặng nề không sao thoát khỏi đôi tay lanh lẹ và cái ná bắn đá của chàng tuổi trẻ kia. Sau khi giết tên khổng lồ trước con mắt ngỡ ngàng của đoàn quân Ít-ra-en, Đa-vít trở thành anh hùng. Những ngày chăn cừu đã qua, chàng bắt đầu trở thành người lãnh đạo.

Khi Sau-lê chết, Đa-vít được xức dầu phong vương. Dưới sự lãnh đạo của ông, Ít-ra-en bắt đầu “những năm vinh quang.” Đa-vít biến Giê-ru-sa-lem thành thủ đô chính trị và cũng là trung tâm cho việc thờ phượng.

Rồi thời điểm đáng ghi nhớ trong đời Đa-vít đã tới. Qua ngôn sứ Na-than, Thiên Chúa hứa với Đa-vít: “Nhà của ngươi và vương quyền của ngươi sẽ tồn tại mãi mãi trước mặt Ta” (2 Sm 7:16).

Lời hứa này là một trong những lời hứa quan trọng nhất trong Kinh Thánh. Nó khởi đầu cho một loạt những lời tiên tri nói về một đấng sẽ đến và được gọi là Mê-si-a (Đấng Cứu Thế). Những lời tiên tri về Đấng Cứu Thế sau này sẽ được thể hiện đầy đủ nơi Đức Giê-su.

NỘI LOẠN VÀ LƯU ĐẦY

Ít có ai lớn lên mà cứ thẳng một mạch được. Thường thường sự phát

triển đều phải trải qua những khúc quanh, thăng trầm. Điều này càng đúng vào tuổi thanh xuân. Những gì đúng cho con người thì cũng đúng cho những quốc gia như Ít-ra-en chẳng hạn.

Sau khi Đa-vít băng hà, vương quyền được trao lại cho con trai là Sa-lô-mon. Cũng như Sau-lê, Sa-lô-mon bắt đầu nghiệp vua một cách vinh quang nhờ xây Đền Thờ. Nhưng sự thịnh vượng đã phải trả một giá đắt và khiến cho vương quốc Sa-lô-mon tan vỡ (1 V 11:10-13). Sau khi ông chết, mười chi tộc thuộc miền Bắc Ít-ra-en đã nổi loạn chống lại hai chi tộc miền Nam. Dân Chúa chia làm hai vương quốc: Ít-ra-en (Bắc) và Giu-đa (Nam). Sự chia rẽ này khởi sự cho một khúc quanh và thăng trầm trong cuộc phát triển thiêng liêng của họ.

Tuy nhiên, dù họ bất trung, Thiên Chúa vẫn không bỏ rơi dân Ngài. Ngài sai đến những ngôn sứ như Ê-li-a, A-mốt, Hô-sê để cảnh tỉnh vương quốc miền Bắc (Ít-ra-en) lầm đường lạc lối hãy quay về. Nhưng những lời tiên tri tựa như nói bên tai kẻ điếc.

Khoảng năm 722 trước công nguyên, nước Át-xi-ri xâm lấn và phá hủy vương quốc Ít-ra-en. Tuy nhiên vương quốc Giu-đa vẫn không nao núng. Dân chúng tin rằng tai họa ấy sẽ chẳng bao giờ giáng xuống trên họ.

Những gì phải tới đã tới

Dân chúng nước Giu-đa dần dần cũng rơi vào tình trạng xấu xa đòi trụ giống như vương quốc miền Bắc: thờ ngẫu tượng, sống đạo hình thức bề ngoài và đối xử tàn tệ với người nghèo và người bị áp bức.

Các ngôn sứ như I-sai-a và Giê-rê-mi-a đã cảnh cáo Giu-đa phải sửa đổi lại lối sống. Nhưng cũng như vương quốc miền Bắc, những lời cảnh cáo ấy chẳng ai thèm nghe. Kết cuộc đến ngày quân đội Ba-by-lon xâm lăng Giu-đa, họ phá hủy Đền Thờ và thành Giê-ru-sa-lem, bắt dân chúng phải phát lưu tại Ba-by-lon.

Trong vòng năm mươi năm, dân chúng phải sống lưu đầy tại một quốc gia xa lạ. Đức tin của họ mong manh và nhiều khi không còn nữa. Trong số các ngôn sứ Thiên Chúa sai đến thời này có Ê-dê-ki-en và một khuôn mặt lừng danh khác được gọi là I-sai-a Thứ Hai. Các học giả gọi vị sau này bằng tên ấy, vì những gì ngài viết rất gần với I-sai-a.

Những năm lưu đầy của Giu-đa đã giúp loại bỏ được tính cách nổi loạn thời thanh xuân của Giu-đa. Dân Chúa giờ đây sẵn sàng để tiến thêm một bước nữa trên đường trưởng thành thiêng liêng.

Giu-đa hồi hương

Cuối cùng đến ngày Ba-by-lon rơi vào tay quân đội của Ky-rô nước Ba-tư. Ky-rô đã giải phóng Giu-đa và cho phép những người Do-thái trở về. Sau đó họ tái thiết Giê-ru-sa-lem và Đền Thờ dưới sự lãnh đạo của Nơ-khe-mi-a và Êt-ra.

Vào năm 313 trước công nguyên, A-lich-sơn Đại đế đã chinh phục nước Giu-đa. Trong những năm sau đó, người Ít-ra-en đã tự cô lập với thế giới. Làm như vậy, họ đã đánh mất căn tính và thân phận của chính mình. Họ biến Đấng tạo dựng vũ trụ thành một Thiên Chúa của quốc gia, Đấng chăm sóc cho riêng họ mà thôi.

Giữa hoàn cảnh khó khăn này, xuất hiện ngôn sứ Ma-la-khi và một vị khác là tác giả sách Giô-na. Hai vị này đã đặc biệt giúp cho dân chúng ý thức lại thân phận của họ. Nhưng một cuộc suy chuyển lớn lao hơn đang tới.

Sự sống còn của Giu-đa bị đe dọa

Khoảng năm 200 trước công nguyên, một ông vua quá khích nước Xi-ri đã chinh phục Giu-đa và quyết tâm nhổ tận rễ Do-thái giáo. Những năm dầm máu do bách hại đã làm lung lay tận gốc đức tin của dân chúng.

Trong cơn khủng hoảng này có mặt một vị ngôn sứ không rõ tên và là tác giả sách Đa-ni-en. Cũng như các ngôn sứ đi trước, ngài phải đối diện với vấn đề chuyển đạt một sứ điệp đạo lý sâu xa cho một dân tộc bình dị. Để làm như vậy, ngài sử dụng hai lối viết văn: truyện dân gian và thị kiến. Thị kiến tiêu biểu, đó là việc Đa-ni-en nhìn thấy một Đấng có mây trắng bao quanh.

Sau này Đức Giê-su nhắc tới thị kiến ấy khi Ngài đứng trước tòa án xét xử Ngài. Bị chất vấn có phải là “Đức Ki-tô, Con Đấng đáng chúc tụng” không, Ngài đã trả lời: “Phải, chính thế. Rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến” (Mc 14:61-62).

MỘT DÂN TỘC ĐANG ĐỢI CHỜ

Sự lãnh đạo tôn giáo theo ngôn sứ Đa-ni-en và lãnh đạo chính trị theo Ma-ca-bê đã thu hút dân chúng qua thời gian khủng hoảng ấy. Nhưng niềm vui của Giu-đa thật ngắn ngủi. Năm 63 trước công nguyên, người Rô-ma đã chiếm cứ vương quốc nhỏ bé này.

Tuy nhiên qua những gian nan thử thách của Giu-đa lại có một ơn lành sâu xa, đó là hồng ân cho những ai kiên nhẫn và can đảm chịu đựng gian khổ. Ơn lành ấy chính là sự hiểu biết thiêng liêng và sự khôn ngoan. Dân chúng bắt đầu ý thức được rằng họ không thể tự mình làm được mọi sự. Ý

thức này đã giúp họ trưởng thành thiêng liêng.

Dân Giu-đa giờ đây nhận ra một cách thực tế rằng nếu không có Chúa và những lời hứa của Ngài, họ chỉ là con số không.

Ý thức này cũng đưa tới một cuộc kiểm thảo tâm hồn sâu đậm. Dân chúng thấy mình đang đặt ra những vấn đề căn bản về đức tin. Nếu căn tính và thân phận của họ hoàn toàn tùy thuộc vào Thiên Chúa, thì tại sao Ngài lại cứ yên lặng trong những thời điểm kia? Tại sao Thiên Chúa xem ra xa vời đối với họ trong lúc này? Thế còn giao ước của Thiên Chúa với Áp-ra-ham, với Đa-vít thì sao? Đấng Mê-si-a đã được hứa ban bây giờ ở đâu? Sao Ngài không xuất hiện?

Những câu hỏi này được phản ánh trong sách Giăng Viên và Gióp. Đọc những sách này, độc giả cảm thấy như Dân Chúa đang vật lộn để ráp lại một bức hình ghép nhiều mảnh, nhưng nửa số mảnh đã bị thất lạc.

Tuy nhiên đây chính là giá trị của những cuốn sách ấy. Chúng tựa như những cửa sổ thiêng liêng để qua đó chúng ta có thể hé thấy tâm hồn khắc khoải của những người Do-thái trung tín đang chờ đợi những mặc khải khác của Thiên Chúa.

Câu truyện Giu-đa chưa hết

Kinh Thánh Do-thái thừa nhận đã để lại cho chúng ta một câu truyện dở dang. Kinh Thánh ấy kết thúc với sự kiện những người Do-thái đang chờ đợi và cầu xin Thiên Chúa sai đến một đấng chưa xuất hiện, tức là Đấng Cứu Thế đã được hứa ban.

Một đoạn trong cuốn Nguồn cội (The Source) của James Michener diễn tả thật đẹp về quốc gia Do-thái vào thời điểm quan trọng này trong lịch sử nhân loại:

“Rabbi Asher lang thang giữa hàng cây ô-liu già cỗi. Bỗng ông chú ý tới một cây cổ thụ đến độ bên trong của cây đã mục rã, chỉ còn lớp vỏ mỏng có thể trông qua phía bên kia. Tuy nhiên những mảnh cây còn lại vẫn dính liền với rễ và cây cổ thụ vẫn còn sức sống, đâm ra những cành mới mang hoa trái. Và khi chăm chú nhận xét cây cổ thụ trong vườn ô-liu này, Asher đã cho rằng có thể diễn tả tóm tắt tình trạng của dân Do-thái như sau: một xã hội già cỗi với bao nhiêu mục nát bên trong, nhưng những mảnh nhỏ của nó vẫn ôm lấy sức sống từ cội rễ của Thiên Chúa, và chính nhờ những rễ lệ luật này mà Đức Giê-su có thể xác quyết được đâu là ý muốn của Thiên Chúa và Ngài có thể đem lại hoa trái tốt lành.”

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------|---|
| 1. Sáng Thế 15 | Thiên Chúa kết ước với Áp-ra-ham |
| 2. Xuất Hành 19-20 | Thiên Chúa kết ước với Ít-ra-en |
| 3. 2 Sa-mu-en 7-8 | Thiên Chúa kết ước với Đa-vít |
| 4. I-sai-a 43-44 | Thiên Chúa hứa cứu thoát Giu-đa |
| 5. Đa-ni-en 6 | Thiên Chúa cứu Đa-ni-en khỏi nanh vuốt sư tử. |

THẢO LUẬN

1. Áp-ra-ham, Sa-ra, I-xa-ác, Rê-bê-ca, Gia-cóp, Giu-se, Gio-suê, Đê-bô-ra, Sa-mu-en, Sau-lê là những nhân vật nào?
2. Sau khi đọc sách Gióp và Giảng Viên, bạn cảm nghiệm điều gì? Đây là giá trị của hai cuốn Kinh Thánh ấy?
3. Kinh Thánh Cựu Ước là một câu truyện dang dở. Vậy hiểu theo nghĩa nào?

CHIA SẺ

1. Một trong những công việc của các ngôn sứ Ít-ra-en là đối diện với các vua Ít-ra-en (2 Sm 11-12). Bạn hãy tưởng tượng bạn được chỉ định làm ngôn sứ cho viên thị trưởng hoặc cho tổng thống Hoa-kỳ. Vậy bạn thử kể ra ba điểm bạn có thể chạm trán với họ. Tại sao chọn những điểm này?
2. Bức hí họa vẽ một “nhà tiên tri vĩa hè” tân thời, quần áo tả tơi, tay cầm tấm biển “Hãy hối cải! Sắp tận thế rồi!” Phía dưới bức hí họa, tác giả viết: “Bạn thấy không? Không còn ai cười giễu ông ta nữa.” Nhà tiên tri tân thời này giống những ngôn sứ trong Kinh Thánh như thế nào? Khác nhau thế nào? Điều gì khiến bạn nghĩ hoặc nghi ngờ rằng “ngày tận thế sắp đến rồi”?
3. Đau khổ người Do-thái chịu trong suốt cuộc bách hại do bạo chúa nước Syri đã kết thúc như là một hồng ân cho họ. Bạn hãy nhớ lại một thảm kịch hoặc gian khổ trong đời bạn đã kết thúc như một ơn lành cho bạn. Nếu bạn chia sẻ được thì càng hay.
4. Dân Tuyển Chọn của Thiên Chúa đã có một thân phận. Bạn có tin rằng bạn được Thiên Chúa tuyển chọn và được mời gọi đến với đức tin Công Giáo vì một lý do gì không? Bạn có thể giải thích lý do ấy hay không?

The Catholic Vision II – 11

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 12

Đức Giê-su giảng sinh

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Điều làm tôi phấn khởi nhất về việc Đức Giê-su giảng sinh, là...
2. Một câu hỏi tôi muốn được trả lời về việc Đức Giê-su giảng sinh, là...

BỐN SÁCH TIN MỪNG

Nhà văn Nathaniel Hawthorne người Hoa-kỳ đã chết. Trên bàn giấy của ông có dàn bài của một vở kịch chưa viết xong. Vở kịch nói về một người sẽ không bao giờ xuất hiện trên sân khấu. Ai cũng nói về người ấy. Ai cũng mơ về người ấy và ai cũng đợi người ấy xuất hiện. Nhưng vở kịch kết thúc mà người ấy vẫn không xuất hiện.

Một cách nào đó, Kinh Thánh Do-thái cũng giống như vở kịch dở dang của Hawthorne. Kinh Thánh ấy chú ý tới một người mà ai cũng nói đến, mơ ước và chờ đợi. Người ấy là Đức Mê-si-a đã được hứa ban. Nhưng Kinh Thánh Do-thái kết thúc mà vẫn không có Ngài xuất hiện.

Chính trong bối cảnh này chúng ta sẽ nói về Kinh Thánh Ki-tô, nhất là những sách Tin Mừng.

Sách Tin Mừng được khai triển dần dần

Bốn sách Tin Mừng không được viết liền ngay, nhưng đã được khai triển trong một thời gian gồm ba giai đoạn:

- * giai đoạn sống
- * giai đoạn rao giảng
- * giai đoạn thành văn.

Giai đoạn sống là chính cuộc sống của Đức Giê-su, tức là những điều Ngài làm và những lời Ngài nói trong suốt cuộc đời. Nói về giai đoạn này, Phê-rô viết: “Chúng tôi đã được thấy tận mắt vẻ uy phong lẫm liệt của Ngài” (2 Pr 1:16).

Giai đoạn rao giảng bắt đầu vào ngày Hiện Xuống. Được tràn đầy sức mạnh Chúa Thánh Thần, các tông đồ bắt đầu rao giảng Tin Mừng. Hễ gặp một đám đông ở đâu là họ nói về Tin Mừng. Do lòng sốt sắng hồi thúc, họ đã đem Tin Mừng qua khắp xứ Pha-lét-tin đến tận Hy-lạp và đến cả Rô-ma

nữa.

Các tông đồ đã cảm nhận một sự hồi thúc, vì họ nghĩ rằng Đức Giê-su sẽ trở lại trong vinh quang (Cv 1:11) ngay khi Tin Mừng được rao giảng cho mọi dân nước (Mt 24:14). Các tông đồ cứ tưởng là họ có thể hoàn tất công việc này đang khi họ còn sống. Vì thế họ mới không nghĩ đến việc viết lại Tin Mừng. Tại sao phải viết lại Tin Mừng nếu ngày Đức Giê-su trở lại đã gần kề?

Nhưng khi các tông đồ thấy họ không thể hoàn tất việc rao giảng Tin Mừng cho muôn dân trong quãng đời của họ được, nên họ quyết định phải viết xuống để Tin Mừng khỏi bị sai lạc hay bị bóp méo đi sau khi họ chết.

Vào khoảng năm 50, giai đoạn thành văn bắt đầu. Lu-ca nhắc đến điểm này trong phần giới thiệu sách Tin Mừng của ngài: “Có nhiều người đã ra công biên soạn bản tường thuật những điều đã được thực hiện giữa chúng ta. Họ viết theo những điều mà các người đã được chứng kiến ngay từ đầu và đã phục vụ lời Chúa truyền lại cho chúng ta. Tôi cũng vậy, sau khi đã cẩn thận tra cứu đầu đuôi mọi sự, thì thiết tưởng cũng nên tuân tự viết ra” (Lc 1:1-3).

TRÌNH BÀY TỔNG QUÁT BỐN SÁCH TIN MỪNG

Chúng ta giả dụ một viên giám đốc đài truyền hình hoạch định một chương trình gọi là “Hướng dẫn du ngoạn thành phố Nữ Ước.” Ông ta quyết định trình chiếu thành phố qua cái nhìn của bốn du khách tới thăm thành phố bằng bốn phương tiện: tàu thủy, xe lửa, xe hơi và máy bay. Kết quả khán thính giả có được cái nhìn về thành phố, không phải một mà là bốn cái nhìn khác nhau. Do đó du khách thấy được thành phố hấp dẫn hơn.

Cũng vậy, bốn sách Tin Mừng không phải chỉ công hiến một, nhưng là bốn khuôn mặt hoặc bốn cái nhìn về Đức Giê-su. Kết quả là chúng ta càng hiểu rõ được về Đức Giê-su nhiều hơn nữa.

Mỗi sách Tin Mừng được viết trong thời gian, nơi chốn, cho độc giả và với mục đích riêng biệt.

Các học giả vẫn chưa đồng ý về những chi tiết Tin Mừng được viết khi nào, ở đâu và cho ai. Có lẽ họ sẽ chẳng bao giờ đồng ý kiến. Rồi họ cũng không đồng ý về lý do tại sao mỗi sách Tin Mừng lại nhắm một mục đích. Nhưng nói chung, họ đồng ý về những điểm sau đây:

Mác-cô nhấn mạnh về Đấng Cứu Thế chịu đau khổ

Mác-cô viết tại Rô-ma trước năm 70 cho các Ki-tô hữu thuộc Dân ngoại (không phải Do-thái). Mục đích của Tin Mừng Mác-cô bị ảnh hưởng

do sự kiện Ki-tô hữu tại Rô-ma đang chịu bách hại vì đức tin. Do đó, Mác-cô đã nhấn mạnh đến Đức Giê-su chịu đau khổ. Nếu Đấng Cứu Thế đã phải chịu đau khổ thì các môn đệ Ngài cũng sẽ phải chịu đau khổ (Mc 8:34-35).

Mát-thêu nhấn mạnh về Đấng Cứu Thế giảng dạy

Mát-thêu đã viết tại An-ti-ô-khi-a (Xy-ri) vào khoảng giữa năm 70 và 90. Mục đích Mát-thêu nhắm, đó là viết cho Ki-tô hữu gốc Do-thái. Họ rất ưu tư về việc làm sao những giáo huấn của Đức Giê-su phù hợp với giáo huấn của Mô-sê và các ngôn sứ. Vì thế, Mát-thêu đã nhấn mạnh đến sự kiện giáo huấn của Đức Giê-su đã kiện toàn giáo huấn của Mô-sê và các ngôn sứ như thế nào (Mt 5:17-48).

Lu-ca nhấn mạnh về Đấng Cứu Thế đầy lòng nhân hậu

Lu-ca viết tại Hy-lạp khoảng giữa năm 70 và 90. Ngài viết cho những người nghèo khổ và bị ức hiếp. Cho nên Lu-ca đã nhấn mạnh đến ưu tư của Đức Giê-su về một xã hội bị áp bức. Thí dụ, ngài kể bốn câu truyện về Đức Giê-su hết sức lo lắng cho giới phụ nữ (họ là những người bị áp bức trong thời sách Tin Mừng được viết) mà các sách Tin Mừng khác không nói đến (Lc 7:11-17; 8:1-3; 15:8-10; 18:1-8).

Gio-an nhấn mạnh về Đấng Cứu Thế ban sự sống

Gio-an viết tại Ê-phê-xô (Tiểu Á) sau năm 90 và viết cho Ki-tô hữu thuộc nhiều văn hóa khác biệt. Do đó ngài đã chú ý đến việc làm sao Đức Giê-su đã đến để làm cho mọi người được sống dồi dào hơn. Đức Giê-su nói: “Tôi đến để cho chiên được sống và sống dồi dào” (Ga 10:10).

HAI TRÌNH THUẬT VỀ GIÁNG SINH

Không như Mác-cô và Gio-an là những sách bắt đầu với việc Đức Giê-su chịu phép rửa, sách Tin Mừng Mát-thêu và Lu-ca bắt đầu với việc Đức Giê-su giáng sinh. Điều này thực là nan giải vì không môn đệ nào biết về quãng đời ấu của Đức Giê-su. Do đó Mát-thêu và Lu-ca phải tìm đến nguồn liệu khác để biết về việc Đức Giê-su giáng sinh:

- * nguồn liệu lịch sử: những gì bà Ma-ri-a, gia đình bà và gia đình Giu-se đã nhớ được.

- * những lời tiên tri: những gì các vị ngôn sứ Do-thái đã tiên báo có thể giúp soi sáng vấn đề.

* thần học: những gì Chúa Thánh Thần linh hứng cho họ để ghi chép lại về biến cố ấy.

Những trình thuật về việc giáng sinh có thể ví như những “bức thảm dệt,” được kết bằng ba loại sợi khác nhau: lịch sử, tiên tri và thần học. Những sợi chỉ này đã được dệt lại khéo léo đến nỗi người ta khó mà biết được sợi nào là đầu, sợi nào là cuối.

TRÌNH THUẬT GIÁNG SINH THEO LU-CA

Trình thuật Giáng Sinh theo Lu-ca phản ánh lớp độc giả ngài muốn viết cho họ, đó là những người Dân ngoại và người nghèo. Ngài đặt việc giáng sinh của Đức Giê-su trong hoàn cảnh một cuộc kiểm tra dân số của Dân ngoại. Ngài nhấn mạnh sự kiện cha mẹ Đức Giê-su bị đối xử như những kẻ sống bên lề xã hội, phải trú ngụ tại một hang đá. Những hoàn cảnh này cho thấy trước mỗi ưu tư của Đức Giê-su đối với người Dân ngoại và người nghèo. Nói về việc Giáng Sinh, Lu-ca viết:

“Thời ấy, hoàng đế Au-gút-tô ra chiếu chỉ, truyền kiểm tra dân số trong khắp cả thiên hạ... Ai nấy đều phải về nguyên quán mà khai tên tuổi. Bởi thế, ông Giu-se từ thành Na-da-rét, miền Ga-li-lê, lên thành Bê-lem, miền Giu-đê, là thành vua Đa-vít, vì ông thuộc về nhà và gia tộc vua Đa-vít. Ông lên đó khai tên cùng với người đã đính hôn với ông là bà Ma-ri-a, lúc ấy đang có thai. Khi hai người đang ở đó, thì bà Ma-ri-a đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.

“Trong vùng ấy, có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật. Và kìa sứ thần Chúa đứng bên họ, và vinh quang của Chúa chiếu tỏa chung quanh, khiến họ kinh khiếp hãi hùng. Nhưng sứ thần bảo họ: “Anh em đừng sợ. Nay tôi báo cho anh em một tin mừng trọng đại, cũng là tin mừng cho toàn dân: Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đa-vít, Người là Đấng Ki-tô Đức Chúa... Họ liền hỏi hỏi ra đi. Đến nơi, họ gặp bà Ma-ri-a, ông Giu-se, cùng với Hai Nhi đặt nằm trong máng cỏ... Rồi các người chăn chiên ra về, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa, vì mọi điều họ đã được mắt thấy tai nghe, đúng như đã được nói với họ.” (Lc 2:1,3-11,16,20)

Ba điểm nổi bật

Ba điểm đáng ghi nhớ trong trình thuật Giáng Sinh do Lu-ca:

Trước hết, Lu-ca tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng đã được hứa ban, Đấng Cứu Thế mà Ít-ra-en chờ đợi từ lâu.

Thứ hai, ngài kêu gọi người ta hãy chú ý tới những hoàn cảnh khiêm nhường trong việc Đức Giê-su giáng sinh. Đấng Cứu Thế sinh ra trong nghèo khó như một người bị ruồng bỏ và trong một nơi dành cho những con vật hôi hám ở.

Thứ ba, Lu-ca muốn nói lên căn tính và sứ mệnh của Đức Giê-su: Đức Giê-su là Con Chiên Thiên Chúa và là hy tế. Lu-ca diễn tả điều này bằng cách nói Đức Giê-su đã sinh ra trong mùa cừ sinh sản: “Có những người chăn chiên sống ngoài đồng và thức đêm canh giữ đàn vật.” Bình thường các mục đồng lừa cừ vào trong hang hoặc chuồng khi đêm xuống. Chỉ có thời gian cừ sinh sản là người ta không lừa chúng vào vì sợ cừ non bị những con lớn đạp chết. Mùa cừ sinh sản sẽ là thời điểm tốt đối với việc Đức Giê-su giáng sinh, vì tựa như những con chiên sinh ra quanh vùng Bê-lem (nương dưới bóng Đền Thờ Giê-ru-sa-lem) được dùng để làm sinh lễ, thì Đức Giê-su cũng sẽ trở nên hy tế như vậy.

Trình thuật Giáng Sinh theo Lu-ca để lại cho chúng ta bài ca mà ông Da-ca-ri-a đã hát lên ngày Gio-an Tẩy giả chào đời:

“Chúc tụng Đức Chúa là Thiên Chúa Ít-ra-en...

Từ dòng dõi trung thần Đa-vít,

Người đã cho xuất hiện

Vị Cứu Tinh quyền thế để giúp ta,

Như Người đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ

Mà phán hứa tự ngàn xưa...” (Lc 1:68-70)

TRÌNH THUẬT GIÁNG SINH THEO MÁT-THÊU

Trình thuật Giáng Sinh do Mát-thêu trình bày Đức Giê-su như là sự thể hiện hoàn tất những lời tiên tri trong Cựu Ước. Mát-thêu bắt đầu trình thuật bằng cách cho thấy Giu-se và Ma-ri-a đã đính hôn với nhau. Trước khi cưới, “Ma-ri-a đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1:18). Điều này khiến Giu-se buồn phiền cho tới khi ông biết Ma-ri-a đã chịu thai là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Mát-thêu viết:

“Tất cả sự việc này đã xảy ra, là để ứng nghiệm lời xưa kia Chúa phán qua miệng ngôn sứ: Này đây, Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ con trai, người ta sẽ gọi tên con trẻ là Em-ma-nu-en, nghĩa là ‘Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta’.” (Mt 1:22-23)

Các nhà chiêm tinh đến bái lạy Đức Giê-su

Sau khi Đức Giê-su giáng sinh, Mát-thêu tả lại việc “các nhà chiêm tinh từ phương Đông” theo dấu một ngôi sao để đến Giê-ru-sa-lem. Các nhà

chiêm tinh là những người học hỏi về tinh tú và quan sát sự vận hành của chúng. Khi họ hỏi vua Hê-rô-đê về nơi vị tân vương của Do-thái sinh ra, thì các cố vấn của nhà vua trả lời họ là tân vương sinh ra tại Bê-lem.

Sau khi các nhà chiêm tinh đi Bê-lem, vua Hê-rô-đê bắt đầu lo sợ cho ngai vàng của mình và âm mưu giết Đức Giê-su. Trong lúc ấy các nhà chiêm tinh đã gặp được Đức Giê-su và tiến dâng Ngài những tặng vật là vàng, hương và mộc dược. Thiên sứ dạy họ đừng quay lại Giê-ru-sa-lem, nhưng hãy tìm đường khác mà trở về nhà. Thiên sứ cũng bảo Giu-se hãy đem Ma-ri-a và Đức Giê-su sang Ai-cập, vì vua Hê-rô-đê đang tìm cách giết Hài Nhi.

Cũng giống như các biến cố khác trong thời thơ ấu của Đức Giê-su, trình thuật này được dựng trên ba nguồn liệu: lịch sử, tiên tri và thần học. Trong câu chuyện các nhà chiêm tinh, ba “sợi chỉ” này không thể tách rời từng sợi. Thí dụ lịch sử cho thấy các nhà chiêm tinh đã sống ở phương Đông. Nhưng đồng thời lịch sử ấy cũng nói rằng họ nghiên cứu về tinh tú và ngẫm nghĩ về cuộc đời theo những vì sao ấy.

Cũng vậy, “những sợi chỉ” lời tiên tri trong Cựu Ước không thể nhận ra được trong câu chuyện các nhà chiêm tinh. Thí dụ ngôn sứ Mi-kha đã nói tiên tri về Bê-lem: “Từ nơi ngươi, Ta sẽ cho xuất hiện một vị có sứ mệnh thống lãnh Ít-ra-en” (Mk 5:1). Và tác giả Thánh Vịnh viết: “Hàng vương giả sẽ về triều cống... muôn dân nước thấy đều phụng sự” (Tv 72:10-11). Sau cùng, sách Dân Số nói: “Tôi thấy nó, nhưng bây giờ chưa phải lúc; tôi nhìn, nhưng chưa thấy nó kề bên: một vì sao xuất hiện từ Gia-cóp” (Ds 24:17).

Sợi chỉ thần học quan trọng nhất, đó là sợi đã đan kết hai sợi kia để cho thấy ý nghĩa mà Mát-thêu muốn hiểu khi kể lại câu chuyện. Ngài muốn chúng ta hiểu rằng Đức Giê-su là:

- * Đấng Mê-si-a đã được hứa ban,
- * đã được tiên báo do các ngôn sứ,
- * bị người Do-thái (Hê-rô-đê) chối bỏ, và
- * lại được Dân ngoại (các nhà chiêm tinh) nhìn nhận.

Những lễ vật của các nhà chiêm tinh mang ý nghĩa biểu tượng

Theo truyền thống, Ki-tô hữu đã thấu hiểu ý nghĩa của ba lễ vật các nhà chiêm tinh tiến dâng: vàng, hương và mộc dược.

Vàng là “vua các kim loại.” Do đó vàng là một biểu tượng lý tưởng nói lên vương quyền của Đức Giê-su. Hương được dùng trong việc thờ phượng. Hương thơm và khói hương cuộn cuộn dâng lên trời đã nói lên tính cách thần thiêng, tức biểu tượng cho thiên tính của Đức Giê-su. Mộc dược

được dùng để ướp xác trước khi mai táng. Vậy mộ được nói về sự mỏng dòn của con người và biểu tượng cho nhân tính của Đức Giê-su.

Một ngàn năm trăm năm trước đây, một văn sĩ Ki-tô giáo đã tóm lược câu truyện các nhà Chiêm tinh như sau:

“Các nhà chiêm tinh hết sức ngỡ ngàng chú vào những gì mắt họ thấy: trời đang hiện diện trên trái đất, trái đất đang hiện diện trên trời, con người trong Thiên Chúa, Thiên Chúa trong con người... Nhìn thấy như vậy thì họ tin và không còn thắc mắc gì nữa, vì các lễ vật của họ đã làm chứng: vàng cho một vị vua, hương cho Thiên Chúa và mộ được cho một người sẽ phải chết.” (Phê-rô Kim Ngôn)

THỜI NIÊN THIẾU CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Đức Giê-su chắc chắn đã làm tất cả những gì hầu hết các trẻ em cùng lớp tuổi đã làm. Trong những điều này, quan trọng nhất vẫn là học Kinh Thánh và học nghề của cha mình (Mc 6:3).

Ngày hưu lễ và những ngày lễ lạc là những dịp đặc biệt đối với Đức Giê-su. Ngài đã đều đặn đến hội đường, tại đó khi đến phiên, Ngài đã tuyên đọc Kinh Thánh Cựu Ước (Lc 4:16-17). Cũng vậy, Ngài đã đi lên Đền Thờ Giê-ru-sa-lem để mừng những lễ lớn (Lc 2:41).

Trong khi ấy giữa những bận rộn hằng ngày đã có một điều gì thật là diệu kỳ và mầu nhiệm đang diễn tiến trong tâm trí Đức Giê-su. Con người của Ngài đang ý thức về căn tính, sứ mệnh và về Cha trên trời; ý thức ấy đang phát triển một cách vô cùng tốt đẹp (Lc 2:49).

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

1. Gio-an 1:1-18 Ngôi Lời tự đời đời
2. Châm Ngôn 8:22-31 Người Con vĩnh cửu
3. I-sai-a 9:1-6 Vương quốc vĩnh cửu
4. Mát-thêu 2:1-12 Những vị khách viếng thăm Vua
5. Thánh Vịnh 72:1-19 Vạn tuế Vua!

THẢO LUẬN

Các tác giả sách Tin Mừng đã viết khi nào, ở đâu và cho ai?
Bạn hiểu thế nào khi những sách ấy viết cho chính bạn?

CHIA SẺ

1. Khi thăm Thánh địa, có người mang theo một bộ tượng Giáng Sinh. Tượng làm bằng gỗ ô-liu, khắc hình Đức Giê-su, Mẹ Ma-ri-a, thánh Giu-se và các người chăn chiên. Nhân viên an ninh phi trường Tel Aviv rọi tia X từng tượng một và nói: “Chúng tôi không thể bắt cần được. Nhưng chúng tôi phải chắc chắn là không có chất nổ đặt bên trong các tượng này.” Chủ nhân của bộ tượng cười thầm và nghĩ rằng: “Đúng, bộ tượng Giáng Sinh có một sức nổ mạnh nhất thế giới!” Vậy người ấy đang nghĩ tới sức mạnh nào? Chúng ta có thể diễn tả sức mạnh ấy thế nào?

2. Henry Van Dyke đã viết một câu truyện rất hay về Giáng Sinh, tựa là “Nhà chiêm tinh thứ tư” nói về Artaban là người đáng lẽ đã cùng đi với ba nhà chiêm tinh kia đến Bê-lem. Câu truyện kể tại sao ông ta đã trễ hẹn không đi với họ được. Bạn hãy tưởng tượng Van Dyke xin bạn giúp ông ta ý kiến muốn Artaban đem theo lễ vật gì để dâng cho Đức Giê-su. Vậy lễ vật gì thích hợp và tại sao?

3. Một thi sĩ vô danh viết: “Khi tiếng hát thiên thần vừa dứt, khi ánh sao trên trời mới tắt, khi các vua chúa đã về nhà, khi các mục đồng đã trở lại đàn chiên, thì công việc của Giáng Sinh bắt đầu: tìm những gì lạc mất, chữa lành kẻ bị dập nát, cho người đói ăn, thả tù nhân, tái thiết các quốc gia, đem hòa bình đến cho anh em, ca hát trong tâm hồn.” Hãy diễn tả một “công việc Giáng Sinh” mà bạn đã hoặc đang dần thân.

The Catholic Vision II – 12

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 13

Đức Giê-su chuẩn bị sứ vụ

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Nếu tôi có mặt lúc Đức Giê-su chịu phép rửa hoặc lúc Ngài bị cám dỗ trong sa mạc, tôi sẽ..., bởi vì...
2. Khi nghĩ về những cám dỗ của Chúa trong sa mạc, tôi cho rằng tên quỷ giống như..., bởi vì...

ĐỨC GIÊ-SU CHỊU PHÉP RỬA

Linda Marshall sửa soạn tắm. Bà đưa tay ra thử độ ấm của nước, một chân trong bồn tắm, còn chân kia ở ngoài. Đang đứng trong tư thế tức cười như vậy, bà chợt nghĩ về mình: “Đây chính là một hình ảnh về cuộc đời tôi.”

Linda vẫn ước ao có một đời sống đạo đức hơn, nhưng bà không làm sao tiến bước được. Bà luôn luôn chân trong chân ngoài. Hình như bây giờ là lúc cho bà quyết định.

Cuối cùng bà nín thở, rồi la lớn lên: “Lạy Chúa, con xin chọn Chúa.” Sau lời ấy, bà bước vào bồn tắm, tựa như một cuộc rửa tội vậy.

Nếu chúng ta có thể hiểu được lựa chọn khó khăn của Linda thì chúng ta cũng có thể hiểu được sự lựa chọn mà Gio-an Tẩy giả đã đề ra cho dân chúng khi ông nói với họ: “Anh chị em hãy từ bỏ tội lỗi và lãnh nhận phép rửa” (x. Lc 3:3).

Từ ngữ Gio-an sử dụng “Hãy từ bỏ tội lỗi” được dịch ra từ tiếng Do-thái, có nghĩa là “quay về để khỏi đi theo con đường lầm lỗi nữa.” Nói khác đi, ông xin dân chúng hãy nhận thực những đường lối tội lỗi của họ và hãy thay đổi đời sống. Để tỏ ra họ thành thực muốn làm như vậy, Gio-an mời gọi họ hãy lãnh nhận phép rửa.

Đức Giê-su xin chịu phép rửa

Khi nhìn thấy Đức Giê-su lội xuống nước để chịu phép rửa, Gio-an hết sức ngạc nhiên. Ông phải làm gì đây? Gio-an cố xoay ngược lại tình thế, ông nói: “Chính tôi mới cần được Ngài làm phép rửa, thế mà Ngài lại đến với tôi!” Đức Giê-su trả lời ông: “Bây giờ cứ thế đã. Vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính” (Mt 3:14-15).

Đức Giê-su hòa mình hoàn toàn với chúng ta

Đức Giê-su đã xin chịu phép rửa, không phải vì Ngài là kẻ tội lỗi cần hối cải, nhưng vì Ngài là một người trong chúng ta, nghĩa là một phần tử bằng máu và thịt thuộc gia đình nhân loại. Ngài hòa mình với chúng ta một cách hoàn toàn đến nỗi đã chấp nhận thân phận con người của chúng ta, ngay cả đến tình trạng tội lỗi.

Ở đây cho ta một bài học quan trọng. Chúng ta cũng là những phần tử của một nhân loại tội lỗi. Chúng ta không thể đứng ngoài vòng nhân loại ấy, nhưng giữa những tội lỗi của nhân loại. Thí dụ, chúng ta không thể nói: “Tôi không chấp nhận việc chối bỏ nhân quyền. Tôi cũng không chấp nhận

những sách báo, phim ảnh hoặc những chương trình truyền hình như thế này. Nhưng tôi không thể làm gì hơn đối với những điều tội lỗi này.” Là môn đệ Chúa Ki-tô, chúng ta có bốn phận phải tìm ra những phương thức để làm một điều gì chứ!

BA HÌNH ẢNH

Ngay sau khi Đức Giê-su chịu phép rửa, thì “trời mở ra, và Thánh Thần ngự xuống trên Người dưới hình dáng như chim bồ câu. Lại có tiếng từ trời phán rằng: Con là Con của Cha; ngày hôm nay, Cha đã sinh ra Con” (Lc 3:21-22).

Ba hình ảnh qua mô tả của Lu-ca về việc Đức Giê-su chịu phép rửa là:

- * trời mở ra
- * chim bồ câu đáp xuống, và
- * tiếng nói phát ra từ trời.

Một “thời đại mới” hé mở

Để hiểu việc trời mở ra trên Đức Giê-su, chúng ta cần biết người Do-thái thời xưa đã nhìn vũ trụ như thế nào. Họ coi vũ trụ như là ba thế giới xếp chồng lên nhau.

Bên trên là thế giới của Thiên Chúa. Ở giữa là thế giới của người sống và dưới cùng là thế giới của người đã chết.

Ranh giới ngăn cách thế giới của Thiên Chúa và thế giới người sống là bầu trời. Nếu Thiên Chúa muốn đi vào thế giới người sống, thì Ngài phải đi qua ngăn cách này.

Sau khi A-đam phạm tội, thế giới của người sống đã trở nên mỗi ngày một xấu xa thêm. Những người thánh thiện cầu xin Thiên Chúa “xóa bỏ” ranh giới ngăn cách với thế giới của Ngài và làm một điều gì đó cho thế giới xấu xa của họ. Thí dụ ngôn sứ I-sai-a đã cầu nguyện: “Ước gì Ngài xé trời mà xuống” (Is 63:19). Tác giả Thánh Vịnh kêu cầu: “Lạy Chúa, xin Chúa hãy xé trời ra mà ngự xuống” (Tv 144:5).

Hình ảnh trời mở ra có nghĩa là Thiên Chúa đã quyết định đi vào thế giới của chúng ta và làm một điều gì đó đối với tình trạng tội lỗi trong thế giới ấy. Một “thời đại mới” trong lịch sử nhân loại đang khởi đầu.

Một “cuộc tạo dựng mới” bắt đầu

Hình ảnh thứ hai là hình chim bồ câu (Thánh Thần) đáp xuống trên Đức Giê-su. Hình ảnh này gợi lại việc thần linh Chúa xuống trên nước trong

ngày tạo dựng (St 1:1-2).

Những giáo sĩ Do-thái so sánh thần linh Chúa tựa như một chim bồ câu. Luca dùng hình ảnh này để dạy rằng một thời đại mới đang lộ rạng. Lời tiên tri của ngôn sứ I-sai-a đang được thể hiện: “Thiên Chúa phán: Này đây Ta sáng tạo trời mới đất mới... Hãy vui mừng và luôn mãi hỷ hoan vì những gì chính Ta sáng tạo” (Is 65:17-18).

Hình ảnh chim bồ câu đáp xuống có nghĩa là một cuộc tạo dựng mới sắp sửa xảy ra.

Một “A-đam mới” xuất hiện

Hình ảnh thứ ba là tiếng phát ra từ trời nói về Đức Giê-su: “Con là Con yêu dấu của Cha.” Tiếng nói mô tả Đức Giê-su là con đầu lòng của một cuộc tạo dựng mới. Ngài chính là “A-đam mới” trong cuộc tạo dựng mới. Phao-lô nói lên sự so sánh giữa “A-đam cũ” và Đức Giê-su là “A-đam mới”:

“Con người đầu tiên là A-đam được dựng nên thành một sinh vật, còn A-đam cuối cùng (Đức Ki-tô) là thần khí ban sự sống... Người thứ nhất (A-đam) bởi đất mà ra thì thuộc về đất; còn người thứ hai (Đức Ki-tô) thì từ trời mà đến. Những kẻ thuộc về đất thì giống như kẻ bởi đất mà ra; còn những kẻ thuộc về trời thì giống như Đấng từ trời mà đến. Vì thế, cũng như chúng ta đã mang hình ảnh người bởi đất mà ra, thì chúng ta cũng sẽ được mang hình ảnh Đấng từ trời mà đến.” (1 Cr 15:45,47-49)

Hình ảnh thứ ba chứa đựng một bài học quan trọng. Vì chúng ta mang cả hình ảnh của “con người thuộc về đất” lẫn “con người thuộc về trời”, nên chúng ta cảm nghiệm một sự căng thẳng nội tại giữa xác thịt (con người thuộc về đất) và tinh thần (con người thuộc về trời). Chính thánh Phao-lô đã cảm nhận sự căng thẳng này trong cuộc sống, nên ngài nói: “Điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm” (Rm 7:15).

Thời gian chờ đợi từ lâu nay đã tới

Ba hình ảnh trong biến cố Đức Giê-su chịu phép rửa có ý nghĩa như sau:

- * một thời đại mới hé mở (trời mở ra),
- * một cuộc tạo dựng mới bắt đầu (chim bồ câu đáp xuống), và
- * một A-đam mới xuất hiện (tiếng nói từ trời).

Thời gian chờ đợi từ lâu, giờ đây đã tới: Thiên Chúa khởi sự “tái tạo” thế giới đã bị tội lỗi “hủy tạo.”

NHỮNG CÁM ĐỒ CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Doug Alderson đã mô tả một kinh nghiệm thích thú trong cuốn Campus Life. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông làm một chuyến đi bộ hai ngàn dặm trong mùa hè dọc theo đường mòn rừng Appalachian. Ông viết:

“Tôi vừa tốt nghiệp trung học xong. Tôi có nhiều câu hỏi. Mục đích của tôi trong đời là gì? Tương lai của tôi? Có Thiên Chúa không? Tôi nghĩ những câu trả lời có thể tìm thấy ngay tại những vùng hoang dã trước mặt kia.

“Đáng lẽ phải dành thời giờ cho sự sống hơn là cho tiền bạc, TV, chơi bời và chích choác. Theo một ý nghĩa nào đó, cuộc đi bộ của tôi là một cuộc tìm kiếm bình an nội tâm, một hành trình để đi tìm chính mình.”

Doug đã nói rằng những thời khắc lâu dài trên đường mòn đã cho ông cơ hội để biết chính mình hơn và hoạch định cho tương lai.

Năm tháng sau, ông trở về nhà với một con người đã thay đổi. Ngay cả con chó trong nhà cũng nhìn ông nghi ngờ như muốn hỏi: “Anh đã ở đâu? Đã làm gì? Anh là người khác mất rồi.”

Doug đã khác xưa. Ông đã gặp thấy những gì ông tìm kiếm, đó là “bình an từ nội tâm, bình an từ Thiên Chúa.” Ông tóm tắt kinh nghiệm của ông khi nói rằng: “Tôi thành con người của chính tôi nhiều hơn. Tôi thích những gì tôi khám phá nơi chính tôi.”

Doug Alderson là một thí dụ về con người đã đi ra ngoài một mình trong một thời gian để tìm lại chính mình. Ông Mô-sê đã làm điều đó; các ngôn sứ đã làm điều đó; Gio-an Tẩy giả đã làm điều đó. Đức Giê-su cũng làm điều đó.

Đức Giê-su chịu cám dỗ trong sa mạc

Sau khi chịu phép rửa, Đức Giê-su đã được “Thánh Thần dẫn đi trong hoang địa bốn mươi ngày. Trong những ngày ấy, Người không ăn gì cả, và khi hết thời gian đó, thì Người thấy đói. Bấy giờ, quỷ nói với Người: “Nếu ông là Con Thiên Chúa thì truyền cho hòn đá này hóa bánh đi!” Nhưng Đức Giê-su đáp lại: “Đã có lời chép rằng: Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh.”

Sau đó, quỷ đem Đức Giê-su lên cao, và trong giây lát, chỉ cho Người thấy tất cả các nước thiên hạ. Rồi nó nói với Người: “Tôi sẽ cho ông toàn quyền cai trị cùng với vinh hoa lợi lộc của các nước này, vì quyền hành ấy đã được trao cho tôi, và tôi muốn cho ai tùy ý. Vậy nếu ông bái lạy tôi, thì tất cả sẽ thuộc về ông.” Đức Giê-su đáp lại: “Đã có lời chép rằng: Người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi.”

Quý đem Đức Giê-su đến Giê-ru-sa-lem và đặt Người trên nóc Đền Thờ, rồi nói với Người: “Nếu ông là Con Thiên Chúa, thì đứng đây mà gieo mình xuống đi! Vì đã có lời chép rằng: Thiên Chúa sẽ truyền cho thiên sứ lo cho bạn, để luôn luôn gìn giữ bạn. Lại còn chép rằng: Thiên sứ sẽ tay đỡ tay nâng, cho bạn khỏi vấp chân vào đá.” Bấy giờ Đức Giê-su đáp lại: “Đã có lời rằng: Người chớ thử thách Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi.”

Sau khi đã xoay hết cách để cám dỗ Người, quý bỏ đi, chờ đợi thời cơ.”
(Lc 4:1-18)

BA ĐIỀU XÉT LẠI

Những cám dỗ Đức Giê-su chịu có ý nghĩa sâu xa hơn là chúng ta thấy bề ngoài. Để hiểu được ý nghĩa sâu xa này, hãy nghĩ những cám dỗ đây như là duyệt trước một cuốn phim. Việc điểm phim chỉ nói cho chúng ta vừa đủ để thích cuốn phim, chứ không phải đủ để đẹp bỏ cuốn phim. Những cám dỗ đối với Đức Giê-su cũng tương tự. Chúng xét lại những câu trả lời cho ba câu hỏi quan trọng về Đức Giê-su:

- * Ngài là ai? (căn tính của Ngài),
- * Ngài đến để làm gì? (sứ mệnh của Ngài), và
- * Ngài sẽ thi hành sứ mệnh ấy thế nào? (lối sống của Ngài).

Đức Giê-su xét lại căn tính của Ngài

Những cám dỗ của Đức Giê-su cho thấy Ngài đã cảm nghiệm một cuộc chiến nội tâm giữa chính tà mà ngay chúng ta cũng cảm nghiệm. Nói khác đi, những cám dỗ của Ngài chứng tỏ Ngài là con người thực sự như chúng ta.

Nhưng những cám dỗ còn cho thấy một điều gì hơn thế nữa. Chúng cho thấy Đức Giê-su đã phản ứng lại ma quỷ như thế nào. Ngài phản ứng khác hẳn với cách của chúng ta. Chưa có ai tỏ ra cứng rắn trước cám dỗ như Đức Giê-su đã làm.

Phản ứng của Đức Giê-su trước cám dỗ cho thấy Ngài không giống như những người khác. Có một điều gì đặc biệt nơi Ngài. Ma quỷ đã để lộ điểm đặc biệt ấy khi nó nói: “Nếu ông là Con Thiên Chúa.” Đức Giê-su là Con Thiên Chúa. Ngài vừa là Thiên Chúa vừa là con người.

Đức Giê-su xét lại sứ mệnh của Ngài

Những cám dỗ Đức Giê-su chịu cũng xét lại câu trả lời cho câu hỏi “Đức Giê-su đến để làm gì?” Chúng ta hãy nhớ lại hai điểm đã nói trước

đây.

Trước hết, việc Đức Giê-su chịu phép rửa cho thấy một cuộc tạo dựng mới, hoặc tái tạo thế giới đã bắt đầu. Thứ hai, ngay sau cuộc tạo dựng thứ nhất, ma quỷ đã cám dỗ A-đam, con người thứ nhất, và làm cho ông phạm tội. Tội lỗi ấy đã đem lại sự chết thiêng liêng cho thế giới. Thánh Phao-lô viết: “Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết; như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội” (Rm 5:12).

Vậy giờ đây ma quỷ lập lại trò cũ. Nó cám dỗ Đức Giê-su, con người đầu tiên của cuộc tạo dựng mới và cố đưa Ngài vào đường tội. Nhưng Đức Giê-su đứng vững. Chiến thắng của Ngài trên ma quỷ phục hồi sự sống cho nhân loại. Phao-lô nói: “Tóm lại, cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống. Thật vậy, cũng như vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa, mà muôn người thành tội nhân, thì nhờ một người duy nhất đã vâng lời Thiên Chúa, muôn người cũng sẽ thành người công chính” (Rm 5:18-19).

Sứ mệnh của Đức Giê-su là làm A-đam mới của cuộc tạo dựng mới. Ngài đã đến để dẫn đưa nhân loại ra khỏi vòng tội lỗi mà tiến vào vương quốc của Cha Ngài. Ngài đã đến để cứu họ khỏi cái chết và phục hồi sự sống cho họ. Đây chính là điều chúng ta hiểu từ ngữ cuộc tạo dựng mới nghĩa là gì.

Đức Giê-su xét lại lối sống của Ngài

Sau cùng, những cám dỗ Chúa Giê-su chịu xét lại đường lối Ngài sẽ thi hành sứ mệnh của mình.

Trước hết, việc Đức Giê-su từ chối không biến những viên đá trở nên bánh cho thấy Ngài sẽ không sử dụng quyền năng của mình để mưu lợi riêng hoặc để sống thoải mái. Trái lại, Ngài sẽ phải đói mồ hôi, đói khát, chịu khổ cực để chu toàn công việc của Ngài trên trần gian, chẳng khác gì chúng ta vậy.

Thứ hai, việc Đức Giê-su từ chối gieo mình xuống từ đỉnh Đền Thờ và để cho thiên thần bảo vệ Ngài chứng tỏ Ngài đến để phục vụ chứ không để được phục vụ (Mc 10:44-45).

Thứ ba, Đức Giê-su từ chối bái quỳ trước ma quỷ, dù là để đổi lấy cả thế giới này, cho thấy Ngài sẽ không đồng tình hoặc mặc cả với ma quỷ. Cám dỗ này thực ra chứng tỏ rằng vào lúc ấy thế giới này đang nằm dưới quyền lực ma quỷ. Ma quỷ có thể ban thế giới này cho bất cứ ai mong

muốn. Việc Đức Giê-su từ chối không muốn thần phục ma quỷ đã bẻ gãy quyền lực của nó. Đức Giê-su chứng tỏ rằng Thiên Chúa là Thiên Chúa, đúng là đúng, sai là sai. Đức Giê-su sẽ chịu đau khổ – cả đến chịu chết nữa – trong tay ma quỷ, nhưng Ngài sẽ không thương lượng với ma quỷ.

Như vậy, khi từ chối những cám dỗ của ma quỷ, Đức Giê-su đã xét lại Ngài sẽ thi hành sứ mệnh của Ngài thế nào:

- * Ngài muốn chịu đau khổ chứ không lẫn tránh đau khổ.
- * Ngài muốn phục vụ chứ không muốn được phục vụ.
- * Ngài muốn chịu chết chứ không muốn thương lượng với ma

quỷ.

Sau khi chịu cám dỗ, Đức Giê-su rời sa mạc và trở về đời để thi hành thánh ý Cha trên trời.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| 1. Lu-ca 3:1-22 | Tiếng nói trong hoang địa |
| 2. Đệ nhị luật 8:1-10 | Bánh thối không đủ |
| 3. Đệ nhị luật 6:10-25 | Đừng thử thách Thiên Chúa |
| 4. Thánh Vịnh 91 | Thiên thần sẽ bên đỡ bạn |
| 5. I-sai-a 65:17-25 | Cuộc tạo dựng mới |

THẢO LUẬN

1. Những hình ảnh và ý nghĩa của việc Đức Giê-su chịu phép rửa và việc bạn lãnh nhận Bí tích Rửa tội có những điểm nào giống nhau?
3. Những cám dỗ Đức Giê-su chịu có ý nghĩa gì đối với riêng bạn?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - “Bạn bị cám dỗ không phải vì bạn xấu xa, nhưng bạn bị cám dỗ vì bạn là con người.” (ĐGM Fulton Sheen)
 - “Hầu hết những người lướt khỏi cơn cám dỗ thường để lại địa chỉ kế tiếp.” (vô danh)
 - “Cơn cám dỗ cuối cùng chính là cơn cám dỗ mãnh liệt nhất: đó là làm điều trái với lý do phải.” (T. S. Eliot)
2. Hãy cho một thí dụ để nói lên điều Daniel Wilson ngụ ý khi ông nói: “Khi một người chống lại tội lỗi chỉ dựa trên những động lực loài người thôi, thì họ sẽ không chống được lâu đâu.”
3. Quintin Hogg là một cố vấn nổi tiếng cho giới trẻ tại Luân-đôn. Khi

người ta hỏi một em nhỏ đã rời Luân-đôn làm sao em có thể nghĩ ngay đến ông Hogg ở xa, thì em trả lời: “Khi nào tôi bị cảm sốt, tôi liền ngồi xuống, lấy trong ví ra tấm ảnh của Hogg và tưởng tượng ông đang nói gì về cơn cảm sốt này.” Bạn sống xa cha mẹ, ai sẽ là người có thể gợi ý cho bạn, hoặc ai đã ảnh hưởng lớn đối với bạn? Hãy giải thích.

4. Bạn hãy nhớ lại lần nào đó, cũng giống như Linda Marshall, bạn cảm thấy Thiên Chúa đang ban cho bạn ơn sủng để làm một quyết định quan trọng trong khi bạn cứ chần chờ.

5. Hãy nhớ lại lần nào đó, cũng như Doug Alderson, bạn đã dành một thời gian (một ngày hoặc một buổi chiều) để đối diện với chính mình và để trả lời những câu hỏi về tương lai của bạn.

The Catholic Vision II – 13

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

Mark Link SJ

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 14

Đức Giê-su thi hành sứ vụ

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Theo tôi nghĩ, lý do chính để Đức Giê-su làm phép lạ, đó là...
2. Theo tôi nghĩ, lý do chính để Đức Giê-su dùng dụ ngôn mà dạy người ta, đó là...

NHỮNG PHÉP LẠ CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Nhạc sĩ dương cầm Marta-Korwin Rhodes có mặt tại Warsaw khi quân đội Đức quốc xã chiếm thành phố. Thay vì chạy trốn, bà đã ở lại để giúp đỡ những người bị thương. Tối kia bà trông thấy một người lính bị thương rúc đầu xuống một cái gối. Anh ta rên rỉ và kêu khóc. Bà muốn giúp anh ta nhưng không biết làm thế nào. Rồi một ý tưởng ngộ nghĩnh chợt đến. “Nếu tôi có thể chuyển hòa âm qua những phím đàn thì tại sao tôi không thể chuyển qua những ngón tay của tôi?” Với những ý tưởng ấy, bà lấy tay nâng đầu anh lính lên. Bà cầu xin sự hòa hài của vũ trụ hãy chuyển qua những ngón tay của bà để đi vào đầu anh lính và giúp anh ta dịu cơn đau

đón. Lập tức anh ta ngừng khóc và ngủ thiếp đi.

Ngày nay sử dụng việc cầu nguyện để chữa bệnh đang được người ta chú ý tới.

Đức Giê-su thường dùng lời cầu nguyện để chữa lành người ta. Thí dụ, một ngày kia có người đem tới cho Ngài một người bị câm điếc. Đức Giê-su “đặt ngón tay vào lỗ tai anh, và nhổ nước miếng mà bôi vào lưỡi anh; rồi Người ngước mắt lên trời, rên một tiếng và nói: “Ep-pha-tha,” nghĩa là: hãy mở ra!” (Mc 7:33-34). Lập tức người ấy được chữa lành.

Chúng ta thường cho những việc chữa lành như thế là những phép lạ.

Phép lạ là gì?

Kinh Thánh Tân Ước dùng ba từ ngữ để chỉ về những phép lạ của Đức Giê-su: *teras*, *dynamis*, và *semeion*. Mỗi từ Hy-lạp này (Tân Ước được viết bằng Hy-ngữ) đều cho chúng ta một ý nghĩa khác nhau về phép lạ.

Teras nghĩa là “một sự kinh ngạc.” Một phép lạ làm cho chúng ta kinh ngạc. Nó khiến chúng ta sững sờ. Chúng ta không biết làm sao lại xảy ra như vậy.

Dynamis nghĩa là “một quyền lực.” Danh từ chất nổ (*dynamite*) từ đó mà có. Phép lạ là một cái gì nổ tung và đầy sức mạnh. Nó có thể phục hồi thính giác cho một người điếc.

Semeion nghĩa là “một dấu chỉ.” Phép lạ giống như một cái đèn hiệu. Điều quan trọng không phải là nó phát ra ánh sáng, nhưng là ý nghĩa của nó. Cũng thế, điều quan trọng về phép lạ của Đức Giê-su là những ý nghĩa nào Ngài muốn những phép lạ ấy nói lên.

Semeion là từ ngữ Tin Mừng Gio-an sử dụng. Đối với Gio-an, những phép lạ của Chúa Giê-su có hai cấp độ:

- * cấp độ giác quan (những gì được chứng kiến)
- * cấp độ dấu chỉ (những gì phép lạ ấy nói lên ý nghĩa).

Tại sao Đức Giê-su làm phép lạ?

Đức Giê-su đã chữa lành người ta, có phải vì Ngài thương xót họ không? Có phải vì người ta nài xin Ngài giúp họ hết đau đớn không?

Rõ ràng Đức Giê-su đã làm phép lạ vì cả hai lý do trên. Nhưng có những lý do khác sâu xa hơn.

Trước hết Đức Giê-su đã muốn những phép lạ Ngài làm phải là những dấu chỉ để cho thấy rằng:

- * Ngài là Đấng Cứu Thế Thiên Chúa hứa ban
- * Ngài đã khai mạc Triều Đại Thiên Chúa.

Tiếp đến, Đức Giê-su đã muốn những phép lạ Ngài làm trở thành những lời mời gọi người ta

* hãy tin vào Ngài

* hãy trở nên những phần tử của Nước Thiên Chúa.

PHÉP LẠ NHƯ NHỮNG DẤU CHỈ

Một số bạn hữu của Gio-an Tẩy giả đã đến với Đức Giê-su và thưa: “Ông Gio-an Tẩy giả sai chúng tôi đến hỏi Thầy: ‘Thầy có thật là ‘Đấng phải đến’ không, hay là chúng tôi còn phải đợi ai khác?’” (Lc 7:20). Đức Giê-su trả lời: “Các anh cứ về thuật lại cho ông Gio-an những điều mắt thấy tai nghe: người mù được thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết sống lại, kẻ nghèo được nghe tin mừng” (Lc 7:22).

Phép lạ là những dấu chỉ về Đấng Cứu Thế

Để hiểu được câu trả lời của Đức Giê-su cho môn đệ của Gio-an, chúng ta phải suy nghĩ về những điều các ngôn sứ Do-thái đã tiên báo về Đấng Cứu Thế. Thí dụ ngôn sứ I-sai-a đã nói rằng việc Đấng Cứu Thế đến sẽ kèm theo những dấu chỉ:

“Bấy giờ mắt người mù mở ra, tai người điếc nghe được. Bấy giờ kẻ què sẽ nhảy nhót như nai, miệng lưỡi người câm sẽ reo hò” (Is 35: 5-6).

Câu trả lời của Đức Giê-su cho môn đệ của Gio-an rõ ràng: những dấu chỉ I-sai-a tiên báo giờ đây đang xảy ra. Những phép lạ Đức Giê-su làm là những dấu chỉ hiển nhiên minh chứng Ngài là Đấng Cứu Thế đã được hứa ban.

Nhưng những phép lạ của Đức Giê-su còn là những dấu chỉ của một điều gì khác hơn nữa.

Phép lạ là những dấu chỉ về Triều đại Thiên Chúa

Cuốn phim Người trừ quỷ (The Exorcist) nói về một người trẻ bị quỷ ám. Phim dựa trên một câu truyện có thật về một cô gái 14 tuổi sống tại Mount Rainier, Maryland, vào năm 1949. Cuộc đời cô gái này khổ sở cho tới khi quyền lực của ma quỷ đã được khu trừ.

Mặc dù việc khu trừ quyền lực ma quỷ ngày nay hiếm có, nhưng lại thường gặp trong thời Kinh Thánh. Thí dụ một ngày kia khi Đức Giê-su đang giảng dạy trong hội đường tại Ca-phác-na-um, thì:

“Trong hội đường, có một người bị quỷ thần ô uế nhập, la to lên rằng: “Ông Giê-su Na-da-rét, chuyện chúng tôi can gì đến ông, mà ông đến tiêu diệt

chúng tôi? Tôi biết ông là ai rồi: ông là Đấng Thánh của Thiên Chúa!” Nhưng Đức Giê-su quát mắng nó: “Câm đi, hãy xuất khỏi người này!” Quỷ vật người ấy ngã xuống giữa hội đường, rồi xuất khỏi anh ta, nhưng không làm hại gì anh. Nổi kinh ngạc trùm lên mọi người.” (Lc 4:33-36).

Khi dân chúng rời hội đường, họ hỏi nhau: “Thế nghĩa là gì?”

Sau đó ít lâu, Đức Giê-su trả lời câu hỏi của họ. Ngài trả lời khi có một người tố cáo rằng Ngài đã dùng quyền của “quỷ vương” mà trừ quỷ. Đức Giê-su nói: “Vậy nếu tôi dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Triều Đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông.” (Lc 11:20)

Câu trả lời của Đức Giê-su đã làm sáng tỏ rằng không những phép lạ là những dấu chỉ cho thấy Ngài là Đấng Cứu Thế, mà còn là những dấu chỉ nói lên Ngài đã khai mạc Triều Đại Thiên Chúa trên mặt đất này.

Triều Đại Thiên Chúa là gì?

Khi Đức Giê-su nói Ngài đã khai mạc Triều Đại Thiên Chúa, thì Ngài có ý nói rằng thời điểm người ta chờ đợi Thiên Chúa thay thế vương quốc của Sa-tan bằng vương quốc của Ngài đã đến rồi. Việc khai mạc Triều Đại Thiên Chúa là việc tái tạo thế giới đã bị tội lỗi phá hủy.

Tuy nhiên Đức Giê-su cho thấy rõ là việc tái tạo thế giới sẽ không xảy ra trong khoảnh khắc. Vương quốc của Xa-tan sẽ chỉ cáo chung sau một cuộc chiến. Đức Giê-su đã so sánh việc Triều Đại Thiên Chúa đến giống như việc gieo hạt giống. Sau khi được gieo xuống, hạt giống phải có một thời gian để nảy mầm, lớn lên rồi sinh hoa trái (Mc 4:26-29). Triều Đại Thiên Chúa cũng vậy.

PHÉP LẠ NHƯ NHỮNG LỜI MỜI GỌI

Bruce Marshall viết một câu truyện hài ước và giả tưởng về một người cầu xin một phép lạ thật lớn để cho người ta không còn nghi ngờ những chân lý về Thiên Chúa và đạo giáo nữa. Phép lạ – và đây là phần hài ước – xảy ra là cả một hộp đêm tội lỗi bị bùng lên và bị đem tới một hải đảo hoang vu ngoài bờ biển Cốt-len.

Phép lạ đã xảy ra. Nhưng thay vì làm cho người ta hồi cải thì kết quả lại trái ngược. Những người chủ của hộp đêm đã lợi dụng tất cả những gì đã xảy ra để quảng cáo rầm rộ hơn. Câu truyện kết thúc bằng việc chính người cầu nguyện xin phép lạ đã ý thức rằng thật ra kết quả còn tai hại hơn cả một phép lạ muốn đem người ta trở về với đức tin.

Có thể Marshall đã được gợi ý từ một đoạn Tin Mừng Gio-an. Một ngày kia, Đức Giê-su lấy bùn xức lên mắt một người mù và bảo anh hãy đi

đến hồ nước Si-lô-am mà rửa. Người mù đã làm như vậy và anh đã được sáng mắt. Một số người nghe biết việc này và họ không tin là Đức Giê-su chữa lành anh mù. Họ còn chối rằng đó không phải là cùng một người (Ga 9:1-11).

Hai câu truyện trên hiển nhiên cho thấy niềm tin vào Đức Giê-su quan trọng hơn là nhìn thấy dấu lạ hoặc nghe lời giảng. Cần nhất là biết mở lòng trước những gì chúng ta thấy hoặc nghe.

Phép lạ mời gọi người ta hãy tin

Việc Đức Giê-su chữa lành người mù, người điếc, cho con gái ông Gia-ia sống lại (Lc 8:55) đã xảy ra, nhưng không có phép lạ nào tồn tại mãi. Người mù rồi cũng mất mờ khi tuổi về già. Tai của người điếc được khỏi sẽ lắng dần. Con gái ông Gia-ia sau này cũng chết.

Những phép lạ của Đức Giê-su cũng chỉ giới hạn ở một số ít người. Ngài không chữa lành hết mọi người mù hoặc điếc trên thế giới này. Nhưng Ngài muốn những phép lạ Ngài làm sẽ có một mục đích quan trọng hơn cả việc cứu giúp một số người qua cơn ngặt nghèo. Chúng ta đã thấy một trong những mục đích của phép lạ Đức Giê-su làm, đó là để chứng tỏ:

- * Ngài là Đấng Cứu Thế
- * Ngài đã khai mạc Triều Đại Thiên Chúa.

Đức Giê-su cũng muốn phép lạ Ngài làm trở thành những lời mời gọi người ta:

- * hãy tin vào Ngài
- * hãy trở nên những phần tử của Triều Đại Thiên Chúa.

Đức Giê-su muốn phép lạ có ích không phải cho một số ít người, nhưng là cho mọi người trong mọi thời. Việc chữa lành người mù là lời mời gọi mọi người hãy mở mắt ra để nhận biết những gì Đức Giê-su đang làm. Việc chữa lành người điếc là lời mời gọi mọi người hãy mở tai để đón nhận những gì Đức Giê-su đang nói. Việc cho người chết sống lại là lời mời gọi mọi người hãy tin vào Đức Giê-su và hãy chỗi dậy để sống đời sống mới như những phần tử của Triều Đại Thiên Chúa.

Cũng như cánh thiệp mời, phép lạ của Đức Giê-su có đính kèm một thiệp trả lời. Các phép lạ chờ đợi người ta đáp trả.

Để thấy được những phương thức đáp lại lời mời gọi của phép lạ Đức Giê-su, chúng ta hãy xét tới những dụ ngôn của Ngài.

DỤ NGÔN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Nông dân Pha-lét-tin gieo hạt giống trên mặt đất trước, rồi mới cấy đất

phủ lên. Thường thường có một ít hạt rơi trên những đường nhỏ chạy chung quanh ruộng lúa. Cũng có một số hạt rơi vào những bụi gai dày được trồng làm hàng rào ngăn ngừa thú vật. Một số hạt rơi vào chỗ đất mỏng mà bên dưới là sỏi đá. Đức Giê-su dùng hình ảnh quen thuộc này để làm bối cảnh cho dụ ngôn người gieo hạt giống.

Ngày kia có bác nông phu đi gieo hạt giống. Có hạt rơi trên đường đi và chim chóc đến ăn liền. Có hạt rơi trên đất mỏng nên chết cháy khi mặt trời làm cho đất khô. Có hạt rơi vào bụi gai và bị chết ngạt. Những hạt khác rơi vào đất tốt, bén rễ và sinh hoa trái.

Hạt giống rơi trên đường đi là những người từ chối lời Đức Giê-su mời gọi

Ông Kenneth Clark là người điều hành chương trình truyền hình của Anh-quốc, đã viết về kinh nghiệm sống đạo khi ông đến nhà thờ thánh Lô-ren-xô, tại nước Ý. Kinh nghiệm ấy mạnh mẽ đến nỗi ông coi như nó đã thay đổi sâu xa cuộc đời ông. Tuy nhiên, sau khi kinh nghiệm qua rồi, ông đã quyết định làm ngược lại, lý luận rằng mình đã “bị sa lầy trong trần gian quá sâu nên không còn thay đổi được nữa,”

Quyết định của Clark nhắc nhở chúng ta về những hạt giống rơi trên đường đi. Đức Giê-su nói rằng chúng ám chỉ về những người nghe lời Chúa, “nhưng rồi quở đến cất Lời ra khỏi lòng họ” (Lc 8:12).

Hạt giống rơi trên sỏi đá là những người bỏ mặc lời Đức Giê-su mời gọi

Clarence và Robert Jordan là hai anh em. Họ đã xả thân vì Đức Giê-su khi họ còn trẻ tuổi. Clarence lớn lên và trở thành một người hoạt động cho dân quyền tại miền Nam vào thập niên 60. Robert thì trở thành một luật sư đầy tham vọng chính trị. Một ngày kia Clarence xin Robert giúp làm cố vấn luật pháp trong một vụ án về dân quyền. Robert từ chối, nói rằng làm như thế sẽ có hại cho con đường chính trị của anh. Khi Clarence nhắc đến việc dấn thân cho Đức Ki-tô thì Robert thú nhận rằng anh phải dẹp qua một bên vì ý đồ chính trị của anh.

Tình trạng của Robert có thể ví như những hạt giống rơi trên sỏi đá. Đức Giê-su nói chúng chỉ về những người nghe lời Chúa và “khi nghe thì vui vẻ tiếp nhận Lời, nhưng họ không có rễ. Họ tin nhất thời, và trong thử thách, họ bỏ cuộc” (Lc 8:13).

Hạt giống rơi vào bụi gai là những người quên đi lời mời gọi của Đức Giê-su

Một nữ sinh trung học ở Philadelphia đã ghi trong tập bài làm của cô

như sau: “Cuối năm ngoái, tôi đã có một cuộc gặp gỡ thật tốt với bà cố vấn của tôi. Bà giúp tôi nhận ra thật nhiều điều và tôi đã chọn một số quyết định cho năm nay. Rồi ngày hôm qua tôi thấy choáng váng. Tôi chẳng giữ một quyết định nào cả. Những lo âu và vui chơi của đời học sinh trung học đã làm tôi quên sạch.”

Những điều cô nữ sinh viết nhắc nhở chúng ta về những hạt giống rơi vào bụi gai. Đức Giê-su nói chúng ám chỉ những người bỏ cuộc vì “bị những nỗi lo lắng và vinh hoa phú quý cùng những khoái lạc cuộc đời làm cho chết ngộp và không đạt tới mức trưởng thành” (Lc 8:14).

Hạt giống rơi vào đất tốt là những người chấp nhận lời mời gọi của Đức Giê-su

John R. Stott là tác giả cuốn Căn bản Ki-tô giáo (Basic Christianity). Trong sách này ông kể rằng hồi còn trẻ, một đêm kia ông đã quỳ gối và tận hiến cuộc đời cho Đức Giê-su. Khi nhìn lại quyết định này, Stott nói rằng đó là khúc queo trong cuộc đời ông. Nó cho đời ông một mục đích và một hướng đi để tiếp tục sống mỗi ngày.

Stott hiến thân vì Đức Ki-tô có thể ví như hạt giống rơi vào đất tốt. Đức Giê-su nói hạt giống ấy ám chỉ những người nghe lời Chúa “với tấm lòng cao thượng và quảng đại, rồi nắm giữ và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả” (Lc 8:15).

Chúng ta thuộc loại người nào?

Những phép lạ của Đức Giê-su có một ý nghĩa sâu xa hơn là chúng ta tưởng bề ngoài. Chúng truyền đạt ý nghĩa một cách gián tiếp. Kết quả là chúng cho chúng ta được tự do chấp nhận hay từ chối. Như vậy chúng được sử dụng để làm một loại trắc nghiệm, cho thấy chúng ta có mở lòng cho những gì Đức Ki-tô muốn nói với chúng ta qua những phép lạ ấy hay không.

Những dụ ngôn của Đức Giê-su cũng có một ý nghĩa sâu xa hơn là chúng ta nghĩ. Chúng gián tiếp nêu lên một quan điểm dứt khoát. Dụ ngôn người gieo hạt giống là thí dụ điển hình. Dụ ngôn được sử dụng như một “tấm gương” để nhìn vào đó chúng ta sẽ thấy chúng ta thực sự là ai:

- * người trên đường đi
- * người trên sỏi đá
- * người trong bụi gai
- * người trên đất tốt.

Chúng ta được tự do để chấp nhận hay từ chối những gì chúng ta nhận thấy.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|----------------------|---------------------------------------|
| 1. Mác-cô 8:22-26 | Tôi thấy cây đang đi |
| 2. Lu-ca 8:40-48 | Ai là người đã sờ vào tôi? |
| 3. Mát-thêu 13:10-17 | Những dụ ngôn biểu lộ tâm hồn |
| 4. Mát-thêu 13:54-58 | Ông ta không phải là con bác thợ sao? |
| 5. Gio-an 9 | Còn mù lòa hơn cả kẻ mù |

THẢO LUẬN

1. Bạn hiểu thế nào về quyền năng chữa lành của Đức Giê-su?
2. Đức Giê-su còn tiếp tục “làm phép lạ” không? Những phép lạ trong đời tôi là những phép lạ nào và mang ý nghĩa gì?
3. Một dụ ngôn thích hợp nhất cho đời tôi là dụ ngôn nào?

CHIA SẺ

1. “Thật hiếm thấy trong lịch sử nhân loại có người nào trong đời lại vừa cứng rắn như đá lại vừa mềm mại như sương mai.” (Carl Sandburg)
2. Bạn hãy tưởng tượng Đức Giê-su đã xuống trần hôm nay tại Hoa-kỳ này, chứ không phải vào thế kỷ I tại Pha-lét-tin. Bạn nghĩ là Ngài sẽ giảng dạy nhiều nhất ở những nơi nào sau đây: (a) trong nhà thờ, (b) trung tâm thương mại, (c) trên đài phát thanh và truyền hình, (d) nơi hòa nhạc rock, (e) các khu đại học? Tại sao?
3. “Nếu tôi có quyền lực như quyền lực của Đức Giê-su được nói đến trong Tân Ước, thì tôi sẽ không chữa lành một người nào cho khỏi mù, nhưng tôi sẽ làm cho sự mù lòa không thể xảy ra được nữa.” (Joseph Lewis)
Tại sao bạn đồng ý hoặc không đồng ý với Lewis?
4. “Tin Mừng là một vũ khí lợi hại hơn hẳn cái nhìn về thế giới theo Mác-xít rất nhiều. Tuy nhiên, chính chúng tôi sẽ chinh phục được các anh vào giờ chót... Ai mà tin được giá trị siêu việt của Tin Mừng này nếu các anh không sống nó, nếu các anh không gieo rắc nó, nếu các anh không chịu hy sinh thời giờ và tiền bạc để làm những công việc ấy?” Bạn trả lời thế nào về lời tố cáo trên trích trong tạp chí Paix et Liberté (Hòa bình và tự do)?
5. Dựa theo hình ảnh dụ ngôn của Đức Giê-su về người gieo hạt giống, bạn là loại người bụi gai hay loại người sỏi đá? Làm sao bạn có thể trở thành loại người đất tốt?

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 15

Đức Giê-su chết và phục sinh

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Một lần tôi phải đau khổ rất nhiều, đó là...
2. Một điều khiến tôi cảm thấy Đức Giê-su đã thực sự sống lại từ kẻ chết, đó là...

ĐỨC GIÊ-SU CHỊU ĐAU KHỔ

Có một mảnh vườn với tám cây ô-liu cổ thụ nằm trên sườn Núi Cây Dầu. Không ai biết những cây ấy đã có tự bao giờ. Nhưng mọi người đều đồng ý có lẽ đó là địa điểm Đức Giê-su bắt đầu chịu khổ nạn và chịu chết.

Sách Tin Mừng nói rằng sau bữa Tiệc Ly, Đức Giê-su cùng với tông đồ đã đi tới Núi Cây Dầu, đến một vườn nhỏ gọi là Ghết-sê-ma-ni. Tên ấy nghĩa là “ép dầu,” vì vườn có đặt một máy ép trái ô-liu để lấy dầu.

Đức Giê-su chịu đau đớn về tinh thần

Tại Ghết-sê-ma-ni, Đức Giê-su bắt đầu chịu một trong bốn cơn đau của cuộc khổ nạn, đánh dấu những giờ phút cuối cùng của Ngài trên trần gian. Cơn đau thứ nhất: hấp hối tinh thần khi thấy số phận tàn bạo sắp đến.

Lu-ca nói rằng cơn buồn phiền tinh thần của Đức Giê-su quá lớn lao đến nỗi “mồ hôi Ngài như những giọt máu rơi xuống đất” (Lc 22:44). Trong cơn hấp hối, Đức Giê-su hướng về Cha Ngài, cầu xin: “Cha ơi, nếu Cha muốn, xin tha cho con khỏi uống chén này. Tuy vậy, xin đừng làm theo ý con, mà xin theo ý Cha” (Lc 22:42).

Sau cơn hấp hối và cầu nguyện, Đức Giê-su nghe tiếng người phía xa. Ngài biết họ làm gì. Chỉ ít phút sau, một đám lính đã vào Ghết-sê-ma-ni. Giu-đa đến cùng với họ. “Ngay lúc đó, Giu-đa tiến lại gần Đức Giê-su... và hôn Ngài” (Mt 27:49). Lập tức bọn lính xông tới bắt Đức Giê-su. Giờ đây cơn đau thứ hai bắt đầu.

Đức Giê-su chịu đau đớn về xúc cảm

Sự phản bội của Giu-đa là vết cắt sâu vào trái tim Đức Giê-su. Rõ ràng những lời Thánh Vịnh vang lên trong đầu. “Cả người bạn thân con hằng tin cậy, đã cùng con chia cơm xẻ bánh, mà nay cũng giờ gót đạp con!” (Tv 41:9).

Đám lính trói Đức Giê-su lại và dẫn Ngài về nhà tù. Khi cánh cửa nhà tù sập lại, Đức Giê-su ngồi một mình trong bóng tối. Con hấp hối về cảm xúc vì bị Giu-đa phản bội, Phê-rô chối bỏ và các tông đồ khác lần trốn đã đè đạp Đức Giê-su. Sau khi các môn đệ và bạn hữu bỏ rơi, Ngài bị bỏ mặc chịu đau khổ và chết lủi thui một mình.

Đến sáng, Đức Giê-su bị đem ra tòa, bị buộc tội và đưa đến trước Phi-la-tô để chịu kết án. Phi-la-tô liền nghị án rằng đây chỉ là vấn đề tranh chấp về tôn giáo giữa người Do-thái với nhau. Ông xử tha bổng Đức Giê-su, trong khi những nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem cương quyết đòi phải trừng phạt Ngài. Cuối cùng Phi-la-tô đã thất vọng bỏ cuộc (Ga 18:29-19:16). Bây giờ là cơn đau thứ ba.

Đức Giê-su chịu đau đớn về thể xác

Phi-la-tô ra lệnh cho đánh đòn Đức Giê-su. Thi hành xong án lệnh quái ác ấy, đám lính Rô-ma đem Đức Giê-su ra làm trò hề diễu cợt.

“Rồi chúng kết một vòng gai làm vương miện đặt lên đầu Ngài, và trao vào tay mặt Ngài một cây sậy. Chúng quỳ gối trước mặt Ngài mà nhạo rằng: ‘Vạn tuế Đức Vua dân Do-thái!’ Chê giễu chán, chúng lột áo choàng ra và cho Ngài mặc lại áo của mình, rồi điệu Ngài đi đóng đinh vào thập giá” (Mt 27:29,31).

Theo thói quen, các tử tội phải tự vác lấy dụng cụ hành quyết mình. Đức Giê-su không ngoài thông lệ đó. Sau khi đi được vài trăm thước, vì yếu sức do mất nhiều máu, Đức Giê-su đã quy ngã mấy lần. Do đó đám lính bắt một người qua đường tên là Si-mon người Ky-rê-nê vác giúp Ngài.

Khi đám rước thô bạo ấy tới ngọn đồi Gôn-gô-tha, đám lính đóng đinh Đức Giê-su vào thập giá. Đau đớn thể xác do việc đóng đinh không sao tả xiết. Một tài liệu ngày xưa cho thấy nhiều khi những nạn nhân trở nên điên khùng trước khi chết.

Đức Giê-su chịu đau đớn về thiêng liêng

Một trong những đau đớn dữ dội nhất chúng ta phải chịu là đau đớn về thiêng liêng, đó là cảm giác thấy mình bị bỏ rơi, ngay cả Thiên Chúa cũng

không đoái hoài. Đức Giê-su đã cảm nghiệm cơn đau đớn kinh khủng này ở trên đồi Gôn-gô-tha (Mc 15:34). Những lời Thánh Vịnh 22 mô tả tình trạng ấy một cách tuyệt hảo:

“Lạy Chúa con thờ, muôn lạy Chúa,
Ngài nở lòng ruồng bỏ con sao?...
Tưởng mình như tan dần ra nước,
Toàn thân con xương cốt rã rời,
Con tim đau đớn bồi hồi,
Mềm như sáp chảy tơi bời ruột gan.
Nghe cổ họng khô ran như ngói,
Lưỡi với hàm dính lại cùng nhau.
Chôn tử vong, Chúa đặt vào;
Quanh con bày chó đã bao chặt rồi.
Bọn ác đó trong ngoài vây bủa,
Chúng đâm con thủng cả chân tay,
Xương con đếm được vắn dài;
Chúng đưa cặp mắt cứ hoài ngó xem.
Áo mặc ngoài chúng đem chia chác,
Còn áo trong cũng bắt thăm luôn.
Chúa là sức mạnh con nương,
Cứu mau, lạy Chúa, xin đừng đứng xa.” (Tv 22:2,15-20)

Nhưng Thiên Chúa đã chẳng tới để giải cứu Đức Giê-su! Lu-ca kể lại: “Bấy giờ đã gần tới giờ thứ sáu, thế mà bóng tối bao phủ khắp mặt đất, mãi đến giờ thứ chín. Mặt trời tối đi. Bức màn trướng trong Đền Thờ bị xé ngay chính giữa. Đức Giê-su kêu lớn tiếng: Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha. Nói xong, Ngài tắt thở.” (Lc 23:44-46)

Khi viên sĩ quan Rô-ma đứng dưới chân thập giá trông thấy mọi sự xảy ra như vậy, ông liền kêu lên: “Quả thật, người này là Con Thiên Chúa” (Mc 15:39).

Viên sĩ quan Rô-ma ấy là người trong đám đông nhìn lên Đức Giê-su chịu đóng đinh, ông đã tin vào Ngài và chiếm được sự sống đời đời. Đức Giê-su đã tiên báo điều ấy trước đây khi Ngài nói: “Con Người cũng sẽ được giương cao như vậy, để ai tin vào Ngài thì được sống muôn đời” (Ga 3:14-15).

TẠI SAO ĐỨC GIÊ-SU CHỊU ĐAU ĐỚN

Việc đóng đinh kết thúc với bao nhiêu con mắt ngược nhìn lên con người chịu đau khổ trên thập giá. Cuối cùng, sự chết đã giải thoát Đức Giê-su khỏi những đau đớn của Ngài. Đang khi Ngài bị treo thân trên đó, chúng

ta tự hỏi: tại sao Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, đã phải chịu sự đau đớn tột độ ấy? Tại sao Ngài phải chịu:

- * đau đớn tinh thần tại Ghết-sê-ma-ni,
- * đau đớn về cảm xúc do sự phản bội,
- * đau đớn thể xác khi chịu đóng đinh, và
- * đau đớn về thiêng liêng khi bị bỏ rơi?

Sự đau đớn của Đức Giê-su có thể gây hiểu lầm. Đức Giê-su không chịu đau khổ vì giá trị của chính sự đau khổ. Không phải cái chết về thể xác của Đức Giê-su đã cứu chuộc chúng ta. Nhưng chính tình yêu đã đưa Đức Giê-su đến việc sẵn sàng chịu đau khổ để cứu chuộc chúng ta. Do đó thập giá giúp chúng ta hiểu ba điều sau đây:

Thập giá là dấu chỉ tình yêu

Trước hết, thập giá của Đức Giê-su là một dấu chỉ tình yêu. Nó nói lên cách cụ thể điều chính Đức Giê-su thường nói: “Không ai có tình thương lớn hơn tình thương của người hy sinh mạng sống mình cho bạn hữu” (Ga 15:13).

Thập giá là một mặc khải về tình yêu

Tiếp đến, thập giá là một mặc khải về tình yêu. Nó nói với chúng ta rằng tình yêu đòi hỏi đau khổ.

Thập giá nói lên cách cụ thể điều Đức Giê-su thường nói: “Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo” (Lc 9:23).

Thập giá là lời mời gọi hãy yêu mến

Sau hết, thân xác Đức Giê-su chịu đóng đinh trên thập giá là lời mời gọi chúng ta hãy yêu thương. Một lần nữa, thập giá nói lên cách cụ thể lời Đức Giê-su: “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15:12).

ĐỨC GIÊ-SU PHỤC SINH

Một phóng viên của Liên hiệp Thông tấn xã đã tóm tắt những biến cố trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh như sau:

“GIÊ-RU-SA-LEM (AP) - Giê-su Na-da-rét đã bị hành quyết hôm nay tại ngoại thành của cố đô này. Ông ta chết vào lúc ba giờ chiều. Một cơn

giống tổ dị thường đã làm cho đám đông hiếu kỳ phải tản mát, và đó cũng là cao điểm thích hợp nói lên quãng đời ngắn ngủi nhưng đầy phong ba của nhà giảng thuyết được nhiều người mến nhưng cũng không thiếu kẻ ghét tại miền núi đồi Ga-li-lê. Việc mai táng đã được thực hiện liền sau đó. Một tiểu đội cảnh sát được phái tới canh phòng ngay tại ngôi mộ để phòng bất trắc. Người Ga-li-lê này có bà mẹ còn sống.”

Những biến cố ngày Thứ Sáu Tuần Thánh đã để lại cho các môn đệ của Đức Giê-su một cơn sững sờ. Thế là giấc mơ Đức Giê-su được Thiên Chúa sai đến để làm cho thế giới này nên tốt đẹp hơn bỗng tan vỡ trong cơn mộng kinh hoàng. Tất cả đều hết, hết rồi. Thế là chấm dứt.

Nhưng rồi Chúa Nhật Phục Sinh đến.

Đức Giê-su sống lại

“Ngày thứ nhất trong tuần, vừa tảng sáng, các bà đi ra mộ... Họ thấy tảng đá đã lăn ra khỏi mộ... Kìa hai người đàn ông y phục sáng chói, đứng bên họ. Đang lúc các bà sợ hãi, cúi gằm xuống đất, thì hai người kia nói: “Sao các bà lại tìm Người Sống ở giữa kẻ chết? Ngài không còn đây nữa, nhưng đã sống lại rồi...” Khi từ mộ trở về, các bà kể cho Nhóm Mười Một và mọi người khác biết tất cả những sự việc ấy... Nhưng các ông cho là chuyện lần thân, nên chẳng tin. Dầu vậy, ông Phê-rô cũng đứng lên chạy ra mộ. Nhưng khi cúi nhìn, ông chỉ thấy những khăn liệm thôi. Ông trở về nhà, rất đỗi ngạc nhiên về sự việc đã xảy ra.” (Lc 24:1-12)

Đức Giê-su hiện ra với hai môn đệ

Cùng ngày hôm ấy, hai môn đệ thất vọng trở về Em-mau, bàn luận về những biến cố đau thương ngày Thứ Sáu Tuần Thánh. Bất chợt một người khách lạ (Đức Giê-su) nhập bọn với họ. Khi người ấy hỏi tại sao họ chán nản như thế, họ liền nói cho người khách lạ biết về những gì xảy ra ngày Thứ Sáu. Họ cũng giải thích rằng có một số môn đệ Đức Giê-su đã đến mộ vào ngày Chúa Nhật, rồi về nhà với thái độ hoảng hốt, nói là Đức Giê-su đã sống lại, nhưng chính họ cũng không tin được.

Rồi người khách lạ ấy bắt đầu ôn lại Kinh Thánh cùng với hai môn đệ. Ngài cắt nghĩa làm sao Kinh Thánh đã chứng tỏ việc Đấng Cứu Thế phải chịu đau khổ trước khi được vinh hiển.

Khi tới Em-mau, hai môn đệ mời người khách lạ vào ăn tối với họ. “Khi đồng bàn với họ, Ngài cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ. Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Ngài, nhưng Ngài lại biến mất” (Lc 24:30-31).

Các môn đệ không nhận ra Đức Giê-su

Một đặc điểm của những lần Đức Giê-su hiện ra với các môn đệ sau khi sống lại là họ không nhận ra Ngài.

Khi Đức Giê-su hiện ra với Ma-ri-a Mác-đa-la, bà tưởng Ngài là “người làm vườn” (Ga 20:15). Khi Ngài hiện ra với các tông đồ tại Giê-ru-sa-lem, họ nghĩ Ngài là “ma” (Lc 24:37). Khi hiện ra với các môn đệ bên bờ hồ, họ “không nhận ra đó chính là Đức Giê-su” (Ga 21:4).

Việc không thể nhận ra Đức Giê-su nói lên một điều gì đó về sự sống lại và thân xác sau phục sinh.

Việc sống lại của Đức Giê-su không phải là phục hồi sự sống cũ của Ngài, như trường hợp con gái ông Giai-a, con trai bà góa thành Na-in và anh La-da-rô. Trường hợp Đức Giê-su không chỉ là phục hồi sự sống mới cho một thân xác đã chết, nhưng còn là một điều gì vô cùng hơn thế nữa.

Đức Giê-su được vinh hiển

Từ ngữ phục sinh nói về một điều mà không một ai trước Đức Giê-su đã làm. Đó không phải là trở lại với sự sống, nhưng là một bước nhảy vọt đi vào một sự sống cao cả hơn. Thân xác Đức Giê-su sống lại vào sáng Chúa Nhật Phục Sinh hoàn toàn khác với thân xác của Ngài được mai táng buổi chiều Thứ Sáu.

Thánh Phao-lô so sánh thân xác trước khi phục sinh như hạt lúa gieo xuống đất. Còn thân xác sau phục sinh khác với thân xác trước phục sinh tự căn bản, giống như hạt lúa khác với cây lúa. Phao-lô viết:

“Người gieo cái gì, cái ấy phải chết mới được sống. Cái người gieo không phải là hình thể sẽ mọc lên, nhưng là một hạt trơ trụi, chẳng hạn như hạt lúa hay một thứ nào khác. Rồi Thiên Chúa cho nó một hình thể như ý Người muốn: giống nào hình thể nấy...”

Việc kẻ chết sống lại cũng vậy: gieo xuống thì hư nát, mà chỗi dậy thì bất diệt; gieo xuống thì hèn hạ, mà chỗi dậy thì vinh quang; gieo xuống thì yếu đuối, mà chỗi dậy thì mạnh mẽ; gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà chỗi dậy là thân thể có thần khí. Nếu có thân thể có sinh khí, thì cũng có thân thể có thần khí.” (1 Cr 15:36-38,42-44).

SAI THÁNH THẦN XUỐNG

Giờ đây Đức Giê-su đã sống lại nên Ngài có một quan hệ hoàn toàn mới đối với các anh chị em của Ngài trên trần gian. Giờ đây Ngài được vinh

hiển. Giờ đây Ngài có thể sai xuống trên họ Thánh Thần đã được hứa ban (Ga 7:37-39; 15:26).

Đức Giê-su bắt đầu thi hành điều này ngay. Vào tối Phục Sinh, Ngài đã thổi hơi trên các tông đồ và nói với họ: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần” (Ga 20:22). Rồi năm mươi ngày sau vào lễ Ngũ Tuần, Thánh Thần đã được đổ tràn trên toàn thể Giáo Hội.

CHỨNG NHÂN TRƯỚC TRẦN GIAN

Cùng với việc Thánh Thần đến cũng là lúc bắt đầu trách nhiệm tiếp nối công việc của Đức Giê-su. Đây là một sứ điệp trọng đại mà Mát-thêu dùng để kết thúc sách Tin Mừng:

“Mười một môn đệ đi tới miền Ga-li-lê, đến ngọn núi Đức Giê-su đã truyền cho các ông đến. Khi thấy Người, các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi. Đức Giê-su đến gần, nói với các ông: “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.” (Mt 28:16-20)

MỜI GỌI TỪNG NGƯỜI

Sự phục sinh của Đức Giê-su bao hàm một lời mời gọi từng người chúng ta hãy mở lòng đón nhận sự hiện diện của Đức Giê-su Phục Sinh trong thế giới hôm nay. Sự phục sinh của Ngài mời gọi chúng ta hãy để Ngài làm cho chúng ta những gì Ngài đã làm cho bao nhiêu người trước chúng ta.

Mời gọi chúng ta hãy yêu thương hơn nữa, dù tình yêu của chúng ta có bị chối từ và chúng ta đang bị căm dỗ hãy ghen ghét người khác.

Mời gọi chúng ta hãy hy vọng hơn nữa, dù niềm hy vọng của chúng ta đã tan nát và chúng ta đang thất vọng ê chề.

Mời gọi chúng ta hãy tin thêm, dù đức tin của chúng ta đã lung lay và chúng ta đang bị căm dỗ nghi ngờ.

Mời gọi chúng ta hãy nhặt lại từng mảnh vỡ mà tái thiết, dù thất vọng đã đè bẹp chúng ta và chúng ta sắp sửa bỏ cuộc.

Sự phục sinh của Đức Giê-su là tin mừng vì Ngài đã đánh bại sự chết và ma quỷ, cùng chia sẻ với chúng ta quyền năng để chúng ta cũng làm được như Ngài. Khát vọng được sống đời đời không còn là một điều viễn vông nữa. Sự phục sinh là tin mừng vì không gì có thể hủy diệt chúng ta được, dù là đau khổ, dù là ưu phiền, dù là chối bỏ, dù là tội lỗi, và ngay cả đến cái

chết.

Sự phục sinh là tin mừng vì Đức Giê-su đang sống và thực sự hiện diện trong thế giới chúng ta, sẵn sàng thực hiện những phép lạ của sự sống mới giữa chúng ta, qua chúng ta và cho chúng ta – nếu chúng ta tin vào Ngài.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

1. Gio-an 18-19 Đức Giê-su bị bắt và chết
2. I-sai-a 52:13-53:8 Đấng chữa lành mang thương tích
3. 1 Cô-rin-tô 15:1-12 Hơn năm trăm người đã thấy Ngài
4. 1 Cô-rin-tô 15:35-58 Hạt giống và sao trời
5. Mác-cô 12:18-37 Bà ấy là vợ của người nào?

THẢO LUẬN

1. Phản ứng của các môn đệ khi thoát trông thấy Đức Giê-su phục sinh. Giải thích phản ứng của họ.
2. Giải thích quan hệ mới của Đức Giê-su với môn đệ sau khi Ngài sống lại.
3. Sự phục sinh của Đức Giê-su mời gọi bạn làm gì?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - * “Ai chưa từng ăn bánh trong sầu muộn, chưa từng trải qua những giờ phút đen tối, chưa từng khóc lóc và mong chờ ngày mai, thì họ chưa biết các ngài, hỡi các vị quyền năng trên trời.” (Johann Wolfgang von Goethe)
 - * “Sách Tin Mừng không giải thích sự phục sinh, nhưng sự phục sinh giải thích sách Tin Mừng.” (J. S. Whale)
 - * “Chẳng bao lâu nữa bạn sẽ đọc trên báo loan tin Moody đã chết. Nhưng bạn đừng tin, vì tôi sẽ sống nhiều hơn là tôi đang sống bây giờ.” (Dwight L. Moody)
2. Môn đệ Đức Giê-su mai táng Ngài (Lc 23:52-53). Họ ăn thịt Ngài (Lc 22:19). Họ là thân thể Đức Ki-tô (1 Cr 12:27). Ba thứ thân thể của Đức Giê-su nói về những điều gì? Bạn gọi tên của từng thân thể ấy thế nào? Khi nào mỗi thân thể ấy đã hiện diện?
3. Sau khi tổng thống Kennedy bị ám sát, một em lớp mẫu giáo nói với cô giáo: “Tổng thống chết rồi. Người ta chôn ông. Ông thực sự đã chết.” Cô giáo đưa em ra bên cửa sổ, chỗ các em để những chậu nhỏ đã gieo hạt giống tuần trước. Bới ở dưới đất lên một hạt giống đang nảy mầm, cô giáo

nói với các em: “Tổng thống chỉ tựa như là đã chết; những gì đang xảy ra ra cho ông thì cũng tựa như những gì đang xảy ra cho hạt giống này.” Cô giáo muốn nói gì? Làm sao ý tưởng về hạt giống có thể giúp diễn tả ý tưởng về sự sống lại được nói đến trong Kinh Thánh?

4. Bạn hãy tả lại một lần nào đó bạn đã “chết đi và sống lại” theo ý nghĩa được nói đến trong bài về lời mời gọi từng người chúng ta.

The Catholic Vision II – 15

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 16

Công Vụ Tông Đồ

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và điền tiếp vào hai câu sau đây:

1. Biến cố đã khiến tôi chú tâm hơn đến Giáo Hội Công Giáo là...
2. Lý do chính cản trở tôi làm chứng nhân cho đức tin Công Giáo trong đời sống hằng ngày là...

MỘT CUỐN SÁCH VỀ CÁC KỲ CÔNG

Một ngọn tháp TV vĩ đại nổi bật trên nền trời Đông Đức. Ngay bên dưới đỉnh ngọn tháp là một nhà hàng quay tròn. Ý định của chính phủ Cộng Sản là muốn phô trương với Tây Đức. Nhưng rủi thay, một khuyết điểm trong khi thiết kế đã khiến họ bối rối. Lý do là bất cứ khi nào mặt trời rơi vào ngọn tháp, thì dưới một góc độ nào đó, ngọn tháp biến thành một cây thánh giá rực rỡ và to lớn. Chính phủ cho sơn lại ngọn tháp để làm mất đi hình ảnh thánh giá, nhưng cũng hoài công.

Những nhà lãnh đạo Do-thái cũng có cùng bài học như vậy sau khi họ đóng đinh Đức Giê-su. Họ tin là phong trào Ki-tô sẽ chết theo cái chết của Ngài. Nhưng thực tế lại trái ngược. Đức Giê-su đã từ cõi chết sống lại và Ki-tô giáo đã lan mạnh như ngọn lửa ào ạt. Vào khoảng năm 64, Ki-tô giáo đã đâm rễ vững chắc tại kinh thành Rô-ma xa xôi đến nỗi hoàng đế Nê-rô đã lấy làm đích để dồn mọi bách hại vào đó.

Làm sao Ki-tô giáo đã lớn mạnh từ một hạt giống nhỏ bé trở thành cây cao lớn trong một thời gian thật vắn vỏi như vậy? Chúng ta hãy dựa vào sách Công Vụ Tông Đồ để tìm ra câu trả lời ấy.

Công Vụ Tông Đồ là sách lịch sử Giáo Hội sơ khai

Các văn sĩ thời xưa thường dùng từ ngữ Chiến công để nói về những kỳ công của các vĩ nhân. Thí dụ chúng ta có những Chiến công của thần Hercules, những Chiến công của đại tướng Hannibal, và những Chiến công của Đại vương Alexander. Những Chiến công của các Tông đồ cũng dựa theo những tác phẩm trên.

Lu-ca đã viết sách Công Vụ Tông Đồ như những tiếp diễn của sách Tin Mừng (Lc 1:1, Cv 1:1). Ý định của ngài là kể lại câu truyện những gì đã xảy ra trong vòng ba mươi năm sau khi Đức Giê-su lên trời. Ngài muốn sách này là câu truyện về Giáo Hội sơ khai.

Trước khi về cùng Chúa Cha, Đức Giê-su đã nói với các môn đệ: “Anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em. Bấy giờ anh em sẽ là chứng nhân của Thầy tại Giê-ru-sa-lem, trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri và cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1:8).

CHÚA THÁNH THẦN NGỰ XUỐNG

Vào ngày lễ Ngũ Tuần, năm mươi ngày sau khi Đức Giê-su về trời, các Tông đồ đang cầu nguyện trong một căn nhà tại Giê-ru-sa-lem, thì: “Bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đầy cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tán ra đậu xuống từng người một. Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần, họ bắt đầu nói các thứ tiếng khác, tùy theo khả năng Thánh Thần ban cho” (Cv 2:2-4).

Kinh nghiệm này đã biến đổi các Tông đồ từ một nhóm người sợ sệt thành một nhóm người rao giảng đầy lòng nhiệt thành. Đầy ắp quyền lực Thánh Thần, họ đã hăng say làm chứng cho Đức Giê-su

- * bắt đầu từ Giê-ru-sa-lem,
- * lan rộng đến các vùng Giu-đê và Sa-ma-ri, và
- * tiếp tục đến tận cùng trái đất.

CHỨNG NHÂN TẠI GIÊ-RU-SA-LEM

Ngay sau khi Chúa Thánh Thần hiện xuống, ông Phê-rô đã lên tiếng với

đám đông đang tụ tập bàn tán với nhau về “tiếng động như tiếng gió mạnh.” Phê-rô giải thích mọi việc đã xảy ra. Họ bị kích động sâu xa do quyền lực của Thánh Thần nơi các Tông đồ. “Khoảng ba ngàn người” đã tin và được rửa tội ngày hôm ấy (Cv 2:41).

Các Tông đồ chữa lành dân chúng

Ít ngày sau, Phê-rô và Gio-an lên Đền Thờ cầu nguyện. Một người ăn xin tàn tật trông thấy các ngài liền đưa tay ra xin tiền. “Phê-rô nói với anh ta: ‘Vàng bạc thì tôi không có; nhưng cái tôi có, tôi cho anh đây: nhân danh Đức Giê-su Ki-tô người Na-da-rét, anh đứng dậy mà đi!... Anh đứng phắt dậy, đi lại được; rồi cùng với hai ông, anh vào Đền Thờ, vừa đi vừa nhảy nhót và ca tụng Thiên Chúa’” (Cv 3:6,8).

Những ai thấy và nghe phép lạ này đều nhận ra rằng quyền lực chữa lành của Đức Giê-su đã truyền sang các môn đệ Ngài. Vì thế, dân chúng đã “khiêng cả những kẻ đau ốm ra tận đường phố đặt trên giường trên chõng, để khi ông Phê-rô đi qua, ít ra cái bóng của ông cũng phủ lên được một bệnh nhân nào đó” (Cv 5:15). Và nhiều người đã được chữa lành.

Các tông đồ bị bách hại

Phản ứng của các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem trước những phép lạ chữa lành này thật dễ dàng đoán được. Họ ra lệnh cho các Tông đồ phải ngưng ngay hoạt động. “Nhưng ông Phê-rô và các Tông đồ khác đáp lại rằng: ‘Phải vâng lời Thiên Chúa hơn là vâng lời người phàm!’” (Cv 5:29).

Tiếp đến là một cuộc bách hại Ki-tô hữu dữ dội hơn, công hiến cho Giáo Hội vị tử đạo tiên khởi là một thầy phó tế trẻ tên là Tê-pha-nô (Cv 7).

Cuộc bách hại đã đưa đến kết quả thuận theo ý Chúa quan phòng. Một số đông Ki-tô hữu đã trốn sang Giu-đê và Sa-ma-ri. Tại đó họ đã rao giảng Tin Mừng về Đức Giê-su và đã có nhiều kẻ tin theo (Cv 8:4). Như vậy dường như là ngẫu nhiên giai đoạn thứ nhì của sứ mệnh Đức Giê-su trao cho các Tông đồ được khởi phát: “Anh em sẽ là chứng nhân của Thầy... trong khắp các miền Giu-đê, Sa-ma-ri”...

CHỨNG NHÂN TẠI GIU-ĐÊ VÀ SA-MA-RI

Một thầy phó tế trẻ tên là Phi-líp-phê đã thành chứng nhân nổi bật tại Sa-ma-ri (Cv 6:5). Sự hiện diện của Thánh Thần nơi ngài đã tỏa ra mạnh mẽ đến nỗi “các thần ô uế vừa kêu lớn tiếng vừa xuất khỏi nhiều người trong số những kẻ bị chúng ám. Nhiều người tê bại và tàn tật được chữa lành. Trong

thành, người ta rất vui mừng” (Cv 8:7-8).

Tin tức về sứ vụ đắc lực của Phi-líp-phê đã khiến Phê-rô và Gio-an tới Sa-ma-ri. Khi đến, các ngài đặt tay trên những kẻ mới trở lại và cầu nguyện trên họ. Lập tức Thánh Thần ngự xuống trên những Ki-tô hữu mới trong một “lễ Hiện Xuống tại Sa-ma-ri” (x. Cv 8:17).

Phê-rô rao giảng tại Giu-đê

Cảm động do thành công của Phi-líp-phê, Phê-rô bắt đầu rao giảng Tin Mừng trong các thành phố khắp vùng Giu-đê. Một ngày kia đang khi giảng tại Xê-da-rê, trong nhà một viên đại đội trưởng Rô-ma tên là Co-nê-li-ô, Thánh Thần đã xuống trên vị sĩ quan này và cả gia đình ngoại giáo của ông.

Biến cố đáng kể ấy đã làm thay đổi quan niệm của Giáo Hội trẻ trung về chính mình. Thánh Thần đã xuống trên những người Do-thái tại Giê-ru-sa-lem trong lễ “Hiện Xuống trên Do-thái” (Cv 2:4) và trên những người nửa gốc Do-thái trong lễ “Hiện Xuống trên Sa-ma-ri” (Cv 8:17), thì giờ đây cũng xuống trên gia đình viên sĩ quan trong lễ “Hiện Xuống trên Dân ngoại” (Cv 10:44).

Giáo Hội trẻ trung đã lan rộng từ cộng đồng Do-thái tới các dân tộc khác. Điều rất ý nghĩa, đó là chính Phê-rô đã đích thân chủ tọa trong mỗi biến cố Hiện Xuống mới này.

Phê-rô bị bắt

Khi Phê-rô trở lại Giê-ru-sa-lem, các nhà lãnh đạo Giê-ru-sa-lem đang chờ đợi ngài. Họ bắt ngài và tống ngài vào ngục. Nhưng ngục tù không giữ nổi Phê-rô. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, ngài đã thoát ngục một cách lạ lùng (Cv 12:1-17).

Sau khi bí mật gặp gỡ các Ki-tô hữu tại Giê-ru-sa-lem, Phê-rô quyết định rời thánh đô. Ngài thấy rõ sự hiện diện của mình sẽ gây khó khăn không ít cho cộng đoàn Giê-ru-sa-lem. Theo Êu-sê-bi-ô, một giáo sử gia vào thế kỷ IV, Phê-rô đã lên đường sang Rô-ma. Việc Phê-rô đến Rô-ma khởi sự cho giai đoạn thứ ba của sứ vụ Đức Giê-su trao cho các môn đệ Ngài: “Anh em sẽ là chứng nhân của Thầy... cho đến tận cùng trái đất.”

CHỨNG NHÂN GIỮA MUÔN DÂN

Một đối thủ hàng đầu của Ki-tô giáo sơ khai là một chàng thanh niên tên Sao-lô. Một ngày kia, Sao-lô lên đường đi Đa-mát. Bỗng một luồng sáng làm anh lóa mắt và ngã xuống đất. Có tiếng nói cất lên: “Sa-un, Sa-un,

tại sao người bắt bớ Ta?” Anh ta hỏi: “Thưa Ngài, Ngài là ai?” Tiếng đáp lại: “Ta là Giê-su mà người đang bắt bớ” (Cv 9:4-5).

Sao-lô quờ quạng đứng dậy. Bạn bè đưa tay dắt anh vào trong thành. Tại đó có một Ki-tô hữu tên là Kha-na-ni-a đã chữa lành cho anh. Rồi Sao-lô tin và được rửa tội.

Việc trở lại đạo của Sao-lô khiến các bạn bè Do-thái của anh phải ngạc nhiên. Từ sự giận dữ, họ trở nên giận dữ khi Sao-lô bắt đầu rao giảng Đức Giê-su “là con Thiên Chúa” (Cv 9:20). Rồi Sao-lô phải trốn đi để bảo toàn tính mạng. Anh đến Tác-xô và ở lại đó một thời gian dài (Cv 9:30).

Ba-na-ba rao giảng tại An-ti-ô-khi-a

Ba-na-ba là một trong những người đầu tiên trở lại Ki-tô giáo. Ông bắt đầu rao giảng tại An-ti-ô-khi-a. Sau một thời gian ông nhận thấy thành phố này chính là nơi lý tưởng cho Sao-lô chia sẻ sứ mệnh với ông. Vì thế, Ba-na-ba sang Tác-xô đón Sao-lô về (Cv 11:25-26).

Chính tại An-ti-ô-khi-a là nơi “lần đầu tiên các môn đệ được gọi là Ki-tô hữu” (Cv 11:26). Và cũng chính tại đây mà Sao-lô đã đổi cái tên Do-thái của mình để mang cái tên Dân ngoại là Phao-lô.

Cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhất của Phao-lô

Một ngày nọ Thánh Thần đã linh hứng cho cộng đoàn An-ti-ô-khi-a hãy sai Phao-lô và Ba-na-ba đi rao giảng một vòng tại Tiểu Á (ngày nay là Thổ-nhĩ-kỳ). “Họ đặt tay trên hai ông và tiễn đi” (Cv 13:3).

Hải cảng đầu tiên các ngài đặt chân đến là đảo Síp. Tại đây các ngài rao giảng trong các hội đường và ngay trước mặt viên tổng trấn. Từ Síp các ngài đi sang Tiểu Á và ở đó các ngài rao giảng trong các thành phố như I-cô-ni-ô và Lýt-ra.

Tại Lýt-ra, một câu chuyện bất ngờ đã xảy ra. Người Do-thái nổi giận ném đá Phao-lô và bỏ mặc ngài cho chết luôn (Cv 14:19). Sau khi Phao-lô bình phục, ngài cùng với Ba-na-ba trở về An-ti-ô-khi-a. Tính tới lúc ấy, các ngài đã rong ruổi trên đường truyền giáo bốn năm trời và đã mệt mỏi.

Phao-lô và Ba-na-ba đi Giê-ru-sa-lem

Sau khi trở về An-ti-ô-khi-a một thời gian ngắn, Phao-lô và Ba-na-ba lại đi Giê-ru-sa-lem để tham dự cuộc họp mà người ta gọi là Công Đồng thứ nhất của Giáo Hội: một cuộc họp của toàn thể các vị lãnh đạo trong Giáo Hội để bàn về những vấn đề của Giáo Hội. Cuộc họp được triệu tập vì một

số Ki-tô hữu gốc Do-thái đã chủ trương rằng những người Dân ngoại phải chịu phép cắt bì trước khi họ muốn thành Ki-tô hữu.

Các vị lãnh đạo đã cầu nguyện và quyết định chống lại chủ trương trên. Trong văn kiện của Công Đồng, có một câu như sau: “Thánh Thần và chúng tôi đã quyết định không đặt lên vai anh em một gánh nặng nào khác” (Cv 15:28). Câu này rõ ràng nói lên việc các ngài xác tín rằng chính Thánh Thần đã dẫn dắt Công Đồng đi tới quyết định trên.

Cuộc hành trình truyền giáo thứ hai của Phao-lô

Vài tháng sau khi trở về nhà, Phao-lô nóng lòng muốn đi thăm các cộng đoàn ngài đã giảng dạy trước kia. Do đó ngài đã thu xếp để lên đường lần thứ hai.

Ngoài việc đến với các cộng đoàn ngài đã thăm viếng, Phao-lô cũng đã lưu lại một số nơi trong vùng Ga-lát và những thành phố như Phi-líp-phê và Thê-xa-lô-ni-ca. Tại những nơi này, ngài thành lập những cộng đoàn Ki-tô mới.

Có hai Ki-tô hữu trẻ – Xi-la (Cv 15:36-41) và Ti-mô-thê (Cv 16:1-5) – đã tháp tùng Phao-lô. Họ đã cùng nhau đem Tin Mừng đến tận lục địa Âu-châu, tới cả những thành phố như A-then và Cô-rin-tô.

Phao-lô rao giảng tại Cô-rin-tô

Cô-rin-tô là một trung tâm thương mại chính vào thời Phao-lô. Nhưng thành phố cũng có lắm vấn đề vì những dân cư nơi đó. Dân tứ xứ từ các nơi trên thế giới đổ về đầy các đường phố, đủ hạng người: cò bạc, đĩ điếm và phạm pháp. Rao giảng cho những người này, Phao-lô lập lại: “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch” (Mt 5:8).

Thật là bất ngờ, lời giảng của ngài đã có hiệu quả. Khi Phao-lô từ giả thành phố vào năm 54, thì cộng đoàn Ki-tô hữu đông đảo tại đây đang lớn mạnh.

Cuộc hành trình truyền giáo thứ ba của Phao-lô

Chẳng bao lâu sau khi trở về nhà, Phao-lô lại khăn gói lên đường truyền giáo lần thứ ba. Lần này ngài lại đến thăm những thành phố có các cộng đoàn Ki-tô hữu ngài đã thành lập trước đây. Rồi ngài đến các thành phố khác và thành lập những cộng đoàn mới.

Đáng kể nhất là thành công của Phao-lô tại Ê-phê-xô. Trước khi ngài

đến đó, những tay thợ bạc của thành phố đã làm giàu nhờ bán tượng ảnh cho những người ngoại giáo. Một khi việc rao giảng của Phao-lô kết quả hơn thì cũng là lúc các tay thợ bạc bị lỗ lã trong việc làm ăn. Do đó tình trạng này đã đưa đến cuộc tranh chấp giữa họ và Phao-lô (Cv 19:23-40).

Vì muốn lợi cho Ki-tô hữu tại Ê-phê-xô, Phao-lô quyết định tốt hơn ngài nên rời khỏi Ê-phê-xô. Ngài “mời các môn đệ tới, khuyên nhủ họ, rồi chào biệt và lên đường” (Cv 20:1).

Phao-lô đã dừng lại một vài nơi, rồi trở về Giê-ru-sa-lem vào năm 58.

Nhưng những khó khăn của Phao-lô chưa hết đâu, mà thực sự mới chỉ là bắt đầu thôi.

Phao-lô bị bắt

Việc Phao-lô trở lại Ki-tô giáo và việc ngài rao giảng cho Dân ngoại đã khiến ngài gặp rất nhiều khó khăn đối với người Do-thái tại Giê-ru-sa-lem. Tình trạng này đã đưa tới việc ngài bị bắt sau khi trở lại thánh đô một thời gian ngắn.

Nhận thấy mình sẽ không khi nào được xét xử công bằng tại Giê-ru-sa-lem, Phao-lô đã sử dụng quyền công dân Rô-ma của mình và xin các giới chức cho mình được đưa về Rô-ma xét xử. Lời yêu cầu này đã được thỏa mãn.

Phao-lô đi Rô-ma

Sách Công Vụ Tông Đồ diễn tả rất tỉ mỉ cuộc hành trình đi Rô-ma này. Đoạn trình thuật đầy thú vị. Một thí dụ điển hình là trong thời gian còn lênh đênh trên biển cả, một cơn bão lớn nổi lên, khốc liệt đến nỗi thuyền trưởng “đã ra lệnh cho những ai biết bơi thì nhảy xuống trước bờ vào bờ; còn những người khác thì bám vào ván hoặc mảnh tàu vỡ mà vào. Thế là mọi người vào được bờ và được cứu” (Cv 27:43-44).

Sau những phiêu lưu như thế, Phao-lô đã đến Rô-ma. Khi ổn định xong xuôi (khoảng năm 61), ngài mời những vị lãnh đạo Do-thái địa phương đến họp. Họ nóng lòng muốn nói chuyện với ngài: “Chúng tôi muốn được nghe ông trình bày ý nghĩ của ông, vì chúng tôi biết là phái của ông đến đâu cũng gặp chống đối” (Cv 28:22).

Phao-lô giải thích Ki-tô giáo cho họ, nhưng họ giả điếc làm ngơ.

Sách Công Vụ Tông Đồ kết thúc với những lời lẽ sau: “Suốt hai năm tròn, ông Phao-lô ở tại nhà ông đã thuê, và tiếp đón tất cả những ai đến với ông. Ông rao giảng Nước Thiên Chúa và dạy về Chúa Giê-su Ki-tô, một cách rất mạnh dạn, không gặp ngăn trở nào” (Cv 28:30-31).

CÂU TRUYỆN KHÔNG ĐOẠN KẾT

Sách Công Vụ Tông Đồ đã kết thúc một cách đột ngột mà không cho chúng ta biết chuyện gì đã xảy ra cho Phao-lô sau này. Truyền thống kể lại rằng Phao-lô bị chém đầu vì đức tin vào khoảng năm 67.

Tại sao Lu-ca đã không nói cho chúng ta biết điều gì đã xảy tới cho Phao-lô? Tại sao Lu-ca đã bỏ lửng câu truyện trong Công Vụ Tông Đồ?

Một trong những giả thuyết thỏa đáng nhất, đó là Lu-ca đã bỏ lửng sách Công Vụ Tông Đồ bởi vì câu truyện thực sự chưa kết thúc. Việc rao giảng Tin Mừng chưa chấm dứt. Chính chúng ta phải hoàn tất công cuộc rao giảng Tin Mừng. Nước Thiên Chúa đã được khởi sự do Đức Giê-su và tiếp tục do Giáo Hội sơ khai, và giờ đây tới phần chúng ta.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|-----------------------------|------------|
| 1. Công Vụ Tông Đồ 4:1-21 | Khuyến cáo |
| 2. Công Vụ Tông Đồ 9:32-43 | Phép lạ |
| 3. Công Vụ Tông Đồ 15:1-35 | Quyết định |
| 4. Công Vụ Tông Đồ 19:23-40 | Nổi loạn |
| 5. Công Vụ Tông Đồ 27 | Đắm tàu |

THẢO LUẬN

1. Bạn hãy suy nghĩ về ý nghĩa của việc Thiên Chúa quan phòng trong những cuộc bách hại Giáo Hội sơ khai.
2. Thế nào là những chiều kích khác nhau của biến cố “Hiện Xuống?”
3. Tại sao thành công tại Cô-rin-tô lại là một bất ngờ?

CHIA SẺ

1. Trong bức thư gửi từ nhà giam Birmingham, Tiến sĩ Martin Luther King viết: “Nếu Giáo Hội hôm nay không có được tinh thần hy sinh của Giáo Hội sơ khai..., thì nó sẽ bị giải tán tựa như một nhóm người ái mộ không còn hợp thời nữa.” Ông ta muốn nói gì và tại sao bạn đồng ý hoặc bất đồng với ông? Nếu một vị giám mục xin bạn đề hãy đề nghị làm những gì giúp cho Giáo Hội hợp thời hơn, thì bạn sẽ đề nghị điều gì?

2. Phao-lô có một trở ngại về thể xác mà ngài không nói ra là điều gì. Ngài chỉ nói: “Đã ba lần tôi xin Chúa cho thoát khỏi nỗi khổ này. Nhưng Người quả quyết với tôi: ‘Ơn của Thầy đã đủ cho con, vì sức mạnh của

Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối” (2 Cr 12:8-9). Bạn hãy giải thích lời Chúa nói với Phao-lô. “Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh” (2 Cr 12:10). Bạn hãy nhớ lại và chia sẻ về một lần nào đó bạn cảm nghiệm được quyền lực Thiên Chúa khi bạn yếu đuối.

3. Đâu là trở ngại khiến bạn không cố gắng “hoàn tất” câu truyện sách Công Vụ Tông Đồ bỏ dở? Bạn có thể đóng góp những gì?

The Catholic Vision II – 16

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ II : Mặc khải

Bài 17

Các Thư và sách Khải Huyền

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Một trong những lá thư yêu quý nhất tôi đã nhận được trong đời là...
2. Một câu hỏi tôi có về sách Khải Huyền là...

CÁC THƯ

Có lần một nhà truyền giáo kia đã nói: “Người dễ trở lại đạo nhất giữa một bộ lạc ngoại giáo, đó chính là ông thầy lang chữa bệnh bằng bùa phép.” Lý do tại sao? Vì ông thầy lang đã có cái nhìn về thực tại rất sâu xa theo khía cạnh thiêng liêng. Bạn chỉ cần thay đổi lại hướng nhìn ấy thôi.

Lý luận trên cũng có thể giải thích tại sao chỉ trong sáu tuần lễ, Phao-lô đã có thể dạy đạo cho một nhóm người và giúp họ trở lại Công giáo. Người ngày xưa có một cái nhìn về thực tại rất thiêng liêng. Phao-lô chỉ cần đổi lại lối nhìn của họ.

Khi Phao-lô rời bỏ một cộng đoàn để đi rao giảng Tin Mừng cho một nơi khác, ngài vẫn giữ liên lạc với cộng đoàn ấy qua những sứ giả (Pl 2:19). Nếu cộng đoàn có vấn đề rắc rối, Phao-lô sẽ viết một lá thư để bàn về điều ấy.

Người thời xưa thường dùng thư ký để viết thư. Phao-lô cũng vậy. Điều này rõ ràng trong những thư của ngài. Thí dụ, ngài kết thúc thư thứ hai

gửi giáo đoàn Thê-xa-lô-ni-ca như sau: “Chính tôi, Phao-lô, tự tay viết lời chào này. Đó là chữ ký trong tất cả các thư của tôi. Tôi viết như thế đó.” Nói khác đi, từ đầu thư cho tới khúc này đều là do thư ký của ngài viết. Còn bây giờ, Phao-lô cầm lấy cây viết tự tay thư ký và tự tay viết những lời chào hỏi anh chị em tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca.

CÁC THƯ CỦA PHAO-LÔ

Trong số hai mươi một Thư thuộc Tân Ước, có mười ba Thư được gán cho Phao-lô là tác giả. Theo truyền thống, các Thư này chia làm bốn nhóm:

Các Thư viết trước nhất: Thê-xa-lô-ni-ca (hai thư)

Các Thư lớn: Ga-lát, Cô-rin-tô (hai thư), Rô-ma

Các Thư viết từ trong tù: Phi-líp-phê, Cô-lô-xê, Ê-phê-xô, Phi-lê-môn

Các Thư mục vụ: Ti-mô-thê (hai thư), Ti-tô.

Phao-lô viết hai Thư sớm nhất

Khoảng mùa hè năm 50, Phao-lô giảng tại thành phố Thê-xa-lô-ni-ca. Hai năm sau, ngài được tin tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca có vấn đề lộn xộn. Họ có cảm tưởng là Đức Giê-su sắp trở lại. Họ cũng có cảm tưởng là hết thấy tín hữu vẫn còn sống khi Đức Giê-su trở lại. Cho nên khi một số qua đời thì họ đâm ra bối rối. Điều này khiến Phao-lô phải viết cho họ.

Lá thư thứ nhất của Phao-lô đã làm sáng tỏ những hiểu lầm về việc người ta chết trước khi Đức Giê-su trở lại. Nhưng thư ấy vẫn chưa đánh tan được thắc mắc việc Đức Giê-su đến lần thứ hai có sắp xảy tới hay không. Hơn nữa xem ra chính thư ấy lại làm cho họ hoang mang thêm. Do đó Phao-lô viết thư thứ hai để sửa sai những lầm tưởng của họ.

Phao-lô viết bốn “Thư lớn”

Sở dĩ gọi là “Thư lớn” vì chúng chứa đựng những giáo lý quan trọng. Thư đầu tiên gửi cho Ki-tô hữu tại Ga-lát. Được viết khoảng năm 54, thư nhắm tới những Ki-tô hữu gốc Do-thái thủ cựu. Họ làm cho những tân tòng Dân ngoại (không phải gốc Do-thái) bối rối khi họ bảo những tân tòng này phải tuân chỉ luật Do-thái và phải chịu cắt bì. Phao-lô đã sửa sai điều này, giải thích rằng luật Do-thái không còn bó buộc nữa. Ki-tô giáo đã vượt trên lề luật ấy.

Thư lớn thứ hai và thứ ba gửi cho Ki-tô hữu tại Cô-rin-tô, Hy-lạp. Văn chương cổ Hy-lạp cho thấy những người Cô-rin-tô là những kẻ say sưa, đồi trụy và phá rối. Theo hai Thư của Phao-lô cho thấy, một số tân tòng Cô-rin-

tô mà Phao-lô đã giúp trở lại vẫn quen thói cũ và lại chứng nào tật nấy. Phao-lô viết: “Đi đâu cũng chỉ nghe nói đến chuyện dâm ô xảy ra giữa anh em... Anh em lại chẳng biết rằng thân xác anh em là Đền Thờ của Thánh Thần sao? Mà Thánh Thần đang ngự trong anh em là Thánh Thần chính Thiên Chúa đã ban cho anh em. Như thế, anh em đâu còn thuộc về mình nữa, vì Thiên Chúa đã trả giá đắt mà chuộc lấy anh em. Vậy anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em” (1 Cr 5:1; 6:19-20).

Một vấn đề khác nơi cộng đoàn Cô-rin-tô là việc chia rẽ nội bộ (1 Cr 1:10-13). Phao-lô thúc giục họ hãy chấm dứt ngay những chia rẽ này. Ngài dùng hình ảnh sau đây để nói lên sự hiệp nhất họ phải có: “Thật vậy, ví như thân thể người ta chỉ là một, nhưng lại có nhiều bộ phận, mà các bộ phận của thân thể tuy nhiều, nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Ki-tô cũng vậy. Thật thế, tất cả chúng ta, là Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu một phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất... Vậy anh em, anh em là thân thể Đức Ki-tô, và mỗi người là một bộ phận” (1 Cr 12:12-13,27).

Thư sau hết trong bốn Thư lớn được gửi cho tín hữu Rô-ma. Khảo luận sâu sắc này về Ki-tô giáo là bức thư dài nhất của Phao-lô. Thư viết theo dàn bài sau đây:

Thế giới trước Đức Ki-tô	1:18 – 3:20
Thế giới sau Đức Ki-tô	3:21 – 5:21
Sự sống mới trong Đức Ki-tô	6:1 – 8:39
Kế hoạch của Thiên Chúa cho Ít-ra-en	9:1 – 11:36
Chứng nhân cho Đức Ki-tô	12:1 – 15:13
Kết luận	15:14 – 16:27

Phao-lô viết bốn Thư từ trong tù

Mỗi ưu tư của Phao-lô về những người cùng khổ trong xã hội thường đưa ngài tới cảnh đau khổ (Cv 16:16-24). Hậu quả thường là ngài bị cầm tù (2 Cr 11:23). Một cách để Phao-lô giết thì giờ trong tù là viết thư.

Lá thư đầu tiên Phao-lô viết trong tù được gửi cho tín hữu Phi-líp-phê. Thư chứa đựng một tổng luận thật thơ mộng về Tin Mừng: Đức Giê-su, Con Thiên Chúa, đã mặc lấy thân xác chúng ta, chịu đau khổ, chịu chết, sống lại và lên trời về với Chúa Cha. Bức thư kết thúc tổng luận ấy như sau: “Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu. Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giê-su, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ; và để tôn vinh Thiên Chúa Cha, mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng: ‘Đức Giê-su Ki-tô là Chúa’” (Pl 2:9-11).

Tổng luận này tuyệt diệu đến nỗi hầu hết các học giả Kinh Thánh đều nghĩ rằng đó chính là một ca vịnh của Ki-tô hữu sơ khai mà Phao-lô đã trích dẫn. Dù sao đi nữa, Phao-lô cũng đã dùng nó như ngôi sao dẫn đường cho cả đời ngài, như ngài nói tới trong phần sau: “Vấn đề là được biết chính Đức Ki-tô, nhất là biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, nhờ nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết” (Pl 3:10-11).

Thư thứ hai Phao-lô viết trong tù gửi cho tín hữu Cô-lô-xê. Thư cũng có một đoạn thật hay về Đức Giê-su. Đây là một phần nhỏ: “Thánh Tử (Giê-su) là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, là trưởng tử sinh ra trước mọi loài thụ tạo... Người có trước muôn loài muôn vật, tất cả đều tồn tại trong Người. Người cũng là đầu của thân thể, nghĩa là đầu của Hội Thánh” (Cl 1:15-18).

Do đó, Phao-lô “tiếp tục sống kết hợp với Người, bén rễ sâu và xây dựng đời mình trên nền tảng là Đức Ki-tô Giê-su” (Cl 2:6-7).

Thư thứ ba trong tù Phao-lô gửi cho cộng đoàn Ki-tô hữu tại Ê-phê-xô. Thư này cũng nói đến Đức Ki-tô là Đầu Nhiệm thể Hội Thánh: “Chính Người làm cho các bộ phận ăn khớp với nhau và toàn thân được kết cấu chặt chẽ, nhờ mọi thứ gân mạch nuôi dưỡng và mỗi chi thể hoạt động theo chức năng của mình. Như thế Người làm cho toàn thân lớn lên và được xây dựng trong tình bác ái” (Ep 4:16).

Phao-lô viết thư cuối cùng trong tù gửi cho một người tên là Phi-lê-môn. Đây là thư ngắn nhất của Phao-lô, tỏ ra mối quan tâm tới một người nô lệ bỏ trốn tên là Ô-nê-xi-mô mà Phao-lô đã rửa tội cho tại Rô-ma. Ô-nê-xi-mô trước kia thuộc chủ quyền của Phi-lê-môn, một tín hữu tân tòng tại Cô-lô-xê. Phao-lô xin Phi-lê-môn hãy đón nhận Ô-nê-xi-mô trở lại, không phải như tên nô lệ mà là một người anh em trong Đức Ki-tô.

Phao-lô viết ba thư mục vụ

Tựa như các bức tranh thường nói lên những giai đoạn trưởng thành của một họa sĩ, cũng thế, các thư của Phao-lô phản ánh một sự trưởng thành về tư tưởng nơi ngài. Sự trưởng thành rõ rệt tới độ có người nghĩ rằng những thư ấy là do một môn đệ của Phao-lô viết sau khi Phao-lô qua đời đã nhiều năm. Nhiều người khác lại cho rằng những thư này chỉ phản ánh đà phát triển của Phao-lô cũng như của Giáo Hội sơ khai. Hai thư gửi cho Ti-mô-thê và một thư gửi cho Ti-tô.

Đối với Phao-lô, Ti-mô-thê giống như con ruột của ngài. Ti-mô-thê còn trẻ và sức khỏe mong manh (1 Tm 5:23). Phao-lô khuyến khích Ti-mô-

thê đừng để những điều ấy ảnh hưởng trên việc làm người chủ chăn tốt cho cộng đoàn mình (1 Tm 4:12).

Còn Ti-tô cũng làm việc sát cánh với Phao-lô ((2 Cr 7:6). Giống như hai thư gửi cho Ti-mô-thê, thư gửi cho Ti-tô nói về những vấn đề mục vụ và làm sao đối phó với những vấn đề ấy.

NHỮNG THƯ KHÁC

Ngoài mười ba thư do Phao-lô viết, còn tám thư khác trong Kinh Thánh Tân Ước. Những thư này chia làm hai loại: một thư đặc biệt gửi cho người Do-thái và bảy thư còn lại được gọi là các Thư chung – gọi như vậy vì chúng không được viết cho một người hoặc một cộng đoàn riêng biệt nào, nhưng cho mọi người.

Thư gửi tín hữu Do-thái rất là độc đáo

Chúng ta không biết rõ “những người Do-thái” là ai, nhưng một số học giả cho rằng đó là một nhóm tư tế Do-thái đã trở lại Ki-tô giáo và giờ đây đang chịu bách hại vì việc trở lại ấy. Hoàn cảnh họ đúng như lời Đức Giê-su đã nói: “Nếu họ đã bắt bớ Thầy, họ cũng sẽ bắt bớ anh em” (Ga 15:20).

Thư này cổ vũ người Do-thái hãy chống lại cơn cám dỗ lia bỏ đức tin: “Vị Thượng Tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thương những nỗi yếu hèn của ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như ta, chỉ trừ tội lỗi. Bởi thế, ta hãy mạnh dạn tiến lại gần ngai Thiên Chúa là nguồn ân sủng, để được xót thương và lãnh ơn trợ giúp mỗi khi cần” (Dt 4:15-16).

Bảy Thư chung

Bảy Thư chung gồm có ba thư của Gio-an, hai thư của Phê-rô, một thư của Gia-cô-bê và một thư của Giu-đa.

Ít có thư nào trong Tân Ước có thể sánh với phần mở đầu thật đẹp của Thư 1 Gio-an: “Điều vẫn có ngay từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng, và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống... Chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa” (1 Ga 1:1,3).

Thư còn tiếp tục nói rằng những thầy dạy giả mạo đã xâm nhập nhiều cộng đoàn Ki-tô hữu. Gio-an gọi họ là những “phản Ki-tô” (1 Ga 2:18), vì họ “chống lại Đức Ki-tô.” Họ không nhận Đức Giê-su là Đấng Cứu Thế (1 Ga 2:22), là Con Thiên Chúa (1 Ga 2:23), là người (1 Ga 4:2). Họ cũng cho

là họ được Chúa ban cho sự hiểu biết đặc biệt (1 Ga 4:1-6).

Hai thư sau của Gio-an gần giống như những điều ghi chú. Một được gửi cho “Bà đã được Thiên Chúa tuyển chọn,” có lẽ là một giáo đoàn tại Tiểu Á; còn thư kia gửi cho Gai-ô. Thư trước kêu gọi các phần tử trong cộng đoàn hãy tiếp tục yêu thương nhau và coi chừng thầy dạy giả dối. Thư sau ca tụng anh Gai-ô và nhắc nhở anh hãy đề phòng một người lãnh đạo bướng bỉnh trong cộng đoàn.

Tiếp đến là hai thư của Phê-rô. Thư thứ nhất gửi cho những Ki-tô hữu đang chịu bách hại vì đức tin. Thư nhằm nâng đỡ tinh thần sa sút của họ: “Đức Ki-tô đã chịu đau khổ vì anh em, để lại một gương mẫu cho anh em dõi bước theo Người” (1 Pr 2:21).

Thư thứ hai của Phê-rô bàn về một số vấn đề, kể cả việc giải thích Kinh Thánh. Khi nhắc đến những thư của Phao-lô, thư thứ hai của Phê-rô nói rằng có một số đoạn khó mà hiểu. Rồi thư tiếp tục nói phải coi chừng những kẻ rao giảng bừa bãi, chuyên môn bẻ quặt ý nghĩa những đoạn Kinh Thánh này cho hợp với mục đích riêng của họ (2 Pr 3:16).

Thư của Gia-cô-bê là một trong những thư thực dụng và cụ thể nhất Tân Ước. Một đoạn hết sức quan trọng đề cập đến mối tương quan giữa đức tin và hành động: “Đức tin không có hành động thì quả là đức tin chết” (Gc 2:17).

Sau hết là thư của Giu-đa. Thư này rất ngắn và khuyên người đọc hãy chống lại với “những kẻ vô luân đã biến ân sủng của Thiên Chúa chúng ta thành lý do biện minh cho lối sống dâm ô” (Gđ 4).

Các Thư là những bức gương

Nhìn lại các Thư trong Tân Ước, chúng ta thấy phản ánh qua đó không hẳn chỉ có những vấn đề của Giáo Hội sơ khai, nhưng còn chứa đựng tâm huyết của những vị lãnh đạo Giáo Hội. Những thư này vẫn tiếp tục mời gọi chúng ta qua mọi thế hệ với những lời lẽ như sau: “Đừng đọc những Thư này chỉ cốt để biết về những vấn đề của Giáo Hội sơ khai. Hãy đọc để biết về chính chúng ta nữa. Hãy đọc để biết rằng chúng tôi đã có chính những vấn đề mà các bạn đang có. Hãy đọc để biết rằng chúng tôi đã phấn đấu để theo Chúa cũng như các bạn đang phấn đấu.”

SÁCH KHẢI HUYỀN

Không có cuốn sách nào trong bộ Kinh Thánh đã bị hiểu sai hơn là sách Khải Huyền. Lý do khiến người ta lẫn lộn là vì sách đầy những hình ảnh bí nhiệm.

Thí dụ, có hai mảnh thú, một con mang số 666 (Kh 13:18). Con số này thường được hiểu là Nê-rô, hoàng đế Rô-ma đầu tiên đã bách hại Ki-tô hữu. (Người Rô-ma xác định giá trị theo thứ tự chữ trong vần abc).

Những ai trong chúng ta hy vọng tìm ra ý nghĩa rõ ràng về mọi hình ảnh trong sách thì chỉ thêm thất vọng thôi. Ngay đến những học giả cũng không thể hiểu hết.

Hầu hết, sách Khải Huyền là một loạt những thị kiến được diễn tả bằng những hình ảnh khiến cho Ki-tô hữu ngày nay bị lẫn lộn, nhưng Ki-tô hữu ngày xưa thì có thể hiểu được.

Chúng ta giải thích sách Khải Huyền thế nào?

Bí quyết để hiểu sách Khải Huyền là hãy luôn nhớ tới giai đoạn lịch sử mà sách đã được viết. Gio-an đã viết vào một thời điểm khi các Ki-tô hữu đang bị bách hại khốc liệt vì đức tin.

Từ nhiều thế kỷ đã có ba cách giải thích khác nhau về cuốn sách. Có thể tóm tắt ba phương thức ấy như sau:

Phương thức lịch sử sơ khởi chủ trương rằng độc giả chính của cuốn sách là những Ki-tô hữu bị bách hại thuộc thế kỷ thứ nhất tại Rô-ma. Với những Ki-tô hữu này, sách Khải Huyền nói: Cứ yên tâm trong thời đau khổ. Đức Ki-tô đã chiến thắng; anh chị em cũng vậy.

Phương thức lịch sử bao quát chủ trương rằng độc giả chính của sách là Ki-tô hữu sống trong mọi thời. Với họ, sách Khải Huyền dạy: Luôn luôn có những buổi thử thách và đau khổ, nhưng cuối cùng việc tái tạo thế giới sẽ xảy đến theo kế hoạch của Thiên Chúa.

Phương thức lịch sử kết thúc chủ trương rằng độc giả chính của sách là Ki-tô hữu sống trong những ngày cuối cùng. Để mô tả ngày tận thế, sách dạy: Khi các người thấy những điều ấy xảy ra thì hãy ngừng đầu lên; giờ vinh quang sau hết của các người đã gần kề.

Mỗi phương thức đều có giá trị riêng của nó. Với phương thức thứ nhất, sách sẽ là kim chỉ nam cho Ki-tô hữu trong thời sơ khai, phương thức thứ hai cho Ki-tô hữu trong mọi thời và phương thức thứ ba cho Ki-tô hữu trong thời sau hết.

Có lẽ cách tốt nhất để hiểu sách Khải Huyền đó là nhận thức sách muốn nói riêng với mỗi người trong số các độc giả trên với một cách thức độc đáo.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|-------------------------|---------------------|
| 1. 1 Cô-rin-tô 12:12-31 | Thân thể Chúa Ki-tô |
| 2. 2 Cô-rin-tô 4:1-15 | Kho tàng giấu ẩn |

3. Gia-cô-bê 2:14-26

Chị em song sinh của đức tin

4. 1 Gio-an 4:7-21

Mọi sự vì tình yêu

5. Khải Huyền 1:1-20

Thị kiến của Gio-an

THẢO LUẬN

1. Động lực nào khiến Phao-lô viết thư cho tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca? Cho tín hữu Ga-lát?

2. Tại sao một số học giả đặt vấn đề không biết các Thư mục vụ có phải là của Phao-lô viết không?

CHIA SẺ

1. Phao-lô viết trong 2 Cr 9:7: “Ai vui vẻ dâng hiến, thì được Thiên Chúa yêu thương.” Bạn hãy chia sẻ về ý nghĩa của mỗi nhận xét dưới đây về việc dâng hiến, và nói tại sao bạn đồng ý hay không đồng ý.

- “Những gì bạn cho lúc mạnh khỏe là vàng; những gì bạn cho lúc ốm đau là bạc; những gì bạn cho lúc chết là chì.” (Châm ngôn Do-thái)

- “Bác ái đích thực đâu cần để ý tới được miễn thuế hay không.” (Dan Bennett)

- “Ngay kẻ ăn xin sống nhờ của bố thí cũng cần phải biết bố thí.” (Talmud)

- “Người đòi hỏi: Ông ta cho bao nhiêu? Còn Chúa Ki-tô hỏi: Tại sao ông ta cho?” (John Raleigh Mott).

2. Nhân vật Charlie Brown trong hoạt họa Peanuts khoái dùng từ “Good grief!” (Buồn nhưng lại tốt!) Làm sao từ ngữ này phản ánh ý nghĩa của những lời Phao-lô viết trong 2 Cr 7:10: “Nỗi ưu phiền do ý Thiên Chúa làm cho chúng ta hối cải để được cứu độ: đó là điều không bao giờ phải hối tiếc; còn nỗi ưu phiền của thế gian thì gây ra sự chết”?

3. Trong thị kiến thứ nhất, Gio-an được bảo hãy viết bảy lá thư cho bảy giáo hội. Viết cho giáo hội Ê-phê-xô, thư nói rằng: “Người có lòng kiên nhẫn và đã chịu khổ vì danh Ta mà không mệt mỏi. Nhưng Ta trách người điều này: người đã để mất tình yêu thuở ban đầu. Vậy người hãy nhớ lại xem người đã từ đâu rơi xuống, hãy hối cải và làm những việc người đã làm thuở ban đầu” (Kh 2:3-5). Nếu Đức Giê-su viết một thư cho cộng đoàn của bạn, Ngài sẽ ca tụng điều gì? Hoặc trách cứ điều gì?

4. Phao-lô viết trong Rm 8:28: “Chúng ta biết rằng: Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích cho những ai yêu mến Người.” Bạn hãy nhớ lại một biến cố trong đời mình, bắt đầu là thánh giá, nhưng kết thúc là một ơn lành.

The Catholic Vision II – 17
Mark Link, S.J.
Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự **Bài 18** **Bí tích**

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Tôi hiểu từ ngữ bí tích nghĩa là...
2. “Khi Giáo Hội rửa tội, đó là chính Đức Ki-tô rửa tội.” Tôi đồng ý hoặc không đồng ý, vì...

SỰ HIỆN DIỆN CỦA THIÊN CHÚA

Thánh Phan-xi-cô thường đi dạo bộ rồi gọi mặt trời là anh, mặt trăng là chị. Có phải Phan-xi-cô “mát dây” rồi chăng? Hay chúng ta kỳ dị vì không làm như vậy?

Học hỏi qua khoa học Tây phương, chúng ta được dạy cần biết phân biệt muôn vật khác nhau thế nào. Còn Phan-xi-cô, được đào tạo trong một môi trường khác, lại thấy mọi vật giống nhau. Thí dụ Phan-xi-cô được huấn luyện để thấy mặt trời và mặt trăng cùng do bàn tay Thiên Chúa tạo dựng, giống như chúng ta là công trình do bàn tay Chúa. Nơi chúng, có một phần của Thiên Chúa, chúng ta cũng thế. Chúng là một phần tử trong gia đình Thiên Chúa, thì chúng ta cũng vậy. Do đó chúng ta gọi chúng là anh và chị. Chúng làm cho Thiên Chúa hiện diện trong vũ trụ, chúng ta cũng làm như thế.

Mặt khác, Phan-xi-cô nhận thấy loài người có một điều đặc biệt mà các tạo vật khác không có. Thiên Chúa phán: “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta” (St 1:26). Và Thiên Chúa đã làm như vậy.

Kết quả là loài người có một chút đặc biệt của Thiên Chúa nơi họ mà mặt trời lẫn mặt trăng đều không có. Vậy con người giúp cho sự hiện diện của Thiên Chúa thể hiện một cách đặc biệt, khác với cách của mặt trời mặt trăng.

Phan-xi-cô còn nhận thấy một điều khác nữa. Cho dù loài người giúp cho sự hiện diện của Thiên Chúa thể hiện một cách đặc biệt, thì vẫn còn một

cách đáng kể hơn, hết sức độc đáo và hoàn hảo để nói lên sự hiện diện của Ngài.

Đức Giê-su làm cho Thiên Chúa hiện diện một cách độc đáo

Đức Giê-su là sự hiện diện đầy đủ của Thiên Chúa trong thế giới. Đức Giê-su nói: “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha” (Ga 14:9). Do đó, cách Đức Giê-su làm cho Thiên Chúa hiện diện vượt trên mọi cách khác, thực siêu việt không tưởng tượng nổi.

Chúng ta hãy suy nghĩ như thế này: Tựa như tổng thống đại diện cho quốc gia, hoặc như Đức Giáo Hoàng đại diện cho Giáo Hội, thì cũng vậy, Đức Giê-su đại diện cho Thiên Chúa.

Chúng ta nói “cũng vậy” là vì cả tổng thống lẫn Đức Giáo Hoàng chỉ là những vị đại diện có giới hạn. Các ngài không thể hoàn toàn giống như những thực tại mà các ngài thay mặt cho. Còn Đức Giê-su thì Ngài hoàn toàn ngang hàng với Thiên Chúa. Thánh Phao-lô đã nói về Đức Giê-su: “Thánh Tử là hình ảnh Thiên Chúa vô hình” (Cl 1:15). Do đó, Ngài làm cho Thiên Chúa hiện diện một cách độc đáo và hoàn hảo nhất.

SỰ HIỆN DIỆN CỦA ĐỨC GIÊ-SU

Khi sắp rời trần gian để về cùng Chúa Cha, Đức Giê-su đã nói với môn đệ Ngài: “Thầy sẽ không để anh em mồ côi. Thầy đến cùng anh em” (Ga 14:18). Rồi ngay trong ngày lên trời về cùng Chúa Cha, Ngài đã an ủi họ: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20).

Những lời này của Đức Giê-su là những điều quan trọng nhất Ngài đã nói ra, bởi vì chúng cho thấy một chân lý tuyệt diệu.

Giáo Hội làm cho Đức Giê-su hiện diện

Những lời Đức Giê-su cho chúng ta thấy ngay cả khi Ngài không còn hiện diện bằng thân xác tại trần gian này thì Ngài sẽ hiện diện bằng một cách khác. Bản chất đích thực của sự hiện diện này vẫn còn là một điều mâu nhiệm đối với các môn đệ Ngài cho đến ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống. Sau đó Chúa Thánh Thần xuống trên họ và dẫn dắt họ hiểu hết sự thật (Ga 16:13).

Bằng cách tất cả những gì Đức Giê-su đã nói với họ đều trở nên rõ ràng. Họ bắt đầu hiểu bản chất sự hiện diện mới của Ngài nơi trần gian. Họ bắt đầu thấy rõ Đức Giê-su hiện diện trong và qua các môn đệ Ngài – tức là Giáo Hội (Mt 16:18). Cùng với Đức Giê-su, họ làm thành một thân thể (1

Cr 12:12-27). Hãy nhớ lại sứ điệp gửi cho Phao-lô khi ông trở lại: “Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bớ Ta?” Phao-lô hỏi: “Thưa Ngài, Ngài là ai?” Chúa trả lời: “Ta là Giê-su mà ngươi đang bắt bớ” (Cv 9:4-5).

Điều mặc khải ấy đã giúp Phao-lô ý thức sâu xa rằng Đức Giê-su và các môn đệ Ngài làm thành một thân thể, với Đức Giê-su là đầu (Cl 1:18). Bách hại môn đệ Ngài là bách hại chính Ngài.

Nhưng Đức Giê-su không chỉ hiện diện trong Giáo Hội một cách thụ động đâu.

Đức Giê-su hành động qua Giáo Hội

Vào ngày Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, Đức Giê-su còn đi xa hơn việc hiện diện trong thế giới qua các môn đệ Ngài. Ngài bắt đầu hành động qua họ. Họ trở nên cánh tay, đôi chân, miệng lưỡi và trái tim mới của Ngài. Họ trở thành phương thế để Đức Giê-su đến với mọi người.

Giờ đây các môn đệ của Đức Giê-su bắt đầu hiểu ý nghĩa trọn vẹn những lời Ngài nói: “Ai nghe anh em là nghe Thầy” (Lc 10:16). Đức Giê-su muốn họ hiểu như vậy khi họ đi thi hành lệnh truyền của Ngài để giảng dạy, bởi vì không phải là họ giảng dạy mà chính Đức Giê-su giảng dạy. Không phải là họ chữa lành mà chính Đức Giê-su chữa lành qua họ. Như vậy, thấy người ta ngỡ ngàng sau khi Phê-rô chữa lành một người què, ông liền nói: “Thưa đồng bào Ít-ra-en, sao lại ngạc nhiên về điều đó, sao lại nhìn chúng tôi chằm chằm, như thể chúng tôi đã làm cho người này đi lại được, nhờ quyền năng riêng hay lòng đạo đức của chúng tôi?” (Cv 3:12). Rồi Phê-rô nói rằng chính do quyền năng của Đức Giê-su hoạt động qua các ngài mà người què kia bước đi được (xem Cv 3:16).

Như thế chúng ta đi tới kết luận thứ hai. Bắt đầu từ khi Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, Đức Giê-su không chỉ hiện diện trong thế giới qua Giáo Hội, mà Người còn hành động qua Giáo Hội. Bởi vậy sau này thánh Augustinô có thể nói: “Khi Giáo Hội rửa tội là chính Đức Ki-tô rửa tội.”

Một số hành động được gọi là bí tích

Trải qua thời gian, các môn đệ Đức Giê-su nhận ra rằng một số hành động – như việc xức dầu cho bệnh nhân (Mc 6:13), rửa tội bằng nước (Ga 3:5), và ăn bánh Thánh Thể (1 Cr 11:26) – là những hành động hết sức đặc biệt. Rồi khi họ thực thi những hành động đó thì Đức Giê-su đã hành động trong và qua Giáo Hội một cách hết sức đặc biệt.

Do đó các môn đệ của Đức Giê-su bắt đầu gọi những hành động đầy ý nghĩa ấy bằng một từ đặc biệt: bí tích.

Việc sử dụng từ này đầu tiên gặp thấy trong những tác phẩm của văn hào Tertulianô, một Ki-tô hữu vào thế kỷ thứ ba. Ông so sánh việc rửa tội với bí tích mà người Rô-ma dùng để nhận những người được tuyển mộ vào quân đội Rô-ma. Cũng thế, bí tích rửa tội đem Ki-tô hữu nhập vào thân thể màu nhiệm Đức Ki-tô.

Từ này thật là tuyệt diệu. Tuy nhiên lại bất hạnh vì một số Ki-tô hữu bắt đầu áp dụng từ này một cách bừa bãi vào những hành động ít quan trọng của Giáo Hội. Đã có thời người ta soạn ra một danh sách gồm khoảng ba mươi hành động của Giáo Hội mà người ta gọi là những bí tích.

Nhưng rồi Giáo Hội đã giới hạn lại, chỉ dùng từ ấy cho “bảy bí tích” mà thôi.

Vậy từ bí tích không phải là tiếng chính Đức Giê-su đã sử dụng. Ngay trong Kinh Thánh cũng không gặp từ ấy. Từ Ba Ngôi cũng không có trong Kinh Thánh. Những từ này chỉ dần dần xuất hiện nơi những môn đệ của Đức Giê-su để diễn tả một số thực tại và chân lý quan trọng về đức tin của họ.

GẶP GỠ ĐỨC KI-TÔ

Một người nào đó đã nói: “Bí tích xóa đi thời gian và cho chúng ta được gặp Đức Ki-tô ngay trong thời đại chúng ta, hết như những người trong thời Tin Mừng đã gặp Ngài.”

Qua bí tích, Đức Giê-su tiếp tục nuôi dưỡng chúng ta, tha thứ cho chúng ta, chữa lành chúng ta, tựa như Ngài đã làm cho những người trong thời Tin Mừng. Đức Giê-su tiếp tục đến với dân chúng hôm nay cũng như Ngài đã đến với những người ngày xưa trên các nẻo đường cát bụi xứ Ga-li-lê.

Như Đức Giê-su đã hành động trong thời Tin Mừng qua những hành vi trần thế của thân xác Ngài, thì Ngài cũng hành động trong thời chúng ta qua những hành vi bí tích của thân thể màu nhiệm Ngài là Giáo Hội.

Bí tích còn hơn cả dấu hiệu

Cần minh định tại sao Ki-tô hữu thời xưa lại sử dụng từ bí tích để nói về những hành động đặc biệt này, chứ không dùng từ dấu hiệu hoặc biểu tượng.

Một dấu hiệu chỉ nói lên được một chiều kích. Nó mới nói về chính nó thôi. Thí dụ, một dấu hiệu ngừng chỉ là một hình vẽ ra lệnh mà người ta đồng ý dùng làm phương tiện thông đạt. Chúng ta dùng màu đỏ để thông đạt mệnh lệnh hãy dừng lại. Việc chọn màu đỏ nói lên tính cách nghiêm

ngặt của mệnh lệnh. Tự bản chất chẳng có liên hệ gì giữa màu đỏ với từ hãy dừng lại. Không có gì là tinh tế đối với một dấu hiệu. Nó chỉ về chính nó và nó nói lên ý nghĩa chúng ta muốn nó nói lên thôi.

Bí tích còn hơn cả biểu tượng

Một biểu tượng có hai chiều kích. Biểu tượng chỉ về một điều gì khác ngoài nó ra. Nó còn hơn cả một hình vẽ ra lệnh để dùng thông đạt. Biểu tượng tạo nên một móc nối tự nhiên giữa một vật và ý nghĩa nó nói lên. Một họa sĩ vẽ giọt nước mắt trên khuôn mặt của Đức Giê-su để tượng trưng cho sự buồn đau. Có mối liên hệ tự nhiên giữa giọt nước mắt và sự buồn đau.

Giọt nước mắt chỉ về con người yêu thương đang sau khuôn mặt ấy. Theo nghĩa này, một biểu tượng có hai chiều kích.

Bí tích làm cho Đức Giê-su hiện diện

Một bí tích có ba chiều kích. Bí tích vượt ra ngoài chính nó, đến vô cùng tận và không thể bị giới hạn trong tư tưởng. Một bí tích nói lên sự hiện diện của thực tại nó chỉ về.

Thí dụ, một biểu tượng vẽ trên khuôn mặt Đức Giê-su chỉ diễn tả một con người đầy yêu thương và ưu ái. Nhưng bí tích thì đi xa hơn nhiều. Nó diễn tả sự hiện diện thực sự của con người Đức Giê-su đầy yêu thương và ưu ái. Do đó, nó có ba chiều kích.

Giáo Hội cử hành bảy bí tích

Như đã nói trước đây, từ bí tích đã từng bị sử dụng bừa bãi để nói về nhiều hành động của Giáo Hội. Tuy nhiên dần dần từ ấy đã được dành riêng cho “bảy bí tích.” Các bí tích được sắp thành nhóm như sau:

Bí tích khai tâm (dẫn nhập): Rửa tội, Thêm sức, Thánh Thể

Bí tích chữa lành: Giải tội (Hòa giải), Xức dầu bệnh nhân

Bí tích ơn gọi: Hôn phối, Truyền chức.

Mỗi bí tích đều đem chúng ta đến gặp gỡ Đức Giê-su trong một cách thể đặc biệt và để cho Ngài đi vào cuộc đời chúng ta một cách độc đáo.

Bí tích Rửa tội và Thêm sức đưa chúng ta nhập vào cộng đồng môn đệ Đức Giê-su. Bí tích Thánh Thể đưa tiến trình dẫn nhập tới tột đỉnh và là cuộc gặp gỡ thân mật nhất với Đức Giê-su.

Bí tích Giải tội cử hành việc Đức Giê-su tha thứ cho chúng ta sau khi chúng ta vấp phạm nhưng biết đáp lại lời gọi đến với Chúa và anh chị em. Bí tích Xức dầu bệnh nhân đem lại cho chúng ta quyền năng chữa lành đặc

biệt của Đức Giê-su những khi chúng ta đau yếu nặng.

Bí tích Hôn phối nối kết hai người lại trong sự kết hợp phản ánh sự kết hợp giữa Đức Giê-su và các môn đệ Ngài (Ep 5:28-29). Đó cũng là sự kết hợp giúp xây dựng Giáo Hội. Sau cùng, bí tích Truyền chức tuyển chọn những giám mục, linh mục và phó tế để đặc biệt phục vụ trong cộng đồng môn đệ Đức Giê-su.

Điều này đưa chúng ta tới hai điểm minh định sau đây:

Giáo Hội là bí tích nền tảng

Trước hết Giáo Hội thường được gọi là một bí tích. Giáo Hội có cái tên như vậy vì đó chính là đường lối Đức Giê-su dùng để tiếp tục hiện diện và hoạt động trong thế giới. “Bảy bí tích” chỉ là “bảy phương thức đặc biệt” Đức Giê-su hoạt động qua Giáo Hội hôm nay.

Có lẽ để tránh lẫn lộn nên Giáo Hội được gọi là bí tích “nền tảng” hoặc “căn bản” để phân biệt với bảy bí tích kia.

Điều này đưa chúng ta tới minh định thứ nhì.

Bí tích được định nghĩa nhiều cách

Đôi khi bạn nghe hoặc thấy định nghĩa bí tích là “dấu hiệu bề ngoài được Đức Ki-tô thiết lập để ban ơn sủng.” Định nghĩa này sẽ làm bạn hài lòng nếu được hiểu đúng cách.

Bí tích là những dấu hiệu bề ngoài. Nói khác đi, chúng là những hành động có thể cảm nhận được như việc đổ nước, xúc dầu, hoặc ăn uống.

Bí tích cũng được Đức Ki-tô thiết lập. Tuy nhiên chúng được thiết lập không theo cách một số người lầm tưởng. Đức Giê-su đã không dừng lại sau khi xúc dầu một bệnh nhân để nói: “Những gì Ta vừa mới làm là để thiết lập bí tích Xúc dầu bệnh nhân.”

Nhưng thực ra Đức Giê-su đã dẫn các môn đệ Ngài đến việc dùng những cử chỉ thực tiễn như xúc dầu, đổ nước... để làm cho một thực tại vô hình, thiêng liêng trở nên thấy được, sờ được, cảm nhận được bằng giác quan. Việc Đức Giê-su đã thiết lập bí tích được hiểu theo nghĩa sự hiện diện và năng lực của bí tích thể hiện tại đây và lúc này chính là do Đức Giê-su mà tới.

Có người so sánh việc Đức Giê-su thiết lập bí tích với việc Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ. Chúng ta không biết những chi tiết của việc sắp đặt và tạo vật trong vũ trụ làm sao mà có. Nhưng chúng ta biết chắc mỗi tạo vật đều do Thiên Chúa mà có. Hơn nữa chính Thiên Chúa, tại đây và lúc này, đang tiếp tục cho mỗi tạo vật được hiện hữu. Cũng vậy, bí tích xuất phát và tồn

tại từ cuộc đời và hoạt động của Đức Giê-su.

Sau cùng, bí tích ban ân sủng cho những ai trung thành lãnh nhận. Qua bí tích và qua đức tin cũng như sự cộng tác của người nhận lãnh bí tích, các Ki-tô hữu trung thành được kết hợp chặt chẽ với Đức Ki-tô trong một cách thức độc đáo và trao đổi sức sống.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|---------------------------------------|-----------------------|
| 1. Chúng ta là những tạo vật đặc biệt | Thánh Vịnh 8 |
| 2. Nên một với Đức Giê-su | Công Vụ Tông Đồ 9:1-9 |
| 3. Nguồn sống của chúng ta | Gio-an 15:1-8 |
| 4. Chúng ta cần đến nhau | 1 Cô-rin-tô 12:12-21 |
| 5. “Ngài xúc lên mắt tôi.” | Gio-an 9:1-12 |

THẢO LUẬN

1. Bạn hiểu thế nào về định nghĩa bí tích là dấu hiệu bề ngoài do Đức Ki-tô thiết lập để ban ân sủng?

2. Giáo Hội là một bí tích. Bạn hiểu thế nào? Còn bạn, bạn có phải là một bí tích không? Nếu có thì bạn nói lên được những gì?

CHIA SẺ

- Hãy thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - “Sự hiện diện hữu hình của Đấng Cứu Thế đã chuyển thành bí tích.” (Thánh Giáo Hoàng Lê-ô I)
 - “Chúa Ki-tô hiện diện trong Giáo Hội, nhất là trong hành động phụng vụ.” (CĐ Vatican II)
 - “Như hạt dẻ tuy che khuất nhưng lại nói lên sự hiện diện của một cây dẻ, thì cũng vậy, bí tích che khuất nhưng tỏ lộ sự hiện diện của Đức Ki-tô.” (Vô danh)
- Bạn hãy để ý mặt sau của tờ giấy bạc một Mỹ-kim. Con mắt ở bên trên kim tự tháp là biểu tượng cho Thiên Chúa theo nghĩa nào? Kim tự tháp biểu tượng cho Chúa Ba Ngôi theo nghĩa nào? Con phượng hoàng có ý nghĩa gì? Những mũi tên? Ngành ô-liu? Tại sao bạn nghĩ rằng con phượng hoàng quay mặt về ngành ô-liu hơn là về những mũi tên?
- Tại sao những cử chỉ như bắt tay, ôm hôn hoặc cho quà tặng thường biểu lộ nhiều hơn là lời nói? Hiểu điều này thế nào về những bí tích mà Đức Giê-su ban cho Giáo Hội?
- Bạn muốn lãnh nhận bí tích nào nhất? Tại sao? Hoặc không? Tại

sao?

The Catholic Vision III – 18

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 19

Bí tích Rửa tội

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy hoàn tất hai câu hỏi sau đây:

1. Bí tích Rửa tội đặc biệt đối với tôi, vì...
2. Bí tích Rửa tội phải là một việc cử hành của cộng đoàn, vì...

BÍ TÍCH DẪN NHẬP (KHAI TÂM)

Trong những năm đầu của chương trình không gian, một phi thuyền được phóng vào quỹ đạo theo ba giai đoạn. Mỗi giai đoạn hoàn tất một công việc đặc biệt thuộc tiến trình bay trong quỹ đạo.

Chúng ta có thể sử dụng hình ảnh về thời đại không gian ấy để diễn tả một người trở thành Ki-tô hữu như thế nào. Ba giai đoạn là Bí tích Rửa tội, Thêm sức và Thánh Thể.

Ba giai đoạn này được gọi là Bí tích Dẫn nhập (hoặc Khai tâm). Chúng ta đừng nghĩ đó là ba nghi thức tách biệt, nhưng là một nghi thức với ba giai đoạn.

Cả ba giai đoạn này đều cần thiết để đưa một người vào “quỹ đạo của Chúa Ki-tô,” nếu có thể nói tương tự như vậy.

Giai đoạn thứ nhất là Bí tích Rửa tội

Hãy tưởng tượng bạn được đưa trở lại khoảng năm 300 sau công nguyên. Tình cờ bạn đang ở trong một ngôi nhà lớn tại Rô-ma. Hôm ấy là ngày Thứ Bảy Tuần Thánh. Khoảng một trăm Ki-tô hữu hiện diện.

Đang lúc chờ xem điều gì xảy ra thì bạn thấy có đám bảy người sẽ được gia nhập cộng đoàn Ki-tô đêm nay. Các ứng viên tụ tập chung quanh hồ

nước tại vườn hoa bên cạnh một phòng lớn. Một kỳ lão (linh mục) và hai phó tế đang giúp họ chuẩn bị lãnh nhận Bí tích Dẫn nhập. Một vị giám mục chủ tọa buổi lễ.

Giai đoạn thứ nhất trong nghi thức là Rửa tội. Để khởi sự việc rửa tội, các ứng viên phải hứa từ bỏ Sa-tan và tội lỗi. Tiếp đến, một phó tế dẫn họ qua các bậc đá bước xuống nước. Linh mục hỏi các ứng viên có tin Thiên Chúa là Cha, Con và Thánh Thần không. Trả lời mỗi câu hỏi, ứng viên sẽ thưa: “Tôi tin.” Sau mỗi lần trả lời, ứng viên được rửa tội trong nước. Rồi người ấy được mặc một tấm áo trắng.

Sau khi mọi người đã được rửa tội, họ được dẫn vào một phòng lớn nơi cộng đoàn đang tụ họp chờ đợi giai đoạn thứ hai.

Giai đoạn thứ hai là Bí tích Thêm sức

Giai đoạn Thêm sức bắt đầu với việc giám mục gọi tên từng người mới được rửa tội hãy tiến lên.

Tiếp theo, ngài đặt tay trên họ, cầu nguyện cho họ xứng đáng lãnh nhận Thánh Thần. Rồi ngài xức dầu thánh cho họ, ôm hôn họ và nhận họ vào cộng đoàn Ki-tô hữu.

Giai đoạn thứ ba là Bí tích Thánh Thể

Giai đoạn thứ ba của tiến trình dẫn nhập là Bí tích Thánh Thể. Bí tích Thánh Thể bắt đầu với bài hát và đám rước gồm những người bưng bánh và rượu, đem lên đặt trên một bàn lớn đặt ngay giữa phòng. Tại đó những lễ vật được chuẩn bị cho Phụng vụ Thánh Thể.

Khi mọi sự đã sẵn sàng, giám mục cầu nguyện trên bánh và rượu, giống như Đức Giê-su đã làm trong bữa Tiệc Ly.

Sau hết, linh mục và các phó tế phân chia bánh và rượu (đã trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô) cho toàn thể cộng đoàn, kể cả những người mới nữa.

Khung cảnh này cho thấy Giáo Hội sơ khai đã cử hành Bí tích Dẫn nhập như thế nào. Họ cử hành trong một lễ nghi gồm ba giai đoạn.

Nghi lễ nguyên thủy bị thay đổi

Khi Giáo Hội đã phát triển, giám mục không thể chủ tọa mỗi nghi thức tại từng giáo xứ vào đêm vọng Phục Sinh nữa. Nhưng vì giám mục vẫn muốn đích thân tham dự vào việc dẫn nhập cho từng Ki-tô hữu, nên ngài dành riêng cho mình lễ Thêm sức gồm nghi thức xức dầu cho những người

mới được rửa tội. Ngài làm lễ này tùy tiện vào một ngày nào đó sau lễ Phục Sinh. Do đó, giai đoạn Thêm sức đã bị tách rời khỏi nghi thức Dẫn nhập.

Khi Giáo Hội phát triển hơn nữa thì lại thêm một thay đổi mới. Nhiều thành phần mới để được gia nhập cộng đoàn lại là những trẻ sơ sinh, con cái của những người thuộc cộng đoàn. Do đó đưa tới việc cho các em vào cộng đoàn qua giai đoạn thứ nhất của tiến trình dẫn nhập, nhưng hoãn lại hai giai đoạn sau chờ đến khi em nhỏ tới tuổi khôn.

Nghi lễ nguyên thủy được phục hồi

Tình trạng nói trên kéo dài cho tới thời kỳ mới đây khi Giáo Hội lập lại nghi thức dẫn nhập dành cho các ứng viên trưởng thành, giống như ban đầu. Hiện nay người lớn thường được đưa vào cộng đoàn trong một nghi thức vào đêm vọng Phục Sinh.

Ngày nay, nghi thức này là phương cách để đưa những thành phần mới vào Giáo Hội. Lãnh nhận các Bí tích Rửa tội, Thêm sức và Thánh Thể qua ba lễ nghi riêng rẽ không phải là việc lý tưởng.

Giờ đây chúng ta hãy xem kỹ hơn nghi thức được cử hành như thế nào trong đêm vọng Phục Sinh. (Chú ý: Khi những bí tích này được cử hành riêng biệt thì phụng vụ có hơi khác đi một chút).

GIAI ĐOẠN RỬA TỘI

Nhiều năm trước đây, một nhà nhân chủng học đã đưa ra lý thuyết là những người Nam Mỹ ngày xưa có thể từ quần đảo Nam Dương dùng bè mà tới. Họ chỉ cần để mặc cho dòng nước chảy đem họ đi. Để chứng minh lý thuyết này, ông ta đã đóng một cái bè nhỏ và thả trôi từ Nam Mỹ tới quần đảo Nam-dương. Có điều ngạc nhiên trong câu truyện này là nhà nhân chủng học ấy lại rất sợ nước.

Ai mà chẳng sợ khi phải vượt 4,300 dặm đường biển trên một cái bè nhỏ xíu?

Một biến cố đã xảy tới cho nhà nhân chủng học hồi thế chiến đệ nhị khiến ông ta không còn sợ nước nữa. Một ngày kia đang khi hành quân, chiếc xuồng của ông ta bị mắc cạn giữa sông, gần một thác nước. Khi dòng nước cuốn nhanh ông ta về phía thác thì một ý nghĩ lạ chợt đến trong đầu. Ông nhớ ngay tới cha hoặc mẹ ông đã nghĩ thế nào về cuộc sống mai sau. Cha ông tin có đời sau, còn mẹ ông thì không tin.

Rồi một điều lạ lùng hơn nữa đã tới. Đó là những lời trong kinh Lạy Cha vang lên trong trí ông và ông bắt đầu cầu nguyện. Bỗng ông cảm thấy trong người bùng dậy nguồn sức mạnh và bắt đầu phấn đấu với dòng nước

cuốn. Một phút sau, ông vào tới bờ.

Kinh nghiệm ấy đã thay đổi con người ông. Tại một nơi nào đó giữa dòng sông trắng xóa, con người sợ hãi kia đã chết, để rồi một con người mới và đầy can đảm sinh ra. Đối với ông, nước là căn nguyên của sự chết thì cũng là căn nguyên của sự sống.

Kinh nghiệm quý giá trên đây là một thí dụ hùng hồn về những gì xảy ra cho một người trong nước rửa tội. Con người ấy đã tái sinh.

Bí tích Rửa tội liên hệ đến sự chết và sống lại

Khởi đầu Cựu Ước, Kinh Thánh diễn tả nước như một tác viên gây nên sự chết và sự sinh sản.

Thí dụ, trong sách Sáng Thế, một cơn lụt đã tiêu hủy loài người trên mặt đất ngoại trừ gia đình Nô-ê. Nước lụt là tác viên làm chết đi một thế giới cũ thuộc tội lỗi và tác viên làm sinh ra một thế giới mới thuộc ân sủng.

Trong sách Xuất Hành, dân Ít-ra-en đi qua Biển Đỏ được bình an. Nước Biển Đỏ là tác viên giết đi đời sống cũ nô lệ cho Ai-cập và tác viên sinh ra đời sống mới của Dân được Thiên Chúa tuyển chọn.

Kinh Thánh Tân Ước tiếp nối chủ đề này. Thí dụ, phép rửa của Gio-an tại sông Giô-đan là tác viên làm chết đi đời sống cũ của tội lỗi và tác viên nảy sinh sự sống mới của thống hối.

Những điều này cho thấy tại sao Ki-tô hữu sơ khai đã coi giếng rửa tội như ngôi mồ tại đó người ta chôn táng đi đời sống cũ tội lỗi và như ngôi mồ từ đó người ta được sinh lại trong sự sống mới của Chúa Ki-tô. Thánh Phao-lô đã diễn tả hình ảnh ngôi mồ như sau:

“Anh em đã cùng được mai táng với Đức Ki-tô khi chịu phép rửa, thì cũng được chỗi dậy với Người” (Cl 2:12).

Bí tích Rửa tội liên hệ với cộng đồng

Đức Ki-tô, trong Ngài chúng ta sống, là nhiệm thể của Đức Ki-tô Phục Sinh, tức là Giáo Hội. Vì Bí tích Rửa tội làm cho chúng ta thành chi thể của nhiệm thể Chúa Ki-tô, nên nó liên hệ với toàn thể cộng đồng. Thi sĩ John Donne diễn tả chiều kích cộng đồng của Bí tích Rửa tội như sau:

“Khi Giáo Hội rửa tội một em nhỏ thì hành động đó cũng quan hệ tới tôi nữa, vì từ nay em được tháp nhập vào cùng một thân thể mà tôi đang là một chi thể.”

Nhưng Bí tích Rửa tội có một chiều kích cộng đồng khác nữa. Chúng ta dùng một thí dụ để làm sáng tỏ. Thí dụ gia đình bạn đã cam kết sẽ lên mặt trăng theo một đoàn người tiên phong thám hiểm trên đó. Cam kết ấy sẽ

thay đổi cuộc sống của bạn không thể tả được.

Cũng vậy, sự cam kết khi được rửa tội sẽ thay đổi đời bạn rất nhiều. Giống như chúng ta không thể nào sống lẻ loi trên mặt trăng, chúng ta cũng sẽ không bao giờ có thể sống đời Ki-tô hữu một mình. Chúng ta cần sự nâng đỡ và hỗ trợ của một cộng đoàn.

Khi đón nhận một Ki-tô hữu mới, Giáo Hội ý thức sự thay đổi sâu xa đã được đem vào đời sống của Ki-tô hữu này. Do đó Giáo Hội hứa sẽ nâng đỡ và hỗ trợ những phần tử mới trong một môi trường đức tin cần phải có để lớn lên và trưởng thành trong cuộc hành trình trước mặt.

PHỤNG VỤ CỬ HÀNH BÍ TÍCH RỬA TỘI

Việc cử hành Bí tích Rửa tội được làm trong Thánh lễ Vọng Phục Sinh, ngay sau phần Phụng vụ Lời Chúa. Để trình bày đơn giản, chúng ta có thể chia việc cử hành ra làm bốn giai đoạn như sau:

Giới thiệu ứng viên

Việc cử hành khởi sự với việc gọi các ứng viên tiến lên và giới thiệu họ với cộng đoàn. Giây phút thiêng liêng này khiến chúng ta nhớ đến việc Chúa gọi Giê-rê-mi-a làm ngôn sứ cho Ngài. Chúa phán:

“Trước khi cho ngươi thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hóa ngươi, Ta đặt ngươi làm ngôn sứ cho chư dân” (Gr 1:5).

Thiên Chúa đã kêu gọi Giê-rê-mi-a thế nào, Ngài cũng gọi mỗi người chúng ta như vậy. Chúng ta cử hành chính lời mời gọi mẫu nhiệm này trong lúc mở đầu phụng vụ Bí tích Rửa tội.

Sau lời kêu gọi và giới thiệu là mời gọi cộng đoàn hãy cầu nguyện cho các ứng viên. Cộng đoàn đáp lại qua việc đọc Kinh cầu Các Thánh. Đây là một kinh nguyện rất hay, đưa chúng ta trở lại những ngày đầu tiên của Ki-tô giáo. Kinh cầu kết thúc bằng việc xin Chúa “ban sự sống mới cho những người được chọn” để lãnh nhận Bí tích Rửa tội.

Làm phép Nước rửa tội

Sau Kinh cầu Các Thánh, chủ tế làm phép nước để dùng rửa tội cho các ứng viên. Khi làm phép nước, ngài nhắc lại vai trò của nước là làm tác viên sự chết và sự sống qua những cách Thiên Chúa đối xử với dân Ngài.

Chủ tế kết thúc làm phép nước khi xin Thiên Chúa Cha “sai Thánh Thần xuống trên giếng nước này, để khi mọi người nhờ Bí tích Rửa tội đã

được an táng cùng Chúa Ki-tô hầu chết cho tội, thì cũng được phục sinh cùng với Ngài trong sự sống.”

Ứng viên tuyên xưng đức tin

Sau khi làm phép nước, chủ tế mời gọi các ứng viên hãy tuyên xưng đức tin Công giáo. Việc long trọng tuyên xưng này có hai phần: từ bỏ tội lỗi và tuyên xưng đức tin.

Từ bỏ tội lỗi đòi buộc ứng viên phải “từ bỏ sự quyền rũ của tội lỗi, kéo tội lỗi chế ngự” và phải “từ bỏ ma quỷ là đầu mối tội lỗi.”

Tuyên xưng đức tin đòi ứng viên phải nói lên lòng tin của họ vào Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần.

Giờ đây đến giây phút linh thiêng nhất của nghi thức.

Các ứng viên được rửa tội

Mỗi ứng viên tiến đến bên giếng rửa tội. Chủ tế đổ nước trên từng người ba lần trong khi đọc: “Tôi rửa (ông/bà/anh/chị/con) nhân danh Cha (đổ nước lần thứ nhất), và Con (đổ nước lần thứ hai), và Thánh Thần” (đổ nước lần thứ ba).

Rồi cha mẹ đỡ đầu mặc cho người mới được rửa tội một chiếc áo rửa tội màu trắng đang khi chủ tế nói: “Con hãy nhận lấy chiếc áo này và giữ nó tinh tuyền cho tới ngày Đức Giê-su Ki-tô lại đến phán xét, để con được sống đời đời.”

Chiếc áo rửa tội tượng trưng cho việc người mới được rửa tội giờ đây mặc lấy Chúa Ki-tô. Thánh Phao-lô viết: “Bất cứ ai trong anh em được thánh tẩy để thuộc về Đức Ki-tô, đều mặc lấy Đức Ki-tô” (Gl 3:27).

Bí tích Rửa tội kết thúc với việc các cha mẹ đỡ đầu thấp lún cây nến rửa tội từ lửa nến Phục Sinh (tượng trưng cho Chúa Ki-tô) và trao cho người mới được rửa tội. Đang khi đó, chủ tế đọc:

“Con đã được Chúa Ki-tô chiếu sáng. Giờ đây con hãy bước đi như con cái sự sáng và giữ cho ngọn lửa đức tin của con cháy sáng trong tâm hồn. Khi Chúa đến, con được ra nghênh đón Ngài cùng với các thánh trên trời.”

NHỮNG HÌNH ẢNH VỀ ĐỨC KI-TÔ

Một đoạn huấn dụ viết vào thẻ kỷ thứ ba cho các Ki-tô hữu mới được rửa tội cho chúng ta một kết luận thích đáng cho bài học về Bí tích Rửa tội:

“Anh chị em đã được dẫn xuống giếng rửa tội tựa như Chúa Ki-tô đã

được đem xuống khỏi thập giá và đặt trong mồ... Anh chị em được chìm xuống nước và ba lần chỗi dậy khỏi nước. Điều này tượng trưng ba ngày ba đêm Chúa Ki-tô đã ở trong mồ.

“Như Chúa Cứu Thế đã ở trong lòng đất ba ngày ba đêm thể nào, cũng vậy, anh chị em chỗi dậy khỏi nước lần thứ nhất biểu tượng cho đêm thứ nhất...”

“Ban đêm người ta không nhìn thấy được, nhưng ban ngày họ bước đi trong sự sáng. Vậy khi anh chị em được chìm xuống nước cũng giống như ban đêm anh chị em không thể nhìn thấy.

“Nhưng khi anh chị em chỗi dậy, cũng giống như bước ra ngoài ánh sáng ban ngày. Chính trong lúc chết đi là lúc anh chị em tái sinh. Nước cứu rỗi vừa là ngôi mồ vừa là mẹ sinh ra anh chị em” (Giáo lý Giê-ru-sa-lem).

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|---------------------------------|-----------------------|
| 1. Na-a-man được lành sạch | 2 Vua 5 |
| 2. Hãy chịu phép rửa | Gio-an 3:1-8 |
| 3. Được rửa tội trong Đức Ki-tô | Rô-ma 6:3- |
| 11 | |
| 4. Hãy mặc lấy Đức Ki-tô | Ê-phê-xô 2:1-17 |
| 5. Phi-líp-phê rửa tội | Công vụ Tông Đồ 8:26- |
| 40 | |

THẢO LUẬN

1. Những diễn tả Kinh Thánh về nước nói với bạn về vai trò của nước như thế nào?
2. Bí tích Rửa tội cần được cử hành trong khung cảnh cộng đoàn. Vậy bạn mong muốn cộng đoàn làm gì cho bạn và ngược lại?

CHIA SẺ

1. Hãy thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - * “Trong Bí tích Rửa tội, hương đi được đặt ra chứ không phải đích tới được đặt ra.” (Frederich Rest)
 - * “Một cử chỉ khi cử hành Bí tích Rửa tội tại Ấn-độ là ứng viên đặt bàn tay lên đầu của mình và nói: ‘Khốn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!’” (E. Paul Hovey)
2. Truyện ngắn “The River” của Flannery O’Connor viết có một đoạn thật hay kể lại việc rửa tội cho chàng thanh niên Bevel tại một dòng sông.

Rửa tội xong, vị mục sư nói với anh ta: “Bây giờ anh mới là đáng kể. Trước kia thì không.” Bí tích Rửa tội làm cho bạn “đáng kể” theo nghĩa nào?

3. Một người kia hỏi một em nhỏ: “Ai làm ra em?” Đức nhỏ suy nghĩ một chút rồi trả lời: “Thiên Chúa làm ra em một phần.” Người kia hỏi lại: “Chỉ một phần thôi à? Em muốn nói thế nào?” Đức nhỏ trả lời: “Chúa làm ra em nhỏ thôi. Còn bao nhiêu chính em phải làm.” Bí tích Rửa tội làm sao giống như vậy?

4. Một người kia nói: “Khi bạn được rửa tội xong, đừng có lãng vãng bên dòng sông ấy quá lâu.” Người ấy muốn nói gì?

5. Đối với một người lớn vừa được rửa tội, bạn sẽ cho họ lời khuyên gì? Tại sao bạn khuyên như vậy?

The Catholic Vision III – 19

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 20

Bí tích Thêm sức

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy hoàn tất hai câu hỏi sau đây:

1. Một cách để tôi làm chứng cho đức tin trong đời sống hằng ngày là...
2. Một cách để tôi cố gắng mở rộng Nước Chúa là...

MỜI GỌI LÀM CHỨNG NHÂN

“Độc-Nha” là tên một ông già ở New Guinea, nhưng ông ta là một Kitô hữu tân tông. Có cái tên độc đáo ấy bởi vì ông già chỉ còn một cái răng duy nhất ở hàm trên. Mỗi ngày ông già Độc-Nha bỏ ra một ít thời giờ để đọc sách Tin Mừng cho những người đến xin chữa bệnh tại phòng đợi của bệnh viện truyền giáo ở địa phương.

Một ngày kia, Độc-Nha không đọc nổi nữa. Ông đến gặp bác sĩ của bệnh viện. Bác sĩ khám mắt ông và báo cho ông một tin buồn: ông sắp bị

mù.

Ngày hôm sau Độc-Nha không có mặt tại bệnh viện. Ngày sau đó cũng chẳng thấy ông đâu. Khi bác sĩ biết Độc-Nha đã đi đến một chỗ hẻo lánh tại hòn đảo, liền tới đó gặp ông già. Độc-Nha giải thích tại sao ông làm như vậy:

“Từ khi bác sĩ bảo tôi sắp mù, tôi đã đọc và học thuộc lòng những phần quan trọng nhất của sách Tin Mừng. Tôi đã thuộc lòng đoạn thuật Chúa Giê-su giảng sinh, những phép lạ và dụ ngôn quan trọng, sự chết và sống lại của Ngài. Tôi đã lập đi lập lại nhiều lần để chắc chắn là mình đã thuộc nằm lòng. Bác sĩ ạ, chẳng bao lâu nữa tôi sẽ trở lại nhà thương mà ông, để kể cho bệnh nhân nghe về Chúa Giê-su!”

Câu truyện trên rất thích hợp để dẫn vào bài học về Bí tích Thêm sức. Thêm sức theo sau Rửa tội và là giai đoạn thứ hai trong Nghi thức Dẫn nhập để giúp một người trở thành Ki-tô hữu.

Trước khi Đức Giê-su về cùng Chúa Cha, Ngài đã dạy các Tông đồ hãy ở lại Giê-ru-sa-lem:

“Anh em hãy ở lại mà chờ đợi điều Chúa Cha đã hứa, ‘điều mà anh em đã nghe Thầy nói tới, đó là: ông Gio-an thì làm phép rửa bằng nước, còn anh em thì trong ít ngày nữa sẽ chịu phép rửa trong Thánh Thần’... Anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em. Bấy giờ anh em sẽ là chứng nhân của Thầy... cho đến tận cùng trái đất” (Cv 1:4-5.8).

Những lời này lập lại những gì Đức Giê-su đã hứa với các môn đệ trước kia:

“Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi... Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em” (Ga 14:16.26).

Lời hứa này đã được thực hiện trong ngày trong ngày Hiện Xuống. Vào lúc ấy các môn đệ đang tụ họp trong một căn nhà tại Giê-ru-sa-lem.

“Bỗng từ trời phát ra một tiếng động, như tiếng gió mạnh ủa vào đầy cả căn nhà, nơi họ đang tụ họp. Rồi họ thấy xuất hiện những hình lưỡi giống như lưỡi lửa tản ra đậu xuống từng người một. Và ai nấy đều được tràn đầy ơn Thánh Thần” (Cv 2:2-4).

Sau khi Thánh Thần đến, các Tông đồ đã ra khỏi nhà để nói với đám dân chúng đang tụ họp ở đây. Dân chúng đã nghe tiếng động, nhưng không biết đó là gì. Phê-rô giải thích mọi sự. Ông nói rằng đó là điều Thiên Chúa đã hứa qua ngôn sứ Giô-en. Ông nói: “Thiên Chúa phán: Trong những ngày cuối cùng, Ta sẽ đổ Thần Khí Ta trên hết thảy người phàm” (Cv 2:17).

Rồi Phê-rô nói thêm: “Thưa đồng bào Ít-ra-en, xin nghe những lời sau

đây: ...Anh em đã dùng bàn tay kẻ dữ đóng đinh Người (Đức Giê-su) vào thập giá mà giết đi. Nhưng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại, giải thoát Người khỏi những đau khổ của cái chết... Đức Giê-su mà anh em đã treo trên thập giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Ki-tô” (Cv 2:22-24.36).

Nghe những lời ấy, họ đã cảm động sâu xa và hỏi: “Vậy chúng tôi phải làm gì?” Phê-rô trả lời:

“Anh em hãy sám hối, và mỗi người hãy chịu phép rửa nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, để được ơn tha tội; và anh em sẽ nhận được ân huệ là Thánh Thần” (Cv 2:38).

Dân chúng hăng say đáp lại lời giảng của Phê-rô. “Hôm ấy có thêm khoảng ba ngàn người theo đạo” (Cv 2:41).

Chúng ta lãnh nhận Thánh Thần

Chính trong bối cảnh ấy, chúng ta sẽ suy nghĩ về Bí tích Thêm sức. Qua bí tích này chúng ta lãnh nhận việc đổ xuống ơn Thánh Thần, y như các Tông đồ và những người khác đã được trong ngày Hiện Xuống. Mục đích của việc lãnh nhận này là để ban cho chúng ta những gì đã được ban cho các Ki-tô hữu tiên khởi, đó là sai chúng ta đi và cho chúng ta được vững mạnh để đóng một vai trò tích cực hoạt động trong công cuộc của Giáo Hội, nhất là:

- * để làm chứng cho đức tin, và
- * để làm cho Nước Chúa được mở mang.

PHỤNG VỤ BÍ TÍCH THÊM SỨC

Trong đêm Vọng Phục Sinh, Bí tích Thêm sức được cử hành ngay sau Bí tích Rửa tội. Phụng vụ Bí tích Thêm sức có ba phần:

- * gọi tên các ứng viên
- * đặt tay trên các ứng viên
- * xức dầu các ứng viên.

Chúng ta hãy xét kỹ hơn về ba phần này.

Các ứng viên được gọi hãy tiến lên

Bí tích khởi đầu với việc gọi các ứng viên cùng cha mẹ đỡ đầu hay người bảo trợ tiến lên. Khi họ đã đứng trước mặt cộng đoàn Ki-tô hữu, chủ tế nói với họ:

“Được tái sinh nhờ Đức Ki-tô trong Bí tích Rửa tội, anh chị em trở nên

chi thể của Đức Ki-tô và của dân tư tế Người. Giờ đây anh chị em sắp được thông phần lãnh nhận ơn thánh tuôn tràn của Chúa Thánh Thần...

“Sức mạnh được hứa ban của Chúa Thánh Thần mà anh chị em sắp lãnh nhận sẽ tăng sức cho anh chị em để anh chị em trở thành một phần tử sống động của Hội Thánh và để anh chị em xây đắp Nhiệm Thể Chúa Ki-tô trong đức tin và tình thương mến.”

Tiếp đến, chủ tế mời cộng đoàn cùng với ngài yên lặng cầu nguyện cho các ứng viên.

Sau khi yên lặng cầu nguyện, chủ tế chuẩn bị cho phần thứ hai của phụng vụ.

Đặt tay trên các ứng viên

Cử chỉ đặt tay đã có từ thời Kinh Thánh. Đó là cách một người được trao phó thi hành một sứ vụ đặc biệt đối với cộng đồng. Thiên Chúa phán với Mô-sê:

“Người hãy đem theo Giô-suê, con của Nun, là người có thần khí nơi mình, và người sẽ đặt tay trên nó... Người sẽ chia cho nó một phần uy quyền của người, để toàn thể cộng đồng con cái Ít-ra-en nghe lời nó...”

“Ông Mô-sê đã làm như Đức Chúa truyền cho ông: Ông đã đem theo Giô-suê và cho ông này đứng trước mặt tư tế E-la-da và trước mặt toàn thể cộng đồng. Ông đặt tay trên ông Giô-suê và ra lệnh cho ông ấy như Đức Chúa đã dùng ông Mô-sê mà phán” (Ds 27:18.20.22-23).

Cũng vậy, cộng đồng Ki-tô hữu tiên khởi đã ủy nhiệm cho các phó tế một sứ vụ đặc biệt. Sách Công Vụ Tông Đồ viết: “Họ đưa các ông ra trước mặt các Tông Đồ. Sau khi cầu nguyện, các Tông Đồ đặt tay trên các ông” (Cv 6:6).

Cộng đồng Ki-tô hữu tiên khởi cũng thường dùng cử chỉ đặt tay để thông ban Thánh Thần. Sách Công Vụ Tông Đồ viết:

“Các Tông Đồ ở Giê-ru-sa-lem nghe biết dân miền Sa-ma-ri đã đón nhận lời Thiên Chúa, thì cử ông Phê-rô và ông Gio-an đến với họ. Khi đến nơi, hai ông cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Thánh Thần. Vì Thánh Thần chưa ngự xuống một ai trong nhóm họ: họ mới chỉ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su. Bấy giờ hai ông đặt tay trên họ, và họ nhận được Thánh Thần” (Cv 8:14-17).

Dựa trên căn bản Kinh Thánh nên chúng ta có việc đặt tay trên các ứng viên.

“Xin hãy sai Thánh Thần xuống trên họ”

Giang tay trên các ứng viên, chủ tế cầu nguyện:

“Lạy Thiên Chúa toàn năng là Cha Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng con, bởi nước và Chúa Thánh Thần, Chúa đã giải thoát những người con của Chúa khỏi tội lỗi và ban cho họ được sự sống mới. Xin Chúa sai Thánh Thần của Chúa ngự xuống trên họ, để Người sẽ giúp đỡ và hướng dẫn họ. Xin ban cho họ được tràn trề khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và can đảm, thần trí hiểu biết và kính sợ. Xin đổ tràn trong tâm hồn họ ơn biết kính sợ Chúa. Chúng con nguyện xin, nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con.”

Cử chỉ đặt tay chuẩn bị cho phần thứ ba của phụng vụ Thêm sức.

Ứng viên được xúc dầu

Nghi thức xúc dầu cho một người đã có từ thời bắt đầu có Kinh Thánh. Thiên Chúa phán với Mô-sê:

“Đây là những việc người sẽ thực hiện để thánh hiến họ làm tư tế phục vụ Ta... Người sẽ lấy các phẩm phục mặc cho A-ha-ron... Người sẽ lấy mũ tế đội lên đầu ông... Người sẽ lấy dầu tấn phong mà đổ trên đầu A-ha-ron và xúc dầu cho ông... Chức tư tế sẽ thuộc về họ, đó là điều luật vĩnh viễn. Và người sẽ làm lễ tấn phong A-ha-ron và các con ông” (Xh 29:1.5-7.9).

Khi Đa-vít, con của Gie-sê, xuất hiện thì Chúa nói với Sa-mu-en:

“Đứng dậy, xúc dầu tấn phong nó đi! Chính nó đó!” Ông Sa-mu-en cầm lấy sừng dầu và xúc cho cậu, ở giữa các anh của cậu. Thần khí Đức Chúa nhập vào Đa-vít từ ngày đó trở đi. Ông Sa-mu-en đứng dậy và đi Rama” (1 Sm 16:12-13).

Sau hết, Kinh Thánh Cựu Ước nói về các ngôn sứ như là những người “được xúc dầu.” Thiên Chúa phán cùng Ê-li-a: “Ê-li-sa con Sa-phát, người A-vên Mơ-khô-la, người sẽ xúc dầu tấn phong nó làm ngôn sứ thay cho người” (1 V 19:16).

Tóm lại, nghi thức xúc dầu đã được thực hành trong thời Kinh Thánh để phong một người làm ngôn sứ, làm tư tế và làm vua.

Dựa trên căn bản Kinh Thánh ấy, chúng ta có việc xúc dầu cho những ứng viên Bí tích Thêm sức.

“Hãy nhận lấy ấn tín ơn Chúa Thánh Thần”

Nghi thức xúc dầu bắt đầu với việc các cha mẹ đỡ đầu hoặc người bảo trợ đặt tay phải trên vai ứng viên. Khi chủ tế đến gần ứng viên, họ xưng tên của ứng viên.

Chủ tế tẩm dầu thánh (dầu ô-liu pha thuốc thơm) vào ngón cái bàn tay phải, đọc tên ứng viên rồi xúc dầu trên trán ứng viên đang khi ngài nói:

“Hãy nhận lấy ấn tin ơn Chúa Thánh Thần.”

Truyền thống Ki-tô giáo coi việc xúc dầu như là cách chia sẻ với tân tòng những sứ vụ của Chúa Ki-tô là ngôn sứ, tư tế và vua.

Chia sẻ sứ vụ ngôn sứ của Chúa Ki-tô nghĩa là lãnh nhận trách nhiệm chia sẻ Tin Mừng với người khác.

Chia sẻ sứ vụ tư tế của Chúa Ki-tô nghĩa là lãnh nhận quyền tự hiến với Chúa Ki-tô để dâng lên Chúa Cha mỗi lần cử hành Thánh Thể.

Chia sẻ sứ vụ vua của Chúa Ki-tô nghĩa là tham gia vào cộng đồng đức tin để xây dựng vương quốc của Thiên Chúa trên mặt đất này.

Từ nay trở đi tân tòng sẽ được gọi là Ki-tô hữu (“những người được xúc dầu”). Suy niệm về địa vị của “những người được xúc dầu,” Phê-rô nói với họ:

“Còn anh em, anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công của Người, Đấng đã gọi anh em ra khỏi miền u tối, vào nơi đầy ánh sáng diệu huyền” (1 Pr 2:9).

Phụng vụ Bí tích Thêm sức kết thúc với việc các giáo dân mới này được cộng đoàn đón nhận và họ được gia nhập cộng đoàn.

Mọi người lập lại lời hứa Rửa tội

Giờ đây tới giây phút cảm động khi mọi người trong cộng đoàn đứng dậy, tay cầm nến sáng, lập lại lời hứa Rửa tội. Chủ tế hỏi cộng đoàn ba câu hỏi:

“Anh chị em có tin kính Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất không?

“Anh chị em có tin kính Đức Giê-su Ki-tô, Con Một Thiên Chúa, Chúa chúng ta, sinh bởi Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, đã chịu khổ hình và mai táng, đã sống lại từ cõi chết và đang ngự bên hữu Chúa Cha không?

“Anh chị em có tin kính Đức Chúa Thánh Thần, tin Hội Thánh Công giáo, tin các thánh cùng thông công, tin phép tha tội, tin xác sống lại và sự sống vĩnh cửu không?”

Giai đoạn thứ ba của Nghi thức Dẫn nhập giờ đây bắt đầu. Những đại diện tân tòng mang lễ vật là bánh và rượu dâng lên. Đây là giây phút đáng ghi nhớ.

BÀN TIỆC THÁNH THỂ

Một nghệ sĩ họa kiểu cửa ra vào rất đặc biệt cho một nhà thờ tại Cologne bên Đức. Ông chia cửa thành bốn cánh, mỗi cánh có một biểu

tượng nói về một biến cố trong Tin Mừng.

Cánh thứ nhất có vẽ sáu chum nước, biểu tượng phép lạ Ca-na, nơi Đức Giê-su biến nước thành rượu. Cánh thứ hai là năm chiếc bánh và hai con cá, biểu tượng phép lạ tại Ca-phác-na-um, nơi Đức Giê-su khiến bánh và cá hóa nhiều để nuôi dân chúng. Cánh thứ ba vẽ mười ba người chung quanh một cái bàn, biểu tượng Bữa Tiệc ly. Cánh thứ bốn vẽ ba người chung quanh một cái bàn, biểu tượng bữa ăn tại Em-mau vào tối Phục Sinh.

Cửa do nghệ sĩ họa kiểu thực là một tổng hợp tuyệt hảo Kinh Thánh nói về Thánh Thể, hoặc Bữa Tiệc của Chúa. Nó nói lên Thánh Thể khởi sự từ Ca-na, hình ảnh báo trước về Thánh Thể (Ga 2:6-9), tới Ca-phác-na-um, nơi Thánh Thể được hứa ban (Ga 6:8-11.24-27), đến Giê-ru-sa-lem, nơi Thánh Thể được cử hành (Mc 14:22), cuối cùng tới Em-mau, nơi Thánh Thể được cử hành lần đầu tiên sau Phục Sinh (Lc 24:30).

Trong hai bài tới, chúng tôi sẽ nói nhiều hơn về Thánh Thể, bí tích vĩ đại nhất trong các bí tích.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|----------------------------------|------------------------|
| 1. Thung lũng đầy xương khô | Ê-dê-ki-en 37 |
| 2. Thánh Thần ngự đến | Công vụ Tông đồ 8:4-25 |
| 3. Một Thánh Thần, nhiều ân sủng | 1 Cô-rin-tô 12:1-11 |
| 4. Một thân thể, nhiều chi thể | 1 Cô-rin-tô 12:12-27 |
| 5. Được Thánh Thần dạy dỗ | 1 Cô-rin-tô 2:7-16 |

THẢO LUẬN

1. Bí tích Rửa tội, Thêm sức và Thánh Thể liên hệ với nhau như thế nào?
2. Trong thời Kinh Thánh, việc đặt tay trên một người biểu tượng điều gì?

CHIA SẺ

1. Hãy thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - * “Có người chết vì bom đạn, có kẻ chết do lửa hỏa hào. Nhưng hầu hết là chết dần chết mòn khi đắm mình vào cuộc chơi.” (vô danh)
 - * “Những ai xây dựng chỉ bên dưới những vì sao, thì đúng là còn xây thấp quá.” (Edward Young)
 - * “Bạn nhìn thấy những gì đang có và hỏi ‘Tại sao?’ Còn tôi thì mơ những gì không bao giờ có và hỏi ‘Tại sao lại không?’” (George Bernard

Shaw)

2. Khoảng đầu thập niên 1900, Ernest Shackleton, nhà thám hiểm Nam cực, đã cho đăng quảng cáo sau đây trên tờ Luân-đôn Thời Luận, không có hình ảnh, tuyên truyền hay phiếu thẻ gì cả. Thế mà có không biết bao nhiêu người khắp nước Anh đã nộp đơn. “Cần đàn ông cho một chuyến đi mạo hiểm. Lương ít, rất lạnh lẽo, nhiều tháng trời trong tối đen, luôn gặp nguy hiểm, không bảo đảm trở về bình yên vô sự. Nếu thành công sẽ vinh dự và được tri ân.” Tại sao những người này nay lại sẵn sàng hoặc không sẵn sàng để thách đố như những người ngày xưa?

3. Nếu bạn có tài chánh vững chắc và có thể dành tất cả thời giờ còn lại để làm bất cứ gì bạn muốn làm cho Chúa Ki-tô, thì bạn sẽ làm gì và tại sao bạn làm như vậy?

The Catholic Vision III – 20

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 21

Phụng vụ Lời Chúa

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu hỏi sau đây:

1. Lần đầu tiên tham dự một Thánh lễ Công giáo, phản ứng của tôi là...
2. Một câu hỏi tôi có về Thánh lễ là...

THÁNH LỄ

Ông Henry David Thoreau là một nhà khảo cứu thiên nhiên người Hoa-kỳ sống hồi thế kỷ 19. Khi mô tả đồ đạc trong căn nhà gỗ của mình, ông nói: “Tôi có ba cái ghế... một cái để cho những phút yên tĩnh, một cái để cho bạn bè và một cái cho xã hội.”

Mô tả của Thoreau cho thấy sự kiện tâm lý quan trọng đối với bộ mặt con người chúng ta. Chúng ta có ba phương diện: phương diện cá nhân

riêng tư, phương diện bạn hữu và phương diện xã hội. Đôi khi chúng ta cần yên tĩnh. Đôi khi chúng ta cần sự nâng đỡ của bạn bè hoặc gia đình. Đôi khi chúng ta cần sự hỗ trợ của cộng đồng rộng lớn hơn.

Những gì là thực đối với bộ mặt tâm lý của chúng ta thì cũng là thực đối với bộ mặt thiêng liêng. Đôi khi chúng ta cần cầu nguyện một mình. Đôi khi chúng ta cần cầu nguyện chung với bạn bè hoặc gia đình. Đôi khi chúng ta cũng cần cầu nguyện cùng với cộng đồng rộng lớn hơn.

Sách Tin Mừng diễn tả Đức Giê-su cầu nguyện trong cả ba khung cảnh ấy. Ngài cầu nguyện một mình ở nơi vắng vẻ (Lc 5:16). Ngài cầu nguyện với bạn bè, đi lên núi với Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an (Lc 9:28). Ngài cũng cầu nguyện với cộng đoàn rộng lớn hơn khi Ngài thường xuyên tới hội đường (Lc 4:16).

Thánh lễ thuộc khung cảnh cầu nguyện thứ ba. Đó là phương thức người Công giáo cầu nguyện cùng với cộng đoàn rộng lớn hơn.

Thánh lễ có hai phần chính

Để biết cấu trúc của Thánh lễ như thế nào, chúng ta cần trở lại thời Đức Giê-su. Khi Đức Giê-su còn sinh thời, có hai nơi thờ phượng tại nước Ít-ra-en: hội đường và Đền Thờ. Việc phụng tự tại hội đường chỉ gồm có cầu nguyện và giảng dạy; còn việc phụng tự tại Đền Thờ gồm có cầu nguyện và dâng hy lễ. Thánh lễ phối hợp cả hai việc phụng tự này.

Phần đầu của Thánh lễ tương ứng với phụng tự tại hội đường và được gọi là Phụng vụ Lời Chúa. Còn phần thứ hai của Thánh lễ tương ứng với phụng tự tại Đền Thờ và được gọi là Phụng vụ Thánh Thể.

Trong bài này, chúng ta chỉ xét đến phần thứ nhất của Thánh lễ, tức Phụng vụ Lời Chúa, gồm có hai phần chính:

- * Nghi thức tụ họp giáo dân, và
- * Nghi thức tuyên đọc Lời Chúa.

TỤ HỌP GIÁO DÂN

Charles Schulz, người đã dựng nên loạt tranh hoạt họa Peanuts đã nói: “Có lẽ tôi là một người đùa cợt qua những cảm nghĩ của mình về cuộc đời, nhưng tôi tin là người ta không thể ‘đi’ nhà thờ, tiếng mà chúng ta vẫn thường nói. Làm sao bạn có thể đi đến một cái gì mà chính bạn đã là một thành phần của nó? Nếu bạn là một Ki-tô hữu thì bạn là chính Giáo Hội.”

Giáo Hội không phải là một ngôi nhà người ta tới đó để thờ phượng; nhưng Giáo Hội là những người tới đó. Giáo Hội không phải là một nơi người ta tụ họp để cử hành Bữa Tiệc ly của Chúa; nhưng Giáo Hội là những

người tụ họp nhau để cử hành.

Từ giáo hội dịch theo chữ Do-thái là qahal. Kinh Thánh dùng từ này để nói về dân Chúa tụ họp tại chân núi Xi-nai hầu chuẩn bị cử hành giao ước của họ với Thiên Chúa. Đó chính là điều chúng ta làm trong Thánh lễ. Chúng ta tụ họp để cử hành giao ước của chúng ta với Thiên Chúa.

Chúng ta trao đổi lời chào mừng

Phụng vụ Lời Chúa khởi đầu với việc cộng đoàn đứng và hát trong khi chủ tế (linh mục) và những người phụ lễ đi vào giữa cộng đoàn.

Trung tâm điểm của đám rước là sách Tin Mừng. Đọc viên cầm sách đưa cao lên cho mọi người thấy được.

Sau khi đoàn rước tới cung thánh, chủ tế bái chào Bàn thờ Chúa và đi về ghế ngồi của mình. Tại đó ngài trao đổi lời chào với giáo dân.

Chúng ta xin ơn tha thứ

Tiếp theo lời chào là nghi thức thống hối, thực thi những lời Đức Giê-su nói trong Bài giảng trên núi. Ngài nói nếu chúng ta tụ họp để thờ phượng mà chúng ta chưa tha thứ cho anh chị em thì chúng ta cần phải hòa giải với họ trước đã. Chỉ lúc đó chúng ta mới nên bắt đầu việc thờ phượng của chúng ta (Mt 5:23-24).

Mục đích của nghi thức thống hối là trao đổi với nhau sự tha thứ và xin Chúa thứ tha tội lỗi chúng ta.

Chúng ta đặt mình trước sự hiện diện của Chúa

Kinh Vinh danh tiếp theo nghi thức thống hối. Thánh ca đã có từ 1500 năm nay nhắc nhở những lời thiên thần báo tin Đức Giê-su giáng sinh: “Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời” (Lc 2:14).

Khi các mục đồng nghe lời loan báo này, họ đã bỏ đoàn vật, ngay đêm ấy vội vã tới trước mặt Hài nhi Giê-su. Kinh Vinh danh mời gọi chúng ta cũng làm như vậy. Chúng ta hãy xếp bỏ mọi lo lắng thế trần lại, để đặt mình trước sự hiện diện của Thiên Chúa.

Chúng ta thân thưa với Chúa

Tiếp đến chủ tế mời gọi chúng ta cùng với ngài cầu nguyện. Ngài dừng lại một chút sau lời mời để chúng ta có thể cầu nguyện ngắn gọn theo cách của mình. Sau đó ngài cầu nguyện nhân danh mọi người, với những lời thí

dụ như sau:

“Lạy Chúa là Cha chúng con, chúng con tụ họp nhau trước bàn thờ Chúa để chia sẻ Lời Chúa và Bàn tiệc Thánh Thể. Xin cho việc chia sẻ những hồng ân trên trời này giúp đỡ chúng con và ban sức mạnh cho chúng con hoạt động cho nước Chúa trị đến...”

Chúng ta thưa “A-men.” Từ Do-thái Amen có nghĩa là “Đúng như vậy.” Đó là cách chúng ta đồng lòng với lời nguyện của chủ tế và lấy lời nguyện ấy làm lời nguyện của chính chúng ta.

Lời “A-men” của cộng đoàn kết thúc nghi thức quy tụ giáo dân và dẫn vào nghi thức tuyên đọc Lời Chúa là tâm điểm của phần Phụng vụ Lời Chúa.

NGHI THỨC TUYÊN ĐỌC LỜI CHÚA

Sách Tin Mừng Lu-ca kể lại một nghi thức tuyên đọc Lời Chúa rất cảm động, xảy ra nơi hội đường. Lu-ca viết:

“(Đức Giê-su) đứng lên đọc Sách Thánh. Họ trao cho Người cuộn sách ngôn sứ I-sai-a. Người mở ra, gấp đoạn chép rằng: ‘Thần khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa.’

“Đức Giê-su cuộn sách lại, trả cho người giúp việc hội đường, rồi ngồi xuống. Ai nấy trong hội đường đều chăm chú nhìn Người. Người bắt đầu nói với họ: ‘Hôm nay đã ứng nghiệm lời Kinh Thánh quý vị vừa nghe.’ Mọi người đều tán thành và thán phục những lời hay ý đẹp thốt ra từ miệng Người” (Lc 4:16-22).

Đoạn Tin Mừng rất đẹp này đã mô tả Đức Giê-su làm hai điều:

- * tuyên đọc Sách Thánh, và
- * đáp lại Lời Chúa.

Đây cũng là điều chúng ta làm trong nghi thức tuyên đọc Lời Chúa.

Chúng ta đọc Kinh Thánh

Kinh Thánh gồm có Kinh Thánh Do-thái (Cựu Ước) và Kinh Thánh Ki-tô (Tân Ước). Kinh Thánh Do-thái dọn đường cho Kinh Thánh Ki-tô.

Thánh Augustinô đã so sánh hai phần Kinh Thánh ấy như sau:

“Trong Cựu Ước ẩn tàng Tân Ước. Trong Tân Ước biểu lộ Cựu Ước.”

Cựu Ước giống như củ hoa uất kim cương. Bên trong cái củ hoa ấy giấu ẩn một bông hoa đẹp. Tân Ước tựa như bông hoa, sau khi đã chồi lên từ củ hoa đó. Nó biểu tỏ những gì đã giấu ẩn bên trong củ hoa.

Kinh Thánh Ki-tô không tiêu hủy Kinh Thánh Do-thái, tựa như sự trưởng thành không tiêu hủy tuổi thơ. Hơn thế nữa, Kinh Thánh Ki-tô còn đưa Kinh Thánh Do-thái tới viên mãn (Mt 5:17). Vì vậy chúng ta mới đọc cả hai phần Kinh Thánh trong Phụng vụ Lời Chúa.

Trước hết chúng ta đọc Kinh Thánh Do-thái

Trừ bảy tuần lễ trong mùa Phục Sinh ra (vì bài đọc thứ nhất của Phụng vụ Lời Chúa đều trích sách Công Vụ Tông Đồ), chúng ta bắt đầu Phụng vụ Lời Chúa với một đoạn trích Kinh Thánh Do-thái nói về lịch sử Dân Thiên Chúa tuyển chọn.

Kinh Thánh Do-thái cũng chính là Kinh Thánh Đức Giê-su đã đọc và suy niệm khi Ngài còn sống tại thế. Lúc chúng ta nghe là chúng ta lắng nghe chính những lời đã làm cho tâm hồn Đức Giê-su cảm động.

Sau khi tuyên đọc bài Kinh Thánh Do-thái xong, chúng ta dừng lại một chút để bài đọc chìm lắng vào tâm hồn. Sau phút yên lặng là hát (hoặc đọc) một Thánh Vịnh. Thánh Vịnh này thường là Thánh Vịnh xướng đáp, bởi vì chúng ta ngắt lại để cùng đọc những câu “đáp”, thí dụ: “Chúa chăn nuôi tôi, tôi chẳng thiếu thốn chi.”

Những Thánh Vịnh diễn tả những chủ đề cốt yếu của Kinh Thánh Do-thái. Thánh Vịnh xướng đáp là hình thức cầu nguyện để kết thúc bài đọc thứ nhất.

Tiếp đến chúng ta đọc Kinh Thánh Ki-tô

Sau hai đoạn Kinh Thánh Do-thái (Bài đọc I và Thánh Vịnh) là hai bài trích Kinh Thánh Ki-tô. Bài trước lấy từ các Thư hoặc từ sách Khải Huyền.

Các Thư ghi lại một số vấn đề của Ki-tô hữu sơ khai gặp khi họ sống Tin Mừng. Còn sách Khải Huyền nói về những bách hại Ki-tô hữu phải chịu vì lòng tin vào Đức Giê-su.

Khi lắng nghe bài đọc đầu trích Kinh Thánh Ki-tô, chúng ta thường ngỡ không hiểu sao những vấn đề của Ki-tô hữu sơ khai lại cũng là những vấn đề của chúng ta ngày nay.

Chúng ta công bố Tin Mừng

Cao điểm của Phụng vụ Lời Chúa là bài đọc thứ nhì trích Kinh Thánh Ki-tô. Bài đọc lấy từ sách Tin Mừng: công bố Tin Mừng Đức Giê-su. Tầm quan trọng của bài đọc này được đề cao qua hai cách:

* chúng ta đứng dậy để lắng nghe, và

* chúng ta giới thiệu bài đọc bằng một bài ca được gọi là Tung hô Tin Mừng.

Tiếp theo bài ca, chủ tế loan báo đoạn trích sách Tin Mừng. Sau đó dừng lại một chút để chúng ta làm dấu Thánh giá trên trán, môi và ngực. Việc làm dấu Thánh giá này đã có từ thời buổi đầu. Khi làm dấu Thánh giá, người Công giáo thầm nguyện: “Xin Lời Chúa ngự trong trí con, trên môi con và trong tâm hồn con, để con luôn biết công bố Lời Chúa bằng lời nói và gương lành.”

Bài đọc Tin Mừng (cũng như các bài đọc khác trong Thánh lễ) thay đổi mỗi Chúa Nhật. Các bài đọc theo một chu kỳ là ba năm. Như thế tất cả các bài đọc quan trọng trong Kinh Thánh sẽ được lặp lại ba năm một lần.

Kinh Thánh Do-thái (bài đọc thứ nhất) được sắp đặt cho phù hợp với bài đọc Tin Mừng. Thí dụ bài đọc Kinh Thánh Do-thái nói về việc Thiên Chúa hứa ban một “mục tử” để chăm sóc dân Ngài. Bài Tin Mừng lấy cùng chủ đề ấy và chọn một đoạn nói về Đức Giê-su xưng mình là “mục tử” được Thiên Chúa hứa ban.

Sự phù hợp giữa các bài đọc nhiều khi khóa nhận thấy và cần giải thích. Ngoài ra cũng không luôn rõ ràng thấy được bài đọc áp dụng thế nào vào đời sống hằng ngày.

Do đó, điểm này đưa chúng ta sang bước tiếp theo của Phụng vụ Lời Chúa, đó là việc chủ tế dẫn giải các bài đọc Sách Thánh.

Chúng ta lắng nghe bài giảng

Mục đích của bài giảng là giải thích các bài đọc và áp dụng chúng vào đời sống. Đây là một công việc khó khăn của người giảng, vì cộng đoàn gồm đủ lớp người khác nhau về tuổi tác lẫn lối sống.

Hơn nữa không phải người giảng nào cũng có biệt tài ăn nói hoạt bát. Bởi thế bài giảng không phải lúc nào cũng thu hút như chúng ta mong muốn.

Nơi đây chúng ta nên nhớ là người giảng cũng là con người và phản ảnh chiều kích nhân loại của Giáo Hội, nhưng đồng thời ngài cũng nói nhân danh Chúa Ki-tô và phản ảnh chiều kích thần linh của Giáo Hội.

Thánh Augustinô đã nghĩ như vậy khi ngài nói: Khi Kinh Thánh được tuyên đọc và giải thích thì đó là Chúa Ki-tô nói với chúng ta.” Những lời của thánh Augustinô gợi lại những gì Đức Giê-su đã nói với các môn đệ Ngài: “Ai nghe anh em là nghe Thầy” (Lc 10:16). Như thế nếu chúng ta lắng nghe bài giảng với tâm hồn rộng mở thì Chúa Ki-tô sẽ nói với chúng ta qua bài giảng ấy theo đường lối ơn sủng của Ngài.

Phụng vụ Lời Chúa kết thúc với việc chúng ta đáp lại Lời Chúa.

Chúng ta tuyên xưng đức tin

Nếu có ai bảo chúng ta hãy tổng hợp tất cả những điều cốt yếu phải tin thuộc đức tin Công giáo trong vòng 60 giây đồng hồ, liệu chúng ta có làm nổi không? Thực ra chúng ta đã làm được điều ấy khi đọc kinh Tin kính. Kinh Tin kính là một định đề cô đọng những gì người Công giáo tin và tuyên xưng. Bởi đó chúng ta đứng khi cùng đọc kinh Tin kính. Kinh Tin kính là những gì mà chúng ta, những người Công giáo, phải “thay mặt” cho.

Về điểm này, có một vấn đề người ta hay đặt ra. Tại sao người Công giáo trong Thánh lễ khi thì đứng, khi thì quỳ hoặc ngồi? Nói chung, chúng ta đứng là để công bố (bài Tin Mừng và kinh Tin kính), ngồi để lắng nghe (các bài đọc khác ngoài bài đọc Tin Mừng) và quỳ để tỏ sự tôn kính (Kính nguyện Thánh Thể).

Chúng ta xin Chúa giúp đỡ

Việc đáp lại cuối cùng của chúng ta đối với Lời Chúa là một loạt những lời cầu xin gọi là Lời nguyện giáo dân.

Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Thầy bảo anh em: anh em cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ cửa thì sẽ mở cho” (Lc 11:9). Đó là những gì chúng ta làm trong Lời nguyện giáo dân. Chúng ta xin Chúa giúp chúng ta:

- * sống Lời Ngài, và
- * biết đối phó với những khó khăn cũng như những nhu cầu mọi

lúc.

Chủ tế kết thúc Lời nguyện giáo dân bằng một lời nguyện, thí dụ:

“Lạy Chúa là Cha chúng con, chúng con vừa lắng nghe Lời Chúa. Xin cho chúng con biết thật tâm yêu mến Lời Chúa, chia sẻ Lời Chúa với anh chị em và đem thực hành trong đời sống chúng con. Chúng con cầu xin, nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con.”

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Việc phụng tự trong Đền Thờ | 1 Vua 8:1-21 |
| 2. Việc phụng tự trong hội đường | Lu-ca 4:14-21 |
| 3. Bài giảng trên núi | Mát-thêu 5:1-14 |
| 4. Bài giảng của Phê-rô tại nhà | Công Vụ Tông Đồ 10:34-43 |
| 5. Bài giảng của Phao-lô tại hội đường | Công Vụ Tông Đồ 13:13- |

THẢO LUẬN

1. So sánh các bài đọc của Thánh lễ Chúa Nhật tới với nhau, bạn thấy chúng phù hợp với nhau như thế nào và nói lên chủ đề gì?
2. Các bài đọc đều quan trọng. Nhưng riêng đối với bạn, bài nào thường dễ lôi cuốn sự chú ý của bạn? Tại sao?

CHIA SẺ

1. Hồi Thế chiến II, một ít giáo dân Pháp xin một linh mục dâng Thánh lễ cho họ tại nhà tù buổi sáng trước giờ hành quyết. Một người lính Đức hỏi những tử tội người Công giáo là nếu anh ta muốn tham dự và rước lễ cùng với họ thì có làm cho họ khó chịu không. Bạn sẽ trả lời lời yêu cầu của anh ta thế nào? Tại sao trả lời vậy?
2. Một văn sĩ Ki-tô giáo thời sơ khai viết: “Bạn lãnh nhận Mình Thánh Chúa một cách hết sức thận trọng... không để một vụn bánh nhỏ rơi xuống đất... Nếu bạn đã cẩn thận như vậy đối với Mình Thánh Chúa, thì tại sao bạn lại nghĩ là không quan trọng gì nếu có bê trễ đối với Lời Chúa?” Quan điểm của ngài thế nào?
3. Đâu là trở ngại bạn gặp khi lắng nghe Lời Chúa và bài giảng trong Thánh lễ? Nếu nói chuyện với một người bạn cũng có cùng một khó khăn như bạn, bạn sẽ khuyên họ thế nào?
4. Phần nào trong Phụng vụ Lời Chúa bạn thấy ý nghĩa nhất? Tại sao? Phần nào ít ý nghĩa nhất? Tại sao?
5. Nếu bạn có thể giảng, bạn sẽ chọn chủ đề nào cho Chúa Nhật tới? Tại sao chọn chủ đề ấy?

The Catholic Vision III – 21

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 22

Phụng vụ Thánh Thể

Trước khi đọc thêm, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu hỏi sau:

1. Một trong những buổi phụng tự đáng nhớ nhất mà tôi đã tham dự là...
2. Điều làm cho đáng nhớ, đó là...

THÁNH THỂ

Cha Walter Ciszek bị bắt tại Nga-sô hồi đệ nhị thế chiến. Ngài bị giam trong tù hai mươi ba năm. Sau khi được thả, ngài viết cuốn sách nhan đề là Người đã dẫn dắt tôi (He Leadeth Me). Ngài mô tả một cộng đoàn tù nhân Công Giáo bé nhỏ thường bí mật tụ họp nhau mỗi khi có thể để cử hành Thánh Thể.

Vào thời đó, người Công Giáo nhịn ăn uống từ sau nửa đêm để được rước lễ ngày hôm sau. Trong những Thánh lễ bí mật này, cộng đoàn thường để dành Mình Thánh lại để đem cho những tù nhân Công Giáo khác không thể tham dự. Cha Ciszek viết: “Đôi khi chúng tôi chỉ gặp được họ khi chúng tôi trở về nhà giam vào buổi tối trước bữa ăn. Thế mà những người này vẫn nhịn đói cả ngày và lao động quần quật không một miếng bỏ bụng từ tối hôm trước, chỉ vì họ muốn được rước Thánh Thể. Vậy mới biết Bí tích Thánh Thể đối với họ quý trọng dường nào.”

Đối với người Công Giáo, không có Bí tích nào quý trọng hơn là Bí tích Thánh Thể.

BỮA TIỆC THÁNH THỂ

Có lẽ cách đơn giản nhất để hiểu Phụng vụ Thánh Thể là hãy nhớ lại thánh sử Lu-ca mô tả Phụng vụ ấy vào bữa Tiệc Ly:

“Khi giờ đã đến, Đức Giê-su vào bàn, và các Tông Đồ cùng vào với Người... Rồi Người cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông và nói: ‘Đây là mình Thầy, hy sinh vì anh em. Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy.’ Và tới tuần rượu cuối bữa ăn, Người cũng làm như vậy và nói: ‘Chén này là giao ước mới, lập bằng máu Thầy, máu đổ ra vì anh em.’” (Lc 22:14,19-20).

Mô tả của thánh Lu-ca cho thấy ba sự kiện quan trọng về Thánh Thể, đó là:

- một bữa ăn tưởng niệm,
- một bữa ăn hiến tế, và
- một bữa ăn giao ước.

Thánh Thể là một bữa ăn tưởng niệm

Khi nói: “Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy,” thì

Chúa Giê-su đã có một ý nghĩ độc đáo và đặc biệt.

Ý niệm tưởng nhớ trong Kinh Thánh mang một ý nghĩa súc tích hơn là ý niệm tưởng nhớ hiện thời. Đối với người Do-thái, tưởng nhớ không chỉ có nghĩa là nhớ lại một biến cố quá khứ. Nhưng tưởng nhớ là đem một biến cố quá khứ đưa vào hiện tại và sống lại biến cố ấy. Thí dụ, khi người Do-thái cử hành (tưởng nhớ) biến cố Vượt qua thì họ tin rằng nhờ đức tin, họ đã đem biến cố ấy về hiện tại và sống lại biến cố đó. Họ tham dự vào biến cố tựa như là đích thân hiện diện trong chính biến cố xảy ra lúc ban đầu.

Chính phương cách tưởng nhớ đặc biệt này Đức Giê-su đã muốn khi Ngài nói với cộng đoàn môn đệ của Ngài: “Anh em hãy làm việc này, mà tưởng nhớ đến Thầy.”

Trong Thánh lễ, chúng ta tưởng nhớ cuộc sống, sự chết và sống lại của Đức Giê-su. Chúng ta tin rằng nhờ đức tin chúng ta đưa những biến cố này vào hiện tại, để chúng ta có thể tham dự vào những biến cố ấy thực sự như các tông đồ đã tham dự trong bữa Tiệc Ly.

Thánh Thể là một bữa ăn hiến tế

Trong bữa Tiệc Ly, Đức Giê-su nói: “Đây là mình Thầy, hy sinh vì anh em” và “Đây là... máu Thầy, máu đổ ra vì anh em.” Cả hai cách nói, “hy sinh vì anh em” và “đổ ra vì anh em” đều ám chỉ về một hy tế. Toàn thể khung cảnh bữa Tiệc Ly mang đặc tính hiến tế và trực tiếp liên hệ với cái chết hy sinh của Đức Giê-su trên thập giá vào ngày hôm sau.

Khi cử hành Thánh Thể, cộng đồng Công Giáo tham dự vào hy tế của Chúa Giê-su dâng lên Thiên Chúa Cha. Thánh Phao-lô làm sáng tỏ điều này khi ngài nói: “Khi ta nâng chén tạ ơn mà cảm tạ Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Ki-tô ư? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao?” (1 Cr 10:16).

Hy tế Thánh lễ không phải là một hy tế mới. Đó là cùng một hy tế Đức Giê-su đã mở đầu tại bữa Tiệc Ly và hoàn tất ngày Thứ Sáu Tuần Thánh. Chúng ta tham dự vào hy tế ấy như các tông đồ đã tham dự trong bữa Tiệc Ly và như các môn đệ Đức Giê-su đã tham dự khi đứng dưới chân thập giá ngày Thứ Sáu Tuần Thánh.

Thánh Thể là một bữa ăn giao ước

Trong bữa Tiệc Ly, Đức Giê-su nói: “Chén này là giao ước mới, lập bằng máu Thầy.” Chúng ta nhận thấy hai điểm ở đây:

Trước hết, những lời của Đức Giê-su nhắc lại giao ước Thiên Chúa đã ký kết với dân Ít-ra-en tại chân núi Si-nai. Giao ước ấy được đóng ấn bằng

máu những con vật được dâng hiến. Nói đến việc “đóng ấn” này, sách Xuất Hành viết: “Ông Mô-sê lấy cuốn sách giao ước đọc cho dân nghe. Họ thưa: ‘Tất cả những gì Đức Chúa đã phán, chúng tôi sẽ thi hành và tuân theo.’ Bấy giờ, ông Mô-sê lấy máu rảy lên dân và nói: ‘Đây là máu giao ước Đức Chúa đã lập với anh em, dựa trên những lời này’” (Xh 24:7-8). Còn giao ước mới thì được “đóng ấn” bằng chính máu của Đức Giê-su.

Thứ đến, những lời của Đức Giê-su “Chén này là giao ước mới” cũng nhắc lại lời Thiên Chúa hứa qua ngôn sứ Giê-rê-mi-a: “Ta sẽ lập với nhà Ít-ra-en và nhà Giu-đa một giao ước mới... Ta sẽ ghi vào lòng dạ chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng Lễ Luật của Ta. Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng, còn chúng sẽ là dân của Ta... Ta sẽ tha thứ tội ác cho chúng và không còn nhớ đến lỗi lầm của chúng nữa” (Gr 31:31-34). Đây là giao ước mới Đức Giê-su đã khai mạc trong bữa Tiệc Ly. Đó cũng là giao ước mới mà chúng ta cử hành trong Thánh lễ. Chúng ta cử hành một thực tại không thể tin được, đó là qua Đức Giê-su, Thiên Chúa đã trở thành Cha chúng ta và chúng ta được trở nên con cái Người.

Chúng ta làm những gì Đức Giê-su đã làm

Trong bữa Tiệc Ly, Đức Giê-su “cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông (tông đồ) và nói: ‘Đây là mình Thầy...’ Tới tuần rượu cuối bữa ăn, Ngài cũng làm như vậy.” Đây cũng chính là những gì chúng ta làm trong Phụng vụ Thánh Thể.

Linh mục, hành động như người đại diện cho toàn thể cộng đoàn, nhận lấy bánh và rượu rồi chuẩn bị dâng lên. Chúng ta gọi đó là phần Tiến lễ.

Tiếp đến, linh mục làm phép bánh và rượu. Chúng ta gọi phần này là Kinh Tạ ơn.

Sau hết, linh mục trao bánh và rượu (giờ đây đã trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô) cho cộng đoàn. Chúng ta gọi phần này là Hiệp lễ.

Những gì Đức Giê-su đã làm trong bữa Tiệc Ly đều phù hợp với ba phần chính của Phụng vụ Thánh Thể:

Trong bữa Tiệc Ly	Trong Phụng vụ Thánh Thể
Đức Giê-su cầm lấy	Tiến lễ
Đức Giê-su làm phép	Kinh Tạ ơn
Đức Giê-su trao cho	Hiệp lễ

PHẦN TIẾN LỄ

Phụng vụ Lời Chúa bắt đầu với việc rước Sách Thánh lên cung thánh. Phụng vụ Thánh Thể cũng bắt đầu với việc rước đem của lễ (bánh và rượu)

lên Bàn Tiệc của Chúa (bàn thờ).

Sau khi đặt của lễ trên bàn thờ, linh mục chuẩn bị của lễ khi đọc lời nguyện trên bánh. Lời nguyện dựa theo một lời nguyện ở bàn ăn của người Do-thái:

“Lạy Chúa là Chúa Tể càn khôn, chúc tụng Chúa đã rộng ban cho chúng con bánh này là hoa màu ruộng đất và công lao của con người, xin dâng lên Chúa để bánh này trở nên bánh trường sinh nuôi dưỡng chúng con.” Cũng cùng một cách như thế, linh mục cầu nguyện trên rượu. Thánh Lu-ca nói rằng sau khi Đức Giê-su đã chuẩn bị của lễ, Ngài đọc lời chúc lành trên của lễ. Ngày nay việc chúc lành này được gọi là Kinh Tạ ơn.

KINH TẠ ƠN

Để giản dị hơn, chúng ta có thể chia Kinh Tạ ơn ra làm ba phần:

Lời Tiền tụng,
Trình thuật bữa Tiệc Ly, và
Kết thúc.

Lời Tiền tụng giới thiệu Kinh Tạ ơn

Linh mục bắt đầu lời Tiền tụng bằng cách mời gọi mọi người hãy “nâng cao” tâm hồn để “tạ ơn Chúa.” Rồi tùy theo từng mùa, linh mục đọc những lời như sau:

“Lạy Cha chí thánh là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, chúng con tạ ơn Cha mọi nơi mọi lúc, thật là chính đáng, phải đạo và sinh ơn cứu độ cho chúng con, khi Đức Ki-tô tự hiến tế làm Chiên Vượt Qua của chúng con. Chính Người là Chiên thật đã xóa tội trần gian. Người đã chết để diệt trừ sự chết nơi chúng con, và đã sống lại để phục hồi sự sống cho chúng con.”

Lời Tiền tụng kết thúc với việc giáo dân cầu nguyện rằng:

“Thánh! Thánh! Chí Thánh! Thiên Chúa, Chúa Tể càn khôn là Đấng Thánh. Trời đất rạng ngời vinh quang Chúa. Hoan hô Chúa trên các tầng trời. Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa. Hoan hô Chúa trên các tầng trời.”

Những lời “Thánh! Thánh! Chí Thánh!” trích từ sách ngôn sứ I-sai-a khi ngài kể lại thị kiến về các tạo vật trên trời đứng trước nhan thánh Chúa và hô lên “Thánh! Thánh! Chí Thánh!”

Lời “Hoan hô” (Hosanna) gặp thấy đôi chỗ trong Kinh Thánh. Đầu tiên, Hosanna là lời kêu xin Thiên Chúa tới cứu giúp. Sau này, nó biến thành lời chúc tụng Thiên Chúa và được sử dụng trong lời Tiền tụng theo ý nghĩa đó.

Trình thuật bữa Tiệc Ly tiếp tục kinh Tạ ơn

Tiếp đến, linh mục sang phần chính của Kinh Tạ ơn là phần thuật lại bữa Tiệc Ly, nói về Đức Giê-su:

“Trong đêm bị trao nộp, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng tạ ơn Cha, bẻ ra, trao cho các môn đệ và nói: ‘Tất cả các con cầm lấy mà ăn: Đây là Mình Thầy sẽ bị nộp vì các con.’”

“Cùng một thể thức ấy, vào cuối bữa ăn, Người cầm lấy chén, tạ ơn, trao cho các môn đệ và nói: ‘Tất cả các con cầm lấy mà uống: Đây là chén Máu Thầy, máu giao ước mới, giao ước vĩnh cửu sẽ đổ ra cho các con và mọi người được tha tội. Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy.’”

Kết thúc Kinh Tạ ơn

Linh mục kết thúc Kinh Tạ ơn bằng cách gọi lại sự chết và sống lại của Đức Giê-su. Rồi linh mục dâng lên Chúa Cha mình và máu Đức Giê-su với những lời sau đây:

“Chính nhờ Đức Ki-tô, cùng với Đức Ki-tô và trong Đức Ki-tô, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần, mọi vinh quang và danh dự đều thuộc về Cha là Thiên Chúa toàn năng đến muôn thuở muôn đời.”

Cộng đoàn đồng thanh đáp lại với lời “A-men”. Từ thời xưa, lời đáp này đã được gọi là “Amen trọng thể.” Ở nhiều nhà thờ người ta đệm nhạc rộn ràng khi hát lời đáp này.

PHẦN HIỆP LỄ

Linh mục mở đầu phần hiệp lễ bằng cách mời cộng đoàn cùng đọc kinh Lạy Cha. Những lời “Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày” mang ý nghĩa đặc biệt trong lúc này. Bởi vì một lát nữa các phần tử trong cộng đoàn sẽ lãnh nhận Mình Thánh Chúa Ki-tô là “bánh ban sự sống” (Ga 6:35).

Tiếp theo kinh Lạy Cha là nghi thức chúc bình an. Lúc này linh mục mời cộng đoàn chúc bình an cho nhau. Thường thường chúc bình an bằng cách bắt tay hoặc ôm hôn kèm theo lời “Bình an Chúa Ki-tô ở cùng...”

Từ bình an trong tiếng Do-thái là Shalom. Khó mà dịch ra cho đúng nghĩa, nhưng nói chung là chúng ta chúc cho nhau được đầy tràn mọi điều tốt lành do Đức Giê-su đem tới, tức là sự tha thứ, tình yêu thương và sự vui mừng.

Linh mục bẻ bánh

Tiếp theo nghi thức chúc bình an là “bẻ bánh.” Thời xưa, việc bẻ bánh mất nhiều thì giờ hơn vì người ta dùng các ổ bánh mì trong Thánh lễ. Điều này cũng giúp chúng ta hiểu tại sao người ta hát kinh “Lạy Chiên Thiên Chúa.” Trong khi chờ đợi đang bẻ bánh thì người ta hát kinh này. Ngày nay, chúng ta vẫn còn hát kinh Lạy Chiên Thiên Chúa, nhưng bánh lễ là những tấm bánh nhỏ, thay vì dùng cả ổ bánh lớn.

Bữa Tiệc Thánh Thể

Thánh Phao-lô viết: “Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể” (1 Cr 10:17). Bữa ăn Thánh Thể là cao điểm trong Thánh lễ. Đó là nguồn cội và biểu lộ sự hiệp nhất của cộng đoàn trong Chúa Ki-tô.

Bữa Tiệc Thánh Thể ngược lại với bữa ăn hằng ngày. Trong bữa ăn hằng ngày, những gì chúng ta ăn sẽ biến thành một phần của con người chúng ta. Còn trong Bữa Tiệc Thánh Thể, chúng ta trở thành một phần của những gì chúng ta ăn, đó là thân mình Chúa Ki-tô.

Cách thức chúng ta thường làm khi rước lễ là để cho thừa tác viên Thánh Thể đặt Mình Thánh vào miệng chúng ta hoặc vào lòng bàn tay chúng ta. Khi làm như thế, thừa tác viên sẽ nói: “Mình Thánh Chúa Ki-tô.” Chúng ta sẽ đáp lại: “A-men.” Nếu đôi khi có cho rước Máu Thánh Chúa, thì thừa tác viên sẽ đưa chén cho chúng ta và nói: “Máu Thánh Chúa Ki-tô.” Chúng ta cũng đáp lại: “A-men,” rồi cầm lấy chén và uống.

Phần Hiệp lễ kết thúc với một phút thinh lặng và lời nguyện do linh mục đọc.

KẾT LỄ

Thánh lễ kết thúc với việc linh mục giải tán cộng đoàn. Có người đã nói về lúc này như sau: “Lúc thánh thiện nhất của phụng vụ là khi dân Chúa, sau khi đã được Lời Chúa và Thánh Thể ban cho sức mạnh, thì bước ra khỏi cửa nhà thờ mà đi vào thế giới để đích thực làm Giáo Hội.” Sứ mệnh của cộng đoàn là đáp lại Lời Chúa. Việc giải tán gồm hai động tác ngắn.

Trước hết, linh mục chúc lành cho dân chúng, ngài nói: “Xin Thiên Chúa toàn năng là Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần ban phúc lành cho anh chị em.”

Tiếp đến, để sai dân chúng đi làm Giáo Hội, linh mục nói: “Lễ đã

xong, chúc anh chị em ra về trong bình an và yêu thương để phụng sự Chúa.” Cộng đoàn đáp: “Tạ ơn Chúa.”

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

1. Hình bóng về Bí tích Thánh Thể Gio-an 2:1-12
2. Lời hứa về Bí tích Thánh Thể Gio-an 6:35-59
3. Thiết lập Bí tích Thánh Thể Lu-ca 22:14-20
4. Cử hành Bí tích Thánh Thể Lu-ca 24:13-35
5. Thánh Phao-lô với Bí tích Thánh Thể 1 Cô-rin-tô 11:17-29

THẢO LUẬN

1. Ôn lại những ý nghĩa Thánh Thể là một bữa ăn: tưởng niệm, hiến tế và giao ước.
2. Ba phần chính của Kinh Tạ Ơn.
3. Giải tán sau khi Thánh lễ kết thúc là giây phút “thánh thiện” được hiểu thế nào?

CHIA SẺ

1. Một phụ nữ Tin Lành viết trong một tạp chí quốc gia: “Những người bạn Công Giáo của tôi làm cho tôi thắc mắc. Họ nói rằng Thánh lễ thực sự cũng là Bữa Tiệc Ly, thực sự cũng là Hy tế Thập giá... Vậy, nếu tôi tin Chúa Ki-tô hiện diện trên bàn thờ, thì tại sao tôi lại không có mặt ở đó mỗi ngày?” Bạn trả lời người ấy thế nào?
2. Cha Cizek viết trong cuốn Người đã dẫn dắt tôi : “Chúng tôi đã dâng Thánh lễ trong những kho chứa đồ, hoặc tùm lùm giữa chỗ bùn lầy hoặc tuyết tan của một góc nền nhà sắp xây... Vậy mà trong những hoàn cảnh thô sơ ấy, Thánh lễ đã đưa chúng tôi đến gần Chúa hơn là người ta tưởng.” Tại sao? Điều gì đã làm cho Thánh lễ thành một kinh nghiệm đầy ý nghĩa và một biểu lộ đức tin của cộng đoàn như Đức Giê-su đã muốn?
3. Trong cuốn Chuyển hướng (Turning), Emilie Griffin viết: “Việc sùng kính Bí tích Thánh Thể - tức là tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Ki-tô - đã đưa tôi đến với những nhà thờ Công giáo... Riêng tôi, càng sùng kính Bí tích Thánh Thể, tôi càng bị lôi cuốn tới đạo Công giáo hơn.” Bà muốn nói gì khi nhắc đến việc “tin vào sự hiện diện đích thực của Chúa Ki-tô”? Bí tích Thánh Thể có tầm quan trọng nào trong việc lôi cuốn bạn tới Giáo Hội Công Giáo?

The Catholic Vision III – 22

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 23

Bí tích Hòa giải

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu hỏi sau đây:

1. Một câu hỏi của tôi về việc người Công Giáo xưng tội với một linh mục là...
2. Một lợi ích tôi có thể nhận thấy qua việc xưng thú tội lỗi tôi với linh mục là...

TỘI LỖI

Trước đây ít năm sở thú thành phố Detroit bắt buộc phải tăng cường lực lượng an ninh. Lý do không phải để bảo vệ người ta khỏi bị thú vật tấn công, mà là bảo vệ thú vật khỏi bị người tấn công.

Có một lúc sở thú vật bị người coi làm hại cách dã man đã tăng thêm nhiều. Thí dụ hai trường hợp sau. Một con đại thú Úc-châu bị một đám thiếu niên ném đá chết. Một con lộc tuần bị xảy thai vì lũ trẻ hung bạo ném pháo cho con vật kinh hãi.

Đọc những báo cáo ấy, chúng ta thấy giống như người nào đó nói: “Nếu tôi là Chúa thì tôi sẽ rất đau lòng chứng kiến sự bạo hành và tội lỗi trên thế giới này.”

Nhưng điều khiến người ta lo lắng khó chịu hơn cả chính sự bạo hành và tội lỗi trên thế giới này, đó là khuynh hướng mỗi ngày một gia tăng nơi không biết bao người muốn coi thường hoặc chối bỏ tội lỗi. Thí dụ, có những người không muốn nhận là mình nói dối, họ bảo họ chỉ trình bày sự kiện không đúng thôi. Người ta không muốn nhận là mình ăn cắp, họ bảo họ chỉ “lợi dụng” thôi. Người ta không muốn nhận là mình ngoại tình, họ bảo họ chỉ đi lãng nhãng một chút thôi. Người ta không muốn nhận là mình giết người, họ bảo họ chỉ kết liễu một thai nhi họ không muốn có thôi. Tất cả những hành động như thế chỉ là một cách coi nhẹ hoặc chối bỏ tội lỗi.

Khi coi nhẹ hoặc chối bỏ tội lỗi, chúng ta coi nhẹ và chối bỏ là mình

cần Đức Giê-su Ki-tô, Đấng đã đến để kêu gọi người tội lỗi thống hối. Tệ hơn nữa, chúng ta mù quáng không chấp nhận sự thật và đi ngược lại với Thiên Chúa. Gio-an viết: “Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, chúng ta tự lừa dối mình” (1 Ga 1:8).

Điều dữ xấu xa hơn không phải là phạm tội, nhưng là phạm rồi lại chối tội mình. Louis Evelyn nói: “Thà rằng phạm tội mà thành thực còn hơn dối lòng cho mình là đạo đức.” Nếu chúng ta vì yếu đuối mà phạm tội thì chúng ta cũng hải khiêm nhượng để nhận tội.

Tất cả chúng ta cần sự tha thứ

Tất cả chúng ta là những con người yếu đuối. Tất cả chúng ta đều là nạn nhân của tội lỗi. Tất cả chúng ta đều cần sự tha thứ. Thay vì chối bỏ điều này, chúng ta nên chấp nhận và hãy tìm đến với Đức Giê-su là “Con Chiên Thiên Chúa đã xóa tội trần gian.” Hãy cân nhắc những lời của tiểu thuyết gia Somerset Maugham:

“Tôi đã phạm những điều đại tội. Tôi có một lương tâm nhạy cảm. Trong đời tôi, tôi đã làm một số việc tôi không thể hoàn toàn quên đi được: giả tôi may mắn được làm người Công Giáo thì tôi đã có thể giải thoát mình khỏi những tội ấy qua việc xưng tội, rồi sau khi làm việc đền tội được chỉ định tôi được lãnh ơn tha tội và có thể vĩnh viễn loại bỏ chúng khỏi tâm trí tôi.”

Giờ đây chúng ta hãy trở lại với căn bản Kinh Thánh nói về bí tích mà Maugham đã đề cập đến.

BÍ TÍCH CỦA SỰ THA THỨ

Để hiểu Bí tích Hòa giải, chúng ta cần hiểu hai điều tín lý căn bản của đức tin Công Giáo, đó là:

- Đức Giê-su có quyền tha tội
- Đức Giê-su chia sẻ quyền ấy cho Giáo Hội.

Đức Giê-su có quyền trên tội lỗi

Một trong những minh chứng rõ ràng nhất về quyền năng của Đức Giê-su trên tội lỗi được gặp thấy trong Tin Mừng Lu-ca. Một ngày kia có mấy nhà lãnh đạo tôn giáo nghe Đức Giê-su giảng dạy. Một nhóm người đem một kẻ bị tê liệt đến gặp Đức Giê-su. Trông thấy người bệnh, Đức Giê-su đã động lòng thương xót và nói với anh ta: “Này anh, anh đã được tha tội rồi.” Nghe những lời ấy, các nhà lãnh đạo tôn giáo đã nổi giận, nói với nhau: “Ai

có quyền tha tội ngoài một mình Thiên Chúa ra?”

“Nhưng Đức Giê-su thấu biết họ đang suy nghĩ như thế, nên Người lên tiếng bảo họ rằng: “Trong bụng các ông đang nghĩ gì vậy? Trong hai điều: một là bảo: “Anh đã được tha tội rồi,” hai là bảo: “Đứng dậy mà đi,” điều nào dễ hơn? Vậy, để các ông biết: ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội – Đức Giê-su bảo người bại liệt: Tôi truyền cho anh: hãy đứng dậy, vác lấy giường của anh mà đi về nhà!” Ngay lúc ấy, người bại liệt chỗi dậy trước mặt họ, vác cái anh đã dùng để nằm, vừa đi về nhà vừa tôn vinh Thiên Chúa. Mọi người đều sửng sốt” (Lc 5:22-26).

Đoạn Kinh Thánh rõ ràng. Đức Giê-su đòi cho mình và chứng minh Ngài có quyền tha tội. Điều này đưa chúng ta sang điểm tín lý thứ nhì.

Đức Giê-su chia sẻ quyền ấy cho Giáo Hội

Đức Giê-su đã chia sẻ quyền tha tội qua hai giai đoạn. Trước hết, Ngài chia sẻ quyền ấy một cách tổng quát. Tiếp đến, Ngài chia sẻ quyền ấy một cách đặc biệt. Chúng ta hãy xét hai giai đoạn này.

Ngày kia đang giảng dạy cho các môn đệ, Đức Giê-su hỏi họ: “Anh em bảo Thầy là ai?”

“Ông Si-mon Phê-rô thưa: “Thầy là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống.” Đức Giê-su nói với ông: “... Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy... Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy.” (Mt 16:16-19).

Rõ ràng Đức Giê-su đã chia sẻ quyền năng Thiên Chúa với Giáo Hội một cách tổng quát.

Đức Giê-su cũng chia sẻ cách đặc biệt quyền tha tội với Giáo Hội nữa. Vào đêm Chúa sống lại, các tông đồ đang họp nhau lại. Bỗng chốc Đức Giê-su hiện ra với họ. Họ đầy vui mừng. Sau khi chào hỏi, Đức Giê-su nói: “Chúc anh em được bình an! Như Chúa Cha đã sai Thầy, thì Thầy cũng sai anh em.” Nói xong, Người thổi hơi vào các ông và bảo: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ!” (Ga 20:21-23).

Một lần nữa, đoạn Kinh Thánh rõ ràng. Đức Giê-su đã chia sẻ với Giáo Hội quyền năng Thiên Chúa của Ngài để tha thứ tội lỗi.

PHỤNG VỤ CỬ HÀNH BÍ TÍCH HÒA GIẢI

Phương thức chính để Giáo Hội thi hành quyền tha tội đó là qua Bí tích

Hòa giải. Có lẽ cách tốt nhất để hiểu phụng vụ Bí tích Hòa giải là nhìn bí tích ấy qua bối cảnh câu truyện dụ ngôn Người con hoang đàng.

Hãy nhớ lại câu truyện dụ ngôn. Một người có hai cậu con trai. Ngày kia đứa con thứ quyết định bỏ nhà ra đi. Nó đòi phần gia tài của nó, một việc làm thật nhẫn tâm. Nó đã cướp đi của cha mẹ sự an sinh mà ông bà cần đến lúc tuổi già. Tuy nhiên người cha vẫn cho đứa con phần gia tài ấy. Rồi thằng con rời bỏ nhà.

Không bao lâu đứa con đã tiêu xài hết tiền bạc. Hồi tâm lại, nó mới tự nhủ:

“Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói! Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.” Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha” (Lc 15:17-20).

Bốn điều được nhấn mạnh ở đây

Xét dụ ngôn trên cho thấy khi thức tỉnh, đứa con đã làm bốn việc sau:

- Nó xét hoàn cảnh của mình.
 (“Mà ta ở đây lại chết đói!”)
- Nó hối hận về tội lỗi mình.
 (“Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha.”)
- Nó xưng thú tội lỗi mình.
 (“Thưa cha, con thật đắc tội.”)
- Nó đã dốc lòng tu sửa lại đời sống.
 (“Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.”)

Chúng ta làm những việc người con hoang đàng đã làm

“Hồi tâm” sau khi đã phạm tội là chúng ta đã làm đúng như những việc người con hoang đàng đã làm.

Trước hết, chúng ta xét hoàn cảnh của mình. Chúng ta xác định chúng ta đã phạm tội thế nào. (Trong bài 31, “Tiếp tục cuộc hành trình,” có một bản hướng dẫn giúp chúng ta nhận xét hoàn cảnh của mình).

Tiếp đến, chúng ta hối hận về hoàn cảnh ấy. Chúng ta biểu lộ với Chúa sự hối hận, dùng lời nguyện riêng của chúng ta giống như người con hoang đàng đã làm, hoặc dùng mẫu kinh Ăn năn tội sau đây hay một mẫu nào khác:

“Lạy Chúa Cha từ nhân, cũng như người con hoang đàng, con trở về cùng Cha và thưa: Con đã phạm tội nghịch với Cha và con không còn đáng được gọi là con Cha nữa.

“Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đấng Cứu Chuộc trần gian, cùng với người trộm lành đã được Chúa hứa ban phúc thiên đàng, con cầu nguyện: Lạy Chúa, xin nhớ đến con trong Nước Chúa.

“Lạy Chúa Thánh Thần, nguồn suối yêu thương, con tin tưởng kêu xin Chúa: Xin tẩy rửa tâm hồn con và giúp con bước đi như con cái sự sáng.”

Thứ ba, chúng ta xưng thú tất cả các tội trọng (nặng). Tội trọng là tội làm đứt mối tương quan giữa chúng ta với Chúa và gia đình của Ngài – tựa như đứa con hoang đàng đã đứt tình với cha nó và gia đình nó. Chúng ta xưng thú các tội trọng theo loại (những gì đã làm) và theo số (chúng ta thường phạm như thế nào). Thí dụ, chúng ta xưng rằng hai lần mình đã ý thức và cố ý ăn cắp một số hàng đắt tiền của một hãng buôn để có tiền mua bạch phiến. (Bài 28, “Luân lý Ki-tô giáo,” sẽ nói rõ hơn về những gì giúp chúng ta nhận ra thế nào là một tội trọng).

Đối với nhiều người, việc “xưng thú tội lỗi” là bước khó nhất. Hội giúp bỏ tật nghiện rượu (Alcoholics Anonymous) có một cách tương tự trong chương trình Mười hai bước của họ. Bước thứ năm trong chương trình là: “Chúng tôi xác nhận với Thiên Chúa, với chính chúng tôi và với anh chị em về ban ân chất đích thực của những sai lầm chúng tôi đã làm.” Nói về bước này, sách thủ bản của AA giải thích:

“Chắc chắn bước nào cũng cần thiết. Nhuần nổi lo sợ và ngại ngùng của chúng ta thường quá lớn đến nỗi nhiều khóa viên AA thoát đầu chỉ muốn tránh né Bước thứ năm này... Tuy nhiên, ở một mình với Thiên Chúa xem ra không làm chúng ta ngại ngùng cho bằng phải đối diện với người khác... Khi chúng ta thành thực với người khác là chắc chắn chúng ta đã thành thực với chính mình và với Thiên Chúa.”

Sau cùng, chúng ta quyết tâm sửa đổi đời sống. Thực tế hơn, điều này có nghĩa là:

- Chúng ta làm việc đền tội được chỉ định, thí dụ chúng ta phải làm một việc tỏ ra hết sức dễ thương đối với người khác;
- Chúng ta dốc lòng tránh những cơ hội có thể đưa chúng ta đến phạm tội như đã xảy ra trong quá khứ; và
- Nếu có thể, chúng ta sửa lại những thiệt hại gây ra do tội lỗi mình.

Giờ đây, chúng ta xét đến vai trò của linh mục trong Bí tích Hòa giải.

Linh mục làm những gì người cha trong dụ ngôn đã làm

Để hiểu vai trò của linh mục, chúng ta hãy nhớ lại những gì người cha trong dụ ngôn đã làm.

“Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng

thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để. Bấy giờ người con nói rằng: “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...” Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: “Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu, rồi đi bắt con bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng! Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy.” Và họ bắt đầu ăn mừng.” (Lc 15:20-24)

Người cha làm bốn điều

Nếu xét kỹ hơn câu truyện, chúng ta sẽ thấy người cha làm bốn cử chỉ biểu tượng.

Trước hết ông ôm hôn đứa con. Việc ôm hôn đứa con chứng tỏ người cha đã hoàn toàn tiếp nhận nó trở về. Ông đã biểu lộ dấu chỉ lòng âu yếm của ông.

Thứ nhì, ông sai lấy dép xỏ vào chân đứa con. Điều này chứng tỏ ông đã hoàn toàn tha thứ cho đứa con. Trong thời Kinh Thánh, giày là biểu tượng của người tự do, còn nô lệ đi chân không. Xỏ dép vào chân đứa con đã nói lên rằng đứa con không còn làm nô lệ cho ai khác nữa nhưng nó đã được phục hồi làm con của ông.

Thứ ba, người cha xỏ nhẫn vào ngón tay đứa con. Điều này chứng tỏ người cha đã hoàn toàn phục hồi cho đứa con thân phận mà nó đã có trước khi đi hoang đàng. Mặc dù dụ ngôn không nói rõ, nhưng chiếc nhẫn có lẽ đã được in dấu hiệu của gia đình. Mang chiếc nhẫn ấy nghĩa là có quyền hành động nhân danh gia đình.

Sau cùng, người cha ra lệnh dọn bữa tiệc ăn mừng. Điều này chứng tỏ ông hoàn toàn vui mừng. Đức Giê-su nói: “Trên trời cũng thế, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần phải sám hối ăn năn” (Lc 15:7).

Như thế người cha đã làm bốn điều: ông tiếp nhận đứa con, tha thứ cho nó, phục hồi địa vị trong gia đình cho nó và mở tiệc ăn mừng nó trở về.

Linh mục cũng làm bốn điều ấy trong Bí tích Hòa giải. Thay mặt Thiên Chúa và cộng đoàn Ki-tô, linh mục

- Đón tiếp người tội lỗi trở về,
- Tha thứ cho người tội lỗi,
- Phục hồi cho hồi nhân quyền sống trong gia đình Chúa, và
- Mời gọi hồi nhân hãy vui mừng tiến đến Bàn tiệc của Chúa nếu người ấy trước đây đã không được lãnh nhận Thánh Thể vì mắc tội trọng.

Bí tích Hòa giải theo cùng một khuôn mẫu của dụ ngôn Người con hoang đàng. Người tội lỗi làm những gì đứa con đã làm khi trở về và linh

mục làm những gì người cha đã làm khi đón đưa con thống hối.

NĂNG LÃNH NHẬN BÍ TÍCH HÒA GIẢI

Người ta thường hỏi: “Khi nào chúng tôi phải đi xưng tội?” Câu trả lời là: “Hãy đi xưng tội khi nào Thánh Thần Chúa thúc giục bạn hãy đi.”

Đúng vậy, chúng ta sẽ cử hành Bí tích Hòa giải lúc “chúng ta hồi tâm” sau khi đã xa lìa Chúa và gia đình của Ngài. Như thế, việc cử hành sẽ đánh dấu cao điểm của tiến trình ăn năn thống hối, tựa như đưa con hoang đàng đã làm.

Ngoài trường hợp đặc biệt này ra, việc năng lãnh nhận Bí tích Hòa giải sẽ tùy nghi. Có những khoảng thời gian nào đó trong cuộc sống, chúng ta sẽ cảm nhận nhu cầu hoặc ước muốn lãnh nhận bí tích hơn những lúc khác. Tóm lại chúng ta phải cố gắng trở nên nhạy cảm trước sức mạnh của Chúa Thánh Thần thúc đẩy chúng ta trong lãnh vực này.

Trong thông điệp Nhiệm Thể Chúa Ki-tô, Đức Giáo Hoàng Pi-ô XII đã duyệt lại một số những ơn ích của việc lãnh nhận Bí tích Hòa giải. Ngay cả khi chúng ta không phạm tội trọng, xa lìa Chúa và gia đình Ngài, thì cũng nên đi xưng tội khoảng hai tháng một lần. Việc năng xưng tội này sẽ giúp:

- chữa lành những yếu đuối thiêng liêng, vì chúng có thể đưa tới tình trạng nguy hiểm nếu không để ý đến.
- làm bén nhạy cảm quan của chúng ta đối với Thánh Thần là việc chúng ta cần phải luôn tiếp tục.
- chống trả lại sự lười biếng thiêng liêng là điều chúng ta phải chiến đấu luôn luôn.
- củng cố mối giây liên kết chúng ta với Chúa và gia đình của Ngài.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| 1. Đa-vít phạm tội và thống hối | 2 Sa-mu-en 12:1-15 |
| 2. Kinh nguyện thống hối | Thánh Vịnh 51 |
| 3. Đức Giê-su nói về tội lỗi | Mát-thêu 18:1-35 |
| 4. Đức Giê-su tha thứ một kẻ tội lỗi | Lu-ca 5:17-26 |
| 5. Ba dụ ngôn về sự tha thứ | Lu-ca 15:1-32 |

THẢO LUẬN

1. Phải xưng những tội nào và xưng như thế nào?
2. Tội trọng là gì?

3. Bạn hãy nói về những chiều kích của tội lỗi.

CHIA SẺ

1. Hãy giải thích những tư tưởng sau:
 - “Không có tật xấu là điều tốt, nhưng nếu không có cảm dỗ thì lại không tốt.” (Walter Bagehot)
 - “Lỗi lầm to lớn nhất chính là cho rằng mình không có lỗi lầm nào.” (Thomas Carlyle)
 - “Kẻ hối hận được kể như là vô tội rồi.” (Seneca)
 - “Có hai loại hối hận: hối hận của Giu-đa và hối hận của Phê-rô; một đảng là cục nước đá bị vỡ tung, một đảng là cục nước đá chảy tan ra.” (William Nevins)
2. Các Ki-tô hữu Chính Thống Hy-lạp lãnh nhận Bí tích Hòa giải trong khi quay mặt hướng về tượng ảnh Chúa Ki-tô Phục Sinh. Bạn nghĩ tại sao họ lại đứng thay vì quỳ hay ngồi? Tại sao lại quay mặt vào ảnh tượng thay vì quay mặt vào nhau?
3. Bước thứ năm trong chương trình của hội chừa nghiện rượu đòi khóa viên phải xác nhận với Thiên Chúa, với chính họ và với người khác về bản chất thực sự việc làm sai trái của họ. Sách thủ bản của hội nói rằng nhiều khóa viên dù trước đây là vô thần hay theo thuyết bất khả tri, cũng đều công nhận là trong bước này họ đã cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa. Còn với những người đã tin cũng thường ý thức về Thiên Chúa nhiều hơn khi trước. Bạn có thể giải thích sự kiện ấy thế nào?
4. Bạn hãy nhớ lại một kinh nghiệm về “hòa giải” đã khiến bạn xúc động mạnh.

The Catholic Vision III – 23

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 24

Bí tích Xức dầu Bệnh nhân

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu hỏi sau đây:

1. Lần tôi gần cái chết nhất trong một tai nạn hoặc một cơn bệnh, đó là khi...
2. Đối với tôi, việc cầu nguyện trên những người bệnh có nghĩa là...

ĐAU YẾU

Mưa rơi ngoài cửa sổ phòng bệnh của Jane Lindstrom. Mưa khiến cho bà cảm thấy cô đơn và chán nản. Rồi có người đem tới một lá thư của ai gửi cho bà. Jane mở ra đọc:

“Từ hôm bà bị đau tới nay, mỗi sáng tôi đều nhớ nụ cười và cái vẫy tay chào của bà. Tôi cầu nguyện cho bà được mau lành. Có lẽ bà ngạc nhiên khi nhận được lá thư này. Nhưng đối với tôi, cuộc đời kém hạnh phúc đi nếu thiếu vắng bà.”

Cảm nghĩ cô đơn và buồn nản của bà Jane bỗng chốc tiêu tan. Lá thư tồn không đầy một phút để viết, nhưng gói ghém tất cả tình yêu và sức mạnh. Nó cho bà biết là người ta nhớ đến bà. Bà nói: “Lá thư ấy còn hiệu nghiệm hơn cả toa thuốc bác sĩ cho.”

Sau đây là một câu chuyện khác. Ông Doan đã 88 tuổi, nhưng vẫn sống một mình. Mỗi sáng Chúa Nhật, ông đóng cửa chiếc ghế ngựa nhanh hơn khi sắp sửa nhìn thấy một người rất đặc biệt. Người đặc biệt này chính là cô Maria, một sinh viên 22 tuổi và là thừa tác viên Thánh Thể của giáo xứ Thánh Tâm.

Khi cô Maria đến vào khoảng 11 giờ, cô bắt đầu đọc bài Tin Mừng Thánh lễ Chúa Nhật cho ông Doan nghe. Rồi cô kể tóm tắt bài giảng cô vừa nghe ở nhà thờ. Sau đó cô và ông Doan nắm tay nhau đọc kinh Lạy Cha để chuẩn bị rước Mình Thánh Chúa Ki-tô.

Sau khi ông Doan rước lễ, cô Maria chậm rãi đọc một đoạn trong cuốn sách kinh. Ông Doan thích nhất kinh cầu cho bệnh nhân:

“Lạy Chúa là Cha chí thánh, xin hãy giải thoát tôi tớ Chúa khỏi yếu đau, được phục hồi sức khỏe. Xin Chúa đưa tay nâng tôi tớ Chúa dậy, xin lấy quyền lực mà ban cho tôi tớ Chúa được mạnh mẽ, xin dùng quyền năng mà che chở tôi tớ Chúa và ban mọi sự cần thiết cho tôi tớ Chúa được an lành. Nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con.”

Sau khi đọc kinh, ông Doan và cô Maria chia sẻ với nhau về những gì họ làm trong tuần vừa qua.

Khi cô Maria chào ông Doan để ra về, cô nhận ra là mình đến thăm không phải chỉ để mang Mình Thánh Chúa, nhưng còn cho ông thấy cả giáo xứ Thánh Tâm không bỏ quên ông đâu. Họ lo lắng cho ông và ông biết đó là cách cụ thể họ có thể làm cho ông.

Bệnh nhân cần được yêu thương đặc biệt

Những câu chuyện thực về bà Jane và ông Doan đều phản ánh sự đau khổ và cô đơn khi đau yếu hoặc tuổi già.

Hai tình cảnh này có thể làm phát sinh nơi chúng ta cảm nghĩ bị cô lập với thế giới này. Chúng có thể khiến ta lâm vào tình trạng bất loạn tâm thần. Đôi khi chúng cũng có thể làm cho lòng tin chúng ta nơi Chúa bị suy yếu trầm trọng.

Đức Giê-su chữa lành bệnh nhân

Sách Tin Mừng đầy những câu chuyện nói về nỗi lo lắng Đức Giê-su dành cho những bệnh nhân. Chúng ta thử đọc vài truyện.

“Bà mẹ vợ ông Si-mon đang lên cơn sốt, nằm trên giường. Lập tức họ nói cho Đức Giê-su biết tình trạng của bà. Người lại gần, cầm lấy tay bà mà đỡ dậy; cơn sốt dứt ngay...”

“Người ta đem mọi kẻ ốm đau và những ai bị quỷ ám đến cho Người... Đức Giê-su chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật, và trừ nhiều quỷ...”

“Có người bị phong hủi đến gặp Người, anh ta quỳ xuống van xin rằng: “Nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho tôi được sạch.” Người chạnh lòng thương giơ tay đụng vào anh và bảo: “Tôi muốn, anh sạch đi!” Lập tức, chứng phong hủi biến khỏi anh, và anh được sạch.” (Mc 1:30-34, 40-42)

Đức Giê-su đã lấy việc lo lắng chăm sóc cho bệnh nhân làm tiêu chuẩn để xét xử nhân loại trong ngày tận thế. Trong dụ ngôn về cuộc Phán xét chung, Đức Giê-su nói:

“Người sẽ cho chiên đứng bên phải Người, còn dê ở bên trái. Bấy giờ Đức Vua sẽ phán cùng những người ở bên phải rằng: “Nào những kẻ Cha Ta chúc phúc, hãy đến thừa hưởng Vương Quốc dọn sẵn cho các ngươi... Vì xưa Ta đói, các ngươi đã cho ăn...; Ta là khách lạ, các ngươi đã tiếp rước; Ta trần truồng, các ngươi đã cho mặc; Ta đau yếu, các ngươi đã thăm nom; Ta ngồi tù, các ngươi đã đến thăm” (Mt 25:33-36).

Đức Giê-su đã chia sẻ quyền năng chữa lành của Ngài

Đức Giê-su không chỉ chữa lành bệnh nhân, nhưng Ngài còn chia sẻ quyền năng chữa lành của Ngài cho các môn đệ. Sách Tin Mừng nói về các môn đệ: “Các ông xức dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh” (Mc 6:13).

Cũng vậy, thư thánh Gia-cô-bê Tông đồ cho biết là sau khi Đức Giê-su lên trời, Giáo Hội tiếp tục sử dụng quyền năng chữa lành Ngài đã chia sẻ với

họ. Thánh Gia-cô-bê viết: “Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến; họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu người ấy đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha” (Gc 5:14-15).

XÚC DẦU BỆNH NHÂN

Một cựu chiến binh tham chiến tại Việt Nam hồi phục tại bệnh viện Walter Reed, Hoa-thịnh-đốn. Trong một bức thư gửi cho bạn, anh mô tả kinh nghiệm rất đặc biệt ngay sau khi anh bị trúng hỏa pháo tại chiến trường:

“Không đầy một giây sau khi bị trúng đạn, tôi hoàn toàn cảm thấy đơn độc. Tôi đã nghe người ta nói mà vẫn không tin là thật rằng khi bạn hấp hối thì không còn ai ngoài mình cả. Bạn hoàn toàn cô đơn. Tôi bị thương nặng, rất nặng. Một trái hỏa pháo 4.2 đã nổ sau lưng tôi khoảng ba mét và cắt cụt luôn một chân của tôi, xé nát từ sườn lên tới nách trái, lưng, đầu, hông, gót và mắt cá chân phải đều bị thương. Tôi cảm thấy choáng váng lập tức, nhưng tôi cố chống trả vì biết hể ngất đi là sẽ không khi nào tỉnh lại được nữa.

“Ba hay bốn người cứu thương cúi xuống trên tôi, lay tôi và cố giúp tôi... Tôi ráng cầu nguyện, nhưng không thể làm được. Tôi xin các bạn tôi hãy nói với tôi để giúp tôi tỉnh, nhất là nếu có ai giúp tôi cầu nguyện thì càng tốt. Tôi cảm thấy không còn ai ngoài tôi. Những người chung quanh chỉ có thể nói với tôi. Rồi với tất cả bản tính lì lợm và may mắn (phải nói là quan phòng mới đúng), tôi đã sống để chống đỡ được hai giờ đồng hồ sau khi bị thương.

“Sau khi người ta mang tôi tới trạm cấp cứu, tôi thấy bốn năm người nắn bóp người tôi, khiến tôi mở mắt và có thể nhìn thấy lơ mờ những gì trước mắt tôi khoảng một nửa mét. Nhưng có một người cúi xuống trên tôi. Tôi không rõ là ai, tuy nhiên tôi nghĩ hình như là vị tuyên úy của tiểu đoàn. Mũi ngài dí sát mũi tôi. Sau khi gặp ngài, tôi bắt đầu lả dần – tôi tưởng đây là phút cuối đời. Khi nói, tôi chỉ có thể thì thào và làm được như vậy là cùng.

“Khi đang lả đi, mắt tôi nhắm lại và tôi nghe linh mục tuyên úy nói: “Anh có ăn năn hối hận về những tội lỗi của mình không?” Với tất cả tàn hơi, tôi thì thào: “Thưa có!” Một giây trước khi ngất đi, tôi cảm thấy dầu trên trán mình. Và một điều gì đó đã xảy ra mà tôi không bao giờ quên, một điều gì trước đây tôi chưa bao giờ thấy trong đời!

“Rất đột ngột, tôi không còn thở hắt hên nữa. Tôi chỉ thấy thật là

vui... Tôi cảm thấy dường như vừa nhận một mũi moọc-phin triệu phân khối. Tôi đang ở trên chín tầng mây, nhẹ bẫng khỏi thân xác và tâm trí. Rồi trong vòng mười ngày sau đó tôi đã tỉnh lại ba bốn lần. Tôi đã chẳng sợ chết nữa. Thực ra tôi đã chờ đợi cái chết.”

Lá thư của người lính kia mô tả thật hay về kinh nghiệm của anh khi anh lãnh nhận Bí tích Xức dầu Bệnh nhân.

Giáo Hội tiếp tục sứ vụ chữa lành của Đức Giê-su

Sứ vụ chữa lành của Giáo Hội tiếp tục sứ vụ chữa lành của Đức Giê-su. Bạn hãy nghĩ như sau: như Đức Giê-su đã chữa lành dân chúng trong thời Tin Mừng bằng những hành vi nhân loại của thể xác Ngài thể nào, thì Ngài cũng tiếp tục chữa lành dân chúng hôm nay qua những hành vi bí tích của Giáo Hội là Nhiệm Thể Ngài như vậy.

Đức Giê-su từ bi đã chữa lành dân chúng trong thời Tin Mừng cũng là chính Đức Giê-su đang chữa lành người ta hôm nay. Sự khác biệt duy nhất, đó là phương thức Ngài chữa lành cho họ mà thôi.

Trong thời Tin Mừng, Đức Giê-su đã chữa lành người ta bằng thân xác trần gian của Ngài. Ngài chạm đến họ với bàn tay bằng xương bằng thịt của Ngài. Ngày nay, Đức Giê-su chữa lành người ta bằng Nhiệm Thể là Giáo Hội. Ngài chạm đến họ qua bàn tay của linh mục. Và khi linh mục làm như vậy, người ta cảm thấy cùng một việc chữa lành mà những người thời Tin Mừng đã cảm nghiệm.

Thí dụ, một số người cảm thấy được chữa lành toàn diện hoặc một phần thể xác như kinh nghiệm của người cựu chiến binh Hoa-kỳ đã tham chiến tại Việt-Nam.

Những người khác cảm nghiệm được chữa lành tinh thần khiến họ được bình an, giống như sự bình an người lính đã được.

Có người lại cảm nghiệm sự chữa lành thiêng liêng trong linh hồn giúp họ nhận biết tình yêu và tha thứ của Chúa, tựa như sự tha thứ mà người lính đã lãnh nhận.

Sự chữa lành do Bí tích kỳ diệu này không hẳn luôn luôn phải là chữa lành thể xác. Thực ra hiệu quả rõ rệt nhất có lẽ không phải là chữa lành thể xác mà là tinh thần và thiêng liêng.

PHỤNG VỤ BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN

Cha Giu-se được mời đến một bệnh viện tại Los Angeles để xức dầu cho một bà cụ tên là Gladys. Bà bị bất tỉnh và xem chừng không còn sống được. Cha đến gặp bà tại phòng bệnh bà chung với một bệnh nhân khác.

Cha cũng gặp tám người thân thuộc trong gia đình bà. Ngài mời gia đình vây quần chung quanh giường bệnh và đặt tay trên bà đang khi ngài cử hành Phụng vụ Bí tích Xức dầu Bệnh nhân.

Sau khi xức dầu cho bà Gladys, bà bệnh nhân bên cạnh quá cảm động nên cũng xin được xức dầu. Thì ra bà ấy cũng là người Công giáo, nhưng đã không sống đạo từ nhiều năm rồi.

Bà Gladys tiếp tục hồi phục sau cơn hôn mê và được bình phục hoàn toàn.

Câu truyện trên cho thấy hai điểm quan trọng về Bí tích Xức dầu Bệnh nhân.

Chữa lành là một hành động của Giáo Hội

Trước hết, Bí tích Xức dầu Bệnh nhân không phải là một hành vi riêng tư giữa linh mục với bệnh nhân. Nhưng đó là một hành vi công cộng, liên hệ tới toàn thể cộng đồng Giáo Hội Nhiệm Thể Chúa Ki-tô. Vì như thánh Phaolô nói: “Không có chia rẽ trong thân thể... Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau” (1 Cr 12:25-26).

Nói khác đi, Nhiệm Thể Chúa Ki-tô cũng giống như thân thể con người. Nếu một phần tử bị thương tích, hoạt động của toàn thân cũng chịu ảnh hưởng chứ không riêng phần tử ấy.

Điều này đưa chúng ta sang điểm thứ hai.

Ai có thể được lãnh nhận Bí tích?

Bà Gladys đã lãnh nhận Bí tích Xức dầu Bệnh nhân trong lúc bất tỉnh. Điều này cho chúng ta ý niệm sau: nếu chúng ta thường lãnh nhận những bí tích khác đang khi sống thì chúng ta không thể bị từ chối lãnh nhận Bí tích Xức dầu Bệnh nhân, ngay cả lúc chúng ta bất tỉnh hoặc lẫn lộn do thuốc thang, đau yếu hoặc tuổi già.

Có thể một ít người sẽ ngạc nhiên khi thấy một người không Công Giáo nhưng đã được rửa tội cũng xin lãnh nhận Bí tích Xức dầu Bệnh nhân, miễn là họ xin lãnh nhận và tin Chúa Ki-tô hành động qua bí tích ấy.

Thường thường những người lãnh nhận Bí tích Xức dầu Bệnh nhân là những người sau đây:

- những ai đau đớn vì một cơn bệnh nặng,
- những ai đau đớn vì quá yếu mệt do tuổi già,
- những ai đã được xức dầu, nhưng đau lại do một cơn bệnh khác hoặc chính cơn bệnh ấy trở nên nặng hơn,
- những ai sắp bị giải phẫu vì một cơn bệnh trầm trọng,

- các em nhỏ đau nặng và đã đủ tuổi khôn để hiểu và đáp lại bí tích với lòng tin.

Một tài liệu hướng dẫn của các Giám mục Hoa-kỳ định nghĩa sự đau yếu theo nghĩa rất rộng, tức là bất cứ sự đau yếu nào thuộc thể xác, cảm xúc hoặc tinh thần có ảnh hưởng trên đức tin của một người. Nếu không rõ có nên xin xức dầu cho một người hay không thì hãy hỏi ý kiến linh mục. Nhưng tốt hơn cả là chính đương sự nên quyết định lấy. Câu hỏi thật giản dị: Tình trạng của người đau yếu đã tới lúc họ cần sự chữa lành của Đức Kitô và lời cầu nguyện chữa lành của Giáo Hội chưa?

Điều này đưa chúng ta tới việc ban hành bí tích.

Ban hành Bí tích gồm có ba bước

Bí tích Xức dầu Bệnh nhân được ban tại tư gia hay tại bệnh viện. Tuy nhiên, nếu tình trạng sức khỏe của bệnh nhân cho phép, thì nơi lý tưởng nhất vẫn là nhà thờ giáo xứ và trong một “Thánh lễ chữa lành” quy tụ mọi người đau yếu trong cộng đoàn để lãnh nhận bí tích. Nghi thức gồm có ba bước.

Trước hết, linh mục bắt đầu, chào đón bệnh nhân và những người có mặt. Sau đó là một ít lời nguyện và một đoạn Kinh Thánh.

Tiếp theo, linh mục đặt tay trên người đau yếu và thỉnh lạng cầu nguyện. Nếu thấy thích hợp, chủ sự có thể mời tất cả những người hiện diện cũng làm như ngài. Cử chỉ đặt tay trên một người cũng là cử chỉ Đức Giê-su đã làm khi Ngài chữa kẻ đau yếu (Mc 6:5).

Thứ ba, linh mục lấy dầu thánh, đọc lời tạ ơn và xức dầu trên trán bệnh nhân đang khi ngài nói: “Nhờ việc xức dầu thánh này và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ con.” Đáp lại, bệnh nhân thưa: “A-men.”

Rồi linh mục xức dầu trên hai bàn tay bệnh nhân, ngài nói: “Xin Chúa giải thoát con khỏi mọi tội lỗi, và thương làm cho con thuyền giảm.” Bệnh nhân lại thưa: “A-men.”

Như đã nói ở trên, Đức Giê-su và các môn đệ thường xức dầu cho những người đau yếu (Ga 9:11; Mc 6:13).

Nghi thức kết thúc với việc mọi người hiện diện cùng đọc kinh Lạy Cha và chủ sự ban phép lành cho những người hiện diện.

Nếu bệnh nhân muốn lãnh nhận Bí tích Hòa giải thì linh mục thường giải tội cho họ trước khi cử hành Bí tích Xức dầu Bệnh nhân.

Nếu bệnh nhân được xức dầu ngoài Thánh lễ và muốn rước lễ thì linh mục cho họ rước Mình Thánh Chúa sau khi cùng đọc kinh Lạy Cha.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--|-------------------------|
| 1. Đức Giê-su chữa lành người ta | Mác-cô 1:29-2:12 |
| 2. Đức Giê-su chia sẻ quyền năng chữa lành | Lu-ca 10:1-9 |
| 3. Các môn đệ Chúa chữa lành người ta | Lu-ca 10:17-24 |
| 4. Giáo Hội sơ khai chữa lành kẻ yếu đau | Công Vụ Tông Đồ 5:12-16 |
| 5. Hãy đến với Giáo Hội để được chữa lành | Gia-cô-bê 5:13-20 |

THẢO LUẬN

- Đức Giê-su đã lo lắng cho những người đau yếu như thế nào?
- Sau khi Đức Giê-su lên trời, Giáo Hội Ngài tiếp tục sứ vụ chữa lành thế nào?
- Tại sao nên có những người khác hiện diện khi cử hành Bí tích Xức dầu Bệnh nhân?
- Bí tích Xức dầu Bệnh nhân được cử hành như thế nào?

CHIA SẺ

- Giải thích những tư tưởng sau đây:
 - “Con cảm tạ Chúa đã cho con đôi mắt để nhìn. Con cũng cảm tạ Chúa về sự mù lòa của con, nhờ đó con thấy con rõ hơn.” (Old Lodgeskins trong phim Little Big Man)
 - “Ai chưa từng nếm ưu phiền
Ai chưa từng sống trong miền tối tăm
Chưa từng khóc lóc vãn than
Thì chưa biết Đấng trên ngàn mây xanh.” (Johann Wolfgang von Goethe)
- Thánh Phao-lô viết: “Giờ đây, tôi vui mừng được chịu đau khổ vì anh em. Những gian nan thử thách Đức Ki-tô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì ích lợi cho thân thể Người là Hội Thánh” (Cl 1:24). Thánh Phao-lô muốn nói gì? Ngài nhấn mạnh tầm quan trọng của việc người đau yếu đóng góp vào Giáo Hội bằng những đau khổ của họ như thế nào?
- Sự đau yếu còn gây thêm nhiều điều khác ngoài đau đớn thể xác. Nó khiến bệnh nhân phải lệ thuộc vào người khác ngay trong những nhu cầu căn bản nhất. Hậu quả là gì? Chán nản. Sự thông đạt không còn nữa. Cảm thấy mọi người, kể cả Chúa, bỏ rơi mình. Bí tích Xức dầu Bệnh nhân nhắm đến toàn diện tình trạng này. Bí tích giúp tất cả con người thắng vượt những

trở ngại ngăn chặn ân sủng và ơn cứu chuộc do sự đau yếu gây nên. Bạn hãy nhớ lại một cơn bệnh nặng bạn hoặc người thân của bạn đã chịu và hãy chia sẻ những hậu quả nó gây nên cho bạn.

4. Nhớ lại lần nào đó bạn đã được xúc dầu hoặc bạn đã hiện diện trong một buổi xúc dầu cho bệnh nhân. Lần ấy có ảnh hưởng gì đối với bạn?

The Catholic Vision III – 24

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 25

Bí tích Hôn phối

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Một điều tôi ngưỡng mộ đối với đời sống hôn nhân của cha mẹ tôi là...
2. Một kỷ niệm đáng nhớ của gia đình tôi là...

NHU CẦU TÌNH YÊU

Trong cuốn phim Bóng chim điều hâu (Shadow of the Hawk), một cặp vợ chồng trẻ và một hướng dẫn viên người Da đỏ đang trèo lên một sườn núi. Có một lúc người đàn bà trẻ quy xuống đất và nói: “Tôi hết đi nổi rồi.” Chàng thanh niên đỡ cô đứng dậy và nói: “Nhưng em à, mình phải tiếp tục đi. Mình không có lựa chọn nào khác nữa.” Nàng lắc đầu: “Không, em không đi được nữa.” Lúc ấy người Da đỏ hướng dẫn bảo anh: “Cậu hãy ôm sát cô ấy. Hãy để cho sức mạnh và tình yêu từ người của cậu tỏa sang người của cô ấy.” Chàng làm theo như vậy và chỉ trong ít phút cô mỉm cười và nói: “Bây giờ thì được rồi. Em có thể đi tiếp.”

Chúng ta tất cả đều thấy câu truyện đó có thể áp dụng cho mình. Nhiều lần trong cuộc sống, chúng ta cũng nghĩ rằng mình không thể tiếp tục tiến tới được nữa. Rồi một người nào đó đã ôm chúng ta sát lòng họ và để cho tình yêu cùng sức mạnh của họ thấm sang thân thể chúng ta.

Tình yêu là sức mạnh lớn lao nhất trên đời

Quyền lực mạnh mẽ nhất trên đời này là tình yêu. Thần học gia Teilhard de Chardin đã nghĩ như vậy khi cha viết: “Một ngày nào đó, sau khi làm chủ được gió, sóng biển, thủy triều và trọng lực, thì chúng ta sẽ khai thác cho Thiên Chúa những năng lực của tình yêu, và lúc ấy cũng là lần thứ hai trong lịch sử nhân loại chúng ta khám phá ra lửa.”

Việc khám phá ra lửa 80,000 năm trước đây đã cứu nhân loại khỏi nạn tuyệt chủng. Khám phá này đã gợi ý cho Jean-Jacques Arnaud thực hiện cuốn phim Tìm lửa (Quest for Fire). Cuốn phim này diễn lại việc tìm ra lửa và nuôi ngọn lửa đã cứu nhân loại khỏi bị hủy diệt như thế nào.

Cũng như nhiều người hôm nay, cha Teilhard de Chardin đã lo lắng nhân loại có thể lại rơi vào nguy cơ diệt vong. Lần này thì không phải vì không có lửa, mà là thiếu vắng một điều cơ bản hơn cả lửa, đó là tình yêu. Sức mạnh của hạch nhân và việc con người mất khả năng yêu thương nhau chính là nguyên nhân đe dọa sự sinh tồn trên mặt đất này.

Nếu chúng ta không tái khám phá tình yêu và nuôi dưỡng năng lực của nó, thì chúng ta khó mà qua khỏi một thế kỷ nữa. Nhiều người băn khoăn tự hỏi: Liệu có ai trong tương lai sẽ làm một cuốn phim gọi là Tìm tình yêu (Quest for Love) để mừng việc khám phá ra tình yêu mà cứu vớt nhân loại không?

Đức Giê-su đã lấy tình yêu làm tâm điểm của giáo huấn

Nếu chúng ta phải chọn một lời để tóm tắt tất cả giáo huấn của Đức Giê-su, thì đó phải là tình yêu. Đức Giê-su nói: “Đây là điều răn của Thầy: Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15:12).

Tình yêu là sức mạnh duy nhất có thể cứu rỗi nhân loại và biến đổi thế giới. Đó là sức mạnh duy nhất có thể đảo ngược “sóng triều của sự dữ” mà tội của A-đam đã làm dâng lên. Chúng ta thử lấy một thí dụ đơn sơ để giải thích sức mạnh của tình yêu thắng điều dữ. Một phụ nữ sắp sửa bước lên một xe buýt đông người. Bất chợt một người đàn ông chen lên xe trước bà và suýt làm cho bà té xuống vỉa hè. Người đàn bà nói với giọng thực mĩa mai: “Xin ông thứ lỗi vì tôi đã chắn lối ông!” Người đàn ông khựng lại sau câu nói của bà ta và ông nói với giọng thành thực thực sự: “Tôi xin lỗi bà! Tôi thật hết sức vô ý tứ! Không hiểu đầu óc tôi đang nghĩ gì đâu đâu. Tôi thật đáng trách.”

Bây giờ đến lượt người đàn bà khựng lại. Ông ta đã đáp lại, không nghĩ câu nói của bà là mĩa mai nhưng là thật lòng. Trong khoảnh khắc ông ta đã thay đổi hẳn. Thế rồi những gì đã xảy ra khiến cho bà cũng thay đổi. Tình yêu có sức mạnh khủng khiếp. Nó có thể thắng vượt sự dữ. Nó có thể

chặn đứng ngọn sóng sự dữ trong thế giới này và biến đổi thành ngọn triều sự thiện (Rm 12:21).

Mọi người đều được mời gọi sống tình yêu. Cuộc sống chúng ta trên trần gian này sẽ không bị xét xử theo danh vọng hoặc tiền tài chúng ta đạt được, nhưng được đánh giá trị theo tình yêu chúng ta đã sống. Mẹ Tê-rê-xa Calcuta đã nói: “Vào giờ chết khi đến trước mặt Chúa, chúng ta sẽ chịu xét xử về tình yêu; không phải chúng ta đã làm được bao nhiêu, nhưng là chúng ta đã làm với bao nhiêu tình yêu.”

Đức Giê-su đã chúc phúc cho một thứ tình yêu đặc biệt

Có nhiều quan hệ tình yêu: cha mẹ và con cái, vợ chồng, ông bà và các cháu, anh em chị em, bạn bè cùng phái hoặc khác phái. Đây chỉ là một số trong những quan hệ yêu thương giữa con người. Tuy nhiên, có một mối quan hệ yêu thương đứng trên tất cả những quan hệ khác. Quan hệ này là quan hệ duy nhất đã được Đức Giê-su chúc phúc và nâng lên hàng Bí tích. Đó là quan hệ yêu thương giữa người nam và người nữ trong hôn nhân.

BÍ TÍCH CỦA TÌNH YÊU

Hôn nhân là một “biến cố ân sủng” nhờ đó Thiên Chúa kết hợp đời sống của một người nam và một người nữ một cách chặt chẽ đến nỗi họ trở nên “một xương một thịt” (Mc 10:8).

Đó là một “biến cố ân sủng” Thiên Chúa sử dụng mà hòa nhập thân phận của hai người với nhau, đến nỗi muốn được cứu rỗi đời đời thì họ phải giúp nhau làm sao trở nên con người Chúa muốn tạo của dựng.

Hôn nhân là một giao ước

Hôn nhân còn hơn cả khế ước. Một khế ước chỉ gồm những từ ngữ nói về thỏa thuận trước với nhau. Nó kê khai những gì hai bên muốn. Còn giao ước là một thề hứa cả hai người quyết tâm trung thành với nhau khi thịnh vượng cũng như lúc gian gian, khi bệnh hoạn cũng như lúc mạnh khỏe. Giao ước không kê khai những gì phải làm. Nó hoàn toàn mở rộng.

Hôn nhân Ki-tô giáo là một biểu lộ tình yêu vô điều kiện để hai người đồng ý chia sẻ cùng một mái nhà, một bàn ăn, một giường ngủ, cùng khổ đau, cùng niềm vui, cùng ước mơ, cho đến hết đời.

Vì hôn nhân Ki-tô giáo phải đạt tới mức độ yêu thương cao cả ấy cho nên thánh Pha-olô mới so sánh nó với tình yêu Chúa Ki-tô yêu Hội Thánh Ngài (Ep 5:25).

Hôn nhân có hai mục đích

Mục đích của hôn nhân gồm hai điều: lớn lên trong tình yêu thương nhau và yêu mến Chúa, và cộng tác với Chúa trong việc tạo nên sự sống mới.

Cả hai mục đích này đều nói lên rằng hai vợ chồng cam kết vĩnh viễn sẽ hiến thân cho nhau vô điều kiện.

Rõ ràng Giáo Hội Công giáo rất coi trọng lời hứa hôn nhân. Tình yêu vợ chồng và lòng chung thủy tạo nên môi trường sảng để con cái họ sẽ sinh ra và được lớn lên thành Ki-tô hữu có trách nhiệm.

Nói gì về ly dị?

Giáo Hội Công giáo từ nhiều thế kỷ đã dạy rằng đối với Ki-tô hữu không thể có ly dị và tái hôn. Giáo Hội trân trọng lời của Đức Giê-su: “Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mc 10:9).

Giáo Hội cho phép cặp vợ chồng ly thân hoặc ly dị mà không tái hôn, nhưng chỉ khi nào có lý do chính đáng. Chỉ được tái hôn khi một trong hai người đã chết, hoặc khi đơn xin Giáo Hội phán quyết hôn nhân bất thành đã được chấp thuận.

Thế nào là phán quyết hôn nhân bất thành?

Phán quyết hôn nhân bất thành không có nghĩa là giải tiêu hôn phối. Nhưng là phán quyết của Giáo Hội khẳng định rằng những gì người ta cho là hôn nhân giữa hai người thì thực ra đã không phải là hôn nhân ngay từ lúc ban đầu.

Một phán quyết hôn nhân bất thành được ban hành khi người ta có thể chứng minh rằng có một khuyết điểm làm cho hôn nhân ấy không thành sự ngay từ ban đầu, mặc dù có những hình thức bề ngoài cũng như lòng ngay của hai người. Một số lý do để phán quyết hôn nhân bất thành là:

- Thiếu sự trưởng thành để kết hôn,
- Kết hôn vì sợ hãi hoặc vì áp lực,
- Giả vờ ưng thuận trong nghi thức hôn phối,
- Giấu diếm một khuyết tật quan hệ của mình để cho người kia ưng thuận kết hôn với mình.

Những người Công giáo ly dị mà tái hôn thì phạm tội nặng nề, đó cũng là điều Giáo Hội vẫn quan tâm. Đối với Giáo Hội, họ vẫn còn bị ràng buộc với người phối ngẫu trước. Họ được thúc giục tham gia việc thờ phượng

cùng với cộng đồng Công giáo, nhưng không được rước lễ.

Những người Công giáo ly dị hãy hội ý với một linh mục để xem có đủ lý do để xin phán quyết hôn nhân trước của mình bất thành hay không.

Một cặp vợ chồng Công giáo kết hôn ngoài Giáo Hội mà muốn trở về thông hiệp hoàn toàn với Giáo Hội thì phải xin một linh mục giúp hợp thức hóa hôn phối của họ bằng một nghi thức đơn giản.

HÔN NHÂN GIỮA HAI NGƯỜI KHÁC ĐẠO

Mọi tôn giáo đều nhận thấy hôn nhân giữa hai người khác đạo là một điều trầm trọng. Hôn nhân khác đạo chỉ nên có sau khi đã suy nghĩ chín chắn, thảo luận đáng hoàng, và cầu nguyện xin ơn soi sáng. Có nhiều vấn đề cần phải giải quyết trước khi kết hôn.

Người Công giáo có những điều buộc phải giữ

Trong hôn nhân khác đạo, phía Công giáo phải xác nhận mình cam kết sống đức tin Công giáo và cam kết cho con cái được chia sẻ đức tin ấy. Phía bên kia cũng phải tôn trọng những cam kết ấy, nhưng không cần phải ký giấy tờ gì cả.

Nếu mỗi bên đều khẳng khăng với truyền thống tôn giáo của mình và dạy dỗ con cái theo truyền thống đó, thì sẽ gây ra những trục trặc không thể giải quyết nổi. Hai người có thể bàn hỏi với người cố vấn để xét xem việc tiến tới hôn nhân có thích hợp hay không.

Hôn phối khác đạo được cử hành tại đâu?

Một cuộc hôn phối khác đạo có thể cử hành tại nhà thờ Công giáo hoặc nơi thờ phượng của phía bên kia.

Vì hai người kết hôn sẽ bàn hỏi với nhau về hôn lễ (trao lời hứa hôn nhân là căn bản của bí tích), nên linh mục hay một phó tế, hoặc một ráp-bi hay mục sư (với phép chuẩn của Giáo Hội Công giáo ban cho phía Công giáo) đều có thể chứng hôn. Khi một linh mục chứng hôn trong Thánh lễ, thì việc trao đổi lời hứa hôn nhân sẽ được làm sau bài giảng.

CHUẨN BỊ HÔN NHÂN

Một khi hai người đã quyết định kết hôn thì họ phải liên lạc với linh mục giáo xứ mình sớm hết sức có thể, bởi vì một số giáo phận đòi hỏi thời gian chuẩn bị tối thiểu là sáu tháng. Việc chuẩn bị gồm có:

- Cuộc phỏng vấn do linh mục hay phó tế,
- Nộp giấy chứng thư Rửa tội, Rước lễ lần đầu và Thêm sức,
- Chuẩn bị cá nhân và chuẩn bị phụng vụ lễ hôn phối.

Hai người được phỏng vấn

Cộng đồng Công giáo rất lo lắng cho chúng ta và muốn giúp chúng ta hết sức có thể. Vậy cuộc phỏng vấn là nhằm mục đích ấy.

Hai người phải có chứng thư Rửa tội

Chứng thư Rửa tội nói lên căn tính Công giáo. Có thể xin chứng thư ấy bằng cách gọi điện thoại hoặc liên lạc với giáo xứ nơi mình đã được rửa tội.

Hai người làm công việc chuẩn bị

Hôn nhân là một trong những bước quan trọng nhất trong đời chúng ta. Do đó, chúng ta phải chuẩn bị hôn nhân về mặt thiêng liêng, phụng vụ và tâm lý. Hầu hết các giáo phận đều có những chương trình chuẩn bị khác nhau như Pre-Cana, Đỉnh Hôn Hội Ngộ...

NĂNG ĐỘNG CỦA HÔN NHÂN

Người ta thường coi là hôn nhân trải qua một tiến trình bốn giai đoạn. Đôi bạn cần phải ý thức điều ấy.

Đôi bạn bắt đầu yêu nhau

Trước hết có một giai đoạn “quyến rũ.” Hai người cảm thấy bị lôi cuốn đến với nhau. Sự lôi cuốn này tăng triển về thể lý, xúc cảm, lý trí và thiêng liêng. Cuối cùng sự lôi cuốn ấy nở thành hoa hôn nhân.

Đôi bạn phối hợp tình yêu với cuộc sống

Tiếp đến là giai đoạn “hợp nhất hóa.” Sau khi kết hôn, đôi bạn bắt đầu một tiến trình đem tính cách mới mẻ và kích động của tình yêu để hợp nhất với cái tầm thường của cuộc sống hằng ngày.

Thách đố của giai đoạn này là làm sao giữ những gì thường ngày khỏi trở thành thói quen và giữ những thói quen ấy khỏi trở nên nhàm chán. Nguy hiểm của giai đoạn này là một hoặc cả hai bắt đầu sử dụng mối quan

hệ giữa hai người mà không cần biết ơn, hoặc dùng làm bình phong để làm những chuyện khác.

Đôi bạn đối phó với khủng hoảng

Thứ ba, thường có một giai đoạn “khủng hoảng.” Khủng hoảng bắt đầu khi một hoặc cả hai không đối phó nổi giai đoạn hai hoặc bị nguy cơ của giai đoạn ấy khống chế. Kết cuộc là quan hệ trôi theo dòng nước lũ. “Cục cựa” bỗng trở thành “gánh nặng.” Những gì xưa kia không nhận thấy hoặc không cần biết thì bây giờ trở thành những thùng dầu đổ vào lửa xung khắc.

Thách đố trong giai đoạn này là làm sao biến những xung khắc kia thành những điều xây dựng. Nguy hiểm thực sự trong giai đoạn này là cố tìm đủ cách để né tránh hoặc đè nén mọi xung khắc. Khi đôi bạn né tránh xung khắc thì việc cảm thông sẽ đổ vỡ và càng nuôi thêm những giận hờn.

Chỉ khi nào thẳng thắn đối diện với những khác biệt và xét chúng với tinh thần xây dựng (đôi khi cần sự giúp đỡ của cố vấn hôn nhân), thì quan hệ vợ chồng mới có thể tiến sang giai đoạn chót là giai đoạn “trưởng thành.”

Đôi bạn trưởng thành trong tình yêu

Giai đoạn thứ tư đẹp nhất và an ủi nhất. Nói về giai đoạn này, Andrew Greeley viết: “Một học giả tôi quen biết đã gọi mối quan hệ sôi nổi của con người vào lúc này là ‘chiều kích cao su.’ Hai người tình tách xa nhau, dĩ nhiên thường là mỗi người một ngã. Nhưng sức mạnh tồn đọng của sự âu yếm nơi hai người thường cũng đủ mạnh để đem họ trở lại với nhau. Lọng cọng, vụng về và ngớ ngẩn, họ lao vào vòng tay của nhau, tha thứ cho nhau và lại bắt đầu nở rộ một tình yêu mới.”

TÌNH YÊU TRƯỞNG THÀNH

Để có một kết luận thích hợp cho bài này, chúng ta lập lại lời thánh Phao-lô mô tả tình yêu trưởng thành như sau:

“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật.

“Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả.

“Đức mến không bao giờ mất được.” (1 Cr 13:4-8)

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 1. Câu truyện tình yêu | Rút 1:1-4:22 |
| 2. Bài ca tình yêu | Điểm Ca 1-8 |
| 3. Người vợ đảm đang | Châm Ngôn 31:10-31 |
| 4. Quà cưới | Gio-an 2:1-12 |
| 5. Tình tuyệt vời | 1 Gio-an 4:7-12 |

THẢO LUẬN

1. Đây là quan điểm của Giáo Hội về vấn đề ly thân? Về ly dị có tái hôn?
2. Cộng đồng Giáo Hội đối xử thế nào với những người kết hôn ngoài Giáo Hội nhưng vẫn muốn được chia sẻ việc thờ phượng?
3. Thảo luận một số lý do thực tế tại sao không nên kết hôn với người khác đạo.

CHIA SẺ

1. Trong cuốn Tái sinh (Born Again), Charles Colson, một phụ tá cao cấp của tổng thống Nixon bị kết án trong vụ Watergate, đã nói với vợ ông là bà Patty: “Trong mười năm kết hôn với nhau, anh nhận thấy là chúng mình đã chẳng bao giờ thảo luận với nhau về... Thiên Chúa và đức tin trong lòng mỗi người.” Còn bạn, bạn có thảo luận với nhau về những điều ấy không và tới mức độ nào? Với con cái bạn?
2. Hà và Tuấn lấy nhau đã hai mươi sáu năm. Họ có sáu người con và một đứa cháu nội. Trong một cuộc phỏng vấn, Tuấn trả lời: “Chúng tôi đã cùng cầu nguyện với nhau suốt đời. Chúng tôi bắt đầu cầu nguyện như vậy từ đêm tân hôn. Tôi nghĩ là chúng tôi đã theo gương gia đình của Hà. Mỗi buổi tối gia đình nài cùng nhau cầu nguyện.” Tại sao bạn đã/đã không bắt đầu làm như thế?
3. Hôn nhân của bạn có đi theo tiến trình bốn giai đoạn được trình bày trong bài không? Nếu có thì điều gì đã giúp bạn thắng vượt được giai đoạn “khủng hoảng”?
4. Một cặp vợ chồng trẻ tới xin bạn một lời khuyên, bạn sẽ nói gì?

The Catholic Vision III – 25

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ III : Phụng tự

Bài 26

Bí tích Truyền chức thánh

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Một công tác phục vụ cộng đồng hoặc một sinh hoạt của Giáo Hội rất thoải mái mà tôi đã tham gia, đó là...
2. Một lý do tại sao ngày nay thiếu linh mục, tôi nghĩ đó là...

LỜI KÊU MỜI THAM GIA THỪA TÁC VỤ KI-TÔ

Bác sĩ Tom Dooley đã có trong đầu hình ảnh về thế giới thập niên 1950. Vừa tốt nghiệp trường y khoa, ông xin gia nhập hải quân với tính cách là một bác sĩ.

Giờ phút quan trọng nhất trong cuộc đời của Dooley là một buổi chiều tháng bảy ở ngoài khơi bờ biển Việt-Nam. Đó là lúc con tàu của ông tiếp cứu một ngàn đồng bào di cư đang trôi dạt trên một chiếc thuyền. Nhiều người bị bệnh tật và ốm đau. Vì Dooley là bác sĩ duy nhất trên tàu, nên ông phải lãnh trách nhiệm điều trị cho họ.

Thực là một công việc quá nặng nhọc, nhưng nó dạy cho ông biết chỉ một chút thuốc men cũng có thể cứu giúp người ta. Nó cũng dạy cho ông biết rằng cứu giúp người đang bị thiếu thốn đã làm cho ông hạnh phúc như chưa từng thấy trên đời.

Kinh nghiệm ấy đã thay đổi cuộc đời của Dooley vĩnh viễn. Sau khi mãn hạn hải quân, ông đã trở lại vùng rừng núi Á-châu và thiết lập một bệnh viện nhỏ để phục vụ người nghèo.

Một trong những đoạn Kinh Thánh mà Dooley thích nhất, đó là “Phúc thay ai sầu khổ” (Mt 5:4). Giải thích tại sao, ông nói: “Sầu khổ là biết ý thức nỗi đau buồn của thế giới hơn là sự vui thú. Nếu bạn thật nhạy cảm trước đau buồn thì bạn hãy làm một điều gì đó, nhỏ bé cũng được, miễn là giúp cho tình huống sáng sủa hơn. Bạn sẽ thấy hạnh phúc vô cùng. Sống là như vậy đó.”

Tom Dooley đã khám phá ra sự mãn nguyện sâu xa có được là do phục vụ những người thiếu thốn. Ông đã tìm thấy niềm vui của thừa tác vụ.

Thừa tác vụ là gì?

Từ thừa tác vụ có nghĩa là “phục vụ.” Thừa tác vụ Ki-tô có nghĩa là bắt chước Đức Ki-tô, Đấng đã phán: “Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ” (Mc 10:45).

Thừa tác vụ Ki-tô nghĩa là đi theo bước chân của Đức Giê-su, bắt chước Ngài phục vụ tha nhân và tiếp tục công việc Ngài đã khởi sự. Đó là thi hành sứ mệnh rao giảng và xây dựng vương quốc Ngài trên trần gian (Mt 28:16-20).

Chúng ta được kêu gọi lãnh nhận thừa tác vụ

Thừa tác vụ Ki-tô không phải là một chọn lựa. Nhưng đó là một trách nhiệm (Mt 28:16-20; 25:31-46). Qua Bí tích Rửa tội và Thêm sức, tất cả chúng ta được kêu gọi lãnh nhận thừa tác vụ.

Để chuẩn bị cho chúng ta thi hành trách vụ này, Chúa Thánh Thần ban cho mỗi người chúng ta những ân sủng đặc biệt. Bàn về những ân sủng này, thánh Phao-lô nói:

“Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung. Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy... Kẻ thì được Thần Khí ban cho những đặc sủng để chữa bệnh... Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách” (1 Cr 12:7-9.11).

Do đó, mọi người Công giáo đều được kêu gọi và được ban ân sủng để thi hành thừa tác vụ Ki-tô. Mọi người Công giáo có trách nhiệm phải rao giảng và xây dựng Nhiệm Thể Chúa Ki-tô một cách thực tiễn – như làm cha mẹ Công giáo tại gia đình, đọc Sách Thánh trong Thánh lễ, hoặc sống những giáo huấn của Chúa Giê-su trong nơi mình làm việc.

ĐƯỢC KÊU GỌI LÃNH NHẬN THỪA TÁC VỤ DO CHÚC THÁNH

Cùng với lời gọi chung lãnh nhận thừa tác vụ dành cho mọi người, cũng có lời gọi đặc biệt chỉ dành cho một ít người thôi. Đó là lời gọi lãnh nhận thừa tác vụ do chức thánh, tức là lời gọi hãy lãnh nhận Bí tích Truyền chức thánh.

Từ “Chức thánh” (Holy Orders) lấy từ Thư gửi tín hữu Do-thái, trong đó chúng ta đọc thấy câu “Muôn thuở, con là Thượng Tế theo phẩm trật (order) Men-ki-xê-đê” (Dt 5:6).

Tân Ước sử dụng ba từ Hy-lạp để nói đến những thừa tác vụ do chức thánh:

- * episcopoi (Cv 20:28),
- * presbyteroi (Cv 14:23),

* diakonoi (Cv 6:1-6).

Do những từ Hy-lạp này, chúng ta có những từ Anh ngữ như episcopate (chức giám mục), presbyterate (linh mục), diaconate (phó tế).

Việc truyền chức trao cho giám mục, linh mục và phó tế quyền và trách nhiệm thi hành việc mục vụ trong Giáo Hội.

THỪA TÁC VỤ CỦA GIÁM MỤC

Giám mục là những vị trực tiếp kế vị các Tông đồ. Việc truyền chức trao cho các ngài vai trò lãnh đạo trong tác vụ giảng dạy, hành động và thờ phượng mà Đức Giê-su đã để lại cho Giáo Hội. Bí tích Truyền chức thánh ban cho các ngài quyền bính và trách nhiệm để:

- * chấn dất đoàn chiên của Đức Giê-su,
- * hướng dẫn họ trong việc phụng tự và phục vụ, và
- * dạy dỗ họ theo đường lối ơn cứu rỗi.

Các giám mục chia sẻ trách nhiệm này theo tính cách cá nhân cũng như tập đoàn.

Giám mục Rô-ma là vị thủ lãnh

Vai trò lãnh đạo giữa các Tông đồ đã được Phê-rô nắm giữ và thi hành. Sau đây là một số ví dụ cho thấy Phê-rô:

- * đứng đầu danh sách Tông đồ (Lc 6:14, vv.),
- * hành động như phát ngôn viên (Cv 2-5),
- * giữ chìa khóa (nước Trời) (Mt 16:19),
- * chữa lành nhiều người (Cv 3:7; 5:15),
- * chỉ dạy những người lãnh đạo (Gl 1:18).

Phê-rô nắm giữ vai trò lãnh đạo đặc biệt giữa các Tông đồ thế nào, thì người kế vị ngài là giám mục Rô-ma cũng nắm giữ vai trò lãnh đạo đặc biệt giữa các giám mục như vậy. Vai trò đặc biệt này đã khiến cho Ki-tô hữu thế kỷ mười một gọi giám mục Rô-ma bằng một danh xưng độc đáo: giáo hoàng, papa, pope, nghĩa là “cha của những người cha.” Kể từ đó, Ki-tô hữu tiếp tục gọi ngài với danh xưng ấy.

Một trong những trách nhiệm nòng cốt là giáo huấn

Đang khi còn tại thế, Đức Giê-su hứa với các môn đệ Ngài là Chúa Thánh Thần, Đấng Ngài sẽ sai đến (Ga 15:26), sẽ dẫn họ “tới sự thật toàn vẹn” (Ga 16:13). Truyền thống Công giáo trân trọng lời hứa này như ân sủng vĩ đại nhất Đức Giê-su ban cho Giáo Hội.

Lời hứa này bảo đảm với chúng ta rằng trong một thế giới đầy nghi ngờ và hỗn loạn, Giáo Hội được Chúa ban một hồng ân đặc biệt (đặc sủng) để làm “thầy dạy và mục tử của mọi Ki-tô hữu.” Lời hứa ấy giúp chúng ta vững tâm vì giữa những tiếng nói đối nghịch và sai lầm của thời đại, Giáo Hội của Đức Giê-su vẫn được Chúa trợ giúp để nói lên tiếng nói với tất cả quyền bính của Thiên Chúa. Lời hứa ấy cũng bảo đảm là Chúa Thánh Thần đang dẫn dắt Giáo Hội khi các tín hữu, cá nhân cũng như tập thể, cố gắng “mặc lấy” tâm tình của Đức Giê-su và bước theo sát với Ngài giữa thế giới hôm nay.

Một khía cạnh của giáo huấn, đó là ơn bất khả ngộ (không thể sai lầm)

Một khía cạnh của đặc sủng mục vụ trong Giáo Hội, đó là điều truyền thông Công giáo gọi là ơn bất khả ngộ. Nói cách cụ thể, ơn đó có nghĩa là khi Giáo Hội dạy dỗ với tất cả quyền bính Đức Giê-su ban cho (Mt 16:18-19), thì Chúa Thánh Thần sẽ gìn giữ Giáo Hội để khỏi xa rời những giáo huấn của Đức Giê-su, trong những vấn đề liên quan tới sự cứu rỗi (đức tin và luân lý). (Chúng ta sẽ bàn thêm về vấn đề này trong chương (bài) 29, “Quyết định luân lý”).

THỪA TÁC VỤ CỦA LINH MỤC

Khi Giáo Hội sơ khai đã phát triển thêm đông đảo thì giám mục không thể nào một mình phục vụ tất cả mọi người được nữa. Do đó, ngài truyền chức cho những người phụ tá để họ giúp ngài. Được gọi là các kỳ lão (linh mục), họ được trao trách nhiệm coi sóc những đơn vị nhỏ hơn (các giáo xứ) thuộc lãnh địa do giám mục đảm trách. Từ đó, linh mục coi giáo xứ đã trở thành thừa tác viên được truyền chức mà chúng ta thấy quen thuộc nhất.

Nhờ Bí tích Truyền chức thánh, linh mục lãnh nhận việc chia sẻ đặc biệt vào tác vụ linh mục của chính Đức Ki-tô (Sắc lệnh về Chức vụ và đời sống các Linh mục, số 1). “Vì mỗi linh mục đều là hiện thân của Đức Ki-tô theo cách thức riêng của mình, nên ngài nhận được những ơn riêng”, và bởi vậy, được vững mạnh để hành động nhân danh Đức Ki-tô theo đường lối đặc biệt (số 12). Là “cộng sự viên” của giám mục, nên cũng như giám mục, linh mục coi sóc đoàn chiên được trao phó, hướng dẫn họ trong việc thờ phượng và dạy bảo họ theo đường lối ơn cứu độ.

“Vậy qua tay giám mục, các linh mục được Thiên Chúa hiến thánh, để đặc biệt tham dự vào chức Linh mục của Chúa Ki-tô... Nhờ Bí tích Rửa tội, các ngài dẫn đưa người ta vào Dân Chúa; nhờ Bí tích Hòa giải, các ngài

giao hòa tội nhân với Thiên Chúa và Giáo Hội; nhờ xức dầu bệnh nhân, các ngài xoa dịu người đau ốm; nhất là nhờ việc cử hành Thánh lễ, các ngài hiến dâng Hy tế của Chúa Ki-tô cách bí tích” (Số 5).

Linh mục là một dấu chỉ

Cũng như giám mục, linh mục sống độc thân. Truyền thống sống độc thân đã có từ thời Ki-tô giáo sơ khai, nhưng chưa trở nên phổ quát trong Giáo Hội Tây phương mãi cho tới thế kỷ mười hai.

Bậc sống độc thân là muốn theo gương Đức Giê-su, Đấng đã sống độc thân suốt đời. Trong Giáo Hội Công giáo ngày nay, linh mục là dấu chỉ độc đáo nói lên thực tại Đức Ki-tô ở giữa chúng ta. Sống độc thân nhằm mục đích thực tiễn là để được tự do hơn mà phục vụ (1 Cr 7:32-34).

Sống đời độc thân không nhất thiết làm cho linh mục thành một người thánh thiện hơn. Nó chỉ khẳng định sự dẫn thân độc đáo của một linh mục cho Đức Ki-tô và Giáo Hội. Đoạn trích “Con là linh mục đời đời” của cha Lacordaire cố gắng diễn tả sự dẫn thân ấy như thế nào:

“Sống giữa thế giới mà không màng thú vui.

Trở nên một phần tử của từng gia đình mà vẫn không thuộc về gia đình nào.

Chia sẻ mọi khổ đau, xâm nhập mọi bí mật,
chữa lành mọi vết thương...

Có một trái tim bùng cháy lửa bác ái,

và một trái tim sắt đá để sống khiết tịnh.

Giảng dạy, tha thứ, an ủi,

và luôn chúc lành.

Chúa ơi! Thật là cuộc sống tuyệt vời!

Cuộc sống ấy chính là của ngài, hỡi linh mục của Đức Giê-su Ki-tô!”

Chẳng có linh mục nào đạt được lý tưởng đó cả. Nhưng đó không phải là mục đích của lý tưởng. Carl Schurz nói: “Lý tưởng giống như những vì sao. Bạn sẽ không chạm tới chúng với đôi tay của bạn đâu. Nhưng như những thủy thủ trên mặt nước mênh mông, bạn lấy những vì sao đó mà dẫn đường cho mình.”

Có những loại linh mục khác nhau

Có hai loại linh mục: thuộc giáo phận (linh mục triều) và thuộc dòng tu (linh mục dòng).

Các linh mục thuộc giáo phận làm việc dưới sự điều khiển của giám mục trong một giáo phận. Còn linh mục thuộc dòng tu thuộc về một cộng đồng tu sĩ và thường chung sống với nhau trong cộng đoàn.

NHỮNG CỘNG ĐỒNG TU SĨ

Các linh mục trong những cộng đồng tu sĩ thường giữ những lời khấn sống khó nghèo (không sở hữu tiền bạc của cải), khiết tịnh và vâng lời bề trên của cộng đoàn mình.

Giữ những lời khấn hoặc những lời hứa này không đưa người tu sĩ lên một địa vị cao cả và thánh thiện hơn những người khác trong Giáo Hội. Nó chỉ giúp cho họ sống một lối sống Ki-tô khác biệt, một cách cố gắng đạt tới sự hoàn thiện mà tất cả các Ki-tô hữu đều được kêu gọi tiến đến (Mt 5:48).

Tại sao có quá nhiều cộng đồng tu sĩ?

Mỗi cộng đồng tu sĩ có một tinh thần hoặc một linh đạo riêng. Tinh thần ấy được nắn đúc để giúp các phần tử của cộng đồng thi hành sứ vụ đặc biệt mà cộng đồng chủ trương dân thân: thí dụ giáo dục thanh thiếu niên, phục vụ người nghèo, rao giảng Tin Mừng tại những nơi truyền giáo.

Ngoài những cộng đồng tu sĩ linh mục ra, cũng có những cộng đồng tu sĩ của nữ giới (các nữ tu hoặc các sơ). Họ cũng có một lối sống, một linh đạo và sứ vụ riêng trong Giáo Hội, giống như các tu sĩ linh mục vậy.

Sau hết, có những cộng đồng tu sĩ của các tu huynh (các thầy dòng). Tu huynh là người sống đời tu sĩ nhưng không làm linh mục. Những cộng đồng tu huynh cũng có một tinh thần hoặc linh đạo riêng biệt. Họ đáp ứng một nhu cầu đặc biệt nào đó của Giáo Hội.

Những cộng đồng tu sĩ được ví như những tấm biển chỉ dẫn. Lối sống của họ đưa họ ra ngoài dòng lưu của xã hội, nhưng lại vẫn phục vụ cho xã hội. Kết quả là họ chỉ đường cho người ta tới Thiên Chúa một cách sống động và rõ ràng hơn. Chứng từ và phục vụ của họ là một tiếng nói quan trọng của Đức Ki-tô cho thế giới.

THỪA TÁC VỤ PHÓ TẾ

Các phó tế được truyền chức thi hành việc mục vụ do việc truyền chức ấn định. Họ là những người độc thân hoặc lập gia đình, nhưng cảm nhận lời gọi của Chúa muốn họ phục vụ bất cứ nơi nào cần tới họ (Cv 6:1-6).

Ngày nay, các phó tế tham gia vào rất nhiều công tác phục vụ cộng đồng. Họ giảng trong Thánh lễ, rửa tội, chủ sự nghi thức hôn phối và an táng. Họ không cử hành Thánh Thể, Bí tích Giải tội, hoặc Bí tích Xức dầu bệnh nhân.

CƠ CẤU GIÁO HỘI

Thánh đô Vatican là một quốc gia biệt lập trong thành phố Rô-ma. Về phương diện chính trị, quốc gia nhỏ xíu này có địa vị như bất cứ quốc gia nào trên thế giới, đầy đủ cơ quan ngoại giao. Về phương diện thiêng liêng, đó là trái tim và linh hồn của cộng đồng Công giáo toàn cầu. Đức Giáo hoàng và các nhân viên của ngài cư ngụ tại Vatican.

Như vị tổng thống Hoa-kỳ có một nội các để giúp ông điều hành quốc gia, thì cũng thế, Đức Giáo hoàng có một nội các được gọi là Giáo triều. Giáo triều có trách nhiệm phối trí và xem xét những hoạt động từng ngày của cộng đồng Công giáo trên toàn thế giới. Những bộ hoặc văn phòng thuộc Giáo triều thường được đứng đầu do một giám mục hay hồng y.

Hồng y là một tước hiệu danh dự thường dành cho một giám mục đặc biệt. Một trong những bốn phân của hồng y là bỏ phiếu bầu Giáo hoàng. Một tước hiệu danh dự khác, đó là đức ông (monsignor), được dành cho một linh mục đặc biệt.

Cơ cấu Giáo Hội được tổ chức như thế nào?

Một sơ đồ về cơ cấu Giáo Hội Công giáo có thể như sau đây:

* Giáo xứ: là cộng đồng Công giáo địa phương. Nó được quản trị do một linh mục chính xứ, cùng với một ban mục vụ gồm những phụ tá đã được truyền chức và một số giáo dân.

* Giáo phận: là một đơn vị gồm nhiều giáo xứ thuộc một ranh giới địa lý. Nó được điều hành do một giám mục, cùng với một ban mục vụ thuộc giáo phận gồm những phụ tá đã được truyền chức và những giáo dân.

* Hội đồng Giám mục quốc gia: là một cơ cấu tổ chức gồm những giám mục của một quốc gia. Nó xúc tiến những công việc của Giáo Hội trên bình diện quốc gia.

* Giáo Hội toàn cầu: gồm mọi người Công giáo thuộc Giáo Hội Đông phương cũng như Giáo Hội Tây phương. Giáo Hội toàn cầu được phục vụ do Đức Giáo hoàng và Giáo triều, để xúc tiến và phối trí những hoạt động của Giáo Hội trên bình diện thế giới.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|-------------------------------------|---------------------|
| 1. Chúa Giê-su Linh Mục | Do-thái 4:14-5:10 |
| 2. Các giám mục và phó tế | 1 Ti-mô-thê 3:1-13 |
| 3. Truyền chức linh mục | 1 Ti-mô-thê 4:6-16 |
| 4. Phao-lô nói về bậc sống độc thân | 1 Cô-rin-tô 7:32-35 |

THẢO LUẬN

1. Trước những nhu cầu của Giáo Hội và hoàn cảnh xã hội hiện thời, bạn nghĩ việc huấn luyện và đào tạo linh mục phải dựa trên những tiêu chuẩn nào?

2. Đặc sủng bất khả ngộ là gì? Áp dụng đặc sủng ấy cho Đức Giáo hoàng và giám mục đoàn của toàn cầu như thế nào? Tìm hiểu căn bản Kinh Thánh nói về vấn đề này.

CHIA SẺ

1. Trong cuốn nhật ký về Nội chiến Hoa-kỳ, tổng thống Lincoln viết: “Trong tất cả những công cuộc từ thiện... trong những phòng bệnh nhân đầy người tại các bệnh viện, những nữ tu Công giáo là những người đặc lực nhất. Tôi chẳng biết họ từ đâu tới hoặc tên dòng tu của họ là gì... Nhưng dịu dàng và chu đáo, rồi với lòng can đảm của người lính chiến... họ thực là những thiên thần đầy lòng cảm thương.” Tại sao bạn nghĩ các dòng nữ thiếu ơn gọi ngày nay?

2. John Catoir viết trong cuốn *That Your Joy May Be Full*: “Khi còn là một thanh niên, tôi cảm thấy rất muốn làm linh mục, nhưng tôi đã không dám tiến tới... Phải mất bảy năm chiến đấu nội tâm, từ trung học lên tới đại học và thi hành nghĩa vụ quân sự xong, tôi mới thừa ‘xin vâng’ trước lời gọi của Chúa. Tôi chẳng bao giờ hối tiếc về quyết định này cả.” Bạn nghĩ tuổi nào thích hợp nhất để quyết định làm linh mục?

3. Hãy nhớ lại một “cảm nghiệm đẹp” bạn có với một linh mục. Một “cảm nghiệm xấu.” Bạn mong đợi điều gì nhất nơi một linh mục và tại sao? Nơi một phó tế?

The Catholic Vision III – 26

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

Bài 27

Cầu nguyện cá nhân

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Nếu phải diễn tả đời sống cầu nguyện của tôi như thế nào, thì tôi sẽ diễn tả như sau: ...
2. Một số lý do tại sao tôi muốn học hỏi thêm để biết cầu nguyện hơn, đó là...

CẦU NGUYỆN

Một cậu bé chăm chú nhìn vị huyền sĩ Ấn-độ cầu nguyện bên bờ sông. Chờ cho huyền sĩ cầu nguyện xong, cậu bé thưa: “Xin ngài dạy tôi cầu nguyện!” Huyền sĩ liền nắm đầu cậu bé gìm xuống nước khoảng một phút. Cậu bé vùng lên để thở và cầu nhàu: “Ngài làm như thế có nghĩa gì?” Huyền sĩ trả lời: “Ta vừa dạy cậu bài học đầu tiên về cầu nguyện. Bao giờ cậu thực sự muốn cầu nguyện như là lúc cậu thực sự muốn thở ở dưới nước, thì lúc ấy tôi mới có thể dạy cậu.”

Vị huyền sĩ ấy thật chí lý. Bao lâu chúng ta chưa thực sự muốn cầu nguyện, thì chúng ta sẽ không kiên trì trong cầu nguyện. Cầu nguyện rất giống với việc kiêng ăn cho bớt mập. Chúng ta có thể biết tất cả lý thuyết về việc ấy, nhưng cái biết đó sẽ chẳng lợi ích gì cho chúng ta nếu chính chúng ta không muốn làm cho mình bớt mập.

Tại sao người ta cầu nguyện?

Người ta có rất nhiều lý do để cầu nguyện. Thí dụ, cầu nguyện khiến họ được bình an; cầu nguyện giúp họ đương đầu với cuộc sống; cầu nguyện giúp họ tìm thấy ý nghĩa. Thiên Chúa nghe lời người ta cầu nguyện. Những lý do trên đều đích đáng, nhưng không thể là những lý do chính để cầu nguyện. Trong cuốn sách Như bánh được bẻ ra (As Bread That Is Broken), Peter van Breemen giải thích tại sao người ta cầu nguyện. Ông ghi rằng không thể thẩm định cầu nguyện qua kết quả của nó. Bởi vì ngày nào đó có thể “kết quả” của cầu nguyện xem ra tan vỡ. Thí dụ cầu nguyện không đem lại bình an nữa. Hoặc hình như Thiên Chúa không nghe lời chúng ta cầu nguyện. Nếu xảy ra như vậy thì cầu nguyện có vẻ là vô dụng và chúng ta sẽ thôi không cầu nguyện nữa.

Lý do chính để cầu nguyện: cầu nguyện là cách biểu lộ tình yêu. Biểu

lộ tình yêu đối với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần để chúng ta được sống đời đời với các Ngài.

Như thế cầu nguyện có thể có nhiều mục đích. Nhưng lý do chính để cầu nguyện là để yêu mến. Cầu nguyện là một hành vi yêu mến để liên kết chúng ta gần gũi hơn với Chúa là tình yêu.

NHỮNG THỂ THỨC CẦU NGUYỆN

Một học sinh trung học viết như sau trong bài làm của em: “Một ngày kia, sau khi chơi bóng rổ ở ngoài công viên, tôi đi tới một vòi nước uống công cộng để uống nước. Nước mát thật là ngon và tôi cảm thấy khỏe khoắn, không còn mệt nữa. Bỗng nhiên tôi nghĩ: ‘Chúng ta cần nước để uống. Nhưng nước từ đâu tới?’ Tôi nghĩ là từ mây. ‘Nhưng mây từ đâu mà có?’ Là từ nước bốc thành hơi. Rồi câu hỏi cứ tiếp tục cho đến khi tôi không trả lời được nữa, hoặc nói đúng hơn, cho đến khi tôi chỉ còn một câu trả lời: Từ Thiên Chúa mà đến. Sau đó một ít phút, tôi nằm dài trên mặt cỏ, nhìn lên trời, thắc mắc không hiểu Thiên Chúa tựa như thế nào. Rồi tôi nói với Thiên Chúa một chút bằng ngôn từ của mình. Sau đó tôi về nhà.”

Cảm nghiệm tuyệt đẹp của cậu học sinh ấy cho thấy ba thể thức cầu nguyện: suy niệm, chiêm niệm và tâm sự.

Suy niệm là khám phá ý nghĩ về Thiên Chúa. Sự hiện diện của Thiên Chúa trong thế giới cũng tựa như sự hiện diện của tín hiệu truyền hình trong không gian. Những tín hiệu này cần một máy TV để được đưa lên màn ảnh. Cũng thế, sự hiện diện của Thiên Chúa cần sự suy niệm như phương tiện để được đưa vào tụ điểm.

Chiêm niệm là vui hưởng sự hiện diện của Thiên Chúa. Chúng ta được khích động do ý nghĩ về sự hiện diện của Thiên Chúa đến nỗi nói không nên lời. Chúng ta chỉ còn biết thính lặng và vui hưởng sự hiện diện ấy như vui hưởng một khúc nhạc hoặc cảnh hoàng hôn tuyệt vời.

Tâm sự là bày tỏ với Thiên Chúa cảm nghĩ của chúng ta. Chúng ta nói với Thiên Chúa từ con tim và bằng ngôn từ hoặc tư tưởng của chúng ta.

Tóm lại, cầu nguyện thường có ba thể thức:

- Suy niệm: khám phá bằng tâm trí,
- Chiêm niệm: vui hưởng trong tâm hồn, và
- Tâm sự: bày tỏ từ trái tim.

Thường những thể thức cầu nguyện này móc nối với nhau trong cùng một kinh nguyện, tựa như những sợi giây nhỏ trong một sợi giây thừng. Khó mà tách chúng ra được.

CHUẨN BỊ CẦU NGUYỆN

Trước khi cầu nguyện, chúng ta cần chuẩn bị. Việc chuẩn bị gồm bốn bước căn bản:

- Chọn một chỗ để cầu nguyện,
- Ấn định giờ giấc để cầu nguyện,
- Chọn lựa một thể để cầu nguyện, và
- Tạo một bầu khí để cầu nguyện.

Trước hết là nơi chốn. Có những người cầu nguyện đang khi ngồi trên xe buýt hoặc đi bộ đến nơi làm việc. Nhưng muốn cầu nguyện mà không bị ngắt quãng, chúng ta cần một chỗ riêng. Đức Giê-su đã làm như vậy. Sách Tin Mừng nói rằng Ngài “đi lên núi để cầu nguyện” (Lc 6:12). Sách cũng kể “Ngài đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó” (Mc 1:35). Điều quan trọng về nơi chốn là nó giúp chúng ta cầu nguyện. Muốn biết đâu là chỗ thích hợp để cầu nguyện thì tốt nhất phải thử xem.

Thứ hai là giờ giấc. Với một số người cầu nguyện lúc ban sáng là thích hợp. Nhưng có người lại ưa cầu nguyện vào buổi tối. Chúa Giê-su cầu nguyện vào cả hai lúc. Sách Tin Mừng nói: “Sáng sớm Người đã dậy, đi ra một nơi hoang vắng và cầu nguyện ở đó” (Mc 1:35). Hoặc: “Người đã thức suốt đêm cầu nguyện cùng Thiên Chúa” (Lc 6:12). Cũng vậy, muốn biết giờ giấc nào tốt nhất cho mình để cầu nguyện, cần phải thử nghiệm.

Thứ ba là tư thế. Có người ngồi cầu nguyện là tư thế tốt nhất. Người khác lại thích quỳ cầu nguyện. Đức Giê-su cầu nguyện với nhiều tư thế. Sách Tin Mừng ghi lại: “Người quỳ gối, cầu nguyện...” (Lc 22:41). Hoặc: “Sấp mặt xuống, Người cầu nguyện” (Mt 26:39).

Bước cuối cùng là quan trọng nhất

Bước quan trọng nhất trong việc cầu nguyện là tạo một bầu khí hoặc khung cảnh thích hợp để cầu nguyện. Sách Tin Mừng không cho chúng ta biết Đức Giê-su đã làm điều này như thế nào, có lẽ vì khung cảnh cuộc sống của Ngài luôn luôn thích hợp để Ngài có thể cầu nguyện. Nhưng chúng ta thì không giống như vậy; chúng ta cần phải tạo một khung cảnh thích hợp. Đây là một cách.

Sau khi chọn tư thế cầu nguyện, bạn hãy để cho toàn thân thoải mái. Bắt đầu để cho những thớ thịt trên mặt giãn ra, dần dần xuống tới vai, ngực, bụng và chân.

Khi đã hoàn toàn thoải mái, bạn hãy nhắm mắt lại và thở theo một nhịp đều hòa. Vận động nhịp thở cho tới khi thấy thỉnh thoảng bao trùm. Lúc bạn cảm thấy mình gặp được con người nội tâm của mình thì bạn cố gắng tiếp xúc với Chúa, Đấng đang ở trong bạn là đền thánh của Người (1 Cr 6:19).

Cách đơn giản để thực hiện điều này là hãy chú tâm cầu nguyện: “Lạy Chúa, Chúa ở gần với con hơn cả chính hơi thở của con. Ước gì mỗi hơi thở đều nhắc nhở cho con biết Chúa đang hiện diện sâu thẳm nơi con người nội tâm của con.”

Cầu nguyện xong, bạn hãy dừng lại trong một tư thế mở lòng cho Chúa. Nếu Chúa cho bạn cảm nhận được sự hiện diện của Người, như thỉnh thoảng vẫn xảy ra, thì bạn hãy sống với sự hiện diện ấy. Đừng vội vã tiếp tục; nhưng hãy quên đi chương trình định sẵn của bạn, mà cứ mở lòng cho Chúa. Việc nghỉ ngơi trong sự hiện diện đầy yêu thương và có sức chữa lành của Chúa là một hình thức cầu nguyện tuy đơn sơ nhưng thật tuyệt diệu.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại với chính việc cầu nguyện.

CÁCH THỨC CẦU NGUYỆN

Hầu hết người ta theo những cách thức để cầu nguyện. Một cách thức chỉ là một khuôn mẫu hoặc một đường lối để giúp cho việc cầu nguyện của chúng ta diễn tiến trôi chảy. Sau đây là một số cách thức người ta thấy rất hữu ích:

- cầu nguyện bằng cuộc sống,
- cầu nguyện bằng Kinh Thánh, và
- cầu nguyện bằng những kinh nguyện đã có từ lâu.

Cầu nguyện bằng cuộc sống gồm có ba bước

Cách thức cầu nguyện bằng cuộc sống thì đơn giản và thực tế. Cách này lý tưởng cho việc cầu nguyện vào buổi tối. Ba bước đó gồm: bước thứ nhất hướng về Chúa Cha; bước thứ hai hướng về Chúa Con; và bước thứ ba hướng về Chúa Thánh Thần. Mỗi bước đều có suy niệm, chiêm niệm và tâm sự. Mỗi bước khoảng hai hoặc ba phút.

Bước thứ nhất - Ôn lại ngày sống của bạn. Chọn một điểm cao nhất – một việc tốt bạn đã làm hoặc một điều tốt đã đến với bạn. Tâm sự với Chúa Cha về điểm đó. Rồi cảm tạ Người.

Bước thứ hai - Tiếp tục ôn lại ngày sống. Lần này chọn một điểm thấp nhất – một điều xấu bạn đã làm. Tâm sự với Chúa Con về điều ấy. Xin ơn tha thứ.

Bước thứ ba - Hướng về ngày mai, về một khó khăn bạn sẽ phải đương đầu. Tâm sự với Chúa Thánh Thần về điều này. Xin ơn trợ giúp.

Thí dụ sau đây cho thấy cách thức cầu nguyện diễn tiến thế nào.

Bước thứ nhất: “Lạy Cha, Cha biết con thiếu kiên nhẫn như thế nào. Nhưng hôm nay Cha đã giúp con biết kiên nhẫn. Con cảm tạ Cha.”

Bước thứ hai: “Lạy Chúa Giê-su, Chúa dạy chúng con phải yêu mến. Xin Chúa tha thứ cho con, vì con đã không tỏ lòng yêu thương đối với một người thực sự cần tình thương, một người đang sống trong hoàn cảnh gia đình không mấy tốt đẹp.”

Bước thứ ba: “Lạy Chúa Thánh Thần, con muốn làm điều gì là đúng. Nhưng con không biết rõ phải làm gì. Xin Chúa giúp con biết phải đối xử thế nào với một người đang bực bội và rượu say bí tỉ.”

Cầu nguyện bằng Kinh Thánh có bốn bước

Nếu cầu nguyện bằng cuộc sống thích hợp cho cầu nguyện buổi tối thì cầu nguyện bằng Kinh Thánh rất thích hợp vào ban sáng. Nó đòi hỏi nhiều cố gắng hơn và hữu hiệu hơn khi bạn còn đang khỏe khoắn. Bạn hãy lấy một đoạn Tin Mừng và dành chừng hai hoặc ba phút cho mỗi bước.

Bước 1 - Đọc đoạn Kinh Thánh chậm chậm. Hãy tưởng tượng bạn là một trong những nhân vật trong đoạn Kinh Thánh ấy. Thỉnh thoảng dừng lại để nhìn hoặc nghe những gì nhân vật ấy đã thấy hoặc đã nghe.

Bước 2 - Hãy suy nghĩ về đoạn Kinh Thánh. Tưởng tượng những gì đang xảy ra trong tâm trí nhân vật bạn chọn. Điểm nào đã được nói lên trong đoạn Kinh Thánh?

Bước 3 - Hãy nói với Chúa Giê-su. Tưởng tượng ra những gì nhân vật ấy nói với Chúa Giê-su, không kể những gì đã được ghi lại trong đoạn Kinh Thánh.

Bước 4 - Hãy lắng nghe Chúa Giê-su. Tưởng tượng những gì Chúa Giê-su có thể nói với nhân vật trong đoạn Tin Mừng, không kể những gì đã đọc thấy trong đoạn Kinh Thánh ấy.

Kết thúc bằng cách nói với Chúa Giê-su tất cả những điều ấy sẽ áp dụng như thế nào vào trường hợp cá nhân bạn.

Sau đây là một thí dụ cụ thể về cách thức cầu nguyện bằng Kinh Thánh, với đoạn Mt 9:9-12.

Bước 1 - (Tưởng tượng ra bạn là Mát-thêu đang khi đọc đoạn Tin Mừng này). “Đức Giê-su đi ngang qua trạm thu thuế, thì thấy một người tên là Mát-thêu đang ngồi ở đó. Người bảo ông: ‘Anh hãy theo tôi!’ Ông đứng dậy đi theo Người.” (Dừng để suy nghĩ: Gương mặt của Chúa Giê-su có nét nào đặc biệt lúc ấy khiến cho Mát-thêu đứng lên đi theo Chúa?) “Đức Giê-su đang dùng bữa trong nhà, thì kia, nhiều người thu thuế và người tội lỗi kéo đến, cùng ăn với Người và các môn đệ.” (Dừng để suy nghĩ: Thử nhận

ra những nét biểu lộ nào trên mặt những người tội lỗi đang lắng nghe Chúa.)

“Thấy vậy, những người Pha-ri-sêu nói với các môn đệ Người rằng: ‘Sao Thầy các anh lại ăn uống với bọn thu thuế, và quân tội lỗi như vậy?’ Nghe thấy thế, Đức Giê-su nói: ‘Người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần.’” (Dừng để suy nghĩ: Nói những lời này, giọng nói của Chúa Giê-su như thế nào? Ngài ám chỉ ai khi nói những lời này?)

Bước 2 - (Hãy tưởng tượng Mát-thêu nghĩ gì) “Bây giờ tôi biết tại sao Đức Giê-su đã gọi tôi rồi! Tôi cần thầy thuốc. Tôi đau ốm nhiều lắm. Nhưng tôi thiết nghĩ Đức Giê-su đã gọi tôi vì một lý do nào khác nữa. Tôi muốn biết lý do ấy là gì.”

Bước 3 - (Hãy tưởng tượng Mát-thêu nói gì với Chúa Giê-su) “Lạy Chúa, con biết Chúa đã gọi con vì con đau ốm. Nhưng còn lý do nào khác không? Có phải Chúa thấy ở nơi con một điều gì chính con không thấy được? Điều đó là gì?”

Bước 4 - (Hãy tưởng tượng Chúa Giê-su nói gì với Mát-thêu) “Mát-thêu, Thầy đã gọi anh vì một lý do đặc biệt. Thực sự Thầy nhận thấy một cái gì đặc biệt nơi anh. Hiện giờ thì cứ kiên nhẫn. Ngay bây giờ, anh cứ theo Thầy!”

Kết thúc - Cách tốt nhất để kết thúc cầu nguyện là hãy nói với Chúa Giê-su về đoạn Tin Mừng này áp dụng cho bạn như thế nào.

Cách thức cầu nguyện cổ truyền đơn giản nhất

Cách thức cầu nguyện cổ truyền là suy niệm về một kinh quen thuộc. Cách làm như sau: mỗi lần lấy một ý hay một câu. Dừng lại sau mỗi ý hay mỗi câu để tâm sự với Chúa. Thí dụ cầu nguyện bằng kinh Lạy Cha.

“Lạy Cha chúng con là Đấng ngự trên trời, xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển.”

“Lạy Cha, xin giúp con ý thức Cha là Cha “của chúng con,” nên chúng con là anh chị em với nhau. Trước hết xin Cha giúp con biết đối xử với người khác như anh chị em.”

“Triều đại Cha mau đến.”

“Lạy Cha, xin ban cho con ơn can đảm để biết sử dụng tài năng mà xây dựng Nước Cha. Xin cho con đừng ích kỷ và bất xứng với Nước Cha, khi Con Cha trở lại trong ngày sau hết.”

“Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.”

“Lạy Cha, xin giúp con biết bắt chước Chúa Giê-su trong Vườn Dầu. Ngài nói: ‘Xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha.’ Lạy Cha, điều ấy không phải dễ làm, nhưng thật là khó.”

“Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày.”

“Lạy Cha, biết bao anh chị em hôm nay đang đói. Họ đói thể xác và phần hồn. Con có thể làm được gì để giúp họ?”

“Xin tha tội cho chúng con, như chúng con cũng tha cho những người có lỗi với chúng con.”

“Lạy Cha, Cha biết con không phải là một người dễ tha thứ cho anh chị em. Đó là điều con cần được chữa lành. Xin Cha đưa bàn tay chữa lành của Cha mà chạm tới con.”

“Xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ. A-men.”

“Lạy Cha, thánh Phao-lô viết: ‘Thiên Chúa là Đấng trung tín: Người sẽ không để anh em bị thử thách quá sức; nhưng khi để anh em bị thử thách, Người sẽ cho kết thúc tốt đẹp, để anh em có sức chịu đựng’ (1 Cr 10: 13). Xin Cha giúp con biết tin vào lời thánh Phao-lô – và tin vào tình yêu vô biên cùng lòng nhân từ của Cha.”

(Về các kinh nguyện quen đọc, xin xem bài 31, “Tiếp tục hành trình.”)

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- Kẻ xấu nhưng lại biết cầu nguyện Lu-ca 18:9-14
- Lời nguyện của hoàng đế 2 Sử biên niên 1:7-12
- Đừng lải nhải nhiều lời Mát-thêu 6:5-15
- Đánh thức bạn dậy Lu-ca 11:5-13
- Quấy rầy Thiên Chúa Lu-ca 18:1-8

THẢO LUẬN

1. Tại sao khi cầu nguyện cần phải chọn thời giờ, nơi chốn và tư thế thích hợp?
2. Thế nào là tạo một “trạng thái thích hợp” để cầu nguyện? Bạn thường làm thế nào để có sự chuẩn bị gần ấy?
3. Cách thức cầu nguyện là gì? Trong ba cách thức (bằng cuộc sống, Kinh Thánh và kinh nguyện đã có sẵn), bạn thường sử dụng cách nào nhiều nhất? Hoặc cả ba? Tại sao?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - * “Cầu nguyện một đằng rồi sống một nẻo là không tốt.” (Henry Ward Beecher)
 - * “Tôi đã sống để cảm tạ Chúa vì mọi lời cầu nguyện của tôi đã

không được nhậm lời.” (Jean Ingelow)

* “Kẻ nào không còn tiếp xúc với Chúa nữa thì cũng đang sống trong ngõ cụt cùng với kẻ chối bỏ Chúa.” (Milton A. Marcey)

* “Thiên Chúa nghe con tim chúng ta, chứ không nghe tiếng chúng ta nói.” (Thánh Cyprianô)

2. Đây là tư tưởng của Max Handel khi ông nói: “Cầu nguyện giống như là bật nút điện. Nó không tạo nên dòng điện, mà chỉ cung cấp một mạch điện để qua đó dòng điện có thể lưu chuyển”?

3. Mẹ Tê-rê-xa có ý gì khi nói: “Cầu nguyện làm cho trái tim chúng ta lớn lên cho đến lúc nó có thể chứa đựng được cả chính Thiên Chúa”?

4. Trong cuốn *The Seven Storey Mountain*, Thomas Merton kể lại rằng hồi còn niên thiếu, có một đêm bất chợt tu sĩ cảm thấy “quá hãi sợ” trước mọi sự dữ trong cuộc đời. Merton viết: “Tôi khiếp sợ trước những gì tôi đã thấy... Và tôi nghĩ đó cũng là lần đầu tiên trong đời tôi thực sự bắt đầu cầu nguyện... bằng tất cả cuộc sống và con người của tôi... cầu nguyện với Thiên Chúa, Đấng tôi đã chẳng bao giờ biết, xin Người từ nơi bóng tối cúi xuống trên tôi và giúp tôi được giải phóng khỏi trăm ngàn điều khủng khiếp đang cột quẩn ý chí tôi trong vòng nô lệ. Tôi đã khóc thật nhiều trong lần cầu nguyện này.” Cũng như Merton, bạn hãy kể lại lần nào đó bạn đã cầu nguyện “hết mình” với tất cả cuộc sống và con người bạn.

The Catholic Vision IV – 27

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

Bài 28

Luân lý Ki-tô giáo

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Cảm tưởng chung chung của tôi về luân lý Ki-tô giáo là...
2. Có một cái gì tạo nên cảm tưởng ấy, đó là...

ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ KI-TÔ GIÁO

Vũ trụ của chúng ta bắt đầu như thế nào? Nhiều khoa học gia đưa ra lý

thuyết “vụ nổ vũ trụ” (the big bang theory), cho rằng trong không gian đã có một “trái cầu lửa” lơ lửng. Trái cầu lửa này đã nổ tung, văng các mảnh vỡ ra ngoài, cuối cùng tạo thành thái dương hệ của chúng ta. Rồi dần dần sự sống con người bắt đầu phát triển trên địa cầu. Thật là ngạc nhiên khi thánh Augustinô hơn một ngàn năm trăm năm trước đây cũng đưa ra một lý thuyết tương tự. Ngài cho rằng có thể Thiên Chúa đã tạo nên “những hạt giống” từ đó thế giới của chúng ta được phát triển dần dần do một chuỗi tiến bộ đột ngột. Thế giới đã tiến:

- * từ không có sự sống tới sự sống thảo vật,
- * từ sự sống thảo vật tới sự sống sinh vật,
- * từ sự sống sinh vật tới sự sống con người.

Ở tiến bộ tới sự sống con người, tiến trình trở thành ý thức. Nói khác đi, con người đã có thể tự hỏi một câu hỏi hết sức khác thường: Đây là “bước tiến” kế tiếp trong tiến trình sự sống, và nó sẽ xảy ra như thế nào?

Ki-tô hữu tin rằng Đức Giê-su đã trả lời cho câu hỏi ấy. Ngài nói: “Tôi đến... để họ được sống và sống dồi dào” (Ga 10:10). Ngài cũng nói: “Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14:6). Như vậy, Đức Giê-su đã mặc khải hai sự thật khó mà chấp nhận:

- * “bước tiến” kế tiếp trong tiến trình sự sống sẽ là từ sự sống con người tới sự sống của Thiên Chúa (sống vĩnh cửu), và
- * trong Ngài và nhờ Ngài (Đức Giê-su) mà bước tiến kế tiếp đã và đang thể hiện.

Đức Giê-su còn mặc khải thêm nữa. Ngài cho biết Thiên Chúa đã ban cho mỗi người chúng ta tự do và trách nhiệm để chúng ta quyết định có “tiến bộ” từ sự sống con người tới sự sống của Thiên Chúa (sống vĩnh cửu) hay không.

Luân lý Ki-tô giáo là gì?

Luân lý Ki-tô giáo là lối sống để “thực hiện bước tiến” đạt tới sự sống của Thiên Chúa (sống vĩnh cửu), mà Đức Giê-su đã mặc khải và cho thấy là có thể thực hiện được. Lấy một thí dụ để cho dễ hiểu.

Giả thiết việc suy thoái môi trường sinh sống đã đến độ chúng ta cần phải bỏ trái đất này để di chuyển tới một hành tinh khác. Vậy lập tức chúng ta phải bắt đầu vội vã khảo cứu để tìm kiếm một hành tinh khác có thể bảo toàn sự sống. Rồi giả thiết chúng ta đã kiếm ra được một hành tinh, nhưng lại rất khác biệt với trái đất. Tuy nhiên với những điều chỉnh to lớn trong cách sống, chúng ta có thể tự thích nghi để sống trên hành tinh mới này.

Các kỹ sư liền chế tạo ngay trên trái đất những điều kiện mà chúng ta sẽ gặp trên hành tinh mới. Trong những điều kiện giả này, chúng ta sẽ học làm

thể nào sống được trong những điều kiện mới.

Cuộc tập luyện kỳ lạ này giúp chúng ta hiểu thế nào là luân lý Ki-tô giáo. Tuổi già và đau yếu khiến cho mỗi người không thể sống mãi trên trái đất này. Chúng ta có giới hạn một số năm để sống trên mặt đất. Tuy nhiên, Đức Giê-su đã mặc khải có một nơi khác bên kia thế giới này, tức là trên trời. Cuộc sống trên trời hoàn toàn khác với cuộc sống ở trần gian. Nhưng chính chúng ta lại có thể điều chỉnh để sống cuộc sống mới ấy và chuẩn bị cho cuộc sống ấy ngay lúc chúng ta còn đang ở đời này. Luân lý Ki-tô giáo là sống trên trần gian này làm sao để mở lòng đón nhận sự sống của Thiên Chúa (sống vĩnh cửu) mà Đức Giê-su đã đến chia sẻ với chúng ta. Phận sự của chúng ta trên thế gian này là “gieo hạt” để “gặt hái” được sự sống đời đời trong thế giới mai sau. Chúng ta hãy nghe thánh Phao-lô:

“Ai gieo giống nào thì sẽ gặt giống ấy. Ai theo tính xác thịt mà gieo điều xấu, thì sẽ gặt được hậu quả của tính xác thịt, là sự hư nát. Còn ai theo Thần Khí mà gieo điều tốt, thì sẽ gặt hái được kết quả của Thần Khí, là sự sống đời đời” (Gl 6:7-8).

“Tính xác thịt ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí... Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là: dâm bôn, ô uế, phóng dăng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tỵ, say sưa, chè chén... Những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa. Còn hoa quả của Thần Khí là: bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín, hiền hòa, tiết độ... Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà tiến bước” (Gl 5:17.19-25).

Đó là luân lý Ki-tô giáo. Nó đem chúng ta vào sự kiểm soát của Thánh Thần. Nó có nghĩa là sống ở trần gian này để “gieo hạt” đưa chúng ta đến “mùa gặt sự sống đời đời” mai sau.

Luân lý Ki-tô giáo là sống như Đức Giê-su đã sống

Luân lý Ki-tô giáo được hiểu đúng nhất, đó là lời mời gọi hãy sống như Đức Giê-su đã sống. Ngài là “con đường.” Đức Giê-su nói: “Thầy đã nêu gương cho anh em, để anh em cũng làm như Thầy đã làm cho anh em... Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13:15; 15:12).

Nhưng bắt chước Đức Giê-su không phải là dễ. Do tội nguyên tổ, bản tính con người chúng ta trở thành khiếm khuyết. Chúng ta không thể lúc nào cũng làm được những gì chúng ta muốn làm. Nơi chúng ta có xung khắc giữa xác thịt và tinh thần. Phao-lô nói về sự xung khắc này như sau: “Điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm”

(Rm 7:15).

Sống và yêu mến như Đức Giê-su đã sống và đã yêu mến, đây là mục tiêu chúng ta cố gắng thực hiện nhưng chẳng bao giờ đạt tới. Đó là một tiến trình phát triển chúng ta đã bắt đầu từ tuổi thơ và còn tiếp tục suốt cuộc đời.

PHÁT TRIỂN LUÂN LÝ

Để cố gắng mô tả tiến trình phát triển luân lý, chúng ta sử dụng định thức của Soren Kierkegaard, một triết gia và thần học gia thế kỷ 19. Ông gọi việc mô tả tiến trình này là “Ba giai đoạn của lối sống”: thẩm mỹ, đạo đức và tôn giáo.

Giai đoạn thẩm mỹ quy hướng về chính cá nhân

Tiến trình phát triển luân lý bắt đầu với giai đoạn thẩm mỹ. Ở giai đoạn này, chúng ta sống hầu hết là dưới ảnh hưởng của cảm giác và xúc động. Mọi quan tâm chính của chúng ta là làm sao được sống thoải mái và đáp ứng được những nhu cầu cụ thể.

Giai đoạn này chúng ta quả thực là ích kỷ. Chúng ta muốn được tự do để làm những gì mình muốn. Tuy chúng ta không ý thức được, nhưng thực ra chúng ta chẳng tự do chút nào cả, vì chúng ta đang làm nô lệ cho những đam mê và thành kiến của mình. Ở giai đoạn thẩm mỹ, chúng ta coi luật lệ (giáo huấn luân lý) như chẳng liên hệ với mình (impersonal), mà chỉ là một cái gì giới hạn tự do của mình. Chúng ta cũng coi tội lỗi (lỗi phạm luân lý) như chẳng liên hệ với mình, chỉ như là vi phạm một điều cấm cản. Đó là phạm một luật lệ, không hơn không kém.

Kierkegaard nói rằng bao lâu còn ở trong giai đoạn này chúng ta chỉ thấy là không được hạnh phúc. Nếu chúng ta cứ tiếp tục sống lối sống ích kỷ này thì chúng ta sẽ chẳng bao giờ được bình an.

Chúng ta chỉ có thể giải quyết tình trạng đáng buồn này khi tiến sang một cấp độ có trách nhiệm hơn trong lối sống của mình.

Giai đoạn đạo đức quy hướng tới tha nhân

Chúng ta tiến sang giai đoạn đạo đức khi quyết định bước ra khỏi vòng thế giới quy hướng về chính mình để liên hệ với tha nhân. Chúng ta thực hiện điều này khi lãnh nhận những bổn phận xã hội, thí dụ như tình bạn và những dân thân của chúng ta.

Lãnh nhận những trách nhiệm xã hội này là chúng ta đã làm một bước tiến vĩ đại để có được tự do cá nhân. Kierkegaard đã chủ trương rằng chúng

ta chỉ có thể trở nên tự do đích thực khi chúng ta từ bỏ con người ích kỷ và biết sống trách nhiệm đối với tha nhân.

Ở giai đoạn này, chúng ta coi luật lệ (giáo huấn luân lý) là những gì liên hệ với mình (personal) – để hướng dẫn chúng ta lớn lên. Giai đoạn này chúng ta cũng coi tội lỗi (lỗi phạm luân lý) là điều liên hệ tới chính chúng ta, đó là bất trung với sự thẳng tiến cá nhân. Tội lỗi là sống vô trách nhiệm.

Giai đoạn tôn giáo quy hướng về Thiên Chúa

Chúng ta tiến đến giai đoạn này khi khám phá ra quan hệ cá nhân giữa mình với Thiên Chúa. Khám phá này cũng giúp chúng ta ý thức căn tính đích thực của mình (= chúng ta là con cái Thiên Chúa) và thân phận thực sự của mình (= chúng ta được mời gọi kết hiệp với Thiên Chúa).

Tại giai đoạn này, chúng ta cũng khám phá ra sự thật được nhập thể, tức là Đức Giê-su Ki-tô, Con Một Thiên Chúa. Chúng ta hiểu được tại sao Đức Giê-su đã đến sống giữa chúng ta. Ngài đã đến để cứu độ chúng ta, vì nếu không có Ngài, chúng ta không làm gì được (Ga 15:5). Ngài đến để làm nhiều điều khác nữa. Ngài đến để truyền đạt cho chúng ta sự sống đầy đủ, tức là sự sống vĩnh cửu (Ga 14:10; 6:51).

Tới giai đoạn này, chúng ta sẽ trở nên trưởng thành về thể lý cũng như tinh thần. Chúng ta thấy hạnh phúc và chắc chắn được gắn bó với Đức Giê-su Ki-tô.

Ở giai đoạn này, chúng ta khám phá ra liên hệ đích thực giữa luật lệ với tình yêu. Đó là hai khía cạnh của cùng một thực tại. Chính Đức Giê-su đã nói: “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy... Ai không yêu mến Thầy, thì không giữ lời Thầy” (Ga 14:23-24).

Ở giai đoạn này, chúng ta coi luật lệ (giáo huấn luân lý) liên hệ mọi người với nhau (interpersonal), như lời mời gọi hãy yêu mến Thiên Chúa. Chúng ta cũng coi tội lỗi (lỗi phạm luân lý) là điều liên hệ tới mọi người. Tội lỗi là từ chối yêu thương. Tội lỗi là trả lời không với Thiên Chúa.

TRƯỞNG THÀNH VÀ HÒA GIẢI

Chúng ta vừa xét đến luật lệ và tội lỗi theo giai đoạn trưởng thành luân lý, giờ đây chúng ta cũng xét đến Bí tích Hòa giải giống như vậy.

Trong giai đoạn thứ nhất, chúng ta coi luật lệ là hạn chế, và tội lỗi là vi phạm hạn chế ấy. Ở vị thế đó, Bí tích Hòa giải sẽ trở thành một thứ bổn phận đáng ghét là phải kể lễ tội lỗi chúng ta cho một linh mục.

Trong giai đoạn thứ hai, chúng ta coi luật lệ là hướng dẫn tới trưởng thành và tội lỗi là bất trung với thẳng tiến. Ở vị thế đó, Bí tích Hòa giải sẽ là

phương thế quý giá giúp chúng ta trở nên con người tốt hơn.

Cuối cùng, trong giai đoạn thứ ba, chúng ta coi luật lệ là lời mời gọi yêu thương và tội lỗi là từ chối yêu thương. Ở vị thế đó, Bí tích Hòa giải trở thành việc cử hành sự tái lập tình bạn với Thiên Chúa và gia đình Người.

Sơ đồ sau đây tóm tắt cái nhìn của chúng ta về luật lệ, tội lỗi và Bí tích Hòa giải trong từng giai đoạn của tiến trình ba giai đoạn trưởng thành luân lý:

	Luật lệ	Tội lỗi	Bí tích Hòa giải
Giai đoạn 1	hạn chế tự do	vi phạm sự hạn chế này	một nỗi phẫn đáng ghét
Giai đoạn 2 giá	hướng dẫn tới trưởng thành	bất trung với thăng tiến	một phương thế quý
Giai đoạn 3 giải	lời mời gọi yêu thương	từ chối yêu thương	việc cử hành sự hòa

Giờ đây chúng ta hãy xét vấn đề được thánh Phao-lô nêu lên khi ngài nói: “Điều tôi muốn, thì tôi không làm, nhưng điều tôi ghét, thì tôi lại cứ làm” (Rm 7:15).

LỖI PHẠM LUÂN LÝ

Dù chúng ta có thiện ý hoặc hăng say dẫn thân, nhưng chúng ta vẫn

thường không theo Chúa được như chúng ta có bổn phận phải theo. Chúng ta gọi thất bại này là tội.

Truyền thống Công giáo phân biệt hai loại tội: tội trọng và tội nhẹ.

Tội trọng là lỗi phạm luân lý cách nặng

Tội trọng là một hành động tẩu chay hoặc đi ngược lại quan hệ và cam kết của chúng ta với Đức Giê-su. Nói khác đi, chúng ta không những tự ý làm một hành vi nào đó mà thôi, nhưng trong tiến trình phạm tội, chúng ta còn tự ý trở nên loại người mà hành vi ấy biến chúng ta thành như vậy. Như vậy hành vi ấy ảnh hưởng toàn diện con người chúng ta.

Truyền thống Công giáo dạy rằng để một tội là tội trọng, phải có ba điều kiện:

- * điều lỗi phạm là nặng (điều chúng ta làm theo khách quan là điều nặng, thí dụ giết người);
- * đã suy nghĩ đủ (chúng ta hoàn toàn ý thức điều mình làm);
- * hoàn toàn ưng thuận (chúng ta tự ý quyết định làm điều ấy).

Tuy nhiên, ngoài ba điều kiện ấy, chúng ta vẫn phải thêm rằng đó chỉ là những hướng dẫn mà thôi. Là những hướng dẫn, chúng cần phải được hiểu cho đúng, nếu không chúng sẽ dẫn chúng ta đi lạc đường.

Hoàn cảnh làm biến đổi

Trong hoàn cảnh bình thường, ăn cắp một ổ bánh và một ly nước thường không phải là một điều nặng. Nhưng nếu chúng ta ăn cắp những thứ ấy của một người cần chúng để sống sót cho tới khi được cấp cứu, thì việc ăn cắp ấy có thể trở thành một điều nặng.

Nói cách khác, hoàn cảnh xung quanh một hành động có thể biến đổi bản chất luân lý của hành động ấy.

Chúng ta lấy một thí dụ khác.

Trong hoàn cảnh bình thường, giết người là một điều rất nặng. Tuy nhiên, nếu chúng ta giết người vì lý do tự vệ chính đáng, thì xét theo luân lý điều ấy không có gì là sai trái cả.

Nói khác đi, những lý do để làm một hành vi có thể biến đổi bản chất luân lý của hành vi ấy.

Tội nhẹ là lỗi phạm luân lý cách nhẹ

Tội nhẹ là một hành động chưa tới mức độ là một tội trọng. Tội nhẹ có thể có những cấp độ khác nhau về sự nặng nề.

Thí dụ, nếu chúng ta nói dối để làm cho ai phải mất mặt, thì điều này nặng hơn là nói một cách giận dữ với một người đang khi chúng ta thất vọng.

TÓM KẾT

Sống luân lý Ki-tô giáo là cố gắng yêu thương và sống như Đức Giê-su đã yêu thương và đã sống. Đó là sống mở lòng đón nhận sự sống tràn đầy và tình yêu mà Đức Giê-su đã đến chia sẻ với chúng ta.

Đường dẫn đến trưởng thành luân lý thường mở ra từ từ và theo từng giai đoạn. Người ta cố gắng mô tả những giai đoạn này như sau:

- * thẩm mỹ: hướng về cá nhân,
- * đạo đức: hướng về tha nhân,
- * tôn giáo: hướng về Thiên Chúa.

Cái nhìn của chúng ta về luật lệ, tội lỗi và Bí tích Hòa giải thay đổi tùy theo giai đoạn thuộc tiến trình phát triển luân lý.

Khi không sống sự cam kết phải sống và yêu thương như Đức Giê-su đã làm, thì điều ấy gọi là tội. Tội trọng là hoàn toàn từ chối không muốn sống sự cam kết. Tội nhẹ là một lỗi phạm luân lý chưa tới mức độ hoàn toàn từ chối.

Để giúp hướng dẫn thực hành luân lý Ki-tô giáo, xin xem chương (bài) 31, “Tiếp tục hành trình” (Xét lương tâm).

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--|-----------------|
| 1. Đường đến với Chúa Cha | Gio-an 14:1-14 |
| 2. Cây nho và cành nho | Gio-an 15:1-11 |
| 3. Giáo huấn luân lý của Đức Giê-su Mát-thêu 5 | |
| 4. Sự sống mới trong Đức Ki-tô | Cô-lô-xê 3:1-17 |
| 5. Vinh hiển mai sau | Rô-ma 8:18-30 |

THẢO LUẬN

1. Đức Giê-su nói: “Tôi đến để (anh em) được sống và sống dồi dào.” Những lời này có thích hợp như thế nào với “tiến trình sự sống” mà nhiều khoa học gia cho là đang tiến hành trên trái đất chúng ta?

2. Giải thích luân lý Ki-tô giáo là giai đoạn cuối cùng trong tiến trình sự sống ấy như thế nào?

3. Xem lại việc phân biệt tội trọng với tội nhẹ. Ba điều kiện để là một tội trọng thường thấy trong cuộc sống của chúng ta như thế nào, và bạn có

xét đến khi xét mình xưng tội không?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:

* “Nếu đời sống luân lý chỉ là tuân theo luật lệ, thì chúng ta cũng có thể biến một cái máy vi tính thành máy luân lý.” (Samuel P. Ginder)

* “Nếu tâm hồn bạn không muốn có một thế giới có luân lý, thì tâm hồn bạn chắc chắn sẽ chẳng bao giờ giúp bạn tin vào một thế giới như vậy”

(William James)

* Luân lý Ki-tô giáo không bao giờ có thể là câu hỏi “Khi nào mới là phạm tội?” Nhưng luôn luôn là câu hỏi “Làm sao tôi có thể làm hơn nữa vì tôi yêu mến?”

2. Bạn sẽ làm gì nếu quả thực bạn nhận thấy mình chỉ coi luật lệ, tội lỗi và Bí tích Hòa giải như trong giai đoạn thứ nhất?

3. “Lori Magraw, một sinh viên đại học hai mươi tuổi, bị cho nghỉ việc làm bán thời gian tại một tiệm giày ở Seattle... Công việc của cô là gói lại những đôi giày không được chế tạo hoàn hảo để gửi trả lại hãng sản xuất. Tuy nhiên, người chủ bảo cô phải dùng dao cắt luôn cả những đôi giày hoàn toàn còn tốt mà khách hàng không thích đã đem trả... Cô đã nộp đơn khiếu nại lên một cơ quan thành phố, đã nhận được một khoản tiền nhỏ và cửa tiệm hứa là sẽ không bắt làm như thế nữa.” (Christopher News Notes). Bạn hãy nhớ lại có lần bạn đã giữ vững lập trường luân lý về một điều gì đó. Điều gì khiến bạn giữ vững lập trường chống lại những bất công khác trong xã hội?

The Catholic Vision IV – 28

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

Bài 29

Quyết định luân lý

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Có một lần tôi đã bối rối không biết đâu là điều theo luân lý tôi phải làm, đó là khi...
2. Khi tôi không rõ một điều tôi định làm có đúng hay là sai, thì tôi thường giải quyết bằng cách...

LÀM QUYẾT ĐỊNH

Một ông chủ trại già cả mướn một em nhỏ để lựa khoai tây ra từng cỡ. Ông bảo em phải chia làm ba đồng khác nhau theo từng cỡ: nhỏ, trung bình và lớn. Rồi ông già vào nhà kho làm việc khác.

Hai tiếng sau, thằng bé chạy vào kho. Trán nó đầm mồ hôi và có vẻ bức bối. Ông chủ trại hỏi: “Gì vậy?” Thằng nhỏ lắp bắp: “Cháu không lựa được nữa.” Ông già hỏi: “Việc đó nặng quá à?” Thằng nhỏ trả lời: “Dạ không phải. Công việc chẳng có gì mệt, nhưng cháu không quyết định được củ khoai nào thuộc cỡ nào.”

Làm quyết định không phải dễ

Làm quyết định là việc khó. Lại đặc biệt khó khi những quyết định ấy là những quyết định luân lý, tức là quyết định điều gì là phải, điều gì là sai. Về việc này, trong luân lý Ki-tô giáo, chúng ta có thể phân biệt bốn loại quyết định. Nói cho đơn giản, chúng ta có thể dùng ngôn ngữ thường ngày để gọi chúng như sau:

- * những quyết định luân lý rõ ràng,
- * những quyết định luân lý không rõ ràng,
- * những quyết định luân lý gây tranh luận, và
- * những quyết định luân lý đối nghịch.

Mỗi thứ quyết định này đều khó. Muốn rõ, mỗi thứ đều có ba bước quan trọng để giúp chúng ta quyết định, đó là:

- * tìm hiểu vấn đề luân lý ấy, đặc biệt theo giáo huấn của Giáo Hội về vấn đề ấy.
- * cân nhắc vấn đề dưới ánh sáng của lời Đức Giê-su mời gọi hãy sống và yêu thương như Ngài đã sống và yêu thương.
- * xin Chúa Thánh Thần giúp đỡ chúng ta quyết định đúng.

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH LUÂN LÝ RÕ RÀNG

Cuốn phim A Man for All Seasons được thực hiện dựa trên cuộc đời

thánh Thomas More. Ngài nổi danh sau khi được vua Henry VIII bổ nhiệm làm thủ tướng Anh-quốc năm 1529. Nhưng thảm cảnh sắp xảy tới cho ngài.

Vua Henry ly dị hoàng hậu và tái hôn. Để quyết tâm bảo vệ cho việc tái hôn về phương diện luật đời cũng như luật đạo, vua Henry ra lệnh cho các viên chức cao cấp nhà nước phải ký vào một tài liệu thề rằng hôn nhân sau này là thành sự. Henry còn bắn tiếng với họ là nếu không chịu ký thì họ sẽ bị xử là phản bội.

Một cảnh rất cảm động là khi Huân tước Norfolk trình tài liệu cho Thomas More. Thomas từ chối không chịu ký. Norfolk nài nỉ Thomas hãy suy nghĩ lại, vì yêu thương gia đình và bạn bè.

Nhưng Thomas biết rằng có một tình yêu khác quan trọng hơn hết, đó là yêu mến Thiên Chúa. Ngài không thể nhân danh Chúa mà thề một điều ngài biết rõ là không đúng.

Ít lâu sau Thomas bị bắt, bị đưa ra tòa, bị buộc tội và bị hành quyết vì tội phản bội.

Những quyết định luân lý rõ ràng đòi chúng ta phải can đảm

Quyết định Thomas More phải đương đầu là rõ ràng và khó khăn. Ngài ý thức những dữ kiện của trường hợp. Ngài biết giáo huấn của Giáo Hội về vấn đề ấy. Ngài biết những gì lòng yêu mến Chúa mời gọi ngài hãy làm. Điều thánh nhân cần nhất, đó là lòng can đảm để làm những gì lương tâm bảo ngài phải làm.

Cầu nguyện đóng vai trò quan trọng trong quyết định của thánh Thomas More và được biết qua bức thư ngài viết cho ái nữ là Meg. Khi nói về những gì người ta sẽ làm nếu chỉ vì sợ hãi, ngài viết:

“Cha sẽ nhớ lại thánh Phê-rô, vừa lúc có cơn gió mạnh ngài đã bắt đầu chìm xuống nước vì thiếu lòng tin, thì cha cũng sẽ làm như ngài, nghĩa là kêu Chúa Ki-tô và cầu xin Người giúp đỡ. Rồi cha tin Chúa sẽ đặt bàn tay thánh thiện của Người trên cha và giữa sóng gió biển cả Người sẽ giữ cho cha khỏi bị chìm. Cho nên, hỡi con gái yêu quý của cha, đừng để cho tâm hồn con bị xao động.”

Cho dù thánh nhân đã biết phải quyết định thế nào, ngài cũng vẫn cần đến lòng can đảm để làm quyết định ấy. Cầu nguyện đã đem lại can đảm cho ngài.

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH KHÔNG RÕ RÀNG

Hãy tưởng tượng bạn là cha của ba đứa nhỏ, sáu, chín và mười một tuổi. Bà nội của bạn đã tám mươi tư tuổi đang sống với bạn. Bà cụ bị

phong thấp nặng và cần được giúp đỡ. An-Mỹ, vợ của bạn, chăm sóc cho bà cụ.

Một ngày kia, sau khi cảm thấy quá vất vả, An-Mỹ ngần ngại đề nghị đưa bà nội vào viện dưỡng lão. Thế là bạn phải đối phó với một quyết định luân lý không rõ ràng. Bạn muốn làm điều gì là phải, nhưng bạn không chắc chắn được đó là điều nào.

Những vấn đề không rõ ràng thì chưa sáng tỏ tức khắc được

Một vấn đề luân lý chưa rõ ràng là vấn đề chưa thể cho chúng ta một quyết định đúng rõ rệt ngay lập tức được. Đó là vấn đề đòi phải cân nhắc cẩn thận giữa những lý do thuận và nghịch. Vấn đề ấy cần phải hội ý người khác thật kỹ lưỡng. Đó cũng là vấn đề thường phải tham vấn đặc biệt với những chuyên viên như bác sĩ hoặc linh mục.

Tuy nhiên, cuối cùng vẫn là một quyết định mà chính chúng ta phải làm sau khi đã (1) tham vấn những người cần phải hỏi họ, (2) tự hỏi tình yêu nào mời gọi chúng ta làm, và (3) cầu nguyện xin ơn soi sáng.

Nếu đã đi theo những bước này, chúng ta sẽ thẳng thắn chọn lựa với một lương tâm trong sáng bất cứ đường lối hành động nào Chúa Thánh Thần chỉ dạy cho chúng ta.

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH GÂY TRANH LUẬN

Khi những đạo quân của Hitler bắt đầu tung hoành khắp Âu-châu thời thế chiến thứ hai, Franz Jagerstatter còn là một nông dân trẻ trung. Anh có vợ và hai con. Anh cũng được vinh dự là người duy nhất trong làng đi bầu chống lại việc sát nhập nước Áo với Đức- quốc-xã.

Tháng Hai 1943, Franz được lệnh phải trình diện làm nghĩa vụ quân sự trong quân đội Đức. Anh phải đối phó với một tình huống khó xử. Làm sao anh có thể chiến đấu trong một cuộc chiến anh đã coi như là vô luân khởi xướng do một chính quyền vô luân?

Franz hỏi ý linh mục giáo xứ và giám mục của anh. Cả hai đều khuyên anh hãy phục vụ trong đoàn y tế để anh khỏi phải cầm súng. Nhưng anh từ chối, nói rằng mang quân phục đã là dấu chỉ anh đồng lòng với chính phủ và chiến tranh rồi.

Khi một luật sư do chính phủ chỉ định hỏi Franz tại sao anh thấy trở ngại đối với nghĩa vụ quân sự trong khi hàng triệu Ki-tô hữu Đức-quốc không thấy, thì anh trả lời: “Tôi nghĩ là họ không có ơn sủng để nhìn thấy vấn đề. Còn tôi, tôi có ơn sủng ấy, nên tôi không thể phục vụ trong quân đội.”

Anh Jagerstatter quyết định

Cuối cùng, sau khi cân nhắc các sự kiện, suy nghĩ xem tình yêu nào mời gọi anh quyết định, và cầu nguyện xin ơn soi sáng, Franz đã làm một quyết định gây tranh luận. Anh theo lương tâm mình hơn là theo lời khuyên của những Ki-tô hữu tốt và những vị lãnh đạo trong Giáo Hội.

Ngày 9 tháng 8 năm 1943, Franz bị hành quyết. Lịch sử đã tôn vinh anh như là ngôn sứ và anh hùng.

Tóm lại, một quyết định luân lý gây tranh luận là sau khi đã theo từng bước của việc quyết định, chúng ta cảm thấy phải theo lương tâm mình thay vì theo những đề nghị của những Ki-tô hữu tốt khác.

NHỮNG QUYẾT ĐỊNH ĐỐI NGHỊCH

Sau hết là quyết định luân lý đối nghịch. Đó là quyết định đi ngược lại giáo huấn chính thức của Giáo Hội. Đây là quyết định luân lý trầm trọng nhất một Ki-tô hữu có thể làm.

Để thấy được tính cách trầm trọng ấy, chúng ta hãy lắng nghe Đức Giê-su nói với các môn đệ: “Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ..., dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28:19-20).

Chúng ta cũng lắng nghe những lời Đức Giê-su nói với Phê-rô: “Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy... Thầy sẽ trao cho anh chìa khóa Nước Trời: dưới đất, anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng sẽ cầm buộc như vậy; dưới đất, anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng sẽ tháo cởi như vậy” (Mt 16:18-19).

Sau cùng, chúng ta hãy nghe những lời Đức Giê-su nói với môn đệ ngay trước khi Ngài về với Chúa Cha: “Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em. Nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn” (Ga 16:12-13).

Ba giáo huấn này của Đức Giê-su đưa ra hai chân lý quan trọng:

- * Đức Giê-su ban quyền cho Giáo Hội được dạy dỗ nhân danh Ngài;

- * Đức Giê-su bảo đảm với Giáo Hội là Chúa Thánh Thần sẽ dẫn dắt Giáo Hội trong vai trò giảng dạy.

Tuy nói như thế, nhưng chúng ta phải hiểu rằng Giáo Hội gồm những con người phạm trần, nên việc Chúa Thánh Thần dẫn dắt cũng còn tùy nghi. Điều này có nghĩa là Chúa Thánh Thần không qua mặt trí khôn, suy nghĩ và kiến thức của con người.

Như vậy, Giáo Hội thường được ơn nhìn thấy rõ ràng những vấn đề luân lý và đức tin một cách từ từ và theo từng giai đoạn, đó là nhờ (1) mở lòng đón nhận Chúa Thánh Thần và (2) tùy mức độ phức tạp của vấn đề.

Giáo Hội giảng dạy ở hai cấp độ

Vì không thấy được chắc chắn về một số vấn đề thuộc luân lý và đức tin, nên Giáo Hội giảng dạy ở hai cấp độ khác nhau:

Ở cấp độ thứ nhất, Giáo Hội dạy về một vấn đề như là chắc chắn tuyệt đối. Thí dụ, khi dạy rằng Bí tích Thánh Thể thực sự là Mình Thánh Chúa Ki-tô, Giáo Hội dạy với sự chắc chắn tuyệt đối. Do đó, đối với giáo huấn này chúng ta phải hoàn toàn “chấp nhận vì đức tin”. Nếu không chấp nhận, chúng ta sẽ không còn là người Công giáo nữa.

Ở cấp độ thứ hai, Giáo Hội dạy về một vấn đề như là không chắc chắn tuyệt đối.

Một thí dụ trích dẫn từ Thư 1 Cô-rin-tô cho thấy việc giảng dạy ở cấp độ thứ hai khi thánh Phao-lô viết: “Về vấn đề độc thân, tôi không có chỉ thị nào của Chúa, nhưng tôi chỉ khuyên nhủ anh em tới tư cách là người – nhờ Chúa thương – đáng được anh em tín nhiệm” (1 Cr 7:25).

Hoặc một thí dụ ngày nay cho thấy việc giảng dạy ở cấp độ thứ hai khi Giáo Hội hiện thời dạy về việc ngừa thai nhân tạo, đó là thông điệp *Humanae vitae* (Sự sống con người).

Dù không nói lên sự chắc chắn rõ ràng về vấn đề gây nhức nhối này, Giáo Hội vẫn cảm thấy có bổn phận phải hướng dẫn về vấn đề ấy, cũng như thánh Phao-lô đã cảm thấy có bổn phận hướng dẫn tín hữu Cô-rin-tô về một vấn đề làm cho họ khó chịu.

Rồi khi đã nghiên cứu và cầu nguyện, huấn quyền của Giáo Hội (quyền Giáo Hội hành xử việc giảng dạy) theo truyền thống đã dạy và còn tiếp tục dạy rằng việc ngừa thai nhân tạo là trái luân lý cách nặng.

Tuy nhiên, vì Giáo Hội chưa chắc chắn hoàn toàn về vấn đề nên đòi chúng ta phải “chấp nhận vì lòng đạo đức” thay vì “chấp nhận vì đức tin.”

Điều ấy có nghĩa là gì?

Có nghĩa là chúng ta chấp nhận tư thế đáng tin cậy của giáo huấn do Giáo Hội về vấn đề ấy là vì (1) Đức Giê-su đã ban quyền cho Giáo Hội giảng dạy nhân danh Ngài, và (2) Đức Giê-su đã bảo đảm với chúng ta rằng Thánh Thần sẽ dẫn dắt Giáo Hội trong vai trò giảng dạy. Vì hai lý do đạo đức này nên chúng ta chấp nhận tính cách đáng tin cậy của giáo huấn ấy. Bởi đó mới có từ ngữ “chấp nhận vì lòng đạo đức.”

Làm quyết định đối nghịch như thế nào?

Đi ngược lại giáo huấn của Giáo Hội về vấn đề ngừa thai nhân tạo là một điều nặng, vì nó có nghĩa là chúng ta hành động ngược lại những người Đức Giê-su đã ủy thác và ban quyền giảng dạy nhân danh Ngài.

Đó cũng là một điều nặng vì thực quá dễ dàng để chúng ta bị đánh lừa, chỉ tin những gì chúng ta muốn tin mà thôi. Thánh Augustinô đã nghĩ về điều này khi ngài viết:

“Nếu bạn chỉ tin những gì bạn muốn tin và từ chối những gì bạn không thích, thì không phải là bạn tin vào Tin Mừng đâu, mà là tin vào chính bạn đó.”

Nhưng ở thời điểm hiện tại, vì không dạy về vấn đề này theo cách không thể sai lầm, Giáo Hội để cho người Công giáo cơ hội xét vấn đề theo lương tâm của mình, miễn là họ:

- * có một lý do xứng đáng để làm như vậy,
- * đã suy xét giáo huấn của Giáo Hội và những lý do để làm,
- * đã cố gắng tìm mọi cách giải quyết vấn đề mà không thành công,
- * đã chuyên cần cầu nguyện xin ơn soi sáng.

Vậy có thể sau khi đã theo những bước tiến này một cách trung thành, đôi vợ chồng Công giáo thành thực nhận thấy mình đang ở trong một tình trạng xung đột về bốn phận (thí dụ, dung hòa tình yêu vợ chồng với trách vụ làm cha mẹ, với việc cho con cái học hành, hoặc với sức khỏe của người mẹ). Lo lắng cho đôi vợ chồng như thế, các giám mục Gia-nã-đại đã viết:

“Để cho phù hợp với những nguyên tắc thần học luân lý đã được chấp nhận, nếu những người này đã chân thành cố gắng sống theo những tiêu chuẩn hướng dẫn được đưa ra [tức là giáo huấn của Giáo Hội] nhưng không thành công, thì họ có thể chắc chắn rằng khi một người thành thực chọn phương thức hành động xem ra đúng cho họ thì người ấy đã làm theo lương tâm ngay lành rồi.”

Sau khi Đức Giáo Hoàng đọc lại tuyên ngôn của các giám mục Gia-nã-đại, thì phát ngôn viên của ngài cho các giám mục biết là Đức Thánh Cha hài lòng với cách giải thích ấy.

TÓM TẮT

Quyết định luân lý là quyết định những gì là đúng theo luân lý trong một tình huống. Chúng ta có thể phân biệt bốn loại quyết định luân lý:

- * những quyết định rõ ràng, thí dụ quyết định của thánh Thomas More;
- * những quyết định không rõ ràng, thí dụ một gia đình với bà nội có vấn đề;

- * những quyết định gây tranh luận, như anh Franz Jagerstatter đã làm;
- * những quyết định đối nghịch, như một cặp vợ chồng Công giáo phải đối phó.

Mỗi quyết định ấy đều nhức nhối và khó khăn. Để làm mỗi quyết định ấy, chúng ta cần học hỏi, sống tình yêu Ki-tô và cầu nguyện để biết nhận định.

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------------|-------------------------|
| 1. Quyết định rõ ràng | 1 Cô-rin-tô 5 |
| 2. Quyết định không rõ ràng | 2 Cô-rin-tô 9 |
| 3. Quyết định gây tranh luận | Rô-ma 14 |
| 4. Hoãn lại việc quyết định | Công vụ Tông Đồ 5:27-39 |
| 5. Diễn tiến việc quyết định | Công vụ Tông Đồ 15:1-31 |

THẢO LUẬN

1. Bốn loại quyết định luân lý thường gặp trong đời sống Ki-tô hữu luôn được xét dưới ánh sáng giáo huấn Giáo Hội, lời Đức Ki-tô và dẫn dắt của Thánh Thần. Điều này Ki-tô hữu có thường làm không? Họ gặp khó khăn nào? Giải đáp những khó khăn ấy ra sao?

2. Ki-tô hữu hôm nay gặp khó khăn nhiều nhất, đó là khi phải quyết định luân lý gây tranh luận. Hoàn cảnh xã hội ngày nay đã nảy sinh những vấn đề luân lý mới nào đáng kể? Ki-tô hữu phải được chuẩn bị như thế nào để quyết định đúng?

3. Tại sao một quyết định luân lý đi ngược với giáo huấn Giáo Hội lại là một điều nặng?

CHIA SẺ

1. Thảo luận những tư tưởng sau đây:

* “Lý trí thường sai lầm, nhưng lương tâm thì không bao giờ.”
(Josh Billings)

* “Đó là một cuộc chiến cả đời người – một bên là đám đông ồn ào và một bên là tiếng lương tâm của bạn.” (Đại tướng Douglas MacArthur, trong dịp mừng thượng thọ 84 tuổi)

* “Chúng ta là chính những lựa chọn của mình.” (Jean-Paul Sartre)

2. Nhớ lại bốn loại quyết định luân lý, bạn hãy xếp những sự kiện sau

đây vào loại quyết định luân lý nào: (a) án tử hình, (b) phá thai, (c) vũ khí hạch nhân, (d) ăn cắp ở siêu thị, (e) nạn đói tại Phi-châu, (f) sử dụng kích thích tố để tranh đua thể thao.

3. Bạn có ba con nhỏ, năm, bảy và chín tuổi. Đứa lớn nhất quá nhút nhát và cần được nâng đỡ. Chồng bạn phải làm việc mười tiếng mỗi ngày tại văn phòng và lương cũng chỉ vừa đủ chi dụng gia đình. Người ta cho bạn việc làm bốn mươi tiếng một tuần và lương cũng khá. Bạn phải quyết định thế nào?

4. Bạn sống trong một thành phố nhỏ. Trường tiểu học tại đó có chương trình định nhận vào học ba em nhỏ nhiễm bệnh AIDS. Vì một số lý do nào đó, phụ huynh học sinh cực lực chống lại chương trình này. Một ủy ban gồm năm người, trong đó có vợ của ông chủ sở làm của bạn đến nhà bạn để xin bạn ký vào đơn khiếu nại chống lại chương trình ấy. Bạn sẽ làm gì?

The Catholic Vision IV – 29

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

Bài 30

Gương mẫu:Đức Ma-ri-a và Các Thánh

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Một câu hỏi tôi muốn hỏi về Đức Ma-ri-a, Mẹ Chúa Giê-su là ...
2. Một câu hỏi về vai trò của các thánh trong cuộc sống người Công giáo tôi muốn được trả lời là...

MẪU GƯƠNG

Thánh Phan-xi-cô Át-xi-di sinh trưởng trong một gia đình giàu có tại Ý. Khi còn là một thiếu niên, cậu lêu lổng và ăn chơi. Năm 1202, Phan-xi-cô đi lính và phải ra mặt trận. Anh bị bắt làm tù binh và năm sau bị xiềng xích.

Sau khi được thả ra, Phan-xi-cô phải mất cả năm trời mới hồi phục sức khỏe. Biến cố ấy đã thay đổi anh vĩnh viễn. Anh rời bỏ nơi chốn giàu

có của gia đình, khoác bộ quần áo nông dân và ra đi tìm Chúa. Nơi ở mới của anh là ngôi thánh đường bị bỏ hoang bên ngoài thành phố Át-xi-di. Anh đã dành nhiều thì giờ ở lại đó một mình để cầu nguyện.

Đặc biệt có hai điều giáo huấn từ Kinh Thánh bắt đầu ám ảnh anh. Điều thứ nhất là mọi người được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa (St 1:26-27). Điều thứ hai là những gì chúng ta làm cho người hèn mọn nhất, đó là chúng ta làm cho chính Đức Giê-su (Mt 25:40). Suy niệm những giáo huấn này, Phan-xi-cô đã tăng thêm lòng yêu mến sâu xa những gì bị xã hội chối bỏ.

Ngày kia anh gặp một người cùi. Dù Phan-xi-cô rất sợ bệnh cùi, nhưng anh ôm lấy người ấy. Cử chỉ cảm động này nói lên mức độ những giáo huấn của Đức Giê-su đã bén rễ sâu nơi tâm hồn Phan-xi-cô.

Sau đó không lâu, Phan-xi-cô đi dự Thánh lễ. Bài đọc Tin Mừng hôm ấy nói về việc Đức Giê-su dạy các môn đệ hãy tới các làng mạc và thành phố miền Pha-lét-tin mà rao giảng Tin Mừng. Đức Giê-su bảo các môn đệ đừng mang theo tiền bạc, nhưng hãy tin tưởng Thiên Chúa sẽ lo liệu cho họ những nhu cầu vật chất (Mt 10:5-15).

Huấn dụ này đã khiến Phan-xi-cô hết sức cảm động. Anh đã sống giữa một thời đại người ta xa tránh những giáo huấn của Đức Giê-su. Thế là Phan-xi-cô, không một xu trong túi, đã đi tới các làng mạc trong nước Ý để rao giảng Tin Mừng. Cá tính hoạt bát của anh đã lôi cuốn những thanh niên khác đến tham gia công cuộc anh khởi xướng. Đó là việc thành lập Dòng tu Phan-xi-cô (cộng đoàn tu sĩ).

Ngày nay cả ngàn Phan-sinh đang sống trong hằng trăm cộng đoàn, phục vụ người nghèo và rao giảng Tin Mừng gần như tại hầu hết những quốc gia lớn trên thế giới.

Các thánh là những người nguy hiểm

Trong cuốn tiểu thuyết Anthony Adverse, Hervey Allen nói về Phan-xi-cô và những vị thánh giống như ngài:

“Anh Phan-xi-cô và những người giống như anh... luôn luôn làm cho Ki-tô giáo thành một tôn giáo nguy hiểm. Ngay khi Giáo Hội sắp sửa trở thành một tổ kén trông đẹp mắt và ấm áp... thì eo ơi, tổ kén lại bung ra và một tinh thần tuyệt vời của Ki-tô giáo xuất hiện.”

Cái “tâm” nảy sinh nơi Phan-xi-cô được diễn tả qua kinh nguyện cảm động do chính ngài viết:

“Lạy Chúa, xin hãy dùng con như khí cụ bình an của Chúa.

Để con đem yêu thương vào nơi oán thù;

Đem thứ tha vào nơi lăng nhục;

Đem tin kính vào nơi nghi nan;
Chiếu trông cậy vào nơi thất vọng;
Dội ánh sáng vào nơi tối tăm;
Đem niềm vui đến chốn u sầu.
Lạy Chúa, xin hãy dạy con
Tìm an ủi người hơn được người ủi an;
Tìm hiểu biết người hơn được người hiểu biết;
Tìm yêu mến người hơn được người mến yêu.
Vì chính khi hiến thân là khi được nhận lãnh;
Chính khi thứ tha là khi được tha thứ;
Chính lúc chết đi là khi vui sống muôn đời.”

Một vị thánh là gì?

Một vị thánh cũng chỉ là một con người như chúng ta, nhưng đã quyết tâm đáp lại lời mời gọi của Đức Giê-su: “Hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương anh em” (Ga 15:12). Một vị thánh là một nhắc nhở sống động rằng ân sủng Chúa có thể thực hiện những phép lạ nơi chúng ta nếu chúng ta biết mở lòng đón nhận ân sủng.

Từ thánh là do từ La-tinh sanctus, có nghĩa là “thánh thiện.” Theo nghĩa văn chương, từ thánh nghĩa là “một người thánh thiện.” Nó gọi lên lệnh truyền của Thiên Chúa: “Hãy giữ mình thánh thiện, vì Ta là Đấng Thánh” (Lv 11:44).

Những Ki-tô hữu tiên khởi gọi nhau là “các thánh.” Tân Ước sử dụng từ này hơn sáu mươi lần (thí dụ Mt 27:52, Cv 9:13, và Cl 1:4). Tuy nhiên theo dòng thời gian, từ thánh được đặc biệt dành cho những Ki-tô hữu đã chịu chết vì đạo hoặc những Ki-tô hữu đã sống cuộc sống thánh thiện.

Trước hết, một người được xác nhận là một vị thánh do những ai đã nhìn thấy vị ấy chịu tử đạo hoặc do những ai đã làm chứng đời sống của vị ấy thánh thiện. Tuy nhiên, khoảng năm 1000, Đức Giáo Hoàng Gio-an XV đã ấn định một thể thức quy củ hơn để xác nhận một người là thánh. Thể thức ấy được gọi là việc phong thánh, gồm có việc điều tra kỹ lưỡng về mọi phương diện thuộc đời sống của vị ấy.

Tại sao cầu nguyện với các thánh?

Tại sao người Công giáo không cầu nguyện thẳng với Thiên Chúa?
Tại sao họ lại cầu xin với các thánh? Người ta thường hỏi những câu hỏi ấy.

Người Công giáo có cầu nguyện thẳng với Thiên Chúa đấy chứ.
Chúng ta cầu nguyện thẳng với Thiên Chúa trong các Thánh lễ. Không có

mối quan hệ nào quan trọng cho bằng quan hệ giữa chúng ta với Thiên Chúa.

Nhưng quan hệ giữa chúng ta với anh chị em Ki-tô hữu cũng quan trọng nữa. Chúng ta hết thấy đều là chi thể của thân thể Đức Ki-tô. Chúng ta là một gia đình. Do đó, nếu chúng ta xin tất cả gia đình Ki-tô tại thế này cầu nguyện cho chúng ta, thì tại sao chúng ta lại không nên xin những anh chị em trên trời cầu nguyện cho chúng ta nữa? Không phải vì họ đang ở trên trời nên không còn thuộc về gia đình nhân loại nữa. Tóm lại, là một gia đình để làm gì nếu không đến với nhau trong những lúc cần thiết?

MẸ ĐỨC GIÊ-SU

Ngay từ thời Ki-tô giáo khai sinh, có một vị thánh trời vượt trên mọi vị thánh khác. Vị thánh ấy là Đức Ma-ri-a, Mẹ Chúa Giê-su. Ma-ri-a cao quý là vì Thiên Chúa đã chọn Ngài làm mẹ Chúa Giê-su. Sứ thần Gáp-ri-en nói với Mẹ:

“Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà... Này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giê-su...”

“Bà Ma-ri-a thưa với sứ thần: ‘Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng?’

“Sứ thần đáp: ‘Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế, người con sinh ra sẽ là thánh, và được gọi là Con Thiên Chúa...’

“Bà Ma-ri-a nói: ‘Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói’” (Lu-ca 1:28-31, 34-35, 38).

Những lời của Đức Ma-ri-a “Tôi không biết đến việc vợ chồng” chứng minh cho sự trinh khiết của Mẹ. Người con Mẹ cưu mang trong lòng không phải do người đàn ông, nhưng là do quyền năng Chúa Thánh Thần. Như vậy theo truyền thống, Đức Ma-ri-a được xưng hô là Mẹ Đồng Trinh của Thiên Chúa.

MẸ THIÊN CHÚA

Tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa” khiến cho một số người thắc mắc. Từ ngữ này không có nghĩa Đức Ma-ri-a là Mẹ của Thiên Chúa từ đời đời. Nó chỉ có nghĩa là Đức Giê-su là Thiên Chúa làm người, cho nên đúng là Đức Ma-ri-a được gọi là Mẹ Thiên Chúa.

Xét theo lịch sử, tước hiệu “Mẹ Thiên Chúa” đã có từ Công Đồng chung Ê-phê-xô (năm 431 sau công nguyên). Đó là vào lúc Công Đồng gặp phải khó khăn khi công bố rằng Đức Giê-su có hai bản tính (thiên tính và

nhân tính), nhưng không phải là hai ngôi vị theo như một số thần học gia chủ trương.

Để sửa lại lầm lỗi này, Công Đồng tuyên bố rằng nơi Đức Giê-su có hai bản tính, nhưng chỉ có một ngôi vị. Muốn nhấn mạnh rằng Đức Giê-su chỉ có một ngôi vị, Công Đồng đã thêm vào điều này là Đức Ma-ri-a vì thế đã được gọi là Mẹ Thiên Chúa.

ĐỨC MẸ VÔ NHIỄM NGUYÊN TỘI

Để hiểu được những điều người Công giáo tin sự kiện Vô Nhiễm Nguyên Tội của Đức Ma-ri-a, chúng ta hãy nhớ lại hậu quả do tội của A-đam để lại cho nhân loại. Nó đã đặt chúng ta ở trong tình trạng bị thương. Đôi khi chúng ta gọi tình trạng bị thương này là mắc tội tổ tông. Suy tư về tội nguyên tổ, thánh Phao-lô viết:

“Vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi gây nên sự chết. Như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội” (Rô-ma 5:12).

Đức Ma-ri-a đã được giữ gìn khỏi tội lỗi

Khi người Công giáo nói về việc Vô Nhiễm Nguyên Tội của Đức Ma-ri-a, thì họ hiểu là Thánh truyền đã để lại cho họ niềm tin rằng giữa toàn thể nhân loại, Mẹ là người duy nhất không bao giờ bị vết nhơ do tội lỗi. Chỉ mình Mẹ đã được gìn giữ khỏi ảnh hưởng của tội nguyên tổ. Nói theo ngôn từ của thi sĩ Wordsworth, Đức Ma-ri-a là “niềm kiêu hãnh duy nhất vượt trên bản chất đã mang vết nhơ của chúng ta.”

Việc giữ gìn Đức Ma-ri-a khỏi tội lỗi là một ân huệ riêng Thiên Chúa ban cho Mẹ trước khi làm mẹ Đức Giê-su. Vì thế, Kinh Thánh đã gọi Ma-ri-a là “Đấng đầy ân sủng” (Lu-ca 1:28), “được chúc phúc hơn mọi người phụ nữ” (Lu-ca 1:42).

ĐỨC MẸ HỒN XÁC LÊN TRỜI

Khi người Công giáo nói về Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời thì có nghĩa là họ tin rằng theo Thánh truyền Mẹ đã được đem lên trời với nguyên vẹn con người của Mẹ vào lúc cuối đời. Nói khác đi, Mẹ đã đi từ trạng thái trần thế để đến thẳng trạng thái thiên đàng, mà thân xác của Mẹ vẫn không bị hư nát do hình phạt của tội lỗi (Sáng Thế 3:19).

Niềm tin này là điều đi song song với tín điều Đức Ma-ri-a Vô Nhiễm Nguyên Tội. Đó là mặt kia của cùng một đồng bạc các. Nói khác đi, vì Đức

Ma-ri-a đã được gìn giữ khỏi ảnh hưởng tội lỗi nên Mẹ cũng được gìn giữ khỏi hình phạt của tội lỗi.

Đức Ma-ri-a Hồn Xác Lên Trời là một nhắc nhở tuyệt vời rằng ngày nào đó chúng ta cũng sẽ được dự phần trên trời – cả linh hồn lẫn thân xác. Chúng ta cũng sẽ ở trên trời với toàn diện con người chúng ta.

Suy tư về mẫu nhiệm này, thánh Phao-lô so sánh thân xác trước khi chết của chúng ta giống như một hạt giống; ngài so sánh thân xác sau khi chết của chúng ta như cây nảy sinh từ hạt giống (1 Cô-rin-tô 15:36-38). Tiếp tục so sánh ấy, Phao-lô nói về thân xác như sau: “Gieo xuống thì hư nát, mà chỗi dậy thì bất diệt... Gieo xuống là thân thể có sinh khí, mà chỗi dậy là thân thể có thần khí” (1 Cô-rin-tô 15:42, 44).

GUƠNG MẪU CHO MỌI KI-TÔ HỮU

Đức Ma-ri-a là một gương mẫu và nguồn cảm hứng cho hết thầy môn đệ Đức Giê-su. Thực đúng như vậy, đó là do:

- tinh thần phục vụ của Mẹ và
- tinh thần cầu nguyện của Mẹ.

Đức Ma-ri-a có tinh thần phục vụ sâu xa

Có người nói: “Đời tôi đã thay đổi khi tôi không còn xin Chúa làm cho tôi điều này điều nọ nữa và khi tôi đã hỏi Chúa tôi có thể làm gì cho Người.” Đức Ma-ri-a đã có tinh thần phục vụ đó.

Tinh thần phục vụ của Đức Ma-ri-a được biểu lộ khi thiên thần báo tin cho Mẹ biết Mẹ sẽ là Mẹ Đức Giê-su. Mẹ đã trả lời: “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lu-ca 1:38).

Tinh thần phục vụ của Đức Ma-ri-a cũng được biểu lộ khi Mẹ biết bà Ê-li-sa-bét đã mang thai Gio-an Tẩy giả. Mẹ lập tức ra đi để ở lại với người chị họ. Mẹ muốn giúp bà Ê-li-sa-bét và chia sẻ niềm vui với bà về ân huệ lớn lao Chúa ban cho bà (Lu-ca 1:39-45).

Rồi tinh thần phục vụ của Đức Ma-ri-a còn được biểu lộ một cách thật cảm động tại Ca-na. Tại đây, Mẹ đã xin Đức Giê-su giúp đỡ khi biết đôi tân hôn không còn rượu để thết khách dự tiệc (Gio-an 2:5).

Đức Ma-ri-a có tinh thần cầu nguyện sâu xa

Mẹ Tê-rê-xa Calcutta nói: Cầu nguyện làm cho con tim mở rộng tới độ nó có thể chứa đựng được chính Thiên Chúa.” Cầu nguyện đã thực hiện điều ấy nơi Đức Ma-ri-a. Người Công giáo tin rằng cầu nguyện có thể thực

hiện điều giống như vậy nơi họ nếu họ theo gương Đức Ma-ri-a.

Tinh thần cầu nguyện của Đức Ma-ri-a thể hiện một cách đặc biệt qua bài ca ngợi Thiên Chúa ngay sau khi Mẹ tới nhà người chị họ (Lu-ca 1:45-55).

Tinh thần cầu nguyện của Mẹ cũng thể hiện trong biến cố Đức Giê-su giáng sinh. Khi nói về những biến cố xảy ra chung quanh việc Giáng sinh, sách Tin Mừng nói rằng “Còn bà Ma-ri-a thì hằng ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy, và suy đi nghĩ lại trong lòng” (Lu-ca 2:19).

Sau hết, tinh thần cầu nguyện của Đức Ma-ri-a được biểu lộ qua sách Công vụ Tông Đồ. Thánh Lu-ca nói rằng Mẹ hằng chuyên tâm cầu nguyện với các môn đệ Đức Giê-su khi họ chuẩn bị đón nhận Thánh Thần hiện xuống (Cv 1:14).

NHỮNG LẦN HIỆN RA CỦA ĐỨC MA-RI-A

Qua nhiều thế kỷ, Ki-tô hữu đã báo cáo về những lần Đức Ma-ri-a hiện ra. Rõ ràng một số báo cáo này chỉ là sản phẩm do óc tưởng tượng quá đáng. Tuy nhiên nhiều lần hiện ra không dễ dàng chối cãi được.

Vì có thể là do ảo giác hoặc tưởng tượng quá đáng cho nên Giáo Hội rất dè dặt khi nhận được những báo cáo như vậy. Giáo Hội điều tra kỹ càng (đôi khi qua nhiều năm trời) trước khi tuyên bố là đáng tin hoặc không đáng tin.

Những thông điệp một số người được Mẹ hiện ra nói rằng họ nhận được qua những lần hiện ra đều được coi là điều mặc khải tư, để phân biệt với mặc khải qua Kinh Thánh.

Khi Giáo Hội “chấp thuận” một mặc khải tư thì không có nghĩa là chúng ta phải tin những gì đã được người trông thấy Mẹ kể lại. Nhưng đó chỉ có nghĩa là điều mặc khải ấy không có gì đi ngược lại đức tin và luân lý Công giáo. Giáo Hội không khi nào áp đặt những mặc khải tư trên chúng ta. Cho nên người Công giáo được tự do chấp nhận hoặc từ chối chúng.

TÓM KẾT

Vị thánh là người cũng giống như chúng ta, nhưng họ đứng đắn thi hành lời mời gọi của Đức Giê-su: “Hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương anh em” (Gio-an 15:12). Vị thánh cho ta thấy rằng ân sủng của Thiên Chúa có thể tạo nên phép lạ nơi chúng ta nếu chúng ta chỉ cần mở lòng đón nhận. Đức Ma-ri-a cao trọng trên tất cả mọi vị thánh. Cái nhìn của Công giáo về Đức Ma-ri-a và các thánh được tóm lược trong kinh nguyện cảm động sau đây:

“Lạy Cha... Vinh quang Cha rạng ngời nơi cộng đoàn các thánh...

“Cha dùng đời sống các ngài

làm gương cho chúng con học đời bất chước;

Cha cho chúng con được chung phần gia nghiệp

nhờ hiệp thông với các ngài;

Cha phù trợ chúng con

nhờ lời các ngài cầu thay nguyện giúp.

Được các chứng nhân có thể giá như vậy nâng đỡ,

chúng con xông vào cuộc chiến đời này

và nắm chắc phần thắng, để cùng với các ngài,

chúng con lãnh triều thiên vinh quang bất diệt,

nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con.”

(Lời Tiền tụng I, lễ kính các thánh nam nữ)

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|--------------------|---------------------------------------|
| - Lu-ca 1: 26-38 | Thưa bà Ma-ri-a, xin đừng sợ! |
| - Lu-ca 1: 39-56 | Hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc! |
| - Lu-ca 2: 22-35 | Một lưỡi gươm sẽ đâm thấu tâm hồn bà! |
| - Gio-an 2: 1-12 | Họ hết rượu rồi! |
| - Gio-an 19: 23-27 | Đây là mẹ của anh! |

THẢO LUẬN

1. Thời Giáo Hội sơ khai, người ta tuyên phong một vị thánh như thế nào? Thể thức đã được thay đổi ra sao? Tại sao người Công giáo lại cầu nguyện với các thánh?
2. Quan điểm của Giáo Hội như thế nào về những lần hiện ra của Đức Ma-ri-a?
3. Mẹ Ma-ri-a là mẫu gương môn đệ cho chúng ta như thế nào?

CHIA SẺ

1. Hãy thảo luận những tư tưởng sau đây:
 - Các thánh là chứng cứ sống động nói lên quyền năng ân sủng của Thiên Chúa để biến đổi bản chất con người mỏng dòn chúng ta.
 - “Máu các vị tử đạo là hạt giống của Giáo Hội.” (Ter-tu-li-a-nô)
 - “Các thánh là những người giúp cho người khác dễ dàng tin Chúa hơn.” (Nathan Sodeblum)

2. Một câu châm ngôn Trung Hoa nói: “Không phải do tiếng kêu, nhưng chính nhờ đôi cánh vỗ bay của một con vịt trời đã khiến cho cả đàn vịt bay theo.” Áp dụng câu châm ngôn này thế nào cho Đức Ma-ri-a, các thánh và ảnh hưởng của các ngài?
3. Nhà văn Do-thái Franz Werfel và vợ ông chạy trốn Đức quốc xã. Khi lính biên phòng Tây-ban-nha từ chối không cho họ đi qua, họ liền đến tá túc gần Lộ-đức, nơi có đền thánh nổi tiếng của Pháp kính Đức Mẹ. Đêm ấy Werfel đứng trước đền thánh và cầu nguyện như sau: “Con không phải là một tín hữu... Nhưng nếu như con có lầm lạc, thì xin giúp con và vợ con.” Sau này Werfel nói với một người bạn là sau khi cầu nguyện như thế, ông cảm thấy rất bình an. Ít ngày sau ông cùng vợ vượt biên giới vào Tây-ban-nha rồi xuống tàu sang Mỹ-châu. Việc đầu tiên ông làm khi tới Mỹ-châu là viết lại câu truyện Lộ-đức, tựa đề cuốn sách là *The Song of Bernadette* (Khúc ca của cô Bernadette). Cuốn sách trở thành sách bán chạy nhất và được dựng thành phim nổi tiếng. Vậy điều gì có thể làm cho bạn tin rằng những gì đã xảy đến cho Werfel và vợ ông không phải chỉ là sự trùng hợp?
4. Bạn thấy điều gì hấp dẫn nhất về lòng sùng kính của người Công giáo đối với Đức Ma-ri-a? Với các thánh? Điều gì ít hấp dẫn nhất?
5. Bạn còn câu hỏi nào muốn biết về Đức Ma-ri-a hoặc các thánh?

The Catholic Vision IV – 30

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

TÌM HIỂU ĐỨC TIN CÔNG GIÁO

PHẦN THỨ IV : Sống đức tin

Bài 31

Tiếp tục cuộc hành trình

Trước khi đọc tiếp, bạn hãy suy nghĩ và hoàn tất hai câu sau đây:

1. Điểm rẽ trong hành trình đức tin của tôi là...
2. Điều làm cho tôi hết sức vui mừng trong giai đoạn này của hành trình đức tin là...

SOI ĐƯỜNG

Cha William Anderson bắt đầu cuốn sách *In His Light* (Trong ánh

sáng của Người) bằng một câu truyện vui. Truyện kể lại một cậu bé sợ bóng tối. Một buổi tối cha của đứa nhỏ bảo nó đi ra ngoài chuồng ngựa để cho ngựa ăn. Đứa nhỏ sợ tái mặt. Thấy vậy, cha nó mới bước ra hè nhà, thắp lên một ngọn đèn và giờ cao lên.

Ông ta nói: “Này con, con nhìn thấy xa được bao nhiêu?” Cậu bé thưa: “Con thấy được nửa đường tới chuồng ngựa.” Ông bố đưa đèn cho cậu bé và bảo: “Con đi nửa đường từ đây tới chuồng ngựa thôi.”

Khi cậu bé đã tới nửa đường, ông bố gọi: “Bây giờ con nhìn xa được bao nhiêu?” Cậu bé trả lời: “Con thấy được cả chuồng ngựa.” Ông bố nói: “Tốt lắm. Con đi tới cửa chuồng ngựa.”

Khi cậu bé gọi lại cho bố biết cậu đã tới cửa chuồng ngựa, ông liền bảo cậu: “Con hãy mở cửa ra và cho bố biết con nhìn thấy gì.” Cậu bé mở cửa và la lên: “Con thấy ngựa!” Ông bố nói: “Tốt lắm, nào cho chúng ăn đi.”

Câu truyện nêu lên một điểm thật hay. Cái đèn không thắp sáng được tất cả khu vực chuồng ngựa. Nó chỉ soi được một phần con đường đưa tới chuồng ngựa. Nhưng thế cũng đủ cho cậu bé bắt đầu bước đi. Rồi khi đi trên đường, cậu tự mình nhận ra nốt quãng đường còn lại.

Tập sách Nhìn theo Đức tin Công giáo cũng giống như cái đèn. Nó không soi sáng tất cả những gì cần phải biết về đức tin Công giáo. Nó chỉ làm sáng lên “một khúc đường.” Nhưng thế cũng đủ để chúng ta bắt đầu lên đường. Đang khi đi, chúng ta sẽ tự mình khám phá ra đoạn đường còn lại.

NĂM ĐIỀU NÊN NHỚ

Bài đầu tiên của tập sách Nhìn theo Đức tin Công giáo đã đưa ra năm đề nghị về cuộc hành trình đức tin:

hãy mở lòng đón nhận ân sủng Chúa,
hãy đến với người khác để nhờ họ giúp đỡ,
hãy lắng nghe lời Chúa,
hãy sẵn sàng trước những thăng trầm,
hãy cầu nguyện với Chúa.

Tới đây thiết nghĩ cũng ích lợi nếu chúng ta tóm lược lại từng đề nghị trên.

Hãy mở lòng đón nhận ân sủng Chúa

Mỗi hành trình đức tin là một tác phẩm của ân sủng Chúa. Nó khởi đầu với lời gọi của Chúa và tiếp tục với sự hiện diện của Chúa đi bên cạnh chúng ta từng giai đoạn của hành trình. Chúa soi dẫn đường đi khi gặp đêm tối. Chúa làm phần khởi tinh thần khi tâm hồn chúng ta đuối sức. Chúa

nâng chúng ta dậy khi chúng ta sa ngã. Chúa “ban ân sủng” cho mỗi đoạn đường của chúng ta.

Hãy đến với người khác để nhờ họ giúp đỡ

Một cách Chúa ban ân sủng cho chúng ta, đó là qua người khác. Chúng ta không một mình đến với Chúa, nhưng chúng ta ra đi như một cộng đồng. Mỗi cuộc hành trình đức tin đều có sự trợ giúp của cộng đoàn.

Chúng ta có cơ hội và trách nhiệm phải đến với cộng đoàn khi cần thiết. Thật là tốt đẹp nếu anh chị em nhận ra chúng ta cần gì và chúng ta cũng không cần xin họ giúp đỡ. Nhưng không phải lúc nào cũng như vậy. Tất cả chúng ta giống như bà Mác-ta trong Tin Mừng: bận rộn trăm bề. Vì thế chúng ta thường coi nhẹ những nhu cầu của người khác. Cho nên chúng ta phải cho cộng đoàn biết khi nào chúng ta đau khổ hoặc cần giúp đỡ.

Hãy lắng nghe lời Chúa

Ngoài cách ban ân sủng cho chúng ta qua cộng đoàn, Chúa cũng ban ân sủng cho chúng ta qua lời Người.

Kinh Thánh được mệnh danh là bức thư tình của một người cha gửi cho con cái. Khi một đứa nhỏ lắng nghe bức thư của người cha hay bà mẹ vắng mặt thì đứa bé sẽ lắng nghe với tất cả con tim yêu thương.

Đó cũng là cách chúng ta lắng nghe Kinh Thánh. Chúa ta phải lắng nghe một cách thật yêu dấu, với hết cả con người chúng ta: thể xác, tâm trí, con tim và linh hồn.

Hãy sẵn sàng trước những thăng trầm

Hành trình đức tin cũng giống như hành trình cuộc sống. Nó đầy những lúc thăng trầm. Trong cuốn *Turning* (Ngã rẽ), nhà văn phê bình Emilie Griffin nói về những thăng trầm trong hành trình đức tin của bà.

Thí dụ, bà nhớ lại ngay sau khi trở lại Công giáo, bà cảm nhận “một tâm tình cảm tạ bùng lên, tựa như một thứ phấn khởi, một lòng mến bộc phát đối với mọi sự và mọi người.” Bà Emilie nói: “Tôi muốn đứng trên mái nhà mà hét lên!” Bà so sánh những sung sướng với điều Charles Dickens đã nói về Ebenezer Scrooge sau khi ông ta trở lại đạo.

“Ông ta đến nhà thờ... xoa đầu trẻ em, hỏi han những người ăn xin... ông ta thấy mọi sự đều có thể làm cho mình vui. Chẳng khi nào ông ta dám mơ rằng mỗi bước đi – mọi sự – lại có thể đem lại nỗi vui sướng cho ông như vậy.” (*The Christmas Carol*).

Tuy nhiên những vui sướng cao độ và xúc động như thế không thể kéo dài mãi mãi. Chúng ta không thể cứ sống hoài như thế đâu. Bà Emilie nói:

“Sẽ có một ngày... ý nghĩa của một biến cố đặc biệt bắt đầu phai nhòa, một ngày nhàm chán và chẳng còn gì hấp dẫn giống y như những ngày trước khi trở lại đạo... Những bồn phận thiêng liêng lại tựa như những gánh nặng trĩu vai.

“Điều làm chán nản hơn, đó là người trở lại đạo thấy rằng đang khi là con người mới trong Đức Ki-tô thì họ lại nhớ lại những thoải mái với con người cũ. Những tội lỗi và cảm dỗ nhỏ nhỏ đang len lén trở lại trong cuộc sống và không để cho họ nhận thấy chúng.”

Thần học gia Karl Barth nêu lên một điểm quan trọng về việc trở lại đạo. Ông ghi nhận là “con người mới” không thay thế “con người cũ.” Nhưng cả hai đều ở trong chúng ta và luôn đối nghịch nhau cho tới hết cuộc sống của chúng ta. Trở lại đạo không phải là một biến cố tĩnh, nhưng là một tiến trình năng động. Nó không bao giờ kết thúc cả. Chúng ta được biến đổi trở nên giống Đức Ki-tô chậm chậm và dần dần.

Điều quan trọng cần nhớ trên hết, đó là đừng bao giờ chán nản khi tuần trăng mật của cuộc trở lại đã tan biến rồi.

Trong cuốn sách hài hước *The Screwtape Letters*, C. S. Lewis đã kể lại cảnh thằng quỷ lớn dạy một “thằng quỷ nhỏ học việc” cần phải “làm việc thật hăng” để cảm dỗ một Ki-tô hữu tân tòng đang phấn khởi sau cuộc trở lại. Đó chính là lúc người ta dễ bị tổn thương nhất.

Hãy cầu nguyện với Chúa

Có người hỏi một bà Công giáo lớn tuổi muốn khuyên những người Công giáo tân tòng điều gì, bà liền nói: “Tôi sẽ bảo họ hãy tiếp tục liên kết với Chúa, với cộng đoàn và với chính họ.” Lời khuyên đó hết sức khôn ngoan.

Một cách thực tế để “tiếp tục liên kết” với Chúa, đó là qua cầu nguyện mỗi ngày. Tiến sĩ Alexis Carrel, người đã được giải Nobel, nói về cầu nguyện như sau:

“Cầu nguyện là phương thức mạnh mẽ nhất tạo năng lực mà người ta có thể làm. Trong cầu nguyện, chúng ta liên kết mình với quyền năng bất tận đã tạo nên vũ trụ. Cầu nguyện là một sức mạnh nặng như trọng lượng trái đất... Chỉ trong cầu nguyện chúng ta mới thực hiện được sự kết hợp hài hòa và toàn hảo giữa thể xác, tâm trí và tinh thần, để giúp cho con người yếu đuối mỏng dòn có được sức mạnh không thể chuyển lay.” (Man, the Unknown)

Đề tài cầu nguyện đã được bàn đến trong bài 27, “Cầu nguyện cá

nhân.” Chúng ta đã đặc biệt thảo luận trong bài đó về những cách cầu nguyện để suy niệm về cuộc sống, Kinh Thánh và những kinh nguyện đã có từ xưa.

NHỮNG KINH NGUYỆN THUỘC LÒNG

Ngoài việc cố gắng suy ngẫm hằng ngày, nhiều người Công giáo còn cố gắng sống thói quen cầu nguyện mỗi khi có cơ hội, thí dụ:

đang lúc đợi xe buýt,
trước một buổi họp quan trọng,
trong lúc nguy hiểm,
trước và sau bữa ăn.

Vào những dịp này, người Công giáo thường sử dụng những kinh nguyện cổ truyền họ đã thuộc lòng. Sau đây là một số kinh nguyện người Công giáo đều thuộc.

Kinh Lạy Cha

Lạy Cha chúng con là Đấng ngự trên trời, xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển, triều đại Cha mau đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời. Xin Cha cho chúng con hôm nay lương thực hằng ngày; xin tha tội cho chúng con như chúng con cũng tha cho những người có lỗi với chúng con; xin đừng để chúng con sa chước cám dỗ, nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ. A-men.

Kinh Kính Mừng

Kính mừng Ma-ri-a đầy ơn phúc, Đức Chúa Trời ở cùng Bà, Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ, và Giê-su, Con lòng Bà, gồm phúc lạ. Thánh Ma-ri-a, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con là kẻ có tội, khi nay và trong giờ lâm tử. A-men.

Kinh Sáng Danh

Sáng danh Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần. Như đã có trước vô cùng, và bây giờ, và hằng có đời đời chẳng cùng. A-men.

Kinh Tin Kính

Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất.

Tôi tin kính Đức Chúa Giê-su Ki-tô là Con Một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng con. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Đức Bà Ma-ri-a đồng trinh, chịu nạn đời quan Phong-xi-ô Phi-la-tô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác, xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, lên trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng, ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần. Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công. Tôi tin phép tha tội. Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại, tôi tin hằng sống vậy. A-men.

Kinh đọc trước bữa ăn

Lạy Chúa, xin chúc lành cho chúng con và cho những của ăn chúng con sắp lãnh nhận do lòng nhân lành Chúa ban. Nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con. A-men.

Kinh đọc sau bữa ăn

Lạy Chúa, chúng con cảm tạ Chúa vì những của ăn chúng con vừa lãnh nhận do lòng nhân lành Chúa ban. Nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con. A-men.

XÉT MÌNH

Một cách khác để chúng ta “tiếp tục liên kết” đó là duyệt xét lại quan hệ giữa chúng ta với Chúa, với cộng đoàn và với chính mình, theo một thời biểu đều đặn.

Cách “xét mình” sau đây được soạn ra để giúp người Công giáo chuẩn bị lãnh nhận Bí tích Hòa giải. Nhưng việc xét mình này cũng có thể dùng như phương thức giúp chúng ta “tiếp tục liên kết” với Chúa, với cộng đoàn và với chính mình. Chỉ cần đọc và suy nghĩ về ba câu hỏi sau:

Tôi liên kết với Chúa như thế nào?

Tôi liên kết với cộng đoàn như thế nào?

Tôi liên kết với chính mình như thế nào?

Tôi liên kết với Chúa như thế nào?

Đức Giê-su nói: “Người hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của

ngươi, hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, và hết trí khôn ngươi” (Lu-ca 10:27).

1 Chúa có chỗ đứng ưu tiên trong cuộc sống tôi đến mức độ nào? Tôi có trung thành thờ phượng Chúa vào các ngày Chúa Nhật và những ngày lễ buộc trong năm phụng vụ không?

- Lễ Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa (1 tháng 1)
- Thứ Năm lễ Thăng Thiên (bốn mươi ngày sau lễ Phục Sinh)
- Lễ Đức Mẹ linh hồn và xác lên trời (15 tháng 8)
- Lễ Các Thánh nam nữ (1 tháng 11)
- Lễ Đức Mẹ Vô nhiễm nguyên tội (8 tháng 12)
- Lễ Giáng Sinh (25 tháng 12)

2 Tôi có chăm chú tham dự Phụng vụ Lời Chúa không? Tôi có tham dự Phụng vụ Thánh Thể trong tinh thần cầu nguyện không?

3 Tôi tin tưởng Chúa đến mức độ nào? Tôi có thực sự tin Chúa yêu thương tôi với tình thương vô điều kiện không? Tôi có thực sự tin Chúa sẵn sàng tha thứ cho tôi mỗi khi tôi đứng dậy trở về sau khi đã phạm tội không? Tôi có tránh những hoàn cảnh đưa tôi tới tình trạng xa Chúa không?

4 Tôi cầu nguyện với Chúa ở mức độ nào? Cảm tạ Chúa không? Hướng về Chúa trong lúc thiếu thốn, bị cám dỗ, hoặc khi chán nản không? Có can đảm làm chứng cho lòng tin vào Chúa không? Có chia sẻ đức tin, đặc biệt với những người đang tìm kiếm Chúa không?

Tôi liên kết với cộng đoàn như thế nào?

Đức Giê-su nói: “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy yêu thương anh em” (Gio-an 15:12).

1 Tôi có yêu thương gia đình tôi một cách thực tiễn: giúp đỡ, tha thứ, khích lệ, cố gắng nhìn theo quan điểm của họ không? Là vợ hay chồng, tôi có cố tình hoặc vô tâm không muốn biểu lộ lòng yêu thương hay âu yếm không? Là bậc cha mẹ, tôi đã trung thành với bốn phận làm cha mẹ như thế nào? Tôi có cảm thông được với con cái không? Là con cái, tôi đã vâng lời và kính trọng cha mẹ như thế nào? Tôi cởi mở với cha mẹ như thế nào trong những vấn đề quan trọng?

2 Tôi có yêu mến gia đình giáo xứ của tôi không? Tôi có đem khả năng, thì giờ và tiền bạc để hỗ trợ những công việc và tác vụ của giáo xứ không?

3 Tôi có vượt ra ngoài gia đình tôi và gia đình giáo xứ để yêu thương người khác, ngay cả những kẻ thù (Lu-ca 6:27-28) không? Tôi có làm gương xấu, giữ lòng thù hận, gian dối, trộm cắp, nói dối, nói xấu nói hành không? Là một công nhân, tôi có làm việc đàng hoàng trong ngày cho người chủ không? Là chủ hoặc người giám thị, tôi có công bằng và tế nhị đối với

những nhu cầu và quyền lợi của những người thuộc quyền không?

4 Tôi có đặc biệt yêu thương những người cùng khổ thiếu thốn trong xã hội: người nghèo, già cả, yếu đau, cô đơn, bị bóc lột, nạn nhân của kỳ thị (Mát-thêu 25:35-46) không? Một cách thực tế, tôi đang làm gì trong những lãnh vực này?

Tôi liên kết với chính mình như thế nào?

Đức Giê-su nói: “Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mát-thêu 5:48).

1 Tôi có chấp nhận chính mình không? Tôi có sử dụng tài năng của tôi đúng cách không? Tôi có chủ động trong việc xây dựng Nước Thiên Chúa trên trần gian không?

2 Tôi có cố gắng phát triển về phương diện thiêng liêng không? Tôi có sử dụng Bí tích Hòa giải để chữa lành những yếu đuối của tôi không? Tôi có cố gắng phát triển trong việc biết mình và nhạy cảm đối với ơn Chúa Thánh Thần không? Tôi có cố gắng gần bó hơn với Chúa và với gia đình của Chúa không?

3 Tôi có coi thân xác tôi như đền thờ cho Chúa hiện diện (1 Cô-rin-tô 3:16) không? Tôi có kính trọng thân xác người khác giống như vậy không? Tôi có sử dụng những khả năng tính dục chỉ trong phạm vi hôn nhân không? Tôi có sử dụng chúng một cách đúng đắn trong phạm vi hôn nhân không? Tôi có ăn uống điều độ không? Tôi có tránh ma túy và những chất có thể làm hại sức khỏe không?

HÃY ĐẠP XE ĐI

Để kết thúc cho tập Nhìn theo Đức tin Công giáo, thích hợp nhất đó là lập lại bài thơ đã ghi trong bài 1. Bài thơ ấy so sánh hành trình đức tin của chúng ta với hai người trên chiếc xe đạp đôi.

"Thoạt tiên, tôi ngồi đằng trước, Chúa đằng sau.
Biết Ngài ở đó, dù chẳng thấy Ngài đâu.
Rồi những khi gặp đoạn đường lên dốc,
Tôi mới thấy đôi chân Chúa nhiệm mầu.

Một ngày kia, Chúa đổi chỗ cho tôi
Là mọi sự bỗng đảo ngược hết rồi.
Xưa tôi lái, chiếc xe đi chính xác
Cứ tà tà lăn, thấy chán quá đi thôi.

Nhưng khi Chúa lái, ôi loạn vô cùng!
Tôi không biết mình có chịu nổi hay không,
Vội kêu lên: "Kìa, Chúa điên rồi hả?"
Chúa chỉ cười bảo: "Đạp nữa đi cưng!"

Thế là tôi chột hiệu, lặng yên và đạp,
Vững lòng tôi tin thác người bạn cùng đi.
Đời con người còn nhiều lúc lắm khi
Vì hoảng sợ nên sẵn sàng bỏ cuộc.
Nhưng lúc đó Chúa quay lại nhìn tôi,
Nắm lấy tay tôi, Chúa mỉm cười,
Và Ngài nói: "Đạp tiếp đi, con ơi!"

ĐỌC VÀ SUY NIỆM KINH THÁNH

- | | |
|------------------------|------------------------------------|
| 1. Lu-ca 1: 46-55 | Bài ca ngợi khen của Đức Ma-ri-a |
| 2. Gio-an 17 | Lời nguyện của Chúa Giê-su |
| 3. Cô-lô-xê 3: 1-17 | Sống đích thực với con người mình! |
| 4. Gia-cô-bê 1: 22-25 | Lắng nghe lời Chúa |
| 5. Phi-líp-phê 1: 3-11 | Lời nguyện của thánh Phao-lô |

THẢO LUẬN

1. Xét lại năm điều nên nhớ về hành trình đức tin của bạn.
2. Suy nghĩ về lời khuyên của một bà lão khuyên người mới trở lại đạo, bạn có phương thức cụ thể nào giúp thực hành lời khuyên ấy không?

CHIA SẺ

1. Hãy chia sẻ những tư tưởng sau đây:
“Bạn cứ giúp chèo con thuyền của người khác qua bên đi, thì này, thuyền của bạn cũng tới bờ rồi.” (Châm ngôn Hindu)
“Chúng ta kiếm sống là nhờ những gì chúng ta gặt hái được, nhưng chúng ta tạo cuộc sống là do những gì chúng ta cho đi.” (Winston Churchill)
“Thương thay cho những kẻ không bao giờ ca hát mà lại chết cùng với tiếng nhạc trong lòng họ.” (Oliver Wendell Holmes)
2. Nói về cuộc trở lại của mình, E. Stanley Jones viết: “Tôi cảm nhận một

thúc giục và một ước muốn bất ngờ muốn đưa tay ra ôm lấy thế giới và chia sẻ kinh nghiệm với người khác. Ít phút trước đó tôi không có ước muốn như vậy, vì tôi đâu đã có gì để chia sẻ.” Ông Jones muốn nói gì? Tại sao việc chia sẻ với người khác những hồng ân Chúa (thí dụ việc trở lại đạo) lại quan trọng? Đây là cảm nghĩ gần nhất của bạn với cảm nghĩ ông Jones đã diễn tả?

3. Bạn hãy nhớ lại kinh nghiệm của Emilie Griffin. Cao điểm xúc cảm sau khi bà trở lại đạo đã xẹp dần xuống, để lại nơi bà một cảm giác “nhàm chán và chẳng còn gì hấp dẫn giống y như những ngày trước khi trở lại đạo.” Bạn hãy chia sẻ một số thăng trầm trong hành trình đức tin của bạn.

The Catholic Vision IV – 31

Mark Link, S.J.

Chuyển ngữ: Lm Trần đình Nhi

Nguồn: www.simonhoadalat.com

Người đăng: mickey

Thời gian: 07/02/2005 10:13:34 CH